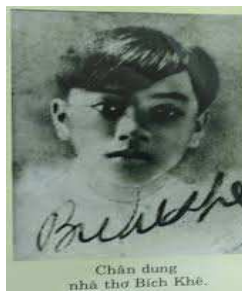


THƯ QUÁN BẢN THẢO

Chủ đề:
Đình Cường và Bích Khê
giới thiệu
Tạp chí VĂN HÓA Á CHÂU



- Những bài thơ cho một thành phố
- Những sáng tác mới của bằng hữu

Số **87** tháng 12-2019

Quà Tết của Thư Quán Bản Thảo

Cùng lúc với việc phát hành báo giấy, chúng tôi cũng đã thực hiện toàn bộ 40 số Văn Hóa Á Châu theo dạng Flipbook để đưa lên Mạng gọi là món quà văn nghệ của chúng tôi đến quý bạn trong dịp Tết. Xin vào địa chỉ:

<http://tranhuaith42.com>

(Chọn tạp chí văn học miền Nam -> tạp chí Văn hóa Á Châu).



THU QUÁN BẢN THẢO
Tập chí văn học bất định kỳ
Số 87 tháng 12 năm 2019

Chủ đề: - Đinh Cường và Bích Khê
- Tạp Chí Văn Hóa Á Châu

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Những bài thơ cho một thành phố:

Mường Mán (4), Phạm Cao Hoàng (6), Thiều Khanh (7), Đinh Cường (10), Định Giang (11), Hữu Phương (12), Du Tử Lê (13), Lê văn Trung (14), Trần Hoài Thư (16), Nguyễn Tư (18), Lữ Quỳnh (19), Đoàn Chính Nam (21), Đoàn Ngọc Kiều Nga (22).

Sống và Viết:

Trần Hoài Thư (23), Phạm văn Nhân (27), Ngọc Nhân Dương Trần (32), Đào Anh Dũng (54).

Chủ đề Đinh Cường và Bích Khê

- Trần Hoài Thư: Đinh Cường: người mở cửa ái (62)
- Đinh Cường: Mùa thu nhớ thi sĩ Bích Khê (80)
- Đinh Cường: Nhân một ngày giỗ Bích Khê (109)
- Đinh Cường: Thu Xà và phần mộ Bích Khê (116)
- Trần Hoài Thư: Vài suy nghĩ về thơ BK (121)

Giới thiệu tạp chí Văn Hóa Á Châu:

- THT: Hành trình tạp chí VIIAC (132)
- Vũ Lang: Cô tích Chăm và cổ tích VN (136)
- Cao Chu: Tìm hiểu nền văn học của dân tộc miền núi (156)
- Anh Đồng : Sự phồn thịnh của văn hóa miền Nam (165)

Sáng tác thơ văn

truyện:

- Hà Thúc Sinh: Chuyện xóm Chìm (170)
- Tiểu Nguyệt: Bà Bốn Quẹo (175)
- Nguyễn An Bình: Đi qua mùa gió (187)
- Trần thị Trúc Hạ: Ôi khi đột (192)
- Nguyễn Lệ Uyên: Nguyệt Tân (202)
- Phạm văn Nhân: mặt trời chưa lặn (215)
- Khaly Chàm: Làng quê miền biển (220)

thơ:

Trần Dạ Lữ (200), Đặng Toàn (201), Nguyễn thị Liên Tâm (214), Trần Đình Sơn Cước (229), Trần Quang Miễn (230), Ngọc Bút (232)

Đọc sách:

- Trần Hoài Thư: Vài ý nghĩ sau khi đọc ban thảo “Vũ Hội của Trời” của Ngọc Nhân Dương Trần (234)
- Mục lục Tạp chí Văn Hóa Á Châu (234)

Tranh bìa:

Dinh Cường: Chân dung tự họa

Layout, trình bày bìa: THT

Liên lạc

Trần Hoài Thư

E mail: tranhoaithu16@gmail.com

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Cell: (908)9308743

THƯ TÒA SOẠN

TQBT số 87 được phát hành sớm hơn thường lệ một tháng.

Đặc biệt, số kỳ này dành nhiều trang giới thiệu công lao của một người họa sĩ tài danh là Đinh Cường khi ông đã gióng lên tiếng gọi về việc trả danh dự lại cho nhà thơ Bích Khê ngay lúc ông mới 21 tuổi.

Chúng tôi mời quý bạn theo bước chân của của người nghệ sĩ trẻ này để hiểu lý do tại sao ông lại lên tiếng.

Đồng thời với chủ đề Đinh Cường và Bích Khê chúng tôi cũng dành nhiều trang để giới thiệu tạp chí Văn Hóa Á Châu.

Số báo kỳ này có một vài sự thay đổi về hình thức. Những trang đầu dành cho một nơi chốn thân yêu. Đó là những bài thơ cho một thành phố. Không phải bây giờ mà năm xưa, trước 1975. Kỳ này là Qui Nhơn.

Vì báo phát hành vào dịp cuối năm, nên không biết gì hơn, chúng tôi xin mượn trang báo, để gởi đến bạn đọc những lời chúc Giáng sinh và năm mới (Dương lịch và âm lịch) tốt đẹp, bình an và mọi sự như ý.

Trân trọng

Trần Hoài Thư
Chủ trương tạp chí TQBT

NHỮNG BÀI THƠ CHO MỘT THÀNH PHỐ

MUỖNG MÁN

Hỏi thăm Qui-nhơn

gửi lời thăm biển nghe lan
sáng lao xao cát chiều vàng tóc non
chừ xa rồi vẫn thấy còn
dấu xưa sóng vỗ quanh hồn ngược xuôi
tháng ba – tháng bảy trông trời
mắt em còn có ước ngời sao băng
bốn bàn chân dẫm đường trắng
và lời kinh nguyện đêm rằm có nhau
nhớ hàm răng trắng bông lau
nhớ đôi bím tóc buông sau cửa chùng
hai bàn tay rất băng khuâng
đan nhau mười ngón son hồng quá thơm
đường lên Ghềnh Ráng chắc buồn
có con chim hót dưới nguồn lá vui!
chuyến xe em một mình ngời
chỗ anh bỏ trống lâu rồi phải không

gửi lời thăm phố nghe lan

hai hàng điện nổi hàng hàng giọt mưa
guốc mòn gỗ lồi huyền xưa.
thuở tình chưa thốt lá chưa đầy cành
bây giờ buồn nhớ loanh quanh
ngày hiu hắt bụi xuống quanh chỗ ngồi
que diêm và điều thuốc rời
thấp không đủ sáng ngậm ngùi trong ánh

gửi lời thăm núi nghe lan
mộ Hàn-mặc-Tử có còn lính canh
có qua chỗ ấy nhớ thăm
nhớ mang về chút nắng hanh cuối ghềnh
đời còn vụn dậm buồn tênh

có thương gắng đợi có trông gắng chờ
tóc râu anh buộc vào thời
liều diu nhau bước qua bờ tử sinh
giữa lòng trời đất mông mênh
phận ta mông tựa bóng chim lạc đàn
thôi thì ngoan ngủ nghe lan
lệ xanh sẽ rụng nhạc vàng rẽ rơi.

MUỖNG MÁN

tặng B.L. và T. Nghĩa

(Trình bày số 21 năm 1971)



PHẠM CAO HOÀNG

Ở New Jersey, gặp gặp lại Phạm văn Nhân

sau chiến tranh chúng ta là những người sống sót
còn gặp lại nhau là đủ vui rồi
đêm ở New Jersey
nhắc với nhau về những ngày tháng xa xôi
về người bạn đề thơ trên vách tường năm
ấy (1)
về người bạn lên Pleime rồi chẳng bao giờ trở
lại (2)
về người bạn mấy lần bị thương ở Bình Định
Qui Nhơn (3)
về cà phê quán sớm bên đường
về căn nhà cửa không bao giờ khóa
từ chiến trường
bạn trở về nơi đó
lặng lẽ ngồi nơi chiếc bàn bên cửa sổ
viết truyện thời chiến tranh
viết thật nhanh - mai còn đi hành quân
viết cho kịp - biết đâu không còn gặp lại bạn bè
khu sáu
và bạn tôi như thuyền không bến đậu
ngày ở cao nguyên đêm xuống đồng bằng
ôi một thời đi giữa chiến tranh

sống và chết chỉ cách nhau trong tích tắc
sau chiến tranh chúng ta là những người sống sót

còn gặp lại nhau là đủ vui rồi
cụng ly nào! - mai mình lại chia tay

PHẠM CAO HOÀNG

New Jersey, May 7, 2017

(1) Lê Văn Trung:

Tình không không cửa không nhà

Lòng như mây trắng bay qua biển chiều

(2) Nguyễn Phương Loan, tử trận ở Pleime năm
1969

(3) Trần Hoài Thu



THIẾU KHANH

Q u i N h ơ n

Qui Nhơn đẹp quá phải không em?
Qui Nhơn ngược ngược nắng chiều êm
Bàn tay mềm nắm bàn tay mạnh
Bước lạ bênh bồng những phố quen

Qui Nhơn tóc dài như sóng đêm
Ru anh êm ái giấc mơ hiền
Mai kia sông núi mình quang rạng
Dành trọn đời anh để ngắm em

Qui Nhơn hoa đào trên nét môi
Nên lời em hát cũng hồng tươi
Nở ra phơi phới niềm vui nụ
Sáng giữa lòng anh những đóa cười.

Qui Nhơn lên trường mỗi sớm mai
Anh ra núi lớn nổi sông dài
Bao giờ hai nửa trăng về một
Em có so bì ai nhớ ai?

Ngày xa Qui Nhơn ngày dài thêm
Qui Nhơn hun hút phía mây chìm
Chiều xưa còn đọng trên Gành Ráng
Chút nắng vàng phai áo lụa mềm?

Qui Nhơn chiều chiều thấy túi thân
Nụ hôn thâm gửi gió về Nam...”
Anh ngoài sông núi xa lồng lộng
Hương một phương trời nhớ Tuyết Vân!

Tràng Bàng – Tây Ninh, 12.65



ĐÌNH CƯỜNG

Qui nhơn

xe ngừng lại giấc nghỉ trưa
cho tôi xuống vội để vừa kịp thăm
núi còn những mấy nghìn năm
mây bay buồn xuống ngang tầm mắt tôi



ĐỊNH GIANG

Bài Qui Nhơn

Vòng tay thị nại gió cao
Nổi hờn vong quốc buồn sao chiêm thành
Nửa khuya da thịt mỏng manh
Vớ xiêm y lệch tóc xanh nảo nề
Mai về làm lại My-ê
Để mang tiếng khóc gửi về Bồng-nga.



HỮU PHƯƠNG

buồn qui nhơn

tôi từ biển đến lạc loài
đất em nường nấu chân người viễn phương
phố hoang sơ dẫu mưa nguồn
còn dư âm đó tiếng buồn vọng xa
núi cao khuất xóm qui hòa
nổi sâu da thịt hóa ra sượng sần
nghe từ biển khúc hồi âm
buồn qui nhơn tiếng sóng gấm suốt đêm

kìa gành ráng giắc cô miên
người nằm đây ngấm mấy miền cô liêu
lưng chừng khói tỏa đìu hiu
lòng tôi nhỏ hẹp biển chiều mênh mang
vòng tay thị nại khép ngàn
có tin bão dậy ngờ ngang luôn khơi

tôi từ biển đến lạc loài
xin em đất trọ rồi mai giã từ.

(trích từ *Tâm sự người đi biển*)
(Bách Khoa số 143, 1962)



DU TỬ LÊ

Bài Quy Nhơn

Bụi in phổ đỏ mặt lấm
ngày co bóng núi chiều dầm mưa quanh
nghiêng vai thị trấn trăm mình
chân đi tiếng động tội tình tạt ngang
đèn mù đứng bóng sương tan
những thân nô lệ áo cơm từng giờ
rượu ai mời suốt đêm hò
nâng ly nước mắt cạn chờ súng xa...
ngựa về trăm ngã tha ma
ngày muôn tiếng gọi người qua cử trùng
đạn nào rít mãi đêm sương
tiễn đưa ai nhĩ một vuông khăn này ?
1967



LÊ VĂN TRUNG

Mưa Qui Nhơn

Mưa trên môi người như giọt lệ
Mưa trên tóc người như sương phai
Chiều Qui Nhơn mưa như chuyện kể
Mưa hoang đường lưa chầy trên vai

Tôi uống trăm dòng mưa nhớ nhung
Tôi tắm trong dòng mưa ngát hương
Em như cơn gió nghìn phương mộng
Chảy thiết tha trong rượu ướp nồng

Qui Nhơn tàn thu hay vàng đông
Lời mưa như nhạc réo trong hồn
Em rót vào thơ nguồn vi diệu
Em nhuộm tình tôi ngọn lửa hồng

Mưa ru tình trăm lên vai hương
Mưa thơm tóc chiều mưa Qui Nhơn
Tôi đưa người về mưa rất nhẹ
Mà sao lòng tôi mưa menh mông

TạƠn Em Và Qui Nhơn

Tạ ơn những phố những phường
Qui Nhơn và những con đường mùa đông
Xin tạ ơn một tấm lòng

Đã cho ta biết một lần yêu em

Tạ ơn những nhớ cùng quên
Những chiều tóc rối những đêm lụa nồng
Tạ ơn em và Qui Nhơn
Đã cho ta biết mùi hương đất trời

Xin tạ ơn những buổi chiều
Có mây ngàn dậm về theo bóng người
Có hồng thơm đóa hoa môi
Có nồng men ngọc trong lời ái ân

Tạ ơn em và Qui Nhơn
Nở cho ta đóa nguyệt hồng trong thơ.

VỀ QUI NHƠN NHỚ HÀN MẠC TỬ

Trích thơ của Ngói

Tàu khuya lặn chậm nỗi buồn
Nghe đau tiếng gọi mưa nguồn Cù Mông
Réo vào biển sóng Qui Nhơn
Vỗ vào bia mộ đau hồn Thương Thương
Máu Hàn đỏ thắm vành trăng
Trăm năm là giấc Mộng Cầm phù vân
Ôi trắng vỡ máu ngực trầm
Câu thơ vỡ giọt lệ bầm sương Mai
Tàu khuya nổi bóng đêm dài
Câu thơ hệt thờ xác đầy bụi trắng.

TRẦN HOÀI THU

Lục bát cho Qui Nhơn

Lam

Hằng đêm bạn với mã mô
Hằng đêm trắng mắt dưới bờ rạch mương
Sáng ra, ghé quán bên đường
Ly xí nài, cốc xây chừng, bốc hơi
Bỗng nghe lam vọng Gò Bồi
Như hồi chuông báo một ngày bình an
Người ta hậu cứ xe quan
Ta đây đánh giặc xe lam đồng hành
Đồng hành nghỉ phép dưỡng binh
Đồng hành về phố Qui Nhơn, bạn bè
Có quán sớm có cà phê
Có cô hàng, ngực thập thò vải phin
Có ta xó rọ một mình
Ngồi xe lam chạy vòng vòng ngược xuôi
Gò Bồi lam chạy máy vui
Qui Nhơn lam chạy sao lời buồn tênh?

Với Phạm Văn Nhân

Tôi bạn xứ lạ người dung
Bỗng nhiên lại chọn trạm dừng Qui Nhơn
Mậu Thân bạn nằm hướng Nam

Tôi hướng Bắc cùng kéo quân tiến về
Tôi bị thương ở Ông Tề
Bạn mang quân thể vào phòng tuyến tôi
Ngày đói rách thể mà vui
Trong gian khổ thấy ít nhiều tình thân

Ngày của chàng

Với khẩu colt lặn lưng quân
Với đôi giày bám đặc bùn Nho Lâm
Đêm qua bì bõm băng đồng
Hôm nay bù lại căn phòng chị nuôi
Với xe lam một chỗ ngồi
Vòng vo mấy bận để đời chút hương
Để một ngày yêu Quý Nhơn
Trước khi chọc ổ kiến càng Bồng Sơn

Căn phòng khu Sáu Quý Nhơn

Một căn phòng năm thước ngang
Cửa nhà chẳng khép vách tường đầy thơ
Hết tiền nước lã mì khô
Còn tiền mấy đũa cùng ra quán ngồi
Đêm đêm pháo vọng bên đồi
Sóng từ Ghềnh Ráng vỗ lời nỉ non...

Nguyễn Tư

Ứng chiến đường 19

ai xuôi về dưới Qui Nhơn
cho tôi gởi đến những cơn mưa chiều
núi đồi lớp lớp đìu hiu
nỗi lòng lính thú cũng nhiều xót xa
mấy năm lần lửa can qua
ở đâu cũng thấy quê nhà điêu linh
bao giờ đất nước yên bình
thì tôi trả lại ân tình cho em



LỮ QUỲNH

lời xin lỗi trước mùa xuân

xin thêm một lần tha lỗi cho anh
hỡi em hỡi em - chỉ thêm một lần
anh sẽ đốt cháy rừng
sẽ bắn vào chiến tranh
như mặt trời buổi trưa
lòng anh bùng bùng lửa táp
ôi nỗi buồn cao như cổ tháp
anh sẽ bằng tay bằng óc bằng súng bằng dao
đập cho tan hoang con quỷ ám trong đầu
con quỷ giết người bằng đạn đồng chông sắt
con quỷ làm em mỗi ngày cúi mặt
nhớ anh Bà-Gi thấp cao đồi đỏ
lo anh từng đêm giấc ngủ nghen ngào
em bây giờ vàng theo ánh hỏa châu
mùa xuân tới chờ anh về soi mặt
anh sẽ cố đem theo những ngày-dài-không-xa-cách
cùng thoáng môi thơm cả mấy tháng hương
rừng.

ước gì ký ức như tấm bảng đầu xuân
cho anh được xóa một lần
quên đôi mắt mờ côi của bé
quên khuôn mặt bạn bè vĩnh biệt anh em
quên những ngày những đêm quên cò súng

lưỡi lê quên mình chống đạn lửa
ước gì chỉ một lần anh được quên tất cả.

bây giờ em ở đó trời buồn như mắt dân Chiêm
tháng này gió nhiều tha hồ lá đổ
em ru con bằng tiếng xạc xào
nỗi buồn hun hút dâng cao
anh biết mùa xuân sắp về
nhưng lòng còn bình yên để đợi?

em ở đó một mình
hằng đêm nằm nghe cỏ mọc
lòng nặng tiếng à ơi
làm sao không khóc!

xin tha lỗi anh thêm một lần
hồi em hồi em - chỉ thêm một lần
vì đầu chiến tranh chưa vỡ
vì súng này chưa biến thành cày khô
để anh gửi em tặng đám học trò
|chiều tắt niên đốt làm lửa trại
hy vọng xanh rờn cho tay em hái
sẽ không bao giờ còn một mình
nằm nghe gió quái đầu hiên
cùng nỗi nhớ anh chập chờn nước mắt.

Quy Nhơn 1969



Đoàn Chinh Nam

**L i ê n K h ú c M u ờ i N ă m
T ặ n g C h ị N g a**

Chị là di tích khung trời nhỏ
Một tuổi thơ em đã mất rồi
Mười mấy năm dài như nỗi nhớ
Những ngày vui cũ đã xa xôi

Tóc chị vẫn dài đan búp tay
Quy Nhơn thu đến vẫn mây bay
Qua khung cửa sổ bên bàn học
Em đã làm thơ chị có hay

Buồn mưa tháng bảy còn không chị
Vui có về chãng trời tháng giêng
Lá đỏ muôn chiều câu hát cũ
Sầu chung mấy thuở nay sầu riêng

Saigon. 1972

Đoàn Ngọc Kiều Nga

Q u y N h ơ n

Từng mùa thu đến xanh xao
Tuổi vàng vố cánh bay vào trời xanh
Ở đây ngày tháng buồn tênh
Sớm chiều biển mặn dỗ dành, xót xa
Quy Nhơn-1971

Q u y N h ơ n II

Nao nao thành phố biển đời
Mười năm thoát một chuỗi cười rung rung
Mười năm cây quế giữa rừng
Xót xa một thửa vong thân vọng về
Mười năm choàng tỉnh u mê
Trăm năm khóc nước cờ đi lỡ làng.
Sàigòn 1976.

SÔNG VÀ VIẾT

Trần Hoài Thư

Ông ...Đại Hàn (tân mạn)



cây redbud nở bông

Ngày 12 tháng 4-2012

Tôi gặp anh thật tình cờ. Số là ngày hôm qua chúng tôi lái xe đi tìm một nơi bán redbud. Chúng tôi muốn trồng vài cây có hoa như hoa đào ở sau nhà. Chúng tôi đã ghé nhiều nông trại, hoặc những nơi chuyên bán loại cây cảnh, nhưng rất ít nơi thấy bán loại redbud. Nếu có thì bán với giá cắt cổ. Sau đó, nhờ Craigslist, tôi mới biết có một nơi bán redbud, mở cửa một tuần 7 ngày, gọi Bill số điện thoại... Lại có địa chỉ. Mừng quá. Tuy nhiên khi đến nơi thì chẳng thấy một trại nào đề bảng hay một nơi nào có vẻ như chỗ bán cây cảnh

(nursery) như ta thường thấy. Chỉ có chẳng là thấy tre trúc thật nhiều. Phía sau thấy nhiều cây cảnh còn rất thấp. Chúng tôi vào nhà bấm chuông. Thì một người đàn ông giống như Đại Hàn bước ra, nói ngay bằng tiếng Việt: “Mời anh chị vào nhà.” Nhà tôi mừng quá, rồi rít: “Mừng quá được một người biết tiếng Việt...” Sau đó người chủ nhà quay lại hỏi nhà tôi: “chị Y. khỏe không?” Chúng tôi hết hồn. Tại sao cái ông Đại Hàn này lại biết tên vợ tôi. Đôi chút ngỡ ngàng, giờ mới vỡ lẽ. Người chủ nhà này là bạn chúng tôi. Bạn ở đây là bạn gặp gỡ giữa đường. Có điều là chúng tôi hoàn toàn không nhớ. Chỉ có anh chị chủ nhà mới nhớ chúng tôi. Chị còn kể là chị đã đọc văn THT rất nhiều...

Sau khi trình bày lý do tại sao chúng tôi lại tìm đến nơi này, anh NG. vui vẻ dẫn chúng tôi ra sau nhà. Một khu đất mênh mông, chát đầy khúc cây bị đốn. Anh kể là một mình anh leo lên tận ngọn và đốn chúng. Anh chỉ căn nhà: “Một mình tôi dựng đấy. Trước đây nó như một garage. Cả khu đất này toàn là cây. Sở dĩ tôi mua nó, vì ở đây trường học rất tốt. Tôi phải hy sinh cho con tôi. Rồi từ từ tôi đốn cây, làm nhà.”

Anh vừa hướng dẫn tôi đến từng khu đất, vừa giải thích: Đây là loại tre Mạnh Tông. Tôi đã thử trồng nhiều loại Mạnh Tông khác nhau, lần này mới thành công. Tôi phải mua hạt giống tận phía Bắc xứ Tàu. Anh biết tại sao không? Vì phía Bắc xứ Tàu thời tiết mới lạnh như vùng đông bắc của mình. Chỉ có loại tre ở vùng đó mới chịu nổi mùa đông ở đây...

Anh tự hào ở loại cây Princess. Anh kể Princess có thể sống cả ba ngàn năm...

Và đây là black bamboo. Tre đen... Đây là weeping willow, maple...

Anh không quên khoe chúng tôi về loại hoa Trà Mi. Cả một bụi hoa rực rỡ với những chiếc bông quá khổ đỏ ửng bên nhà...

Dọc theo lối đi là những thân cây mảnh mai mới nhú màu xanh của lá. Anh bảo đó là redbud. Mỹ thích lắm. Mỗi năm tôi ương ca trăm cây... Cái khó khăn là ban đầu, làm sao để nó chịu được với đất, chừng khi rễ đã bám rồi, là nó sống. Khoảng một năm sau, nó trở lớn rất nhanh...

Anh ngắt tặng chúng tôi một nhánh redbud và chỉ mảnh lối cách ương cây... Phải tìm nhánh còn lá. Vì cây cần lá. Phải cắt xiên thay vì thẳng... Có tiếng bốp còi ở phía bên hàng xóm. Anh đưa tay chào. Anh bảo, ở đây ai cũng xem tôi là thầy thuốc Nam. Tôi giúp họ mọi thứ, ngay cả chữa bệnh. Nhất là bệnh tiểu đường...

Tôi cầm chặt tay anh. Một người VN giữa một nơi không phải là quê nhà, sống và chiến đấu, cuối cùng chiến thắng. Chiến thắng bằng cái đầu của mình và trái tim của mình.

Có phải vậy không?



Bảy năm sau...

Ngày 20 tháng 10-2019

Thật sự tôi không thể ngờ, vâng không ngờ hôm nay tôi được biết thêm một việc làm có thể nói là độc nhất vô nhị của một người mà 7 năm về trước tôi đã có lần ghi trên nhật ký.

Tôi biết việc làm này nhờ cuốn hồi ký “Vũ hội của Trời” mà tác giả là hiền thê của anh (Bút danh là Ngọc Nhân Dương Trần)

Tại sao tôi nghĩ là chưa có ai có thể làm. Bởi lẽ, 100 người vượt biển, có mấy ai lại nghĩ đến trở lại quê nhà khi còn ở đảo. Trừ chiếc tàu Việt Nam Thương Tín.

Nhưng tàu VNTT trở về VN vì 5 ngàn người trên tàu muốn về, không muốn tới Mỹ. Họ không được xếp vào thành phần vượt biển. Còn ở đây thì khác. Một chiếc ghe vượt thoát, người vượt biển chỉ mong đến bến bờ an toàn. Vậy mà ở đây, khi đạt được mơ ước, lại thêm một lần âm thầm quay trở lại quê nhà để cứu thêm những người bị kẹt còn lại khác. Làm như chuyện vượt biển như chuyện đùa chơi dòn cọt cùng sóng nước đại dương !

Đọc hồi ký mới nhận ra nó không phải đùa chơi mà là cả một cuộc hải hành đầy bất an, nguy hiểm - nguy hiểm hơn cả chuyến vượt biển lần đầu. Nào là bão tố. Nào là những bất trắc sau khi đổ bộ lên phần đất quê nhà, nào là tai vách mạch rừng tổ khóm nếu anh lỡ bị phát giác. Vậy mà anh đã vượt qua tất cả để cuối cùng đột nhập vào nhà trong đêm. Để rồi sau đó lại thêm một lần, lái tàu vượt biển về lại Mã Lai với một đám người khác !

Đây không phải là một câu chuyện kiểu phóng sự để làm say mê người đọc trong giây phút. Đây là một truyện văn, viết từ chất liệu sống.

Thư Quán Bàn Thảo rất hân hạnh được tác giả Ngọc Nhân Dương Trần cho phép sử dụng mặc dù cuốn hồi ký này chỉ được phổ biến giới hạn trong gia đình và bạn bè thân thiết, không phổ biến ra ngoài.

Theo tác giả, tất cả đều sự thật. Ngay cả tên tuổi cũng viết thật.

Chúng tôi xin phép được đổi tên họ khi phổ biến trên

TQBT.

Và vì “Đúng hay sai” là câu truyện thật nên chúng tôi chọn đăng trong phần Sống và Viết.

■ ■ ■ ■

HOUSTON, NGÀY HỘI NGỘ LẦN HAI

Phạm Văn Nhân



(Ngồi. Từ trái qua: Phan Xuân Sinh/ Phạm Văn Hạng
Đứng: Hà Thúc Sinh/ Phạm văn Nhân/ Tô Thẩm Huy/
Lương Thư Trung)

Vào ngày thứ ba, 15 tháng 10 năm 2019. Từ Cali, họa sĩ Nguyễn Đình Thuần gọi cho tôi, nói có một người muốn nói chuyện với tôi. Bí mật, anh Thuần không nói tên. Tôi hỏi đàn ông hay đàn bà?? Anh Thuần cười và đưa điện thoại cho người muốn nói chuyện. À. Hóa ra là đàn ông. Tôi an tâm; vì ngại....đàn bà. Không quen. Người muốn nói chuyện với tôi không ai khác là Phạm văn Hạng. Nhà điêu khắc nổi tiếng trong nước trước và sau năm 1975.

Tôi rất vui với giọng nói và tiếng cười rất sáng khoái và tự nhiên của anh Hạng. Tôi nghĩ đến tiếng cười của người bạn tôi. Anh Trần Hoài Thư, cũng có giọng cười sáng khoái như thế. Anh Hạng báo cho tôi biết là anh sẽ đến Houston ngày thứ tư, 16/10/2019. Và sắp xếp ghé thăm tôi vào ngày thứ năm 17/10.

Với điêu khắc gia Phạm Văn Hạng, tôi nghĩ đến tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 18 chủ đề về nhà văn Y Uyên khi tôi còn ở thành phố Amarillo. Khi làm xong số 18, tôi gởi về Việt Nam cho bạn bè và hai người bạn của tôi là hai nhà văn Mang Viên Long và Nguyễn Lệ Uyên. Hai nhà văn này cũng là bạn thân của Y Uyên khi ông dạy học ở Tuy Hòa (Phú Yên). Chính hai ông bạn nhà văn này đại diện Thư Quán Bản Thảo mang TQBT số 18 chủ đề về Y Uyên vào Sài Gòn và cùng đề hai tạp chí này trên bàn thờ dưới tượng đồng Y Uyên nhân ngày giỗ của Y Uyên.

Cần nhắc lại về “nổi thẳng trâm” của pho tượng đồng này. Trước 1975, pho tượng được dựng tại nghĩa trang. Sau 1975 một đám người vào nghĩa trang “ăn cắp” tượng, cắt một lỗ tai để xem có phải là chất liệu bằng đồng không? Sau khi mang đi thì bị công an bắt giữ và hoàn trả bức tượng đồng Y Uyên lại cho gia đình người quá cố.

Sau năm 1975, chính nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng phục chế lại " cái tai " của bức tượng nhà văn Y Uyên (xem hình) mà hai anh bạn Mang Viên Long và Nguyễn Lệ Uyên đã nói với tôi về điều này.



Ngày thứ tư Phạm Văn Hạng đến Houston đúng 11 giờ khuya. Sáng hôm sau - thứ năm - anh gọi điện cho tôi và cho tôi địa chỉ nhà con trai của anh. Tôi lên google maps tìm thì thấy xa quá Chạy trên xa lộ. Tôi chịu. Không lái xe được. Anh Hạng hỏi địa chỉ nhà tôi để anh đến. Đúng 9 giờ sáng ngày thứ năm 17/10 anh đến nhà tôi. Ra đón anh. Gặp nhau. Vui. Tôi nói đùa : Rõng đến nhà tôi. Với nụ cười sáng khoái anh nói: rõng cái quái gì, chỉ là hai con ngựa già rong ruổi trên đường đời.

Tôi mời anh ra quán uống cà phê, anh không đi. Anh ra sau vườn xem khu vườn nhỏ của vợ chồng tôi. Ngoài

những giàn mướp, giàn bầu, giàn đậu rồng ra, tôi trông nhiều hoa đào "Thất Thốn" trong chậu. Phạm Văn Hạng nói tôi đem vườn đào Thất Thốn về Huế cho Viêm Tịnh xem. Tôi rất vui.

Rất tiếc là anh đến vào ngày những người bạn của tôi như anh Tô Thắm Huy và Cái Trọng Ty bận đi làm. Nên không đến gặp anh được. Phạm Văn Hạng nói sắp xếp gặp nhau ngày thứ bảy. Cũng vì thời gian ít ỏi và quá bận. Tôi mời anh đến thăm anh chị Phan Xuân Sinh. Người cùng quê với anh. Nhưng vì thời gian không có nhiều. Anh hẹn gặp nhau ngày thứ bảy.

Anh ở Houston gần ngày và rất bận rộn với gia đình. Anh hỏi tôi ở Phan Thiết có biết bác sĩ Lê Bá Dũng không? Anh còn nói bà vợ là giáo sư, tên Khuê, người Huế. Tôi quen hai vợ chồng bác sĩ Dũng. Tôi gọi điện thoại cho anh Dũng. Hai người nói chuyện cười vui vẻ. Tôi hỏi sao anh biết bác sĩ Lê Bá Dũng. Anh Hạng cho biết vào năm 1970 khi đó bs Dũng và tôi còn ở Quảng Trị. Và tôi nổi tiếng cũng nhờ bác sĩ Dũng này qua một bức tranh vào năm 1970. Tôi hỏi anh, phải bức tranh " Chứng Tích" phải không? Anh quơ tay: Thôi thôi đừng nói. Tôi cho bs Dũng thời đó. Một ông bs bình dân. Bụi đời. Thích chơi với những người lính. Tôi hiểu. Xem youtube mà Phạm Văn Hạng chuyển cho tôi với đường link:

<https://youtu.be/aszapedgcww>

(Gương mặt trong sương/ Điều khắc gia Phạm Văn Hạng)

Tôi gọi cho bác sĩ Dũng để hai người nói chuyện với nhau. Vẫn nụ cười rất sáng khoáy ấy, làm tôi vui. Vui vì những người một thời trong chiến tranh, tù tội, rồi gặp nhau vẫn giữ nụ cười như thời còn trai trẻ. Tôi với

anh ngồi uống cà phê nói hết chuyện này qua chuyện khác. Tôi mới biết gần 10 năm sau năm 1975, anh bán hàng rong. Bán xôi. Tôi nói với Hạng, còn Trần Hoài Thu thì đi bán cà rem. Tôi đi làm phụ hồ.

Hơn hai giờ ngồi nói chuyện. Anh Hạng từ già vợ chồng tôi và đi thăm vợ chồng bác sĩ Dũng.

Thứ bảy, ngày 19/10

9 giờ 30 phút sáng. Chúng tôi gặp nhau tại quán cà phê. Gồm có: Hà Thúc Sinh. Phan Xuân Sinh. Lương Thu Trung. Vợ chồng Bác sĩ Lê Bá Dũng. Phạm Văn Hạng và tôi. Anh Tô Thẩm Huy mời anh em đi ăn trưa, nhưng anh nào cũng bận. Tuy nhiên, qua buổi uống cà phê hôm đó thật nói là rất vui và ấm lòng.

Dù Houston hội ngộ lần hai này, chỉ có Điều khắc gia Phạm Văn Hạng thôi. Và, thời gian anh Hạng ở Houston quá ngắn. Khác với lần hội ngộ Houston kỳ trước, nhiều người từ trong nước ra. Như vợ chồng Thân Trọng Minh. Từ Hoài Tấn. Cali qua có Lữ Quỳnh. Nguyễn Đình Thuận. Từ New Jersey đến có Trần Hoài Thu. Với tôi ở Houston chỉ có vài người bạn thân. Nhưng lúc nào cũng thấy vui và ấm áp tình văn chương bằng hữu.

Cám ơn những người bạn đã đến Houston thăm tôi. và cám ơn những người bạn ở Houston, dù ít, nhưng mỗi thâm tình bằng hữu thì rất nhiều.

Cám ơn nhà điều khắc Phạm Văn Hạng đã đến Houston và ghé thăm tôi cùng bạn bè.

Houston, 21/10/2019

ĐÚNG HAY SAI?

Ngọc Nhân Dương Trần



Đêm hai mươi tháng bảy năm 1978 nhằm ngày mười sáu tháng sáu âm lịch, trăng treo lơ lửng ngả sau bóng dừa trên bãi, mặt biển xanh lấp lánh ngân tinh. Gió đêm mát lạnh mang chút hương muối pha mùi rong trong hơi nước tạo nên vị biển nồng thơm. Những ngôi sao trên trời nháy nhau xì xào rí tai, nhưng mắt nhìn chuyển lạ...Nhóm năm người đàn ông một số mặc áo thun, quần cụt, một số mình trần lội xuống bãi Trung Đảo, nghĩa địa của những chiếc tàu vượt biên: đa số đã bị vỡ, bị chìm hoặc bị hỏng máy; nằm san sát nghiêng ngả. Một anh dẫn nhóm bơi thẳng tới chiếc màu xanh có sọc đỏ đậm, đầu phía sau cùng. Họ lợi dụng nước còn cao nhưng thủy triều đang rút nhanh, đẩy tàu, nhờ neo bơi ra một khoảng rồi mới cho mở máy nhò lẳng lẳng lia bến.

Hãy chạy cho nhanh dừng nhìn ngoái lại, hãy cố căng mắt tìm về dải đất cong cong quen thuộc tên gọi Việt Nam trong đó Ba tôi đang bị giam cầm, mẹ tôi chết

dần vì sầu muộn. thương cho chồng, nhớ đến con từng ngày khóc cho tương lai mờ mịt. Lại mạo hiểm, thì lúc nào chẳng mạo hiểm, nhưng tôi luôn tin ở bề trên khi hành động vì tình thương. Đúng hay sai khi tôi rời Nhân và hai con ngay lúc này? Có ai điên như tôi không, khi đã thoát được lại đi trở về chỗ bắt đầu. Những người bạn đồng hành với tôi đều không có gì vướng víu ở đảo. Họ có gia đình bị kẹt lại Việt Nam nên họ về cứu vợ con, còn tôi thì vì cái gì đây, “chữ hiếu” thật không? Nhiều đêm thao thức đầu óc tôi không chịu ngủ yên. Đây cũng là cơ hội duy nhất khả thi. Tôi đã may mắn đến được nơi này, trời giúp tôi thấy được cánh cửa sổ mờ của hỏa ngục, có phải tôi có bốn phận trở lại dẫn dắt người thân lần theo đường đó mà tháo cũi sổ lồng.

Thượng Đế sẽ đứng về phía tôi, liệu tôi sẽ lại may mắn như lần đầu? Hình như bây giờ không phải là lúc để đặt câu hỏi nữa, nhưng tôi thấy nhói ở tim, thắt cả ruột. Sao Nhân không cản tôi lại? Tôi bị xao động rồi sao! Đúng hay sai?

Hòn đảo Pulau Tenggol nơi mà tôi đã sống cùng vợ con trên đó gần ba tháng nay đang trôi từ từ về phía sau. Không có truy đuổi như đêm vượt trùng ở Việt Nam. Chúng tôi thoát qua được vòng đầu dễ dàng.

Đêm thật tĩnh lặng vì đã quá nửa đêm, mọi người đang say ngủ kể cả những anh lính Mã Lai. Thuyền chờ đầy trăng u uất, vầng trăng bị mây che đã theo tôi đến thì bây giờ xin hãy soi sáng cho tôi, mình cùng nhau trải nghiệm thêm một lần gian khó vì những người thân còn kẹt trong gông cùm của chế độ. Bóng tôi đổ dài trên boong chập chờn trôi như người đi trong mộng. Nhìn ngược lại rừng cây mắm tôi biết là có nhiều hoa trắng nhỏ cùng cây bàng duy nhất trên đảo lá thật to nghiêng ra khỏi hàng đá dựng, che nắng khi chúng tôi ngồi ăn trưa, lắng nghe chuyện kể thẳng bẻ nhất lá sồi ẩm vào mùa đông trên quê hương miền Bắc mà chúng

tôi cùng được đọc. Lá bàng ở đây không ai nhặt vì trời thì nóng mà củi đầy rừng. Cảnh đẹp, nắng ấm, cá lội nhón nhơ, tôi khuyên Nhân, cũng là tự nói với chính mình, hãy quên hết đi để hưởng những giờ phút bình yên như một chuyến du lịch dài, vui cùng thiên nhiên, chuẩn bị những ngày mới nơi xứ lạ. Có thật là giống như chúng tôi đang nghỉ hè không? Tôi nói dối với em để tự trấn tĩnh mình. Sau thời gian nhàn rỗi quá dài, tâm hồn tôi đang nổi loạn. Những ngày cùng bơi trong nắng ấm lặn xuống ngắm thiên đường bông đá cùng bày cá muôn màu, nhìn hai con vui đùa, vun cát cất nhà nhốt mấy con cua nhỏ nhỏ rồi cũng không còn hấp dẫn tôi được nữa. Bãi êm sóng, cát mịn màng, ngồi trên phiến đá phẳng lì chi tạo được sự bình an bên ngoài còn nội tâm tôi thì vẫn xôn xao như tàu lá dừa trong gió, cành dài vương vịu, cánh ngắn thê thiết trách phận than thân. Thấy được tâm trạng tôi, hôm đó từ Trung đảo về Nhân nói:

- Em không tin dị đoan nhưng cũng sẽ cùng anh xin lá xăm, phú cho mệnh số, nếu tốt thì anh đi, còn không tốt thì anh ở lại.

Trên ngôi cổ miếu, Nhân cầu nguyện, lá xăm "thật ba phải" không tốt cũng không xấu, em nhìn tôi dò hỏi ??

- Xăm TRUNG BÌNH, nói được gì đây em tin sao? Nói thật với em, nếu không thật tốt anh nhất định sẽ làm cho nó tốt. -tôi là như thế đó, tôi biết rõ về mình!-

Thời gian độ mười ngày trước, sau khi Mã Lai tịch thu chiếc tàu đầu tiên; tôi mua bằng hai cây vàng tôi đang giữ; khi họ khám phá ra rằng bọn chúng tôi đã đồ đầy dầu sẵn sàng rời đảo. Nhân đã rất hốt hoảng, sau cùng trầm tĩnh nói:

- Anh không cần phải giấu em, cứ cho em biết đêm nào anh đi, em sẽ chuẩn bị mọi thứ cho anh ít nhất cũng có thức ăn nước uống và nhìn anh rời bến.

Thế là chiếc tàu thứ hai lên danh sách; tàu đánh cá vừa mới tới từ Vũng Tàu hai ngày trước, vò còn kiên

cổ. Chủ tàu chỉ phá hồng chút máy rồi nói là chạy không được đề cập vào đảo, nó còn chứa một nửa số dầu đủ cho chuyến trở về. Tôi ngấm ngấm điều đình mua lại. Tất cả tàu đến đảo đều coi như vứt đi, có cả một nghĩa địa tàu mới cũ đủ cả, đa số là hồng, chìm, hay bị đâm cho bể v.v. Bà chủ tàu cảm thấy mình thật may mắn. “Của đồ mà còn hốt được”.

Đêm mười lăm trăng vắng vặc, hai đứa đứng trên đồi nhìn khối đá đen phía xa như hình ảnh mẹ bỗng con. Nhân dăm dăm nhìn chiều xuống dần, tôi bỗng Đan Thụy, Quế Chi đứng cạnh bầu cứng vạt áo nằng. Thủy triều cao, sóng đập vào đá, mặt trời nóng dữ hơn mọi ngày màu đỏ thẫm. Chúng tôi ngồi xuống, chẳng ai nói với ai câu nào cho đến lúc ánh sáng chỉ còn một vệt ngang mỏng, biển chuyển từ xanh thành đen. Tôi ôm hai đứa con nghe nghẹn ở cổ.

Chắc bây giờ em đang nằm thao thức. Em từng nói mỗi chiều em sẽ lên miếu cầu cho anh bình yên mau trở lại. Nhân ơi, anh sẽ trở lại như lời anh hứa. Cảm ơn bề trên đã cho anh một người vợ đảm lược đảm đời diện với thực tế. Em luôn biết là em phải làm thế nào với ông chồng cứng cổ như anh. Cảm ơn em đến giờ phút cuối đã hết lòng giúp đỡ anh, lo thức ăn nước uống, gạo củi, mì gói, cá khô, cái gì em có là em gói hết cho anh. Bây giờ em tay trắng vì ngay cả hai cây vàng cuối cùng của em, em cũng trao cho anh để đồ vô mua con tàu hy vọng này. Em nói em có thể sống bằng nghề may; với chiếc máy may cho người ta thuê đồng bạc một giờ; nếu em cắt còm để dành chỉ để mua bánh trái cho Chi Thụy và ít y phục chuẩn bị cho ngày đi định cư thì cũng đủ rồi. Anh yêu em và con lắm nhưng anh quả là một người chồng không bình thường.

Nhớ ngày cưới em về được đúng một tuần phép là anh phải trở về đơn vị. Em khóc vì bơ vơ cô độc trong gia đình khủng khiếp thiếu chồng nhưng dư mẹ chồng mà quá nhiều em chồng. Em mới hai mươi ba tuổi, vừa

xong đại học, gầy còm gió thổi cũng bay, chỉ biết cầm bút, kiêng không nổi nổi cơm quá lớn ở nhà anh và kinh hoàng khi nhìn thau quần áo dơ mỗi ngày phải giặt !!. Cũng mai vì lý do đi dạy em không phải căng đáng hết mọi việc, và cảm ơn Muối đưa em họ của anh; cô bé mồ côi từ nhỏ ba mẹ anh nuôi dưỡng cùng ở chung nhà, chị em giúp đỡ nhau. Dù sao thì một mẹ chồng là quá đủ, hầu thêm một bà mẹ kế trẻ trung của chồng mình nữa thì quá là khủng khiếp cho em. Bây em chồng là một lũ vô tích sự. Năm đứa là con của bà sau, hai đứa là em của anh, một đứa đến từ một bà tình nhân nào đó của ba cũng về ở chung đây, cộng với Muối. Tất cả là chín; đứa lớn nhất bằng tuổi anh đứa nhỏ nhất bốn tuổi. Chỉ ba đứa nhỏ còn đi học, còn lại lớn chừng ấy tuổi mà chỉ ăn không, ngồi rồi, cờ bạc rượu chè, phá của. Chúng có bao che của dì nhỏ nên ba không dạy dỗ được gì.

Em rất ngạc nhiên phải không em. Nhà em nghèo nhưng đứa con nào cũng có bốn phận, tuân kỷ luật, làm việc chăm chỉ. Con chúng ta sau này phải nhờ em dạy thôi. Chính anh còn không biết nhờ phép mầu nào mà mình chẳng hư hỏng trong cái gia đình phức tạp như thế này. Thật sự mà nói thì anh cũng đã làm tròn bốn phận của anh đâu: Cưới em về “viện cớ” mình phải về nhiệm sở bỏ em cô đơn. Tiếp thu rồi bị đi học tập, con cái cũng một tay em, anh làm sau quên được hình ảnh em đang có mang Quế Chi, bụng to rồi mà chèo ghe vô tận Rạch Chanh thăm nuôi anh, lúc anh bị giam cầm mà bọn chúng chẳng cho gặp mặt. Trời mưa như trút nước anh từ trong đó nhìn ra thấy em ngoài kia chột nhốt da diết bài thơ của Hồ Dzếnh tả người đàn bà VN ta:

“Quanh năm chẳng nghỉ ngày nào
Sớm trưa làm lụng mình hao thân gầy
Bầu chân khỏi ngã dốc nhồi.
Những chiều gánh nước gặp trời đổ mưa.”

Em không gánh nước nhưng em gánh cả gia đình không than van không hờn trách. Đi vượt biên những ông chồng khác kẻ cận vợ con mình còn anh chỉ ôm vô lăng và con tàu một mình trên boong. Bây giờ anh lại viện cớ về cứu cha hai con lại phó mặc cho thân gầy chưa đầy ba mươi lăm ký của em gánh. Tuy nhiên mong em hiểu cho, anh không thể ở yên nơi đây khi biết ba anh bị giam cầm vì chuyện chúng mình vượt biên, vì anh biến mất ra khỏi sự bảo lãnh của ông. Anh biết anh có thể cứu cả gia đình chúng ta, nhà em cũng như nhà anh. Tàu có thể chở tới hàng trăm người. Nhà chúng ta tổng cộng khoảng hai mươi. Vợ con những người cùng đi với anh: Văn hai người, Hùng có hai con và vợ là ba, Tài và Cù không biết bao nhiêu nhưng chắc tất cả không hơn bốn chục. Cô Cẩm muốn anh giúp ba má và hai em cô ấy, nếu làm được anh không ngại. Nhà của bạn em là ba má của Hùng và Dũng, họ chỉ tiền có thể phụ vô đồ dầu cho chuyến trở lại. Anh sẽ làm nhanh và chạy nhanh để về với em. Sau chuyến đi này anh hứa anh là của em và con, không viện lý do, tự nguyện không than trách gì. Nhất định, nhất định.

- Làm gì mà đứng nhìn hờn đảo đến thù người thế? Đâu còn thấy gì nữa đâu!

- Anh Văn, sao anh không ngủ đi? Cù coi máy mà.

Văn anh bạn giáo sư Hán văn ở Đại Học Văn khoa Sài Gòn, người Bắc di cư đang thấp túng với tôi mong rước vợ còn bị kẹt lại. Anh đang đứng kẻ bên tôi tự lúc nào không rõ. Văn dáng thấp bé, da trắng xanh, râu rậm đen tia cắt ngạnh như râu phó Tổng Nguyễn Cao Kỳ miệng anh hơi hô, cặp mắt to và sâu ẩn dưới đôi mày đậm đầy nam tính. Gió bay xô tóc anh che chắn vầng trán rộng làm khó ai đoán được anh đang nghĩ gì. Trong bóng trắng mập mờ làn môi đầy mím chặt nhìn vào khoảng không, buồn bã trả lời.

- Tôi ngủ không được, đang lo không biết Châu vợ tôi giờ đang ở đâu. Tôi không biết quyết định về lại

chuyện này là đúng hay sai nhưng con tôi mới hai tuổi. Không ai muốn chờ người vượt biên có con nhỏ sợ nó ồn ào sẽ bị khám phá ra, chưa nói đến hành trình vất vả khó lường. Châu thì không tháo vát, trẻ con yếu như vậy thật sự rất cần một người cha. Tôi tin anh, anh Hai. Nếu chuyện này cứu được vợ con tôi, chúng tôi không quên ơn anh.

- Ôn nghĩ thì không cần phải nói tới đâu anh Văn, nhưng mà tất cả mọi người cùng hợp sức, tin tưởng và cầu ơn trên hộ trì.

Tàu trực chỉ hướng Tây Bắc. Sao mai đã mọc đằng Đông giống như một chấm trắng của hạt kim cương nhỏ trong bóng đêm, không đủ sáng. Ánh trăng vẫn còn lưu luyến tiếc nuối đêm mười sáu tĩnh lặng tuyệt vời, dù chỉ còn là một vòng tròn màu trắng trên nền trời nhưng cũng muốn toả sáng lần cuối, chuyển đêm đen thành xanh lam, soi đường lúc tạ từ cho mấy vầng mây thân thương đã bầu bạn suốt đêm dài. Vũ trụ đang se sẻ chuyển mình, ngai vàng đang bỏ trống trong cái thời khắc rạng đông đẹp nhiệm màu miên viễn. Chập chờn giữa tối và sáng, trăng từ từ mất hút sau đường chân trời nóng đỏ le lói. Gió vẫy tay chào biệt, mong lại gặp đêm mai. Mây giăng giăng từng vệt dài không ra hình thù rõ rệt nhưng cũng muốn lợi dụng phút tự do ngắn ngủi mà chọn lựa cho mình một kiểu dáng, một hình vóc, một sắc màu: trắng, hồng, xanh, tím và ở lại hay bay đi trước khi xông xáo vào lãnh địa của nắng lửa mà “bạo chúa mặt trời” đang lừ đừ trở dậy quơ gậy quyền lực gầm gừ thao tác vũ trụ.

Anh Hùng đốt lò nấu nước pha café; loại tinh chế không có xác, tan hoà trong nước; với sữa bột và đường. Tô mì Mã Lai ăn liền tiện và lợi, cay đến làm mọi người tỉnh ngủ, cộng thêm hai quả trứng cho mỗi người, đã xua cái lạnh thời khắc rạng đông trên biển. Chúng tôi ngồi vòng quanh Tài vừa ăn vừa nói chuyện.

- Tới bên đó rồi anh định sao? Ngày nào chúng ta gặp lại? Ngày nào sẽ rời VN?- Hùng lên tiếng trước-.

- Sao dành hết tất cả mọi câu hỏi một mình vậy. Chắc anh em ở đây ai cũng có cùng thắc mắc như anh phải không? Cũng khó nói lắm. Chúng ta nên cùng thảo luận xem thế nào cho hợp lý, tuy nhiên có câu trả lời càng sớm càng tốt.

Tôi chỉ mới biết Hùng hơn tháng nay trên đảo trong một dịp bơi săn cá đuối. Hùng bơi rất giỏi và lặn thật sâu Hùng vốn là Thủy Quân Lục chiến, tuổi gần ba mươi, người miền Trung giọng nói rất cứng đôi mắt to, má cao, mũi cũng to như hình dáng anh. Tóc dày nghịch ngợm đen kịt mới cắt tém phía dưới nhưng phần trên vẫn bồng bênh bất phục, phủ xuống vàng trán rộng dù anh cứ thỉnh thoảng dùng năm ngón tay làm lược vuốt ngược chúng nó về phía sau. Da anh màu nâu đậm có lẽ vì đời lính gian khổ, mặt rỗ hoa, chuôi mắt hiện vài nét nhăn hơi sớm vì ưu tư nhưng cái miệng rộng nụ cười tươi thích trào lộng làm dịu nét khắc kỷ, dễ thu phục cảm tình người đối diện. Trông anh như chập chùng vùng quê Đà Nẵng -Sơn Trà huyền bí, mà có lần tôi đã ghé lại khi đi cứu trợ nạn lụt miền Trung năm 1970-1971. Anh nói:

_ Ngũ hành Sơn nhưng tới sáu ngọn núi. Động Huyền Vi và Linh Sơn Tự. Động Tam Thai với chùa Thái Sơn. Chùa và động hòa quyện vào nhau kết hợp hài hoà giữa cảnh và người...

Và cứ thế anh thao thao bất tuyệt mô tả với giọng miền Trung thật dễ thương. Anh tiểu ngạo kể:

- Bán đảo Tiên Sa của quê tôi cũng chỉ dài hơn hòn đảo này một chút nhưng có tiên ông ngồi đánh cờ và tiên nữ ngâm mình trong suối. Ngày xưa khi trèo cây hái trái về dâng lên cho các vị Tiên nhưng bây giờ chỉ còn quỹ thôi nên tôi phải bỏ đi. Dù sao tôi cũng không nên phàn nàn gì, bởi vì có một nàng tiên đã bị đoạ đầy chịu làm vợ tôi, di theo tôi. Anh ngâm nga

“Chiều chiều mây phủ Sơn Trà.

Sấm rền non nước trời đà chuyển mưa “.... (1)

Mãi vợ vẫn tôi chột tinh khi nghe anh Văn lên tiếng.

- Đúng vậy, tôi không muốn khi được phòng vấn mà không có mặt ở đảo nên phải trở lại càng sớm càng tốt.

- Khi tôi ra đi vợ tôi đang trú với người chị ở Mũi Né. Trong một tuần tôi sẽ trở lại, trễ lắm là mười ngày. Hùng khẳng định.

- Tôi sẽ trở lại đúng hẹn dù tìm được vợ con mình hay không. Văn nói.

- Nhà tôi ở Vĩnh Long cũng gần Cần Thơ, tôi sẽ không rời xa anh lâu đâu - Tài trả lời.

- Tôi không biết vợ tôi ra sao và ở đâu vì trong chuyến đi nó không đến được điểm hẹn. Tôi đi từ mũi Gành Hào Cà Mau. Trong lúc lội ra ghe đang đêm thì Công An rượt đến mạnh ai nấy chạy. Tôi lên được ghe còn vợ tôi lạc mất. Chúng tôi không còn ai ở đây ba má tôi đã đi Úc rồi, họ theo diện đoàn tụ với người em lấy chồng Triều Châu. Tôi hy vọng vợ tôi không bị bắt-Cửa chêm vào giọng lo lắng buồn bã.

Tôi nhìn Cửa, gương mặt của Hương rừng cà Mau hiền lành chịu đựng khả tín từ cái giọng nói nhỏ và chậm. Bàn tay thô kệch chai cứng nhưng thông thạo mọi thao tác trên tàu, anh người phốp pháp nhưng hơi thấp. Chúng tôi kỳ vọng ở kinh nghiệm đi biển của Cửa. Chuyến đi này anh là người sẽ giúp tôi cũng như Tài là lính Công Binh nên sẽ đảm trách coi máy. Tôi tin tưởng khả năng của họ.

- Tôi sẽ cho các anh biết chỗ tôi tạm trú. Tuy nhiên tôi cũng phải dời dỗi liên tục để chạy việc và cũng cho an toàn. Thật là tốt khi anh Tài ở gần, anh sẽ giữ tàu sau khi liên lạc với gia đình xong. Như vậy là đồng ý cả rồi nhé. Mọi người có trách nhiệm trở lại điểm hẹn trễ nhất là mười ngày. Không một ai muốn có bất cứ điều gì xảy ra nhưng nếu tới thời điểm thiếu đủ gì thì tàu cũng phải đi thôi. Bây giờ chúng ta trực chỉ xông vào

vùng địch, cẩn trọng và tự tin. Ngày trở lại Pulau Tenggol chúng ta sẽ mang theo đủ người thân của mình

- Okay- Mọi người vùng cao nắm tay như đội banh sắp vào vòng đấu.

Mặt trời đã lệch về Tây nhưng đỏ và nóng khủng khiếp như báo hiệu một điềm bất thường, không khí thiếu hơi nước làm cho cái vòm tròn xanh trên đầu trong và cao hơn. Tĩnh lặng quá! Một đám mây đen ở đường chân trời, nhỏ như trái pháo vừa bị tịt ngòi, xì hơi khói quện vòng tròn trên nền trời xám trắng đục mờ từ từ tăng tốc, cố đuổi theo đường đi của chúng tôi. Tàu đang trực chỉ hướng Đông Bắc kinh tuyến 106, nam Việt.

Hơi khó thở, tôi gọi Cửa chỉ cho anh vùng trời đen, phía có làn khói bay lên bây giờ toả rộng như đám cháy lớn, bị gió làm lan nhanh. Cửa nhìn thật kỹ, anh chậm chậm cân nhắc:

- "Tháng ba bà già đi biển". Bây giờ là tháng sáu Âm Lịch, mùa bão đã đến. Khí hậu tự nhiên trở nóng, và vầng khói đen giống như là trung tâm bão đang hình thành, mình trực chỉ Bắc hơi lệch Đông nhưng thế nào cũng bị ảnh hưởng vì bão sẽ chuyển từ Tây sang Đông để vô đất liền. Tàu chúng ta nhẹ re khó chìm, nếu cứ rán giữ tay lái, cỡi sóng đừng cho bị lật úp hy vọng sẽ qua khỏi. Nếu tôi đoán không lầm chúng ta sẽ bị vật vờ suốt đêm nay, cố buộc chặt tất cả mọi thứ vô sườn tàu, ngay cả bản thân nữa để khỏi bị rớt xuống biển... Nếu bão lên hơn cấp mười, gió hơn một trăm km giờ thì cũng khó chống trả lắm.

- Minh rà đài thứ xem có nghe được tin tức gì không?

- Mất sóng rồi- Văn trả lời-

- Anh Hai nghĩ sao. Quay tàu trở lại thì tránh được bão tuy nhiên, chúng ta đã rời đảo hơn tám giờ rồi? Tài nói

- Không có chuyện quay trở lại, chúng ta ra đi là đã thách đố với mệnh số rồi. Nếu thật là bão như anh Cửa

nói xin mọi người chuẩn bị. Anh Tài xem lại máy móc và dẹp hết mọi thứ xuống khoang dưới, nhất là thức ăn và nước uống. Tôi và Cửa sẽ lái tàu ...

Suốt ngày hôm ấy, gió mạnh dần, thổi nhanh nhanh, chậm chậm, sóng to tung cao như ngọn đồi, rồi hạ thấp, nhồi lắc, thử sức con tàu, trêu ghẹo chúng tôi. Nhờ ban ngày, tôi thấy vững tâm và cùng các bạn chuẩn bị cho tình hình ngày một thay đổi mà tôi chưa có chút kinh nghiệm nào.

- Tối nay bão sẽ theo kịp chúng ta anh hai ạ. Đồ đạc dọn dẹp và buộc chặt hết rồi, mọi người hãy ăn chút gì đi.

- Hãy cầu nguyện cho chúng ta thấy được mặt trời ngày mai.

Màu trời đổi nhanh hơn tưởng tượng. Hòn hoả sơn đang phun khói ở phương Tây bị vỡ vụn ra từng mảng. Mây đen như những con thú hoang tràn đồng. Một vài tia sáng còn sót phía Đông làm cho màn trời trước mặt như khung vải của một cái màn ảnh lớn mà người đứng sau hậu trường điều khiển ánh sáng muốn kết thúc màn diễn bằng cách kéo cái cần chậm chậm, từ chói loà đến mờ tối. Mặt nước như nâng con tàu lên, gió đẩy tạt về phía Đông, bỏ xa những núi bông trắng và đường chân trời viền vàng mỏng sáng còn sót lại đang hồi hả di tản để lộ giá ông mặt trời lặn sâu bằng "tiềm thủy đình". Âm thanh của gió nhanh rầm rập như hòa xa, Sấm chớp loạn xạ giống hoả lực không tập của hàn ngàn máy bay trên đầu. Đêm thật đen. Ngọn đèn bão trên phòng lái le lói, chao đảo. Tiếng nện rầm rập ra lệnh không ngừng nghỉ: "Tấn công, tấn công". Một cuộc chiến đấu dai dẳng không mục đích, bất tận, cuốn theo đoàn âm binh đen, trùng điệp lằng xằng, nhằng nhừ tri kéo. Chỉ tội cho những con sóng đầu đen be bé chưa đủ lớn, ngã gục tan tác thành bọt tím thẫm trước sức mạnh của các đàn anh cùng giống nòi, phô trương cường lực nhe nanh múa vuốt, nhấn chìm rồi nuốt

chừng. Sóng bị gió đẩy ồ ạt búa vùi, trào lên đồi cao, để lại khoảng hố sâu hoắm, bí hiểm rồi ầm ầm hụp hẫng, tự đổ ngược. lộn đầu rớt lại xuống vực thẳm, liên tục, tiếp nối, diễn trò nhào lộn.- Thật là phí phạm công sức khi mà chỉ có con tàu bé tẹo này làm khán thính giả, cũng là nạn nhân-!!

Nhờ là tàu đánh cá, chèo sóng và có phòng lái hần hoi. Những con sóng như trái núi, ôm trùm đến nghẹt thở phủ xuống thân, nước tràn qua hai bên, đầu tàu vẫn bướng bỉnh ngất ngư trời sụt, bập bênh. Nước đổ lá khoai, trả về cho đại dương đen; nếu một ít chen lọt vô lòng tàu thì máy bơm lại làm phận sự của mình. Một cuộc đấu tranh sống chết giữa người và quỷ dữ. Tôi nghe tiếng gầm thét của bão giờ đây còn to hơn tiếng của đoàn xe tăng ồ ạt từng đợt càn quét nã thần công toé lửa trong trận chiến của thuở nào, và sa trường khói mịt. Hăm tiến của tôi cứ lắc lư sắp đổ, âm thanh đầm vô tai tra tấn chờ tôi khuất phục. Bao tử nôn nao khó chịu dù ban chiều tôi chỉ uống tí café sữa. Giờ thì tôi chỉ có thể thấy được trước mắt nhờ làn chớp điện trời, xẹt dọc, xẹt ngang cổ xé toạt không gian nhưng màn mưa như trút nước cũng đánh vật cùng ánh sáng che hết tầm nhìn. Con tàu thật nhỏ bé trên mặt nước xanh đen bị nâng, bị vùi, nhưng vẫn loạng choạng tiến tới như lững tữ ngông, say xỉn, không sợ chết, nhất định chọn lựa đâm sâu, cố xuyên thủng bức tường đục lờ dựng sừng sững trước mắt..

May mắn là tôi đã chọn được con tàu khá mới, thành vách kiên cố nó cố chịu đựng sự nhồi, ném, xô, lắc, dồn ép, kêu rần rắc đầy thương tích, cùng rên rỉ với cơ thể tôi bầm dập. Nhờ kinh nghiệm chiến đấu trường kỳ tự ngày xưa đã giúp tôi căng mắt ra nhìn đêm đen dày dặt, liều chết giữ chặt vô lăng như giữ tay súng trận mà ngọn sóng là binh thù hàng hàng lớp lớp đang liên tục tấn công tôi. Người tôi đau như vì cổ dùng sức bao lâu rồi tôi cũng không rõ nhưng tôi cảm thấy dài lắm. Tôi

thật mệt và buồn ngủ, nhưng tôi không thể. Ước gì có được ly café nóng. Cỗ tôi khô đắng, tôi tự vả vào mặt cho tỉnh ngủ. Nếu tôi nhắm mắt là tôi sẽ bị vùi vào cái hố của triệu triệu kẻ thù đen ngòm kỳ quái muốn nuốt chửng tôi. Đã hứa với vợ con, tôi phải thắng trận này.

Thật ngạc nhiên là Cửa đã buông xuôi sau một thời gian giằng co!! . . . Vẫn không cần phải nói đã nằm dài ngay sau vài cơn sóng lớn. Chỉ có Hùng còn treo mình canh máy; quả là đời binh ngũ đã tôi luyện chúng tôi sức chịu đựng. Một đợt sóng đánh ập vào mạn tàu như tiếng sét, tiếng rồn rảng của đồ vật đổ nhào. Cái đèn báo treo trong phòng lái đứt dây treo đánh xoảng trên sàn tất ngúm. Tàu nghiêng hẳn về một bên chừng như sắp lật úp, rơi âm xuống khoảng sâu của hai lượn sóng liên tục hợp sức đập lên sườn, lên đầu, Hùng lo lắng hỏi:

- Anh còn đó không, liệu còn chống chọi nổi không?

Tôi cắn răng bẻ tay lái bằng tất cả sức mình dẽ cưỡi sóng trời lên, lấy lại thăng bằng. Không thể cho sóng cơ hội đánh theo chiều ngang bên hông tàu. Người tôi đầm mồ hôi dù gió đang rít. Tàu lại nhẹ hòng, cắt sóng lướt lên sinh tồn. Nước chạt hai bên boong, nước ướt mặt tôi, ướt cả người tôi, tóc che mắt tôi từng bết. Tôi mò bấm chiếc đèn bin. nó vẫn còn đó vì được cuốc chặt. Gió thổi phành phạch tẩm phôn che trên nóc buồng lái.

- Tôi không sao, chỉ hơi khát nước. Mấy giờ rồi?

- Bốn giờ hơn. Tôi đang cuốc chặt vào cột nên không lấy nước cho anh được. Máy vẫn chạy tốt, tốc độ vừa phải. Liệu mình qua nổi không anh hai?

- Nhất định, vậy là mình đã vượt qua một ngày và gần trọn đêm rồi, có điều hình như kiếng phòng lái bị vỡ, tôi đã bị ướt hết người.

- Mình phải sống, mình phải thắng nếu anh mệt tôi mở dây trèo lên giúp anh, anh chỉ cho tôi phải làm thế nào.

- Tàu đã bị dạt theo gió, chỉ cần không bị lật úp, trời

sáng sẽ định hướng lại. Anh và tôi đều phải ở vị trí của mình. Chúng ta làm được mà.

Chuyện không thể cũng biến thành có thể nếu mình cố gắng. Chúng tôi đã thoát nạn sau một ngày một đêm chống chọi. Sóng đã lặng bớt. Chiếc Radio tí tẹo của Văn mang theo đã bắt được sóng và cho biết là cơn bão cấp mười đánh vô vùng biển từ Vũng Tàu trở xuống Cà Mau đang làm thiệt hại nhiều thuyền đánh cá của Việt Nam ta, dù bây giờ đã nhẹ xuống nhưng mưa vẫn còn trút nặng trên đất liền.

- Hãy chậm chậm đừng đuổi theo cơn bão. Nó đã chịu bỏ rơi mình rồi. Sớm nhất là chiều mai hy vọng mình sẽ cập vô cửa Định An. Mọi người lấy sức một chút trước khi đối diện với áp lực khác.- Tôi nói lúc đang uống ly café nóng sau bữa ăn do Cửa trao cho. Trời đã rạng đông-

- Xin lỗi anh hai, tôi chưa bao giờ đi giữa cơn bão cấp mười như thế này trong suốt thời gian làm biển. Tôi thật khâm phục sự chịu đựng của anh cũng như Hùng. Anh nói thật là chưa bao giờ đi biển trước đây?

- Tôi là Không Quân anh quên sao anh Cửa? Sự chịu đựng chỉ do kinh nghiệm của quân trường tôi luyện thôi phải không Hùng? Chuyến rồi tôi cũng bị hút vào một cơn giông nhưng nhẹ hơn và nhanh hơn. Nếu ghe cà dôm của tôi mà bị cơn bão như thế này thì chắc tôi không còn ở đây để nói chuyện với anh.

- Tối phiên anh lái tàu rồi đó "ông Cửa" ạ, chúng tôi cần chọn mất một tí. Cứ theo đúng hướng trên la bàn, khi thấy VN hiện ra thì đánh thức chúng tôi dậy. Thật thì chắc cũng còn lâu mới tới, Hùng nói-

Ngủ như chưa bao giờ được ngủ trong đời, nằm xuống là tôi đã mơ đi một vòng Bến Ninh Kiều, Phụng Hiệp, về thăm căn nhà ở Long Thạnh với hàng Sưa Đũa bông nở trắng và cây hoa Quỳnh trong chậu một mình chờ vợ buồn bã bị bỏ quên. Bên kia trụ sở nhà việc ồn ào náo nhiệt, một hàng thật dài dân đứng chờ mua hàng

theo hộ khẩu và ông tư Choi; cán bộ Mặt Trận Giải Phóng miền nam; đầu đội bánh vải đỏ cười toe toét tung tăng như một chú hề, vì chỉ một mình ông ấy mua được tới gần mười thước, có thể quấn từ đầu tới chân ba vòng vẫn còn thừa... Con chó Fidel nằm gát mỏ bên cửa, nhồm lên rồi nằm xuống vì thấy chuyên lạ. con mắt nó nhấp nháy như biết cười. Quế Chi đang ôm cổ nó ve vuốt bảo nhỏ: “Đừng có sủa bậy biết không? Người xấu đó...” Thình lình có tiếng đập cửa: “Mở cửa, mở cửa mau. Xét nhà, xét nhà.. Có lệnh tập trung.”

- Anh Hai, anh Hai.- Ai đó đánh thức tôi. Mở mắt ra tôi chơi với như được vực khỏi hố sâu bệnh bùng...

- Chuyện gì đó anh Tài? Lại bão tới nữa hả?

- Mắt anh sáng nhìn xem hình như mình đã tới VN.

- Tôi đã ngủ hai ngày rồi sao?

- Anh chỉ ngủ bảy tám tiếng gì đó thôi. Bây giờ sắp sáu giờ sáng. Hôm nay biển rất lặng.

- Thế thì mới có.. để coi.. hai ngày ba đêm từ lúc mình khởi hành thì làm sao mà tới nổi?

- Vì vậy tôi mới đánh thức anh. Chúng tôi cũng đã cãi nhau. Tôi không vượt biên từ bãi này nên tôi không nhận diện được ngõ vào cửa Định An nhưng dải đất trước mắt chúng ta nhất định là VN

Dòng nước đục lờ pha trong bể nước trong xanh từ cửa sông chảy ra. Quê hương tôi đây mà. Làm sao tôi quên được buổi sáng sau khi thoát khỏi cuộc truy đuổi của tàu tuần dương Cộng Sản. Giao tay lái cho Ngẫu tôi ngồi thừ ra nhìn lại rừng cây xa xa, chỗ lõm sâu vào cửa cửa sông như vết cắt của một cuộc giải phẫu chưa lành mà máu màu đỏ nâu cứ từ vết thương đó mà cuộn cuộn chảy. Tôi muốn ghi nhớ thật kỹ hình ảnh chặt không dứt bút không rời của sông nước ngày đó, sao cứ như muốn xua tôi đi không một chút thương tiếc như cha tôi đã gầm lên:

- Tao đã biếu mày phải dẫn vợ con mày đi là phải đi.

Lải nhải, lải nhải cái gì...

Nhưng hôm nay, triều nước đang dâng, rút ngược về nguồn Con về rước mẹ cha dù bão tố cô tình ngăn con, dù bên kia bờ sông sông táng núi dựng trong toà miếu hoang, trách nhiệm một lời thề với Nhân và hai đứa trẻ, nhưng: "Cha Mẹ già như chuối chín cây.." Con rất sợ ngày "gió đưa cha mẹ rụng.."

- Hùng hãy cho đập bể phía đầu tàu, bên hông buồng lái cho giống như bị bão tàn phá nhưng đừng đập quá to đến độ nước vô. Tài đi thu dẹp tất cả tàn tích thức ăn nào có từ Mĩ Lai như mì gói, lọ café, lọ sôcôla..v.v ném hết xuống biển. Và bây giờ là lúc nhờ tới anh đó anh Văn: Thay bộ đồ lính Cộng sản, mũ tai bèo mình mua được hôm chuẩn bị đi, và mua ba tất lưới người Hà Nội của anh ra, cố sao cho qua cho được trạm này.

- Thế nếu chúng hỏi đến giấy tờ thì sao? - Văn lo lắng nhìn tôi.

- Cái gì cũng đồ cho bão cuốn mất. Mình ghé lại nhờ tu sửa, chuyển ra sẽ trình cho họ. Mình đi vô, nó đâu có ngờ, chúng nó chỉ canh bắt tàu ra, đi vượt biên thôi.

- Tàu chúng ta đi từ đâu? Tôi không rõ.

- Tàu này mang bang số VT 417 - VT là Vũng Tàu nhưng tôi đã cho thêm hai gạch hai bên chữ V bây giờ nó là MT tức là Mỹ Tho. Chúng ta là tàu đánh cá từ Mỹ Tho. Anh là Cán bộ đặc nhiệm theo tàu khi tàu bị biến thành tàu Quốc Doanh. Giờ đây máy đã hỏng chỉ còn một máy nhỏ thôi, nên cần về ụ tàu ở bên Xóm Chài để lắp ráp lại.

Và theo đúng kế hoạch "lập lờ đánh lặn con đen" ấy mà chúng tôi qua trạm, Anh Văn cũng đóng kịch khéo lắm, chưa kể cứ là người Bắc, nói giọng Bắc kỳ giai cấp thống trị là phu trạm, lính tuần nào cũng sẵn sàng "Thưa Ông mọi thứ đâu vào đấy cả ạ".

Chiếc tàu được gọi vào ụ tàu đúng theo trình tự đã kế hoạch. Tài ở lại trông tàu, vì không thể bỏ mặc cho chúng. Mọi người tự tìm cách tán mạt về tìm

người thân của mình. Sau một ngày tôi liên lạc gởi ra đưa em trai tôi ngủ giữ, để Tài về nhà lo chuyện vợ con. Ba ngày sau Tài trở lại đảm trách làm người trụ cột với con tàu cho đến khi sửa xong. Họ hẹn mười tới mười lăm ngày là trễ nhất sẽ khởi hành. Sẵn dịp tôi nhờ họ sơn lại màu nâu, để khi về Mã Lai họ không nhận ra được.

Trở lại Việt Nam là câu chuyện giả tưởng mà bất cứ ai cũng nghi ngờ mức độ khả tín của nó. Thật cũng khó trách trong cả chế độ hà khắc, vừa vét, cướp giết chỉ có tiền là trên hết này thì còn ai tin được ai. Người thức thời và có cơ hội đã ra đi từ ba năm trước. Người quá thánh thiện cả tin thì bị tổn thương như chim bị nã, rơi là tả trên đường thoát nạn, nếu may mắn đi được, họ trở lại hay sao? Tôi lách qua cánh cửa lúc nào cũng mở ở nhà tôi, gần trại cura Cầu Xéo Cần Thơ với nón vải cũ phủ xụp khỏi trán, quần kaki sờn, áo xám vải hồ dầy tôi mặc ngày vượt biên cách đây ba tháng cộng thêm cái kính mát rẻ tiền. Lúc đó đã quá trưa, đi thẳng ra phía sau. Thiện em trai tôi đứng ngay đây, tôi gỡ kính xuống, Má tôi đang ăn trưa buông đôi đũa làm rơi xuống sàn gạch. Bàn tay run rẩy há mồm sừng sốt nhìn.

- Nguyễn ! ..Chuyện gì xảy ra? Cả nhà tưởng là con đã đi được rồi ! !.Thế bộ con ..

- Anh ngồi đi. Ba bị bắt anh có biết không?

Tôi ôm má tôi vuốt lưng bà và nói:

- Thì con đã đi được thật nhưng con trở về từ Mã Lai. Con muốn cứu Ba ra và chờ hết mọi người cùng đi.

Ông anh họ tôi Trần Thu Thạnh từ trên lầu đi xuống. Ông cũng là sĩ quan bị đi học tập vừa được thả về không lâu.

- Chú Ngoán, Tôi có nghe lắm không, chuyện này là thế nào?

Tôi tóm tắt sơ lược mọi việc cùng chủ đích của mình. Trông ông tái mét chẳng tán thành tí nào.

- Lên phòng tôi trên lầu rồi nói chuyện sau... Chú

cũng biết, Bê (2) bị bắt, nguyên nhân chính cũng vì chú đi mất. Ông là người bảo trợ cho chú và liên đới đến cả cô Hai Trâm. Hiện nay tôi bị quản lý gắt gao vì họ sợ tôi lại bỏ trốn như chú. Nhà mình đã tung khá nhiều tiền lo lót lên đến Tỉnh Ủy. Cũng may cô ấy còn nghĩ đến tình xưa nên Bê không bị tra tấn nhưng tai mắt họ rải khắp nơi để nhòm ngó nhà mình. Chú không định ở đây chứ?

Cô Hai Trâm là một người làm cách mạng chung với ba tôi trong phong trào kháng Pháp, rồi Nhật nhưng sau đó đi tập kết miền Bắc. Cô cũng có gốc Tàu và có bà con xa sao đó với ba tôi. Chúng tôi nhờ đó mà được trả tự do sớm hơn nhưng bị quản lý tại gia. Thanh và tôi cùng lớn lên dưới một mái nhà. Cha mẹ Thu Thanh và Thu Hồng (Muôi- tên gọi ở nhà) qua đời sớm nên được ba má tôi đem về nuôi, vì Thanh lớn hơn tôi hai tuổi nên tôi phải gọi bằng anh dù anh em Thanh là con nhà chú. Tôi là đứa ngỗ ngáo tính nết ngang ngạnh, lúc nào cũng phát minh ra đủ mọi trò phá phách, chà bủ với Thanh rất khupon phép hiên lảnh để báo, lúc nào cũng được lòng tin của cả nhà. Chìa khoá tủ nhà tôi trong tay Thanh mà tôi thì chà thềm chú ý gì. Dù khác biệt nhưng chúng tôi rất thương yêu nhau. Ngược lại Thanh và Hồng cũng xem ba má tôi như cha mẹ mình.

- Không, tôi sẽ về bên vợ tôi, hay lên nhà một người bạn ở Xóm Cùi.

- Con ăn cơm đi rồi tính sao?

Má tôi đã bình tĩnh lại và đang dọn lên lẩu, mâm cơm với tô thịt kho trứng cùng đĩa bông hẹ xào giá mà không cần hỏi xem tôi có đói hay không. Tôi đánh sạch ba chén cơm chưa đầy năm phút một cách ngon lành rồi cầm ly trà đá vừa uống vừa bảo Trần Lương.

- Lát sau em đi thông báo mấy đứa em vợ anh dùm. Sau đó ngày mai em có thể giúp anh trông chừng Tàu, trong ụ tàu bên xóm chài.- Ụ tàu Huỳnh Anh hồi xưa chiếc ghe cà dom đã từng đậu ở đó em biết chỗ

không?-

- Bây giờ là của Quốc Doanh mà sao anh dám về ở đó?

- Thì tàu anh cũng là tàu Quốc Doanh, bị hư chính phủ phải tu sửa mới đi đánh cá được chứ.

Nhìn Lương ngơ ngác tôi nghĩ thăm quả là hiền Lương đúng như tên cha mẹ đặt cho. Không biết nó làm sao sống nổi trong buổi “Thời suy quỹ lộng này” Bao giờ em mới lớn lên, em đã hai mươi lăm. Thanh nhìn tôi lắc đầu không nói gì một lúc sau quay sang má tôi hỏi nhỏ;

- Nhà của Lưu có tiệm chụp hình Lưu Niệm khách ra vô khó kiểm soát. “Úm” (3) nghĩ Nguơn trú ở đó được không?

- Tốt lắm, cháu đi liên lạc ngay đi.

- Lương sẽ làm việc này, con muốn thảo luận một chút vấn đề của Ba với hia Sên (Thu Thanh).

- Bê cũng được về thăm nhà mấy lần trong tháng cuối cùng vì mình đã lo lót tới mấy cây vàng cho cấp trên. Họ cũng thấy bọn mình càng đi khỏi nước sớm chừng nào thì chúng càng đỡ nhức óc chừng đó. Họ còn giữ Bê vì hy vọng moi được nhiều hơn tuy nhiên vì có cô Trâm, chúng không xét nhà được. Chú cũng biết ba đâu có đại gì mà giữ vàng ở đây.

- Anh liệu có thể lo lót với chúng cho tôi gặp Ba một lần ở nhà này được không?

- Gặp thì được nhưng chú có kế hoạch gì để khi tôi thăm Bê tôi báo trước với ông. Thường khi Bê về đây cũng có một tên lính theo canh chừng, nó cho ở chơi chừng vài giờ, mình cũng phải rệu chè cơm nước cho nó.

- Thế thì cũng tiện. Mình cho nó uống say rồi trối gô nó lại bỏ đây, cả nhà sẽ lên ghe đông tuốt qua Mã Lai là xong chứ gì.

- Chuyện không dễ dàng như chú nghĩ. Giữa ban ngày, ban mặt mà kéo nhau đi, sợ chưa tới bến Ninh Kiều là nó đã tỉnh rệu la lối òm tòi lên. Phường khóm ở sát

nách ta, chuyện gì sẽ xảy ra chứ

- Cái gì với anh cũng khó cả. Vượt Biên là liều mà vượt ngục dĩ nhiên phải liều hơn rồi.

- Tôi không cãi với chú, tuy Bê quyết định, chú phải hiểu Bê già rồi và Bê sẽ được thả sớm thôi.

- Cả nhà đâu hết rồi? Chị Tám ơi..- Có tiếng thím Năm hàng xóm và bước chân lẹp xẹp ở nhà dưới- .

- Tôi xuống ngay đây. Có chuyện gì vậy thím Năm?; Má tôi hồi hả chạy xuống nhà dưới chặn bà ta lại. Tiếng thím Năm Phũ lại vang vang.

- Tôi chỉ ghé qua nói chuyện chơi thôi, sẵn mượn chị muống dầu ăn, mai tôi mua sẽ trả lại...

- Không sao, chừng nào cũng được. Tôi cũng còn chừng một xị (4)

- Chị nghe nè, thằng Tèo chạy xe lôi đậu chờ khách ở đầu hẻm nó nói nó thấy một người mang mắt kiếng đen tương giống hệt như cậu Nguơn đi vô đây nó định chạy theo xem cho rõ thì có khách gọi xe nên nó không bắt kịp. Đúng là thằng khùng. Vợ chồng chúng nó chắc đã tới Úc rồi. Nhà chị thật có phúc. Đã đi trót lọt bốn đứa ..

- Thật ...sao...Dĩ nhiên là người giống người thôi. Tôi cũng rất thương vợ chồng nó, con nó còn nhỏ quá. Tôi biết là Thanh nói đúng. Nhà tôi đang bị dòm ngó, tai mắt bọn chúng rải khắp nơi chưa kể người mình đa số quá nghèo, nhàn rồi thích bàn bạc thiên hạ sự và cũng không cần biết hậu quả thế nào đến cho người khác, dù sự thật họ không ác ý. Không thể ở đây được rồi, tôi đi ngay khi trời sắp tối. về nhà bên vợ ở Cầu Tham Tướng tìm mấy đứa em vợ.

Cũng cánh cửa ván kéo hờ còn một cánh mở chứng tỏ có người ở nhà. Nghe tiếng động, Hồng nhô ra chân trong chân ngoài dáo dác nhìn. Khi nhận thấy tôi đứng đó trong tranh tối tranh sáng khoảng bảy giờ.. Một chút ngạc nhiên nhưng Hồng sầm mặt lại.

- Anh từ Mã Lai về...- tôi nói nhanh-

- Anh đã dẫn Huệ đi làm cho mẹ khổ chết lên chết xuống rồi, bây giờ anh còn về đây muốn dẫn đưa nào nữa?

Lại một chồi non bị nhiễm khuẩn nhanh đến vậy sao!..
Tôi buồn bã nói:

- Em cho anh vào nhà trước rồi mình nói chuyện sau.

Như chợt nhớ ra Hồng nhìn chung quanh rồi nhường cửa cho tôi lách vào. Ba Má vợ tôi đều di chuyển về quê Búng Tàu. Nhà chỉ còn ba đứa con trai ở lại đi học.

- Hồng, em có thể tin cho Ba hay, và anh muốn nói chuyện trực tiếp với Ba về chuyện đem ông nội đi. Chị hai em rất thương ông Nội. Mục đích của anh về chuyến này là để rước hết cả nhà. Nhân còn nằm bên đảo chờ chúng ta sang đó. Anh định chỉ có thể ở đây lâu nhất là mười ngày.

Hồng không nhìn thẳng vào mặt tôi suy nghĩ mấy giây sau rồi trả lời:

- Anh không nên tự động gặp Nội đâu. Nội rất buồn chuyện anh chị trốn đi. Nội rất nóng tính. Nếu gặp anh là Nội túm anh la lên liền để anh đem chị hai trả lại. Nội biết gì về chuyện vượt biên đâu và không ai tin chuyện anh kể. Anh sẽ bắt anh ngay tức thì.

Tôi còn lạ gì tính tình “Ông già Ba Tri” đó. Ông đã tám mươi sáu tuổi rồi mà vẫn mạnh khỏe, nước da nâu hồng, tiếng nói ròn rảng của một người quen ra lệnh. Một ngày trước khi chúng tôi rời VN ông lò dò xuống thăm Chi và Thụy. Tôi không thể quên hình ảnh trái căng ngỗng của ông già nhà quê với giỏ Tôm Càng, và con cá Bống Tượng mà ông đặt lộp bắt được, lại mặc cái áo “bành tô” có từ thời Pháp thuộc chẳng bao giờ giặt, khoát bên ngoài bộ đồ bà ba lụa lèo màu ngà, cùng cái nón cối trên đầu. Tay chống cây gậy Đầu Rồng làm bằng gốc tre tự tay ông tiện có mắt, mũi, miệng, cùng hai tai vênh lên xinh xắn, chân mang đôi

giày Hàm Êt (5)

Ông không giàu nhưng nổi tiếng trực tính, hay đứng ra dàn xếp chuyện bất công trong làng mà khi ông nói thì ai cũng nghe theo, dù ông chẳng mang chức sắc gì. Tên ông là Vương Thới Hưng nhưng mọi người kính nể chỉ gọi ông là ông Sáu. –

Tôi trả lời Hồng:

- Anh chờ gặp Ba và lắng nghe ý kiến của Ba. Anh đi bây giờ. Liên lạc nhà anh.

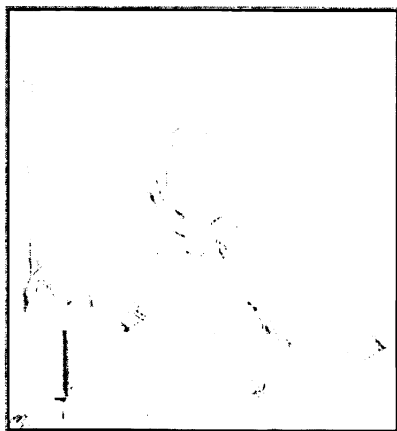
Tôi lên xe lôi về tiệm chụp hình Lưu Niệm của Lưu, với tâm trạng chán chường. Không lẽ mình đúng là một đứa trẻ ương bướng toàn làm chuyện không tưởng như cha mắng. Không lẽ mình sai thật sao?.

-
1. Ca Dao thường hát ở vùng Đà Nẵng
 2. Bác gọi theo tiếng Triều Châu
 3. Bác gái
 4. Một phần tư của lít
 5. Loại giày đóng bít phía trước bầu nhọn như mỏ con Êch, trồng ở sau gót, rất thông dụng cho mấy ông nhà giàu thời 1945

Kỷ Niệm Không Quên

đào anh dũng

Mẹ tôi ra đi ở quê nhà, thọ 103 tuổi. Hai ngày sau, vợ



chồng chúng tôi mới có chuyến bay trở về Việt Nam thọ tang mẹ. Trong hai ngày đó, hai thằng con của chúng tôi và hai đứa cháu gọi chúng tôi bằng bác gửi *email* nhờ tôi phiên dịch ra tiếng Việt những kỷ niệm chúng nó gọi là không quên, *unforgettable*, chúng viết ra đề giã từ bà. Cả bốn đứa đều chào đời ở Mỹ, đứa thì con đông, đứa bận học hành, đứa vì công việc, đứa thì muốn về nhưng không có *visa*, hãng máy bay không chịu bán vé. Vì thế, không có đứa nào có thể về Việt Nam để tiễn đưa bà.

Chuyến bay từ Chicago đến Tokyo dài đến 13 tiếng đồng hồ, những khi không thể ngủ được tôi lôi

chiếc *iPad* ra, phiên dịch những bài con cháu của tôi viết về bà nội của chúng nó. Đó là những kỷ niệm với bà vào thời chúng nó còn bé cùng với những cảm xúc, cảm nhận của chúng về tình thương bà đã dành cho chúng nó. Đứa này kể rằng nhờ Nội nó mới biết món cá kho thơm ngon đến cỡ nào, đứa kia nói nó vẫn còn giữ bên mình cái gối Nội may cho nó như một bảo vật. Đứa thì nhớ đến ngày Nội mới đến Mỹ, nó mới có tám tuổi, muốn Nội ngồi vào chiếc xe kéo của nó để nó đưa Nội đi thăm lối xóm: vậy mà Nội cũng chiều nó, ngồi vào cái xe nhỏ xíu ấy. Đứa thì nhắc đến những lần nó bị đứt tay hoặc đau ốm, Nội thoa dầu xanh cho nó và hôn nó trên đầu, trên tóc. Trong khi phiên dịch tôi nhận thấy những kỷ niệm ấy thật đơn sơ nhưng chúng rất sâu đậm, chân thành, chứa đựng thật nhiều tình cảm giữa bà và cháu. Còn tôi thì sao? Tôi cũng có những kỷ niệm với mẹ của tôi vào thời tôi còn bé, nhưng tại sao tôi chưa viết ra, để tiễn đưa mẹ và để chia sẻ cùng con cháu?

Thơ văn là thú tiêu khiển của tôi từ lúc chớm già. Thật ra, tôi có viết ba bốn truyện ngắn và năm bảy bài thơ về những kỷ niệm với mẹ của mình vào lúc tôi đã trọng tuổi rồi, chứ không phải khi tôi còn nhỏ. Mẹ tôi cũng có kể cho tôi nghe về cuộc đời của bà và tôi đã viết ra, đọc cho bà nghe trước khi bà trở về Việt Nam sinh sống với gia đình của người em thứ chín của tôi. Tôi hứa với mẹ tôi sẽ phiên dịch câu chuyện sang Anh văn để chia sẻ cùng con cháu, nhưng chưa có dịp.

Ngồi trên máy bay, không cần nặn óc, kỷ niệm đầu tiên tôi nhớ lại là những buổi sáng 30 Tết năm tôi chín, mười tuổi, tôi theo mẹ đi chợ Tây Ninh phụ xách giỏ cho bà. Mẹ tôi mua bông và trái cây để chưng bàn thờ Gia Tiên, thịt thà, rau đậu để nấu thức ăn cho ba ngày Tết, để cúng giỗ Ông Bà, để thết đãi bà con ở xa

về ăn Tết. Chúng quá nhiều làm sao một mình mẹ tôi xách cho xuề? Tôi đi theo mẹ, đến hàng này hàng nọ, chào hỏi các cô bác bán hàng, bỏ thức ăn vào giỏ, kệ nệ xách hai cái giỏ thiệt bự giùm bà. 30 Tết chợ đông nên mất gần cả hai tiếng đồng hồ mẹ tôi mới mua xong các món cần thiết. Điều tôi nhớ nhứt là lần nào mẹ con chúng tôi cũng ngồi xuống ăn đĩa cơm tấm hay tô cháo lòng trước khi lên xe ngựa trở về nhà. Nó ngon sao là ngon!

Kế tiếp là những tối ba mươi Tết anh em chúng tôi thay phiên nhau đứng bên mẹ, chờ bà may xong bộ quần áo mới cho mình mặc vào ngày mừng Một. Trong những năm ấy, chiến tranh nổi lên, vườn cao-su của cha mẹ tôi phải ngưng hoạt động, mẹ chúng tôi phải thuê *broder* mướn quần áo để kiếm thêm tiền chợ, phụ cha chúng tôi nuôi nấng đàn con đông đúc. Vào những ngày cận Tết, năm nào cũng có khá đông khách mướn mẹ chúng tôi thuê đồ, cho nên đến chiều 30 mẹ chúng tôi mới bắt tay vào việc may quần áo Tết cho anh em chúng tôi. Tôi không sao quên được ánh mắt chăm chú của mẹ khi bà nhìn vào lần chỉ, mũi kim; nhưng khi mẹ may xong, đưa cho tôi mặc thử, nhìn tôi cười sung sướng trong bộ quần áo mới, ánh mắt của mẹ sáng rực lên. Hôm nay nhớ lại tôi không thể tưởng tượng nổi vì suốt bao nhiêu ngày ngồi thuê thừa, may vá làm sao mẹ không đừ, không mệt. Dù cuộc sống có cực nhọc, có khó khăn cách mấy, tình yêu của mẹ dành cho anh em chúng tôi vẫn không hề suy giảm.

Năm tôi lên chín tuổi, cha mẹ tôi gởi tôi học nội trú trường dòng Lasan, xa nhà, ở tận Thủ Đức. Mỗi lần tôi rời nhà, bắt xe đò đi Sài Gòn rồi Thủ Đức để trở lại trường sau những ngày lễ hay nghỉ hè, mẹ tôi luôn làm thịt chà bông cất trong hộp lon sữa Guigoz để tôi mang theo ăn thêm cho bổ. Và, mỗi lần ấy, thấy mẹ luôn lo

lắng cho tôi, nhất là trong những năm chiến tranh con đường từ Tây Ninh đến Sài Gòn thường hay bị cộng sản gài mìn, đắp mố, tôi cứ nghĩ rằng là phụ nữ, mẹ yếu đuối nên mới lo sợ như vậy. Sau khi anh Năm của tôi, mới có 16 tuổi mà qua đời vì bệnh bấu óc, thời đó không chữa trị được, mẹ tôi lại càng lo lắng cho tôi hơn nữa làm cho lắm khi tôi cảm thấy khó chịu. Lớn lên, có vợ rồi có con, bao lần tôi ngủ không được vì thằng con đi chơi về trễ là bấy lần tôi nhớ đến ánh mắt lo lắng của mẹ tôi.

Vào năm tôi mười hai, mười ba tuổi gì đó, tôi bị bệnh hay mệt mỗi khi chơi thể thao với bạn bè. Vì thế, mẹ tôi phải lặn lội từ Tây Ninh xuống Thủ Đức, đưa tôi đi bác sĩ ở Sài Gòn. Tôi còn nhớ ông bác sĩ người Pháp, chuyên trị bệnh tim, phòng mạch ở đường Mạc Đĩnh Chi. Ông ta khám bệnh cho tôi, xem hình tim, hình phổi, thật tình nói với mẹ tôi rằng ông không tìm ra nguyên nhân tôi hay bị mệt. Mẹ tôi lộ vẻ lo sợ, bà chưa kịp nói gì với cô y tá để cô thông dịch lại cho ông bác sĩ, tôi đã mở miệng nói với ông rằng tôi bắt đầu bị mệt vào mùa hè vừa qua, sau một trận đá banh với bạn bè. Và, một ông bác sĩ ở Tây Ninh đã khám, đã chụp hình tim phổi của tôi, nói rằng tôi có một trái tim bị, bất bình thường. Ông cho tôi uống thuốc trợ tim và khuyên tôi không nên làm việc gì quá sức. Rồi từ lúc đó, tôi đâm ra sợ chết, không dám chơi môn thể thao nào nữa, và mỗi lần tôi ghiền, ra sân đá banh hay chơi bóng chuyền, bóng rổ thì tôi bị mệt. Nghe tôi nói vậy, ông bác sĩ người Pháp cười thiệt lớn và ông trấn an tôi, nói rằng thân thể tôi có phát triển khá nhanh, nhưng trái tim của tôi vẫn bình thường, không có bị. Ông khuyên tôi cứ chơi thể thao như thường lệ và uống những viên thuốc bổ ông sẽ biên toa cho tôi.

Hôm sau, mẹ tôi vẫn còn lo lắng, muốn đưa tôi trở lại trường rồi mới bắt xe đò về Tây Ninh. Tôi phải cố

gắng thuyết phục, bà mới bằng lòng cho phép tôi một mình đón xe đồ trở về trường ở Thủ Đức.

Ngày hôm ấy, sư huynh Albert, thầy phụ trách *infirmerie* (bệnh xá) của nhà trường, kêu tôi đến văn phòng và thầy hỏi thăm bệnh trạng của tôi. Tôi thật tình kể mọi chuyện cho thầy nghe. Thầy nói câu tạ ơn Chúa và thầy dạy rằng tâm lý con người rất phức tạp, nếu mình cứ lo lắng, nghĩ mình mắc bệnh gì thì mình sẽ mang bệnh ấy, và thầy khuyên tôi hãy đọc kinh, cầu xin Chúa sáng soi, cho tôi biết nghe lời ông bác sĩ, chơi thể thao trở lại như không có chuyện gì xảy ra.

Thiệt tình, tôi có đọc kinh cầu nguyện, nhưng vì vẫn còn sợ chết nên sau khi tan học tôi chỉ chơi bóng chuyền với bạn mà thôi. Hôm ấy, không có chuyện gì xảy ra nên hôm sau tôi chơi bóng rổ, kể đến là đá banh. Ngày qua ngày, tôi tiếp tục đọc kinh cầu nguyện, uống hết chai thuốc bổ ông bác sĩ người Pháp cho toa, tôi không còn lo sợ nữa và cảm thấy sức khỏe của mình bình thường trở lại.

Kể từ đó tôi lớn lên như trâu nhưng bạn bè không gọi tôi là 'Dũng Trâu' mà là 'Dũng Mập'. Kể từ đó tôi 'ngộ' ra rằng tôi chỉ biết lo cho bản thân mà thôi, còn mẹ thì luôn lo lắng cho tôi vì bà thương tôi, chứ không phải tại vì bà là một phụ nữ nên bà yếu đuối và thường hay lo lắng...

Bỗng có tiếng: "Ping! Ping!" và đèn trên trần phi cơ bật sáng lên. Tôi giật mình nhìn quanh, thấy các cô tiếp viên bắt đầu đẩy các xe thức ăn, thức uống. Nhìn bản đồ chuyển bay trên màn ảnh TV, tôi mới biết còn hai tiếng đồng hồ nữa máy bay sẽ đáp xuống phi trường Narita, Tokyo. Ngồi kế bên, nhà tôi mờ mắt, hỏi:

"Anh có ngủ được không?"

Tôi lắc đầu, đưa chiếc *iPad* cho nàng xem và nói:

"Anh viết ra vài kỷ niệm với má vào thời anh còn

nhỏ để cho con cháu mình đọc."

Nhà tôi cầm chiếc *iPad*, mắt lướt đọc những dòng chữ trên màn ảnh. Một lát sau, nàng nhìn tôi và nói:

"Sao anh không viết ra chuyện con chó điên anh kể cho em nghe lúc má sắp sang Mỹ ở với tụi mình? Em vẫn còn nhớ chuyện ấy, vì sao, chắc anh cũng biết!"

"Làm sao anh quên được, anh chưa kịp viết đó thôi!"

Tôi nói như vậy với nhà tôi chứ thật ra thì tôi 'già rồi, nhớ trước quên sau'. Nhờ nàng mà kỷ niệm ấy vụt trở lại trong trí óc của tôi.

Mùa hè năm ấy, năm tôi bảy tám tuổi gì đó, trời nóng oi là nóng. Một hôm có tin đồn lan về thị xã, nói rằng có một con chó điên cắn người loạn xạ ở vùng Cây Xiêng, cách thị xã khoảng ba cây số, nhưng chưa ai bắt được nó. Sáng hôm sau, tôi đang chơi bắn cu-li (bì) với anh tôi và mấy đứa em bà con thì có tiếng ai đó la lớn: "Chó điên! Chó điên!" Khi ấy, đến phiên tôi bắn cu-li và, vì ham chơi nên tôi ngồ yên, tiếp tục chăm chú nhắm hờn cu-li để bắn, không bỏ chạy vào nhà như mọi người. Vừa bắn xong hờn bì, tôi nghe tiếng người chạy dồn dập và tiếng la hét: "Chó điên! Chó điên!" rất gần. Ngay lúc ấy tôi thấy một con chó lông màu vàng, cong đuôi chạy hồng hộc thật nhanh vào cổng rào nhà cha mẹ tôi và một nhóm người tay cầm gậy gộc rượt theo con chó ấy. Tôi chưa kịp có phản ứng nào thì ai đó nhảy đến, hai tay ôm chặt lấy thân tôi, nói nhỏ vào tai tôi: "Con ngồi im, ngồi im!" Khi ấy tôi mới nhận ra người đó là mẹ của tôi. Một lát sau, tiếng người chạy xa dần và vòng tay của mẹ nói rộng ra, bà nói với tôi: "Đội ơn Trời Phật! Con chó điên nó chạy mất rồi!"

Chiều hôm ấy tôi không bị cha tôi đánh đòn nhưng

tôi bị ông la rầy cho một trận. Ông trách tôi mê chơi, lớn rồi mà không biết tự lo cho bản thân. Ông bảo tôi ngồi một mình ở góc hè, suy nghĩ về chuyện đã xảy ra, tự hỏi nếu con chó điên ấy tấn công mẹ, cắn mẹ thì tôi nghĩ sao, và khi nào tôi suy nghĩ xong hãy đến thưa với ông. Thoạt đầu, nói thiệt, tôi rất sung sướng, hãnh diện được cha nói mình 'lớn rồi' và tôi không phải ăn cây roi mây nào cả. Nhưng, với trí óc còn non dại tôi không thấy có gì đáng nói vì con chó điên ấy bị người ta đuổi, làm sao nó ngừng chạy để cắn mẹ tôi; và lại sau đó nó đã bị đập chết ở bờ sông Tây Ninh, sau vườn nhà của cha mẹ tôi rồi. Tuy nhiên, càng suy nghĩ, càng mờ mắt mình ra, tôi mới thấy những gì có thể xảy ra vào buổi sáng hôm ấy. Con chó đó bị điên, gặp ai nó cũng có thể cắn mà! Vì vậy, nó có thể chạy đến cắn mẹ trong lúc bà đang ôm tôi. Nếu nó cắn mẹ tôi thì chuyện gì sẽ xảy ra? Trước đó khoảng một năm, tôi có một đứa bạn học cùng lớp bị chó điên cắn nên tôi biết rằng, nếu bị con chó điên ấy cắn mẹ tôi phải đi nhà thương chích thuốc, cả hai ba chục mũi lận. Đau lắm, không biết mẹ có chịu nổi hay không? Nếu thuốc không ngăn ngừa được bệnh, mẹ tôi bị điên thì sao? Anh em chúng tôi sẽ như thế nào? Rồi tôi nhớ đến lời anh Năm tôi kể lúc mọi người đã chạy vào nhà, mẹ tôi liền nhìn quanh và khi bà không thấy mặt tôi bà liền mở cánh cửa nhà, vụt chạy ra sân ôm lấy tôi. Sao mẹ không lôi, không kéo, không la lên, không biểu tôi chạy vào nhà mà bà ôm lấy tôi? Đúng rồi, mẹ sợ con chó điên ấy cắn tôi và bà quyết định ôm tôi để bảo vệ tôi. Nghĩ đến đó nước mắt tôi lưng tròng, rồi tôi khóc rống lên, khóc thật nhiều...

Mọi vật trước mắt tôi nhòa đi... Tôi mở chiếc *iPad*, định viết xuống những gì mình vừa nhớ lại, vừa thấy lại trong đầu, nhưng khi ấy cô tiếp viên bước đến

hàng ghế của chúng tôi và đưa cho mỗi hành khách một chiếc khăn ẩm để lau mặt. Tôi lau đôi mắt đã ướt đẫm của mình và thì thầm nói:

"Má ơi, xin má đừng lo lắng, đừng bận bịu với con cháu nữa nhen má. Má hãy ra đi đến cõi Hằng Sống. Con hứa với má rằng con sẽ luôn noi gương ba má, sống tử tế, đạo đức ở đời này để có thể gặp lại ba má, anh Năm của con, ông bà cô bác... của con ở nơi an lành, vĩnh cửu ấy."

đào anh dũng

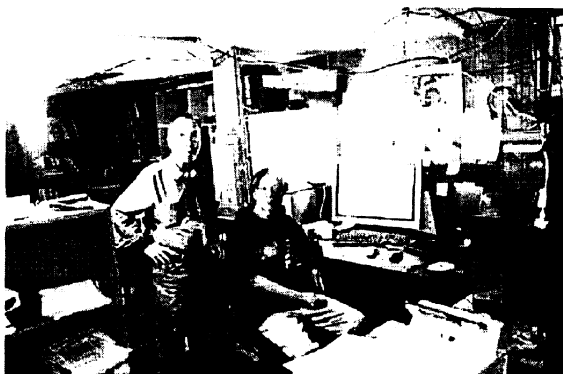
Viết xong tại Tây Ninh

vào ngày 6 tháng 9, 2019,

ngày cúng thất đầu tiên của mẹ.

chủ đề: Đinh Cường và Bích Khê

ĐINH CƯỜNG: người mở cửa ải



người viết: Trần Hoài Thư

(như một nén hương lòng gửi về hương linh anh Đinh Cường nhân ngày giỗ tháng 1 sắp tới)

Mặc dù thi phẩm Tinh Huyết của Bích Khê với Hàn Mặc Tử đề tựa, Trọng Miên viết bạt, mà lời lẽ tán dương hết mình: “Một bông hoa lạ nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm dài mọi mùi phước lộc. Ta có thể sánh văn thơ của Bích Khê như đoá hoa thần dị

ấy" (Hàn Mặc Tử), *"Nhạc và lệ, đẹp và dâm, cuồng và ánh sáng, Bích Khê hòa hợp thành một giọng tình huyết tân kỳ"* (Trọng Miên) hay trước đó với Lê Trảng Kiều khi giới thiệu về những bài thơ trên Tiểu Thuyết Thứ Năm nhằm dọn đường cho Tình Huyết ra đời: *"Mới đây, các bạn đã được say sưa nghe tiếng Tỳ bà thần ảo. Hãy im, nay tác giả Tỳ bà sẽ cho ta nghe hai khúc ca nữa. Khúc Hoàng hoa và khúc Nghê thường..."*

(Tiểu Thuyết Thứ Năm số 30 ngày 11-4-1939)

Nhưng sự đón nhận tập thơ có vẻ hồ hững, không nồng nhiệt ồn ào như các nhà thơ mới khác cùng thời: Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử...

Chẳng những thờ ơ mà nó bị điều cợt bởi Thế Lữ hay chê thẳng thừng bởi Phan Khôi (chúng tôi sẽ triển khai ở phần sau).

Ở miền Nam, sự thờ ơ này được chứng tỏ là trong các cuốn sách giáo khoa như của Dương Quảng Hàm hay Hà Như Chi không thấy có tên Bích Khê liệt trong danh sách những nhà thơ hàng đầu trong giai đoạn thơ mới phát triển hay trong cuốn sách gồi đầu giường của sinh viên văn khoa: *"Phê bình văn học 1932"* của Thanh Lăng (xuất bản năm 1972, 2 quyển).

Có nhiều nguyên do để giải thích tại sao.

Thứ nhất là sự bí hiểm của một số bài thơ để người đọc bình thường khó có thể hiểu và rung cảm. Thứ hai, nó bị kết án là phạm thuần phong mỹ tục bằng cách đề cao dâm đồi, trụy lạc, lỏa thể một cách trắng trợn những điều khó có thể chấp nhận hay dung nạp trong một xã hội nặng về tư tưởng Khổng giáo lúc bấy giờ. Thứ ba là sự im lặng của đa số những tác giả có uy tín, ngay cả những người tự hào là gần gũi với Bích Khê như Quách Tấn, Hoàng Trọng Miên, Hồ Hữu

Tường, Tam Ích v.v...

Sau đây là một số ý kiến được ghi nhận sau khi tập thơ Tinh Huyết ra đời:

1. Khen, nhưng phải đọc nhiều lần mới tìm ra viên ngọc quý:

Trong cuốn Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh Hoài Chân cho biết sau khi đọc thơ Bích Khê:

"... Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài Duy tân. Tôi thấy trong đó những câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa... Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc."

(Hoài Thanh & Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, trang 237)

Nhà văn Tam Ích cũng đồng nhận định với hai tác giả Thi Nhân Việt Nam:

... Hồi tiền chiến, có hai người viết về Bích Khê như sau này "... mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc...". Hai người ấy là Hoài Thanh và Hoài Chân viết trong cuốn Thi nhân Việt Nam. Hồi đó, chiếu thi nhân nhiều người ngồi: có đến mấy chục người - kể cả những người làm thơ ngồi vào đó cho đông. Trong cuốn sách ấy, mỗi người làm thơ chiếm mấy trang phê bình của Hoài Thanh và Hoài Chân. Riêng có Bích Khê chỉ có mấy dòng...

Có ai ngờ vài ba dòng ấy lại là vài ba

dòng rất đúng - đúng vì thơ Bích Khê đọc một lần chưa phải là đọc. Hoài Thanh và Hoài Chân có ngờ đâu đó gần như là lời "thú tội" đối với người hiện đã là người thiên cổ, cũng như đối với văn thi giới hai ba chục năm sau đọc lại Bích Khê và hiểu Bích Khê... Nhất là hiểu thơ Bích Khê và cảm thông với Bích Khê

(Tam Ích: Bàn về thơ tượng trưng, Văn số 64 ngày 15-8-1966)

2. Chê thẳng thừng:

- Hoài Thanh & Hoài Chân hay Tam Ích dù nhận định thơ Bích Khê là loại thơ phải đọc nhiều lần nhưng là nhiều lần để khám phá ra viên ngọc quý, còn Phan Khôi thì khác. Ông chê trách thẳng thừng:

"Phàm văn, khoan cầu hay đã, trước phải cầu cho có nghĩa. Phải có nghĩa đã, rồi sau mới nói đến hay hay dở. Nhưng hiện nay có một hạng văn sĩ, hình như họ chỉ cầu cho hay, còn có nghĩa hay không, họ không cần. Bởi vậy thường có những câu vô nghĩa trong văn họ mà có lẽ họ gọi là hay đó".

Ông dẫn bài "Hoàng hoa" của Bích Khê và đặt những câu hỏi: "Lam nhưng" là gì? "Xanh nhưng" là gì? "Chim yên" là gì? "Xương cây" là gì? Chẳng có nghĩa gì cả".

(Tài liệu sưu tập của Lại Nguyên Ân - nguồn: Internet)

- Riêng Thế Lữ thì dùng báo Ngày Nay để diễu cợt bài thơ Hoàng Hoa, coi nó như bắt chước Xuân Diệu làm thơ "êm dịu" toàn văn bằng:

Tin thơ... thảo.

Xuân Diệu có bài Nhị Hồ đa
dương, trong đó hai câu :

*Sương nương theo trăng ngừng
lưng trời.*

Tương tư nắng lòng lên chơi vơi...
toàn ghép bởi những tiếng bình
thanh. Thấy vậy, lập tức tòa soạn
tài hoa tin rằng thơ cứ làm theo lối
ấy là êm và nhẹ. Và tin một cách
hăng hái vững vàng.

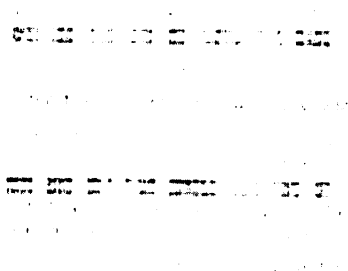
Và nêu lên báo những bài thơ
« êm và nhẹ » hơn, nghĩa là nhiều
câu ghép toàn tiếng bằng hơn của
Xuân Diệu.

(Ngày Nay ngày 18-6-1939)

3. Tinh Huyét bị kết án là đề cao dân đòi, truy lạc, phạm thuần phong mỹ tục.

Không phải ở những năm tiền chiến, mà ngay đến năm
1966, ta vẫn thấy Tinh Huyét được xem là thi phẩm có
những bài mà chế độ xem là phạm thuần phong mỹ tục
không thể chấp nhận.

Đơn cử là một trang trên báo Văn vào năm 1966, có
mấy câu thơ của Bích Khê bị đục bỏ, không phải vì lý
do chính trị mà vì phạm “thuần phong mỹ tục”



nguyên tác như sau:

Tôi giật nảy rồi cười lên sảng sặc.

Hai tay cào đôi vú trắng như bông.

...

Người đã ôm một sắc đẹp trong người

Cho mơ màng cho rạo rực no tươi...

Một xác thịt trần truồng cho rợn óc

Một tình dục cho miệng sang hơi độc

Đến hả hê nên cười sặc như điên

4. Sự im lặng khó hiểu của một số bạn bè gần gũi với Bích Khê

Các người ấy là Quách Tấn, Tam Ích, Hoàng Trọng Miên, Hồ Hữu Tường...

Bài của Quách Tấn về Bích Khê mãi đến năm 1966 mới thấy đăng trên tạp chí Văn số 64, và năm 1971, ông mới xuất bản "Dời Bích Khê"... Bài của Tam Ích cũng ở khoảng thời gian này.

Riêng Hoàng Trọng Miên, người viết bạt cho Tinh Huyết thì không thấy một giọng vinh danh Bích Khê hay quảng bá ra công chúng.

Phải đợi đến năm 1966 tạp chí Văn mới thực hiện một số chủ đề dành cho Bích Khê (số 64) ! và sau này tạp chí Văn Học cũng có một chủ đề về Bích Khê (năm 1971). Trong khi đó các tạp chí văn học nghệ thuật khác thì không có một giọng: Sáng Tạo: không ! Văn Đề : không ! Nghệ Thuật: không ! Khởi Hành: không ! Thời Tập: Không ! Các sách giáo khoa về văn học sử: không !



tuổi trẻ

BÍCH - KHÊ

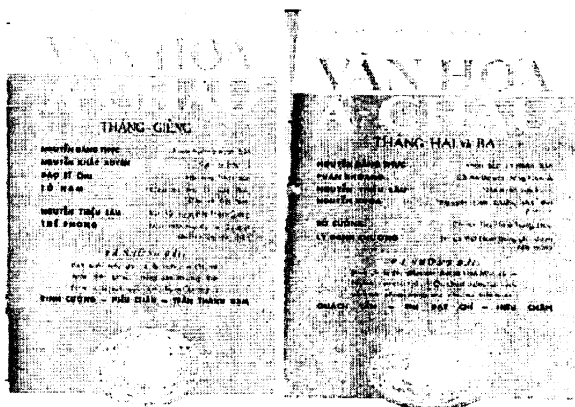
Đó là lý do tại sao thế hệ chiến tranh của chúng tôi lại ít được biết về Bích Khê hay nếu biết là biết mù mờ. Ở ghế nhà trường chúng tôi không được dạy về Bích Khê. Sách giáo khoa như cuốn "Việt Nam Văn học Sử Yếu" của Dương Quảng Hàm thì không thấy ghi! Ngay cả cuốn sách chuyên đề viết về thơ mới năm 1932 của Thanh Lãng như là sách gối đầu giường của sinh viên văn khoa cũng không một giọng !

ĐÌNH CƯỜNG VÀ BÍCH KHÊ

Mãi tới năm 1960, trên nguyệt san Văn Hóa Á Châu, mới thấy xuất hiện một bài viết đăng hai kỳ về Bích Khê mà người viết là họa sĩ Đình Cường. Năm ấy ông mới 21 tuổi, là sinh viên năm cuối cùng của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.

Số báo đi bài này là số 22 tháng 1-1960 và số 23 & 24 tháng 2 & 3 năm 1960 dưới tựa đề: *Bích Khê, cuộc đời và thi nghiệp*. Tên Đình Cường nằm bên cạnh Nguyễn Đăng Thục, Quách Tấn, Nguyễn Khắc Xuyên, Đào Sĩ Chu, Tô Nam, Thế Phong, Hiếu Chân, Trần Thanh Đạm, Phan Khoang, Sữ Cuồng, Lý Danh Chương ...

Nhìn danh sách ta thấy có Quách Tấn, người bạn gần gũi của Bích Khê, nhưng bài viết không phải về Bích Khê mà là một bài về Hàn Mặc Tử “Đôi dòng sai lầm về Hàn mặc Tử” và bài của Lý Danh Chương tức Uyên Thao: “Thi ca Việt Nam trong giai đoạn nền móng (1930 – 1945)”, nhưng không thấy nhắc nhở gì đến Bích Khê trong danh sách những nhà thơ thời ấy mặc dù Bích Khê có Tinh Huyết được xuất bản !



(Hai số báo đăng bài viết về Bích Khê của Đinh Cường)

Ở trang đầu, tác giả Đinh Cường giải thích tại sao ông lại viết bài này:

Một người thơ tài hoa thời tiền chiến mà ít người nói đến là Bích Khê. Vài trang của Hoài Thanh & Hoài Chân trong "Thi nhân Việt Nam", một bài báo của Hàn Mặc Tử đăng ở tạp chí "Trong khuê phòng", chưa đủ.

Những người bạn thân của Bích Khê ở Saigon như các ông Tam Ích, Hoàng Trọng Miên - nhất là Trọng Miên - Vi lẽ này hay lẽ khác, chưa thấy nhắc đến Bích Khê. Cả thi sĩ Đường luật Quách Tấn, hiện ở Nha Trang biết rất nhiều về Bích Khê mà cũng vẫn im hơi lặng tiếng.

(Đinh Cường : *Bích Khê Cuộc đời và thi nghiệp*, Văn Hóa Á Châu tháng 1-1960)

Từ nỗi chua xót cay đắng của năm 1960, tâm trạng đổi thành "tiếc" vào năm 1964, khi nhận thấy không có những người bạn thân có mặt trong ngày giỗ Bích Khê :

Đến dự ngày giỗ Bích Khê trong vòng thân mật gồm những văn thi sĩ tên tuổi như

Nguyễn-Vỹ, Đinh Hùng, Nguyễn-ngu-Í, Tô-kiều-Ngân, Hoàng-trúc-Ly. Tiếc là thiếu hai người bạn thân của Bích-Khê: Tam Ích và Hoàng trọng Miên.

(Đinh Cường: Nhân một ngày giỗ của Bích Khê, tạp chí Phổ Thông số 121 năm 1964)

BÍCH-KHÊ

(1916-1948)

Cuộc đời và Thi-Nghiệp

1



Đinh Cường, một nhà văn và nhà phê bình văn học nổi tiếng, đã viết bài này để kỷ niệm Bích Khê.

Bích Khê là một nhà thơ trẻ, có tài năng và cảm hứng. Bài thơ của cô thường mang tính chất lãng mạn và trữ tình, phản ánh tâm trạng của một thế hệ trẻ trong thời kỳ chuyển đổi xã hội.

Trong bài viết này, Đinh Cường đã phân tích kỹ lưỡng về cuộc đời và tác phẩm của Bích Khê, từ những trải nghiệm cá nhân đến những đóng góp cho văn học đương đại. Ông nhấn mạnh vào sự độc đáo và sáng tạo của Bích Khê trong việc kết hợp giữa cảm xúc và hình ảnh thơ.

Bích Khê là một nhà thơ trẻ, có tài năng và cảm hứng. Bài thơ của cô thường mang tính chất lãng mạn và trữ tình, phản ánh tâm trạng của một thế hệ trẻ trong thời kỳ chuyển đổi xã hội.

Trong bài viết này, Đinh Cường đã phân tích kỹ lưỡng về cuộc đời và tác phẩm của Bích Khê, từ những trải nghiệm cá nhân đến những đóng góp cho văn học đương đại.

Bích Khê là một nhà thơ trẻ, có tài năng và cảm hứng. Bài thơ của cô thường mang tính chất lãng mạn và trữ tình, phản ánh tâm trạng của một thế hệ trẻ trong thời kỳ chuyển đổi xã hội.

Bản chụp bài viết của Đinh Cường (Văn Hóa Á Châu số 22 tháng 8-1960)

Bài viết về Bích Khê của Đinh Cường xuất hiện trên

ba tạp chí. Một là trên Văn Hóa Á Châu (1960). Hai là trên Phổ Thông (1964) và ba là trên Văn (1966, 2 bài). Ông còn hứa là sẽ viết thành sách và xuất bản sau. Ông muốn nhắn nhủ: “Các vị không làm thì tôi làm”. Tội cho chàng. Một tiếng kêu trên sa mạc ! Có phải ?

Vâng. Tiếng vang trong sa mạc. Vì sau bài viết của Đinh Cường, chẳng thấy ai phản ứng, hay “phản biện” (chữ mới) hay góp ý. Ngay cả Quách Tấn.

Đối với Đinh Cường, đây là bài văn thuộc thể tiểu luận đầu tiên của ông. Nhưng đối với lịch sử văn học, nó là bài đầu tiên mang danh dự về cho nhà thơ Bích Khê kể từ sau khi Tinh Huyết chào đời (cuối năm 1939).

Người lữ hành cô đơn

Không ai có thể ngờ là Đinh Cường đã viết một bài tiểu luận khá dài về một người thi sĩ rất hiếm ít người nhắc nhở như vậy. Bởi đối với giới sinh hoạt văn học nghệ thuật bấy giờ, Đinh Cường vẫn luôn luôn được coi là một họa sĩ.

Khỏi cần đặt câu hỏi con én Đinh Cường có làm nổi mùa xuân hay không, nhưng vai trò của ông là vai trò của người đi tiên phong, làm một kẻ mở đường.

Một mình ông theo Bích Khê như hình với bóng. Bởi vì không ai bên cạnh Bích Khê, dù có người tự cho là rất gần gũi. Ông cay đắng chua xót. Tâm trạng này được nhận ra từ ngay giòng đầu của bài viết:

Những người bạn thân của Bích Khê ở Saigon như các ông Tam Ích, Hoàng Trọng Miên - nhất là Trọng Miên - Vì lẽ này hay lẽ khác, chưa

thấy nhắc đến Bích Khê. Ca thi sĩ Đường luật Quách Tấn, hiện ở Nha Trang biết rất nhiều về Bích Khê mà cũng vẫn im hơi lặng tiếng.

Mãi đến năm 1966 mới thấy tên tuổi họ xuất hiện trên tạp chí Văn số 64 chủ đề về Bích Khê.

Năm 1963, Đinh Cường từ Huế vào Quảng Ngãi được cô cháu gái của Bích Khê hướng dẫn để thăm mộ của người thi sĩ. Đó là lúc chiến tranh bộc phát dữ dội, nhất là vùng Nam Ngãi Bình Phú. Nhưng nguy hiểm và đe dọa của chiến tranh vẫn không làm cản bước chân của ông. Ông đến, đứng trước mộ, thăm ước:

Tôi nghĩ đến mộ Hàn-Mặc-Tử được xây trên Ghềnh-Ráng cao nhờ sự giúp đỡ của gia đình và bạn bè. Chiều mây về phủ trắng trên tượng Đức Mẹ và nghĩ đến một vùng mộ trồng toàn hoa violettes của thi sĩ Anh John Keats, trên bia không đề tên mà chỉ đề:

"Here lies one whose name was written in water" (Nơi đây an nghỉ một người mà tên đã ghi trên mặt nước) để rồi ước mong mộ Bích-Khê sớm được dời đi xây trên ngọn núi cao của tỉnh Quảng-Ngãi. Để tránh những giao thông hào, những làn mưa đạn ngày đêm tràn xuống phần đất khô cằn đó. (*)

Năm sau, 1964, ông vào Saigon, dự ngày giỗ Bích Khê tại nhà người chị ruột của Bích Khê là Ngọc Sương. Có Đinh Hùng, Tô Kiều Ngân, Nguyễn Ngu Í, Hoàng Trúc Ly, Nguyễn Vỹ. Không có Tam Ích, Hoàng Trọng Miên. Nhưng có một người đã mang hoa hồng đến. Người ấy không phải là nhà văn nhà thơ hay bạn thiết.

Người ấy chính là Ngọc Kiều, "người mà cách đây hai mươi năm là nguồn thơ, là vẻ xao-xuyến nhất của thi-sĩ, người đã bám tay vào điệu đàn của linh hồn chàng:

Ôi! cặp mắt của người trong tựa ngọc
Sáng như guom và chấp chóa kim cương !
Mỗi cái ngó là một vì sao mọc !
Mỗi liếc yêu là phảng phất mùi hương.
Hai mắt ấy chói hào quang sáng ngọc
Dẫn hồn ta vào thế giới thiêng liêng
Hóp nhiều trăng cho niền trinh rất ngóp
Say nhạc hường nổi bổng giữa đào nguyên"
(CẶP MẮT - Tinh Huyết tr. 62)(**)

Lần này, Đinh Cường không còn mang ít nhiều chua xót như qua bài viết năm 1960. Dù trong bài viết ông có nhắc đến Tam Ích và Hoàng Trọng Miên vắng mặt. Vì biết rằng ở một cõi nào đó, Bích Khê cũng rất vui:

"Buổi tiệc tiếp tục cho đến mười giờ tối, những que nhang được thắp tiếp nối, hai hàng nến tàn dần, giọng ngâm thơ trong magnetophone thật trầm, thật buồn. Cùng với giọng hát ràn rụa của Jackson trong nhã nhạc " Silent Night, Holy Night" hương trầm loãng ra và bà Ngọc Kiều ngồi dằng e-dè ở đầu bàn, tôi bắt gặp trên nét mặt người thiếu phụ một thoáng buồn như hồi tưởng lại cả một vùng kỷ-niệm thiên đường từ xa lắm - từ những đêm đến lớp học để nhìn ánh mắt ngừng lại của người yêu trong khi giảng bài, hay những bức thư tình qua lại cùng Bích Khê..." (**)

(*) Đinh Cường - Mùa thu nhớ thi sĩ Bích Khê - Bản chính lại từ bài Bích Khê - tiểu sử và thi nghiệp đăng

trên Văn Hóa Á Châu số 22 và 23&4 năm 1960
(**) *Nhân một ngày giỗ của Bích Khê*, Phổ thông số
121 năm 1964

mở một cửa ải

Mở cánh cửa để mang Bích Khê ra vùng ánh sáng chắc chắn phải rất khó. Ngay cả Hàn Mặc Tử viết tựa mà Tinh Huyết vẫn bị chìm vào cõi lãng quên hay ơ thờ của văn học sử tiền chiến, hưởng hồ là một họa sĩ 21 tuổi Đinh Cường !

Phải là khó gấp trăm lần như mở cửa ải.

Khó vì sự ơ thờ của giới sinh hoạt nghệ thuật bấy giờ. Khó vì sự bí hiểm của thơ Bích Khê phải đọc cả chục lần mới tìm ra viên ngọc như Hoài Thanh, Hoài Chân từng nhận định. Khó vì người đọc chưa có thể lãnh hội về ý niệm của cái đẹp và cái thật của thơ Bích Khê. Khó vì thời buổi mà tư tưởng Nho Khổng ảnh hưởng mạnh trong xã hội.

Chúng tôi đã bàn đến những nỗi khó khăn này ở phần trước.

Vậy mà Đinh Cường lại dám đứng lên như thế nói:
Nếu các vị không làm thì tôi làm !

Và chàng đã làm thật.

Chàng trạng sư trẻ tuổi của chúng ta đã đánh đổ quan niệm bảo thủ hẹp hòi, cũng như mở ra một vùng hào quang cho Tinh Huyết, cùng giải toa ý nghĩ của Hoài Thanh & Hoài Chân, Tam Ích về sự bí hiểm của thơ Bích Khê. Thay vì chữ “thần” luôn luôn được dùng để ví thơ Bích Khê, chàng luôn luôn nói về cái đẹp và cái thật của Tinh Huyết. Thần khác xa với đẹp và thật. Và

chàng đã chứng minh suốt cả hai kỳ báo trên Văn Hóa Á Châu, sau này trên tạp chí Văn. Có thể nói chỉ có bài của Đinh Cường là “dài hơi” nhất. Số trang chiếm gấp ba, hay bốn lần số trang viết của Tam Ích hay Quách Tấn... Chàng đã chứng minh về cái hay, cái đẹp và cái thật của Tinh Huyết bằng những phân tích rất cặn kẽ, từ cái nhìn của một người yêu màu sắc, yêu âm nhạc và yêu thơ....

Thắng ai thua ?

Kết quả này được chứng tỏ qua những hàng viết về Bích Khê của nhà thơ Trần Tuấn Kiệt trên cuốn “Thi ca Việt Nam hiện đại” do Nhà Khai Trí xuất bản vào năm 1968:

... Sau này họa sĩ Đinh Cường có viết về Bích Khê, rất tiếc bây giờ chúng tôi không giữ được và tìm được tài liệu quý đó. Tôi đến tìm bạn Đinh Cường để hỏi về Bích Khê thì họa sĩ đi Nha Trang từ mấy hôm trước... Trong quyển sách Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh & Hoài Chân thì chỉ trích có hai bài thơ không tìm đâu được thêm nữa, tôi đành trích ra đây và mong có dịp ghi thêm một tiếng thơ lạ lùng của Bích Khê mà thuở sinh thời nhà thơ Hàn Mặc Tử đã thần phục.

Câu hỏi là tại sao nhà thơ Trần Tuấn Kiệt lại không tìm đến Quách Tấn, Tam Ích, Hoàng Trọng Miên mà lại tìm Đinh Cường ?

BÍCH KHÊ

hình tên là Lê-quang-Lương, Quê
quê ở Thủ-Ngã (Quảng Ngãi).

Đã dâng thơ: Tiếng dân, Tiếng thuyết
thử năm, Người mới (ký Lê-mộng-
Thư hoặc Bích-Khê).

Đã xuất bản : Tiếng Huyết (1939).

Thi sĩ đã mất từ lâu.

Sau này họa sĩ Đinh Cường có viết
về Bích Khê, rất tiếc bây giờ chúng tôi không giữ được
văn bản được tại họa sĩ này. Tôi đến tìm họa sĩ Đinh-
Cường để hỏi về Bích Khê thì họa sĩ đi Nha Trang từ mấy
hôm trước. Trong quyển sách, Thi nhân Việt-Nam của
H.C.M.T.H. dù chỉ trích có hai bài thơ không tìm được
thêm nữa, tôi đành trích ra đây và mong sẽ có dịp gặp
thêm một tiếng thơ là lung của Bích-Khê mà thơ anh
thời như thơ Hàn-nê-Tử đã thần phục.

(bản chụp trang viết về Bích Khê của Trần Tuấn Kiệt)

Người thứ hai, dù không nói ra như Trần Tuấn Kiệt đã
nói, nhưng đã chứng tỏ bằng việc làm. Đó là nhà văn
Uyên Thao.

Số là trên Văn Hóa Á Châu số 23&24, có đăng bài
viết của hai tác gia mà sau 1975 cùng ở một tiểu bang.
Đó là Uyên Thao và Đinh Cường. Bài của Uyên Thao,
dưới bút danh là Lý Danh Chương nhan đề “Thi ca
Việt Nam trong giai đoạn nền móng (1930 – 1945) và
bài của Đinh Cường: “ Bích Khê: Cuộc đời và thi
nghệ”. Nội dung hai bài như hai thái cực. Lý Danh
Chương thì loại Bích Khê ra ngoài vòng chiến. Còn
Đinh Cường thì hô hào trả hào quang cho Bích Khê!

KẾT LUẬN

Trong văn học sử Việt Nam thời tiền chiến, có lẽ Bích Khê là một nhà thơ bị nhiều ngộ nhận nhất. Với xã hội, thơ ông được kết án là phạm thuần phong mỹ tục. Với sinh hoạt thi ca, ông cũng ít được nhắc nhở vì sự ganh tị, hay vì cái gọi là “bí hiểm” của thơ Bích Khê. Mặt khác cũng do sự im lặng quá lâu của những bạn bè gần gũi. Đinh Cường chính là người mở ra cánh cửa ải. Ông đã mang ánh sáng lại cho một tài danh. Nhưng ít ai biết được cái công lớn lao ấy. Đó là lý do tại sao có số báo này.



Viết về Bích Khê



Thi sĩ Bích Khê
(ảnh gia đình BK tặng ĐC)

Mùa thu nhớ thi sĩ Bích Khê
(1916 -1946)

người viết: Đinh Cường

*Ô Hay ! buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông
(Tỳ Bà - Bích Khê)*



Mùa thu

son dầu trên canvas 38 x 43 in

Nguyễn Trung 2006

(Coll. Đinh Dạ Châu)

Bích Khê tên thật là Lê Quang Lương, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1916 tại xã Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi trong một gia đình Nho giáo, cha là ông Lê Mai Khê, mất sớm, mẹ là bà Phạm Thị Đoan. Ông nội làm quan dưới triều Tự Đức. Ông thân sinh là người thông uyên Hán học, có dự vào những cuộc vận động xuất dương của cụ Phan Chu Trinh. Gia đình gồm 8 anh chị em. Bích Khê là con út. Anh chị em Bích Khê phần đông đều có tâm hồn văn nghệ. Gia đình không được giàu có, nhưng vì là con út nên Bích Khê được hưởng đầy đủ sự nuông chiều. Lớn lên tại quê nội ở thị xã Thu Xá, một làng ở gần biển cách

thị Quảng Ngãi 10 cây số với người anh trưởng và hai người chị, còn người chị kế ở Sài Gòn.

Thi sĩ Bích Khê đã ra chào đời giữa 2 yếu tố thiên nhiên: núi và sông. Sông Trà Khúc xanh trong uốn mình giữa 2 ngọn núi Thiên Ấn, Thiên Bút. Mà sau này lớn lên Bích Khê đã cảm hứng làm bài thơ Đường sau đây:

Trên Núi Ấn Nhìn Sông Trà

Trà giang Thiên Ấn chuông gầm sóng
Vang tiếng ngàn năm đất Cẩm thành
Ngàn năm quả Ấn nằm trơ mốc
Một giải sông Trà chảy rậm xanh
Xót hồn cỏ độ sương vài giọt
Xịch bóng tà huy nguyệt mấy canh
Nghìn dặm cô nhân đâu có tá?
Cánh chim kêu lạnh đập trong cành.

Khi còn nhỏ, Bích Khê đã tỏ ra thông minh xuất sắc nhưng rất biếng học. Bị thầy quở phạt luôn vì tội không thuộc bài. Có lần không chịu đi học, Bích Khê bị mẹ bó tròn vào cột đánh. Sau đó Bích Khê mới bắt đầu lo học và ham học. Đúng 13 tuổi, ra Đồng Hới học tiểu học. Vài tháng sau hai đầu gối bị sưng to nên phải vào nằm nhà thương. Nơi đây Bích Khê vừa rên vừa học. Năm sau Bích Khê đỗ đầu kỳ thi Tiểu học Pháp-Việt toàn tỉnh. Gia đình cho ra Huế theo ban Trung học tại trường dòng Pellerin.

Học xong ban Thành chung vào năm 1932, Bích Khê lại ra Hà Nội học tư.

Về văn chương, tài năng của Bích Khê phát triển rất sớm. Năm 12 tuổi thiên tài Bích Khê đã phát lộ trong một vài bài thơ Đường luật mà ông thân sinh phải ngạc nhiên, nên hễ có bạn đến chơi nhà là ông đem khoe tài

con mình.

Nét mặt lúc nào cũng trầm buồn, cuộc đời Bích Khê luôn luôn thay đổi và kéo dài những chuỗi ngày đau yếu.

Nhân dịp hè, Bích Khê rời Hà Nội, xin ở nhà tự học dư tiền nuôi một người bạn nghèo. Tuy gia đình không bằng lòng, Bích Khê vẫn thực hiện theo ý muốn.

Tháng sau, Bích Khê cùng người bạn vào Phan Thiết sống với người anh ruột đang làm việc tại đó. Bích Khê luôn luôn hy sinh vì bạn. Sợ cuộc sống không được đầy đủ, Bích Khê bàn với bạn mở một trường tư. Nhờ sự vận động của người chị và sự giúp đỡ của 2 anh, trường được mở. Bích Khê thấy cần phải sống tự lập nên cùng chị và bạn đi ở riêng. Người chị mở cửa hàng bán dụng cụ học trò để giúp sự sống cho trường lúc ban đầu chật vật.

Trường mở được 2 năm, Bích Khê rời Phan Thiết trở về quê sống với mẹ. Gia đình dọn riêng cho Bích Khê một chái rộng với một giường ngủ, một bàn viết và hai ghế ngồi. Với tính rụt rè, Bích Khê ít giao thiệp nên chẳng quen mấy ai. Sống cạnh mẹ hiền và say đắm với nàng thơ, cửa phòng Bích Khê luôn luôn khép kín mãi miệt đến nỗi đau ngực, gia đình đưa ra Huế soi điện mới biết là phổi yếu, nên Bích Khê phải nằm dưỡng bệnh ở đây hơn một năm. Bệnh lành Bích Khê lại về sống bên mẹ. Lúc ấy vào năm 1936. Lần này, Bích Khê xin mẹ lên núi ở. Chán núi Bích Khê lại xuống biển, và sau cùng lại đòi vào ở hẳn trong chùa, ăn trường trai và tụng kinh Phật. Ở chùa lâu ngày Bích Khê cảm thấy câu kinh tiếng mõ làm át tiếng thơ, hồn thơ không được phóng túng, nên lại rời khỏi cảnh tịch mịch ấy, trở về với tổ ấm gia đình.

Bích Khê sống mát mẻ bên lòng mẹ, lòng chị. Nhờ

hoàn cảnh tốt, tình gia đình đậm đà nên Bích Khê ở nhà được một thời gian khá lâu. Trong thời kỳ này ông sáng tác rất nhiều thơ Đường luật, gửi đăng ở các báo Tiếng Dân, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Người Mới với bút hiệu Lê Mộng Thu hoặc Bích Khê. Bích Khê đã tỏ ra rất xuất sắc ở những bài thơ ấy và rất được hoan nghênh (1). Cho nên thơ Đường cũng đã chiếm một địa vị quan trọng trong thi nghiệp Bích Khê. Sau Bích Khê chuyển sang làm thơ mới như các thi sĩ Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông, Thái Can... và gửi đăng báo Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn.

Bích Khê bắt đầu đọc say mê Paul Valéry, Mallarmé, nghiên cứu Baudelaire, Verlaine, Rimbaud. Năm 1938, nhân có một tâm trạng buồn, Bích Khê lại rời gia đình vào Phan Thiết, và lại mở tư thực để kiếm sống.

Trường càng ngày càng đông học sinh, nên phải mở thêm lớp học tối để dạy các học trò lớn. Và chính ở lớp tối này đã để lại trong cuộc đời tình ái Bích Khê một cuộc tình duyên hết sức thơ mộng mà cũng là một kỷ niệm đầy đau thương. Trong số học sinh lớp tối, Bích Khê để ý đến một cô học trò tên N., cô này có cử chi dịu dàng và tính nết dễ thương, rồi Bích Khê yêu, yêu với lòng chân thành, si mê. Tuy là thầy nhưng Bích Khê không lớn tuổi hơn N. lắm, và N. đã đáp lại bằng một niềm yêu thương thâm kín. N. đẹp, có đôi mắt thật buồn—buồn như biết trước chuyện tình sẽ tan vỡ, dù rằng mỗi tình trở nên khăng khít giữa hai người. Thời gian làm tăng thêm sự thắm thiết ấy. Vì cảm thấy cần phải gần nhau hơn trong cuộc đời, nên Bích Khê và N. định việc kết hôn. Bích Khê biên thư bày tỏ cùng gia đình. Bà thân mẫu mừng khi hay tin con mình chịu lấy vợ. Bích Khê vẫn thường nói không thích lấy vợ. Bà liền vào Phan Thiết để cậy người đến hỏi ý kiến gia đình N. nhưng một sự bất ngờ mà chính Bích Khê tưởng không thể xảy ra được, là gia đình N. từ chối,

bảo rằng đã hứa với một người khác. Trước sự phản đối và ép buộc của gia đình, N. bạo dạn bày tỏ là chỉ yêu một mình Bích Khê thôi. Gia đình vẫn không chịu, N. buồn ốm nặng và như phát điên, thuốc thang vẫn không khỏi. Gia đình N. thấy con càng ngày càng rối loạn thần kinh nên đành ưng thuận cho người mời gia Bích Khê đến tính việc hôn nhân. Nhưng vì lòng tự ái quá cao, Bích Khê từ chối. Sau đó Bích Khê và N. vẫn thường thư từ an ủi nhau và thỉnh thoảng gặp nhau thương khóc cho mối tình. Cũng từ đó, thơ đau thương của Bích Khê tuôn ra lai láng. Bích Khê thường liên lạc với thi sĩ Hàn Mặc Tử ở Quy Nhơn để trao thơ mình cho Hàn xem. Chính Hàn Mặc Tử đã khích lệ Bích Khê rất nhiều. Hàn biết Bích Khê có tài nên càng khiêu khích để Bích Khê này bật tài ra:

"Suốt trong năm 1938, tôi hết sức khích lệ chàng, mong mọi ở chàng một thi sĩ xuất sắc, cao cường. Cái hy vọng của tôi sốt sắng quá, nóng nảy quá, đã một lần đưa tôi vào sự thất vọng chán chường và tức bực. Gần cuối năm ấy, chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được bài nào cả. Tôi gửi trả lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng rất nhiều lời khiêu khích mỉa mai (cố làm cho chàng tức). Quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời thề với tôi rằng: Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến làm thi sĩ nữa.

Ngờ đâu sự hăm học của chàng đã bật này thiên tài của chàng ra. Không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ, viết bằng máu huyết tinh tủy và châu lệ, và tất cả say sưa, đắm đuối của một hồn thi sĩ." (Bích Khê, thi sĩ thần linh, bài của Hàn Mặc Tử trong tạp chí *Trong Khuê Phòng* số 98 ngày 10/6/1939)(2). Cuối năm ấy, thi phẩm *Tinh Huyết* ra đời (3). Bích Khê không muốn sống nghề dạy học ở Phan Thiết nữa, cùng chị về

Quảng Ngãi rồi lại cùng bạn làm một cuộc sống gần miền Nam để sáng tác và dịch sách.

Bích Khê gửi thư cho André Gide xin dịch quyền “Retour de L' U.R.S.S ” (4) (Ở Nga về) Tác giả từ Algérie gửi thư sang cho phép. Dịch xong nhưng không có tiền xuất bản, bản thảo cũng bị thất lạc sau nhiều lần gửi gắm.

Năm 1940, Bích Khê trở về sống với người anh thứ ở Sông Cầu rồi về Thu Xà để dự lễ cưới của chị. Cũng trong năm đó, chứng bệnh đau phổi trở lại với Bích Khê. Bích Khê lại ra Huế. Năm chữa bệnh tại bệnh viện lao Pasquier một thời gian rồi về nhà tự điều trị. Thấy Bích Khê yếu nhiều, gia đình thêm lo lắng. Người chị đã đi theo chồng nhưng vẫn về an ủi và chăm sóc em thật chu đáo.

Sau những ngày chán chường cuộc sống, yếu đi vì đau ốm, tâm hồn Bích Khê bắt đầu thấy cô đơn. Chiều chiều Bích Khê ra sân ngồi nhìn bốn phương trời như tìm kiếm những người bạn thơ xa xôi. Lòng ao ước gặp lại một người quen trên dặm mòn:

Ôi chiều mùa thu sao mà buồn
Tầng khói biếc đầy... tràn về thôn
Giòng sông như đờ không muốn chảy
Có phải hôm nay chờ nặng hồn?

Gió về mang cả mùi lãng tã
Buồn cất lên đèn những miếng đen
Người viễn khách, lòng sầu vạn cổ
Dặm mòn muốn gặp một người quen!

Thình thoảng thơ Quách Tấn gửi đến, Bích Khê đọc rồi họa lại, thấy đỡ buồn hơn. Có lần Chế Lan Viên đến thăm, Bích Khê mừng ra nước mắt.

Mặc dù thuốc thang đầy đủ, tâm bổ rất nhiều nhưng càng ngày Bích Khê càng xanh xao tiêu tụy. Một hiện tượng lạ là cách bốn, năm năm trước, khi nằm dưỡng bệnh lần đầu ở nhà thương Huế, Bích Khê nằm mộng thấy một nàng tiên hiện ra giờ cao tay rải những mảnh bông vải. Bông bay trắng xóa rồi rơi xuống đất ráp lẫn thành chữ và thành bốn câu thơ. Bốn câu thơ ấy cho Bích Khê biết là sẽ chết vào Lập Xuân. Vì thế nên cứ năm nào đau, Bích Khê cũng ngại mùa xuân. Nhưng bao mùa xuân qua Bích Khê vẫn sống, nên hết tin ở cái chết vào mùa xuân của mình.

Đến năm 1945, điều mộng ấy lại tái hiện một hôm, giữa đêm trắng sáng. Bích Khê bảo người nhà đi ra sân ngắm trăng. Ánh sáng xanh dịu của trăng đã khêu lại tâm sự ngày cũ. Mỗi tình xưa, người xưa lại trở về sống trong hồn thi sĩ.

Sáng hôm sau Bích Khê trao cho chị bài thơ “Làng Em” và nói: *“Em mong một bóng hình trở lại, nhưng em biết không bao giờ”*:

Nơi đây: làng cũ buồn thu quạnh!
Anh có khi nào trở lại chưa?
Ngày đi chậm lắm. Giòng sông biếc
Hừng sáng trong trời sợi sợi mưa.
Nơi đây: thành phố đời ngừng mạch
Mấy nàng lai khách vẫn buồn mơ
Đường lên hội quán sương khuya xuống
Đâu mấy chàng trai rồi nhớ hờ?

Anh có khi nào còn trở lại,
Chờ lúc hoàng hôn trăng đã lên
Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy
Khóm lan thơm nặng khí ưu phiền

Là lúc đêm về trên mái ngói
Những nhành nhãn muôn cánh dơi bay

Em đang nổi bệnh trong phòng vắng
Tình đêm theo trăng sáng sáng đầy..

(Trong tập Tinh Hoa, chưa xuất bản)

Rồi như là trăng sao mang niềm cảm nghĩ ấy đến cho N. Một hôm, thỉnh linh Bích Khê nhận được thư N. gửi thăm, cho biết đã có chồng và hai con. Nàng xin phép Bích Khê cho nàng được đến thăm, vì tình xưa vẫn không chết trong lòng nàng. Bích Khê nửa mừng nửa ngại. Cả nhà đều vui mừng sắp được tiếp N., vì cho đó là niềm an ủi cuối cùng cho những ngày tuyệt vọng của Bích Khê. Thư trả lời đồng ý. N. từ Sài Gòn ra Thu Xà. Hai người gặp nhau nghẹn ngào. Ở lại Quảng Ngãi mấy hôm rồi nàng từ giã, để lại cho khóm lan bên ngõ một hồn đau, một xác gầy. Bích Khê tiễn nàng ra cửa với một cảm giác vĩnh biệt. Cách mười hôm sau Bích Khê nhận được một giỏ cam của N. từ xa gửi về, và cũng từ đó Bích Khê không bao giờ trông thấy bóng nàng nữa...

Sức khỏe mỗi ngày một xuống, căn bệnh lại càng tăng lên. Bích Khê cảm thấy thất vọng, tìm đủ cách đánh bại vi trùng, nên ai bày gì Bích Khê đều bảo gia đình làm theo và dù thuốc cay đắng, nhồm gớm thế nào Bích Khê cũng uống được. Bích Khê còn chịu khó theo phương pháp nằm luôn trên giường (repos absolu) không đi đứng nữa. Chính phương pháp này đã làm cho các gân tê bại, nên có lúc Bích Khê không đứng vững được. Bài thơ rải bông trong mộng lại nhắc nhở cho Bích Khê chết ở Lập Xuân. Bích Khê tin là mình chết ở mùa xuân này: "*Xuân năm nay chắc quá chị ạ. Vì đã biết sức em*". Tháng sau Bích Khê trao cho chị 2 bài thơ "**Nắm mộ**":

Mây, tuyết, thời gian bay tợ nhạc

*Hồn tôi đã thoát đê tiêu dao!
Nhưng tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao*

*Rồi những mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới biếc chập chờn hương
Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ
Muốn thổi tiêu vàng giữa khói sương*

*Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh
Về chốn thôn già viếng mà tôi
Dây cô thôn xao, mây lớp phủ
Trên mỏ con quạ đứng im hơi. (5)
(Trong tập Tinh Hoa, chưa xuất bản)*

Và “**Đề bia dựng trước mộ**” gồm có 4 câu:

*“Thân hệnh: ngô vàng mưa lá rụng
Bút thân: sông lạnh bóng sao rơi
Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi”*

Bệnh tình Bích Khê càng đi lần vào tuyệt vọng. Gia đình vẫn lo đầy đủ cho đến phút cuối cùng. Vì Bích Khê biết trước cái chết của mình nên vẫn tươi tỉnh nói chuyện nhiều và vui vẻ an ủi gia đình. Bích Khê cứ luôn tụng niệm “Di Lạc Tôn Phật” và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước. Nhờ sức tin tưởng mãnh liệt ấy, nên sự chết đối với Bích Khê như Bích Khê sắp trở về quê, cái quê hương đầy hương hoa phúc hạnh. Qua mùa đông, trời bắt đầu lập xuân. Bích Khê sửa soạn cho mình cái chết. Bích Khê xin mẹ may một bộ đồ trắng mới và gọi chị lại nhờ chép lời di chúc trao cho mẹ, căn dặn mẹ phải làm đúng.

Đây là những lời di chúc của Bích Khê để lại:

1. Khi chết không được khóc

2. Chết xong lịm liền chôn liền
 3. Đám rất giản dị, một cái hòm vừa kín, một tấm drap đắp điểm thi hài và khi chôn không cò trống.
 4. Những bà con, bạn bè đến phúng điếu, tiền bạc không nhận, phải đem trả tận nhà.
 5. Ngày cúng giỗ chỉ một nén hương, một bình hoa, không cúng cơm cá.
- Tập thơ “Tình Hoa” chị và anh rề mang quyền xuất bản

Một tối sau khi ăn cháo xong, Bích Khê gọi mẹ lên ngồi một bên, nói cho mẹ biết là còn ba ngày nữa, nhằm ngày rằm, Bích Khê sẽ chết. Và nói cho người xuống chùa Phú Thọ xin phép mời một vị sư, bạn cũ của Bích Khê, lên ở với Bích Khê 3 ngày đêm để tụng kinh cho Bích Khê nghe. Đến đêm thứ ba thì Bích Khê trút hơi thở cuối cùng. Đúng như lời Bích Khê nói. Lúc ấy là 12 giờ khuya ngày 15 tháng 12 năm Ất Dậu (tức ngày 17-1-1946). Cái chết đến với Bích Khê nhẹ nhàng quá, nhưng cũng chưa xót làm sao. Người ta nghĩ đến bệnh lao. Nghĩ đến những thi sĩ, văn sĩ chung số phận: John Keats, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng... Và nhất là với tuổi 30—tuổi mà những thiên tài thường về với Trời—Khi mùa xuân tới, khi cảnh vật chung quanh hồi sinh lại thì Bích Khê qua đời. Bích Khê qua đời giữa mùa xuân tao loạn, nên ngày chết bạn xa không ai về được. Nấm mộ được đặt trên miếng đất của Hội Quán ở Thu Xà. Và qua mười năm khói lửa cũng chỉ một con quạ đứng im hơi trên nấm mồ...

Bích Khê và Thơ

Tác phẩm Bích Khê gồm có:

- Tinh Huyết (thơ) xuất bản năm 1939
- Đẹp—1949—thơ chưa xuất bản
- Tinh Hoa—1938 -1944—thơ chưa xuất bản
- Ngũ Hoành Sơn (thơ) chưa xuất bản
- Lột Trùng (thiên tự thuật) chưa xuất bản
- Mấy dòng thơ cũ (1931-1936) không xuất bản

Nói đến thơ Bích Khê, tôi nghĩ ngay đến nguồn thơ tượng trưng trong đó gồm có đủ những chất huyền diệu và trụy lạc, có đủ màu sắc trừu tượng và cụ thể. Hàn Mặc Tử đã ví thơ Bích Khê như một đóa hoa thần dị, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc. Hoài Thanh cho rằng: “*Tôi đã gặp trong Tinh Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam*”.

*Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông”*
(Thi nhân Việt Nam 237)

Ở đây chúng tôi thấy cũng cần phải nhắc đến 2 bài thơ Pháp, đã bắt đầu cho nguồn thơ tượng trưng và huyền diệu ấy là Charles Baudelaire (1821-1867) tác giả “*Les Fleurs du Mal*” (1857) mà Arthur Rimbaud đã gọi là “*Nhà tiên tri, Vua thi sĩ, Một vị Chơn Chúa*” (Le premier voyant, Roi des poètes. Un vrai Dieu) và Paul Valéry (1871-1945) tác giả tập thơ “*Charmes*” (1922) mà Bích Khê đã ít nhiều chịu ảnh hưởng, nhưng “*chịu ảnh hưởng với một tài trí thông minh, khiến người đọc chỉ biết phục thiện mà không dám chê. Vẫn biết tài bất*

chước mô phỏng, ai cũng có thể làm được, song lẽ nếu không phải một chân tài, sự mô phỏng sẽ trở nên vụng về sống sượng".

(Hàn Mặc Tử - Tựa tập Tinh Huyết, trang VIII)

Với Tinh Huyết (6) tập thơ làm bằng tim, óc, thịt và máu, cùng những ý tưởng thanh cao và tội lỗi. Bích Khê yêu một thể thơ trụy lạc và nghệ thuật đi đến chỗ thắm chín tuyệt đích. Thơ Bích Khê ví như cái cầu vòng, đi từ màu trắng băng khuâng tới màu gay gắt, ray rứt, điên cuồng, chỉ khi nào hiểu mới thấy được những màu kia. Bích Khê đã phát ra một sự rung động mới mẻ (un frisson nouveau), thường dùng những biểu tượng (symboles) để diễn tả - nghĩa là dùng những hình ảnh và những ý tưởng khác lạ có đủ ma lực gọi ra hay làm sáng tỏ đối tượng. Ta hãy nghe Bích Khê bày tỏ sự trần trụi một cách rất thanh tao:

Dáng tâm xuân uồn trong tranh Tô nữ
Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi này?
Nàng ở mô? Xiêm áo bỏ đâu đây?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm?
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?
Mắt ngời chân rung ánh sáng nghệ thường;
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc
Vài chút trắng say động ở làn môi.
(Tranh lửa thê - Tinh Huyết trang 41)

Thi sĩ họa với tiếng, tìm góp mùi hương vào trong nhịp và chữ. Với những hương, những sắc, thi sĩ đã dùng các biểu tượng "đũa ngọc" để ví với hàng nước mắt, "tuyết" là da nàng ; thi sĩ còn thấy nhan sắc lên hương và nhìn mái tóc đen mượt u huyền mà tưởng chừng như đêm đang ngủ mơ. Bài thơ vì thế trở nên huyền

điệu, cảm dỗ được ngũ quan ta. Ngoài hình ảnh tâm kỳ, biểu tượng đặc sắc, thơ Bích Khê còn hay về nhạc điệu. Bích Khê coi nhạc điệu là một yếu tố cần thiết trong việc truyền cảm. Bích Khê đã dùng những vần, những tiếng có âm thanh phù hợp với ý để tạo ra một âm điệu thần tình. Mơn man ta như một điệu đàn ngọc, một nỗi buồn rất Đông Phương trong bài Tỳ bà:

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thoi qua đây
Ôi! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy dề mê

Tôi qua tìm nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung Thương
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi.

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mệnh mông
(Tinh Huyết trang 25)

Lời thơ êm như nhung, buồn tẻ như hoàng hôn, đắm thắm phát từ những khúc đàn cổ như Lạc Mai Hoa, Hoàng Hoa, Trường Hận Ca... Thật là cả một trời yêu thương buồn da diết. Nhưng âm nhạc vốn là tiếng nói chung, nên Bích Khê lại sánh cả những điệu đàn Tây Phương nữa. Bài nhạc dưới đây với những vần và ý thật mới lạ:

Ô! Nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc,

Những cảnh hồng đơm, những cảnh hồng đơm
Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thờ đều trong sương;
Màu trắng không gian như gờn gợn sóng.
Từ ở phương mô nhận mang thơ về,
Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu.
Đây giấy trinh bạch khóc muối trong mơ;
Đây hồn ngọc thạch xanh xao như tờ?
Ô côi lầu mây ánh gì kim cương,
Áo nàng thơ ngầy nao nao nghề thường.
Thơ bay! Thơ bay vô bàn tay ngà,
Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!
Nàng ơi! đừng động... có nhạc trong giây,
Nhạc gảy hoa mộng, nhạc ngát trời mây,
Nhạc lên cung hưởng, nhạc vô đào động.
Ô nàng tiên nương! hớp nhạc đầy hương.
(Tinh Huyết, trang 28)

Tác giả cho ta nghe thấy những âm thanh trầm bổng
xôn xao, lời thơ mát mẻ và hơi thơ lướt thướt như
những bản đàn của Schumann, Beethoven, Liszt...
Và trong bài “Mộng cầm ca” có những câu thơ láy đi
láy lại rất khéo:

Trắng gảy vàng, vàng gảy lên sắc trắng
Của gương hồ im lặng tợ bài thơ.
Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nằng nặng
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ.
Trắng gảy vàng, vàng gảy lên sắc trắng
Của hồn thu đi lạc ở trong mơ...
(Tinh Huyết trang 24)

Âm điệu phảng phất như âm điệu tiếng nhạc Valse
trong bài “Harmonie du Soir” của Baudelaire:
“Voici venir les temps où vibrant sur sa tige
Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir;
Les sons et les parfums tournent dans l'air du soir;
Valse mélancolique et langoureux vertige!

Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir;
Le violon frémit comme un cœur qu'on afflige;
Valse mélancolique et langoureux vertige!
Le ciel est triste et beau comme un grand reposoir.”
(Les fleurs du Mal. Trang 158, phần Spleen et idéal)

Nhờ có nhạc điệu, thi sĩ đã truyền sang tâm hồn người đọc một cách dễ dàng. Cho nên Bích Khê còn là một nhạc sĩ. Bích Khê đã đi tìm cái Đẹp, cái Thực theo đúng bản thể của nó. Nên ngoài âm thanh ra, Bích Khê còn làm sáng tỏ những đối tượng bằng màu sắc hoặc trù tượng hoặc cụ thể. Bích Khê yêu cảm sắc đẹp thẩm chín của đàn bà, những âm điệu êm trong cùng những cơn mê ám kỳ dị. Bích Khê đã nói lên những cái bên trong, vĩnh cửu của tâm hồn mình. Đem những cái nhớ bản, những tiếng nói cảm kết thành Tình, thành Nhạc, khiến cái vô hình trở nên hữu hình. Bích Khê đã làm những việc mà người khác không làm được, như Paul Valéry đã thấy: *“Theo mắt tôi thấy, người ta biết thi sĩ ở những cái mà họ tôn sùng và những chỗ phóng khoáng của họ, những cái không giống với phần đông mọi người.”* (Le poète, à mes yeux se connaît à ses idoles et à ses libertés, qui ne sont pas celles de la plupart.)

Bích Khê đã đem vào trong thơ những trạng thái khác thường và đặc biệt của trí não, bày tả cái cụ thể rất tầm thường nhưng ta vẫn tìm được một cảm giác mới, là nhờ tác giả đã truyền sang cho chúng ta một nguồn cảm tình thần:

Ô cặp mắt đa tình ngời sắc kiêu!
...Một bàn chân ve vuốt một bàn chân!
Mát lắm sao! mát rợn cả châu thân —
Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực.
Ôi! thớ thịt có đàn lên cung bức

Hồn tôi ôm gót ngọc, lắng âm thanh...
(Bàn Chân—Tinh Huyết trang 48)
Vội những màu sắc màu nhiệm:

Ô trời hôm nay sao mà xanh!
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cảnh
Nhưng mây tê ngời sao kim cương,
Dạ lan tê ngời say men hương;

Lầu ai ánh gì như lưu ly?
Nụ cười ai trắng như hoa lê?
Thùy tình ai để lòng gương hồ?
Không gian xà cừ hay san hô?
(Nghê thường—Tinh Huyết trang 37)

Thơ Bích Khê là cái hợp đề của muôn vàn sự thắc mắc, xao xuyến trong lòng, trong hồn, trong da thịt, với sắc màu đậm đà, huyền diệu, đã đem lại cho người đọc một cái gì mới mẻ, mà trong đó hồn thơ, điệu thơ, ý thơ đã gây nên bởi cái cảm giác thông minh, thành thật. Thơ siêu việt của Philippe Soupault cũng bắt đầu từ cái thật, do đó những tâm hồn khát khao nguồn Đẹp tìm thấy ở Bích Khê một sự khoái trá vô cùng.

Ta vừa ra khỏi địa hạt huyền diệu, địa hạt mà “*Bích Khê muốn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ tượng trưng: Mallarmé, Valéry.*”
(Hoài Thanh—Thi nhân Việt Nam—trang 33)

Bây giờ ta hãy vào thăm địa hạt truy lạc của Bích Khê, nơi mà thi sĩ đã đụng chạm truy lạc và thanh cao, vật dục và tinh thần, thi sĩ đã đắm chìm vào ảo mộng có khi đến phi luân lý. Nhưng vì “*Dù phải bị từ hình hay truy lạc, Thơ không thể hòa hợp với khoa học hay luân lý. Thơ không có thực tế làm đối tượng, thơ chỉ là thơ*”

(La poésie ne peut pas, sous peine de mort ou de déchéance, s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la Vérité pour objet, elle n'a qu'Elle-même. - Baudelaire—Les Fleurs du Mal, trang 23)
Đây là cơn mê của người ham khoái lạc:

“Tôi vô người như một miếng mồi ngon;
Miếng ngậm hờn riết chặt lấy môi son;
Mắt đỏ lừa lờm qua làn sóng sắc...
Tôi giật nảy rồi cười lên sáng sặc,
Hai tay cào đôi vú trắng như bông”.

(Xác thịt)

Sắc dục tỏa ra mãnh liệt đến điên cuồng:

“ Người đã ôm một sắc đẹp trong người
Cho mơ màng cho rạo rức no tươi...
Một xác thịt trần truồng cho rơn óc
Một tình dục cho miệng sang hơi độc
Đến hà hê nên cười sặc như điên (7). “

Chưa đủ, thi sĩ còn muốn cho não cân tẩm thuốc phiện,
và mạch máu ngấm đầy rượu nồng:
Còn đây! còn đây! tiếng rượu hú ma—
Tứ thuốc phiện thu nhập khí mờ hoa;
Ừ, tội chi ta không vào địa ngục
Đặng xin nốt ngọc oan ương thể thốt,
Giám chung thân mà sáng quá thiên đường;
Đặng ngủ nhờ một đêm với Xuân Hương.
Baudelaire! Người là Vua Thi Sĩ!
Cho xin chum bao nhiêu mùi thi vị
Phà hơi lên, truyền nhiễm thấu trần ai...
(Ăn mày—Tinh Huyết trang 71)
để rồi:

“Rạng mai có kẻ đi về đây

Ôi! người say rượu chết nằm queo!
Ngọc sương nức nở tan thành lệ!
Hơi rượu say nồng vẫn quyện theo!”
(Người say rượu—Tinh Huyết trang 54)

Hình ảnh “*người say rượu chết nằm queo*” gợi nhớ đến cái chết của một Tàn Đà, một Edgar Poe ... Ở những bài thơ dâm cuồng này, ta thấy Bích Khê rất giống Baudelaire, là tuy dâm cuồng nhưng “gợi dục tình thì ít, mà là cho người ta ghê rợn đến gớm guốc cái cảnh trần trường khả ố thì nhiều” (Hàn Mặc Tử—Tựa tập Tinh Huyết, trang XVII)

Và đôi lúc ta cũng gặp được cái chất trụy lạc rất thâm kín, rất Lý Bạch:

Ô! Mộng đêm thu, mây vút xa,
Say sưa lộ sắc cạnh Đào hoa:
A ha! Lý Bạch! hồn ba lệ!
Rượu nốc vào: rung khúc đập ca...
Mộng trắng phau phau, vót cung nga:
Xuân Hương! người ngọc, máu say ngà!
Nhấn dây tơ loạn, — buồn lời lá,
Đờn phát hương trắng, nẩy điệu ra...
(Mộng—Tinh Huyết, trang 43)

Nhưng nếu Tội Lỗi đã có trong thơ thì Đạo Đức cũng là một nguồn cảm hứng. Vì thế, Bích Khê đã biết hướng hồn mình về một yếu tố duy nhất để chuộc lỗi, yếu tố ấy đã khơi dậy ở những cái gì sáng láng, thanh cao:

Thơ Bay

Thơ bay lên trên đỉnh núi Nga my
Gạ chơi mây nước phương phi—
Lột màu sắc tướng trong ni;

Mộng qua, bắt mộng đồ mi lơ đời!
 Thơ bay lên tới động Dương Quí Phi
 Gạn xin nước mắt lưu ly—
 Cù không nằng tiếc làm chi!
 Mắt tôi ráo lệ lấy gì xồn xang!
 Thơ bay lên cho đến gã Vương Duy
 Ghé xem bức tranh Quí Phi—
 Tinh thần lộ cả uy nghi :
 Càn khôn chụp ơ hàng mi trập trùng!
 Thơ bay lên cho đến chàng Phụng Kỳ
 Gạn nghe thần nhạc lâm ly—
 Ánh ra màu sắc tinh vi:
 Rưng rưng yển sáng những gì chiêm bao!
 Thơ bay về tắm mát suối âm ty
 Xác tôi chết lạnh trôi đi—
 Lấy ai siêu độ từ bi :
 Hồn xiêu hồn đến quy y bên nàng!
 (Tinh Huyết trang 74-75)

Ở điểm này ta thấy Bích Khê đã chịu ảnh hưởng của Hàn Mặc Tử.

Thơ Bích Khê đầy những hình ảnh tân kỳ: Nhạc và Lệ, Đẹp và Dâm, Cuồng và Ánh sáng và Châu hợp lại thành một dòng Tinh Huyết, mà Bích Khê đã say mê đắm đuối đến điên cuồng vì thơ. Nhưng rồi, khi nghệ thuật đã đến chỗ thối nát, thơ Bích Khê sẽ đi đến đâu?

Cũng như những thiên tài khác, sau khi đã sống, đã chán chường cõi đời ô trọc, thi sĩ cảm thấy tâm hồn mình cần phải siêu thoát nên đã nâng thần trí và hồn tính lên với Trời, hướng đến vô cùng. Nhưng như Chateaubriand tìm mãi cái vô cùng (vers l'infini) không thấy, thi sĩ mới nhận ra rằng chỉ còn một thế giới đời đời là Tôn Giáo mới làm thỏa mãn được tâm hồn mình. Trái với Hàn Mặc Tử là người của Thiên Chúa Giáo, Bích Khê hướng về Phật giáo để ca ngợi

cái huyền bí tuyệt đích.

“*Lúc trăng lên vừa có ngọc ra đời ;
Ngọc thơm tho như là hương trinh nữ ;
Ngọc cao quý ánh muôn màu cảm tử,
Yến hào quang nảy bật miếng phong cầm ;
Ngọc đây là thâu góp vị muôn xuân
Và anh hoa của một bầu nhược thủy ;
Ngọc mầu nhiệm nên pháp danh Như ý,
Kết tinh bằng tứ tượng với âm dương ;
Ngọc chơn nhơn cho phật tử cúng dường
Và chiêm ngưỡng giữa kỳ hoa dị thảo ;
Ngọc là chúa của kim cương thất bảo
Chan chỏi ra trùm suốt cả không gian,
Linh hội từ hơi thở của đêm vàng
Đêm huyền diệu của một trời châu báu ;
Ngọc có thân xẻ ra muôn mạch máu
Mớm cho người lạnh ớn cả hàm răng ;
Ngọc chia hồn để nhập mỗi đường trăng
Cho trăng sáng, trăng tròn, trăng chuyển động.
Ngọc phép tắc trở ra muôn sắc tướng
Chạm vào người rún rẩy cả châu thân ;
Ngọc đồng trinh nên thanh bạch trăm phần ;
Ngọc ra đời—Tình tôi run đến óc...”*

(Ngọc—Tình Huyết trang 72-73)

Thi sĩ cho rằng:

“*Có say khướt mới đào muôn tứ ngọc ;
có điên rồ mới hóp trăng sao ;
có dâm cuồng mới dâng cả lên cao.
Nơi chu lưu một nguồn thơ bất tuyệt
Nơi trí người tạo ra rồi xoá hết,
Nghiêm nhiên người là chúa tể vô biên”
Và đã tự hào:*

*“ Ta là Thơ! Phàm tục hãy quy y
Ta sáng suốt chiếu ra mẫu Phật tánh ”*

oOo

Sau mấy năm khắc khoải với vi trùng lao, Bích Khê chết. Bích Khê để lại cho N. một tình yêu bất diệt. Và để lại cho trần gian những tác phẩm quý hiếm.

Đời Bích Khê ngắn ngủi, buồn đau, tuy rằng được mẹ và chị chiều chuộng. Nhưng dù buồn đau, Bích Khê cũng đã hướng lòng lên cao để đạt đến cái Đẹp và cái Thật. Bích Khê đã sống và chỉ sống vì Thơ. Thơ Bích Khê đi sâu vào tận đáy hồn ta và ở mãi đấy.

Phải chăng cuộc đời ngắn ngủi và tính cách thuần túy của thơ đã khiến cho chúng ta mến cảm và yêu thơ Bích Khê .

Mùa thu lại về. Ở đây tìm đâu ra vàng rơi cây ngô đồng, mà là cả muôn trùng rừng phong muôn trùng sắc lá. Và con quạ đen kia làm nhớ con quạ đậu trên nấm mồ

thi sĩ Bích Khê ở Thu Xà khi tôi về thăm năm xưa nào xa lắm...

(1) Sau này Bích Khê gom lại thành tập “Những vần thơ cũ”, gồm 89 bài thơ Đường, Hát nói và các thể, nhưng không xuất bản.

(2) Bài này lấy làm tựa tập Tinh Huyết

(3) Do Trọng Miên xuất bản, in trong ngày 30 tháng 12 năm 1939 tại nhà in Thụy Ký - 98 phố Hàng Gai - Hà Nội.

(4) Nhà xuất bản Gallimard 5 Novembre 1936

(5) Trong bức thư đề ngày 7-1-1941 gửi cho Hoài Thanh, Bích Khê nói thích nhất là bài này và bài Duy Tân

(6) Tựa của Hàn Mặc Tử; Bạt của Trọng Miên—Tập thơ gồm có 4 phần:

-Nhạc và Lệ tặng Hàn Mặc Tử (trang 23 đến trang 38)

-Đẹp và Dâm tặng Trọng Miên (trang 41 đến trang 54)

-Cuồng và Ánh Sáng tặng hai anh Thoại và Hương (trang 57 đến trang 81)

-Châu(trang 85 đến trang 105).

(7) đoạn này trong tập Tinh Huyết bị kiểm duyệt bỏ

Đinh Cường

(chỉnh lại từ bài viết cũ đã đăng trên tạp chí Văn Hóa Á Châu, số 22, tháng 1- 1960 – Sài Gòn.

cám ơn Quang Dũng đã đánh máy lại và Nguyệt Mai edit)

Lời tuyệt mệnh

Chân bình : ngọc sáng, mùa lá rụng ,
Đút thân : từng khúc ruột đau rơi ;
Sáu nghìn thước nửa trần trụi ,
Hồn vẫn ở trong bóng nguyệt soi

Bút tích của Bích Khê

thơ Bích Khê

I—Xuân Tượng Trung

Hồi lời ca man dại
Điệu nhạc thở hơi rừng
Đêm nay xuân đã lại
Thuần túy và tượng trung.
Nâng lên núm vú đôi
Sữa trắng nhị nhĩ giọt
Bay qua cụm liễu phơi
Những cườm tay diêm hột.
Sương— Phất phơ lau lách
Khe uốn mình giai nhân:
Đường non khéo điêu khắc
Những dáng hình khóa thân.
Lụa mây nẩy vàng chạm
Tía ngọc bén màu ngân

Chủ xuân đương triền lãm!

Gió lên. Tình múa reo
Lời ca như hạc theo
Những điệu vàng châu báu
Dường có con chim báu
Ria cánh trên ngai lòng.
Xòe xòe màu lông công
Vườn thơm khua sắc mặt
Rồng uốn vóc từng cong
Áo bạch mai khoát khoát
Môi đào chờ khoái lạc...
Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lã chã!

(trong tập tình Hoa—chưa xuất bản) (1)

(1) Gia đình Bích Khê cho xuất bản tập thơ này

II--Ảnh Ấy

Anh ấy mơ màng trong ảnh ấy
Người em lãng mạn quá đi thôi
Anh nhìn trần trối, anh tơ tưởng
Anh ngỡ là em đứng đấy rồi.

Anh tính ôm chầm lấy mắt mơ
Lấy môi lấy má... lấy ngây thơ
Để anh nút ớn mùi hương ẩm
Của một tình yêu giận hờn hờ!

Anh tính - kê tay lên trái tim
Ta đòi nóng hổi với say im.
Nhưng chao! Sao chỉ không gian lạnh?
Không bóng! Không hình! - không có em!

Anh ghi lấy ảnh. Những đau thương
Thấu tận lòng anh khổ chán chường.
Anh núp mắt vào đôi mắt ấy.
Rồi không ngăn được lệ anh tuôn...

Nước mắt tràn lên đôi mắt ấy.
Nào anh hay khóc! Phải em đâu?
- Đời mô em khóc vì anh khóc
Cho lệ lòng anh bạc vè sầu!

Anh không rời nữa ảnh thơ ngây
Và trở nên người dễ khóc lây
Anh khóc mất anh trong mắt ấy
Để rằng:

- Em khóc với anh đây!

(trong tập Tinh Huyết đã xuất bản, trang 26-27)

III—Duy Tân

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới
Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong.
Hạt châu trong ngời nhô giọt vô lòng
Trần âm hưởng như chiều thu sóng nằng.
Trong vòm xanh. Màu cười màu, bình lặng,
Gây phương phi: chiều sáng ngà sang mờ
Vĩ hình dung những sắc mát, non, tơ,
Như mặt trời mọc qua khóm liễu, một
Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tới:
Chữ biến hình ánh mới, lúc trong ngâm
Chữ điêu khắc, tia nghệ thuật sâu cam,
Đầy thắm mỹ như một pho thần tượng.
Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng,
Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng
(Những con cừu tim trẻ mướt như lông
Nên da thịt lên làn sa lụa mỏng.
Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)
Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo thơ.
Tôi cắn vào trái bơ vỏ xanh mờ
Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc
Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tàn mác
Mộng?

Thiên tài?

Trên hỗn độn khoa thân

Đẹp tỷ mỹ, hời rung động truyền thần
Ròng âm nhạc của lòng trai ấp mái
Người họa điệu với thiên nhiên, ân ái

Buồn, và xanh trời (Tôi trôi với bờ
êm biếc -- khóc với thu: lời úa ngô
Vàng... khi cách biệt -- giữa hồn xây mộ --
Tình hôm qua -- dài hôm nay thương nhớ,
Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên
Những dáng hình thanh khí...) Giữa mộng mênh,
Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu -- Tiếng thờ
Hồi hội họa, đến muôn đời nức nở.

Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Ta
Lời nổi lời bổ thí lộc tinh hoa
Của âm điệu, mơ màng run lấy bấy
Một hồn hợp đẹp xô bồ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh yêu thương
Và mới mẻ -- trên viễn cổ Đông phương!
(Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật?)
Thơ lửa thể ! -- Giai nhân tuần trăng mật,
Nữ thần ơi! Ta nô lệ bên người!
(trong tập Tinh Hoa—chưa xuất bản)

IV- Sắc đẹp

Mộng rất xanh, mộng rất xanh, rất xanh...
Choáng thời gian vây môn đầu thực nữ.
Hồn mê, trong khi lòng giận dữ,
Và tạo ra một thứ sáng hào quang:
Những mặt trời, nhan sắc đẹp như trăng
Và sắc lém như thanh gươm vậy máu;
Những đôi mắt, kho tàng muôn châu báu,
Có những hàng dũa ngọc gấp hương yêu;
Những môi son phản ánh một trời chiều,
Một trời chiều mà muôn hoa nín thờ
Những vú nõn: đôi cong thon, nhỏ nhỏ.
Với đôi dòng suối sữa trắng như tinh:
Ôi rất thanh! Rất thanh là rất thanh!

Ngát tỉnh khí vì thơm tho như xạ.
Và rừng rợn như một điểm quái lạ.
Hồn người nặng bị riềng khoan sắt đỏ,
Hễ chiêm bao là thấy chuyện đau thương.
Hồn người mê như sắc đẹp trên giường.

(Tinh Huyết)

V- Ăn mày

Mộng rất xanh, mộng rất xanh, rất xanh...
Choáng thời gian vấy môn dầu thực nữ.
Hồn mê, trong khi lòng giận dữ,
Và tạo ra một thứ sáng hào quang:
Những mặt trời, nhan sắc đẹp như trắng
Và sắc lêm như thanh gươm vấy máu;
Những đôi mắt, kho tàng muôn châu báu,
Có những hàng đũa ngọc gấp hương yêu;
Những môi son phản ánh một trời chiều,
Một trời chiều mà muôn hoa nín thở
Những vú nõn: đôi cong thon, nhỏ nhỏ,
Vớ đôi dòng suối sữa trắng như tinh:
Ôi rất thanh! Rất thanh là rất thanh!
Ngát tỉnh khí vì thơm tho như xạ.
Và rừng rợn như một điểm quái lạ.
Hồn người nặng bị riềng khoan sắt đỏ,
Hễ chiêm bao là thấy chuyện đau thương.
Hồn người mê như sắc đẹp trên giường.
(Tinh Huyết)

VI- Tỳ Bà

Nàng ơi! Tay đêm đang giăng mềm
Trắng đan qua cành muôn tay êm
Mây nhung pha màu thu trên trời

Sương lam phơi màu thu muôn nơi

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thoi qua đây
Ôi! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Cây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu: em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi vơi

Tôi qua tìm nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung Thương
Tôi không bao giờ thoi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào Nguyên cho xa xôi
Đào Nguyên trong lòng nàng đây thoi

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không màng kêu: em yêu
Trăng nay không nàng như trăng thiêu
Đêm nay không nàng như đêm hiu

Buồn lưu cây đào tìm hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mệnh mông.
(*Tình huyết*)

NHÂN MỘT NGÀY GIỖ

B

Í

C

H

-

K

H

Ê



★ Đinh-Cường

GIỮA cái không-khí náo nhiệt của những ngày sắp Tết, ngày giỗ thi-sĩ Bích Khê, đúng vào ngày rằm tháng chạp, được tổ chức thật đơn giản, thật trang trọng tại nhà bà Ngọc Sương, chị ruột của thi-sĩ. Trong một căn phòng ấm cúng, hương khò tỏa đầy cùng với hơi trầm xông lên bàn thờ đặt ở góc trái, với hai ngọn nến đỏ chảy từng giọt nước

mắt trước di ảnh của thi-sĩ, một bình hoa gladiol đỏ sẫm mà người yêu từ hơn hai mươi năm về trước đem đến cắm trước ngày giỗ một ngày, một đĩa trái cây và những phong bánh (bánh dự ngày giỗ Bích Khê trong vùng thân mật gồm những văn-thi-sĩ tên tuổi như Nguyễn-Vỹ,

19

(Hình chụp trang đầu bài viết của Đinh Cường - Bán nguyệt san Phổ Thông số 131 ngày 3-1-1964)

GIỮA cái không-khí náo nhiệt của những ngày sắp Tết, ngày giỗ thi-sĩ Bích Khê, đúng vào ngày rằm tháng chạp, được tổ chức thật đơn giản, thật trang

trọng tại nhà bà Ngọc-Sương, chị ruột của thi-sĩ. Trong một căn phòng ấm-cúng, hương khói tỏa đầy cùng với hơi trầm xông lên bàn thờ đặt ở góc trái, với hai ngọn nến đỏ chảy từng giọt nước mắt trước di ảnh của thi-sĩ, một bình hoa glaieul đỏ sẫm mà người yêu từ hơn hai mươi năm về trước đem đến cắm trước ngày giỗ một ngày, một đĩa trái cây và những phong bánh. Đến dự ngày giỗ Bích Khê trong vòng thân mật gồm những văn thi sĩ tên tuổi như Nguyễn-Vỹ, Đinh Hùng, Nguyễn-ngu-Í, Tô-kiều-Ngân, Hoàng-trúc-Ly. Tiệc là thiếu hai người bạn thân của Bích-Khê: Tam Ích và Hoàng trọng Miên. Nhưng điều cảm động là sự có mặt của bà Ngọc Kiều, người mà cách đây hai mươi năm là nguồn thơ, là vẻ xao-xuyến nhất của thi-sĩ, người đã bầm tay vào điệu đàn của linh hồn chàng:

*Ôi! cặp mắt của người trong tựa ngọc
Sáng như gương và chấp chóa kim cương !*

Mỗi cái ngó là một vì sao mọc !

Mỗi liếc yêu là phảng phất mùi hương.

*Hai mắt ấy chói hào quang sáng ngọc
Dẫn hồn ta vào thế giới thiêng liêng
Hớp nhiều trăng cho niềm tình rất ngọt
Say nhạc hường nổi hồng giữa đào nguyên*

(CẶP MẮT - Tinh Huyết tr, 62) .

Bắt đầu buổi tiệc là lời cảm ơn của ông Lạc-Nhân Nguyễn-quí-Hương anh rể Bích Khê. (Ông Lạc-Nhân là một nhà báo tên tuổi từng cộng tác với báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh-thúc-Kháng ở Huế, rất được bạn bè kính mến về tài-dức cũng như cuộc sống trong sạch của ông) ông nhắc đến cái chết và sự nghiệp để lại của Bích Khê cùng tin- tưởng ở sự-nghiệp “đáng kể” hơn các thi-sĩ đến dự, những nhà văn nhà thơ còn sống. Tiếp theo, ông mời nghe lại hai buổi tao đàn kỷ-niệm

Bích-Khê được ghi lại trong magnetophone, với giọng đọc của Thái-Thủy, tiếng sáo của Tô Lang, các giọng ngâm của Tô-kiều-Ngân, Hồ Điệp, Lệ Liễu, nhắc nhở đến một khoảng đời thơm hương tình-ái cùng những kỷ-niệm của thi-sĩ. Trong bàn tiệc còn được Nguyễn Vỹ nhắc đến một Hàn-mặc-Tử với lần ngồi sát nhau ở bãi biển Qui Nhơn - lúc đó Hàn-mặc-Tử vừa mới phát binh phung - và ai cũng xa-lánh chàng - Nguyễn Vỹ còn mĩa-mại: bây giờ Qui Nhơn hân-hạnh có mộ Hàn-mặc-Tử ở trên cao Ghềnh Ráng, chứ chính lúc trước dân Qui- Nhơn ghét Hàn nhất.

Đinh-Hùng nhắc đến một Mai Đình với gương mặt đỏ khác thường là người yêu đã lặn-xả vào với Hàn-mặc-Tử.

Hàn-mặc-Tử là người đầu tiên cảm phục thơ Bích Khê, thúc-dẩy Bích Khê, viết bài ca-tụng Bích Khê đăng ở báo *Trong Khuê Phòng*: “Mồng tám Tết năm ngoái (1938) tôi nhận được ba bài thơ của Bích Khê ở PhanThiết gửi tặng tôi. Ba bài ấy đã làm cho tôi sững sốt với cái khởi điểm của thiên tài sắp sửa...”

“... Suốt trong năm 1938, tôi hết sức khích lệ chàng, mong mỏi ở chàng một thi sĩ xuất-sắc cao cường...”
(*Trong Khuê Phòng số 98, 10 Juin 1939*)

Sau này Hàn - Mặc-Tử trở thành bạn chí thân của Bích Khê và thường ra vào thăm nhau (Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn và Bích Khê ở Quảng Ngãi rồi sau vào Phan Thiết). Bà Ngọc Sương nhắc đến một người bạn thân khác của Bích Khê là Chế Lan Viên. Nguyễn Vỹ kể lại sự chua xót mà Thế Lữ, - và sự kiêu ngạo và lằm Chề Lan Viên là người Chàm thật, rồi chê thơ Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Bích Khê (thật ra đó là sự ích kỷ và lòng ghen ghét của Thế Lữ cố dìm những nhà thơ cùng thời cũng như Tự lực văn đoàn không nhận in thơ Hàn Mặc Tử). Chế Lan Viên gần gũi với gia đình Bích Khê nhiều nhất. Lần Bích Khê nằm bệnh, Chế Lan

Viên về tận Thu Xà thăm. Bích Khê mừng ứa nước mắt.

Đến nửa phần tiệc còn có những mẩu chuyện vui và rất thật, của những người bạn đã sống gần nhau thời tiền chiến. Đinh Hùng kể chuyện đi xe lửa với Lưu Trọng Lư. Lưu Trọng Lư là người mơ mộng nhất, lẫn thật với hư. Một hôm hẹn với người yêu ở Thanh Hóa, nhưng khi tàu qua Thanh Hóa, Lư lại không xuống. Tàu qua khỏi rồi, Lư lại không biết là mình đi đâu, sau rốt vì là chuyến tàu direct nên Lư theo vào đến tận Saigon !

Nguyễn Vũ nói thêm: có hôm vừa đi chơi ở đâu về còn mặc quần tây trắng, gặp Nguyễn Vũ đến rủ đi, Lưu Trọng Lư lại mặc thêm một cái quần khác vào, đến lúc ra Bờ Hồ, Nguyễn Vũ chỉ cái quần trắng lôi ra, Lư mới hay và đứng cởi quần ngay nơi Bờ Hồ, thật rõ là quá dối mơ mộng (con người như vậy mà bây giờ là người sống màu mực và đặc lực nhất ở Bắc Việt). Tô Kiều Ngân còn nhắc đến nhà thơ thời kháng chiến Trần Quang Dũng tưởng đã chết ở Bắc Việt, bây giờ lại sống lại ở bên kia Bến Hải. Chính thời kháng chiến đã làm cho cái chết của Bích Khê ít người biết đến, bạn bè ở xa không về đưa đám được và di cáo bị thất lạc gần hết trong những trận bom.

Giữa câu chuyện qua lại, Nguyễn Vũ còn nhắc đến cô Minh Đức vừa ở Pháp về, nói trường thơ Bạch Nga của ông được lancer ở Pháp nhờ Minh Đức, Minh Đức còn là fondateur của cái Club P.C.A. (Pas comme les autres) gần những người sống không như những người khác.

Tôi nhớ lại một cô hay mặc áo dài dò đứng trong Câu lạc bộ Văn nghệ ở sân Phan Đình Phùng hồi Nguyễn đăng Thực chủ trương Văn nghệ Tập-san, khoảng 57-58. Bây giờ thì khác hẳn.

Buổi tiệc tiếp tục cho đến mười giờ tối, những que

nhang được thấp tiếp nối, hai hàng nền tàn dần, giọng ngâm thơ trong magnetophone thật trầm, thật buồn. Cùng với giọng hát ràn rụa của Jackson trong nhã nhạc " Silent Night, Holy Night" hương trầm loãng ra và bà Ngọc Kiều ngồi đáng e-dè ở đầu bàn, tôi bắt gặp trên nét mặt người thiếu phụ một thoáng buồn như hồi tưởng lại cả một vùng kỷ-niệm thiên đường từ xa lắm - từ những đêm đến lớp học để nhìn ánh mắt ngừng lại của người yêu trong khi giảng bài, hay những bức thư tình qua lại cùng Bích Khê...

Khi buổi tiệc sắp tàn, ông bà Lạc Nhân bàn tính in lại Thơ Bích Khê gồm Tinh Huyết (đã xuất bản 30 décembre 1939) và Tinh Hoa (dĩ cáo chưa xuất bản), được thêm ý kiến của Nguyễn Vỹ và Đinh Hùng, sẽ cùng giới thiệu với ông Làng Nhân Phùng-Tất - Đắc, nhà văn và là chủ nhà in I.D.E.O. để in. Có lẽ ra Tết, gia đình Bích Khê sẽ lo hoàn thành tập thơ đó để những người yêu thơ được giữ lại, dù sau này " trời đất nôi cơn gió bụi" cũng không thể cuốn mất những gì còn lại của Bích Khê.

Bây giờ thì tiệc đã tàn. Tôi muốn nhắc lại cùng các bạn cái khung cảnh, mà ở đó, Bích-Khê đã sống, đã lớn lên.

Mùa hạ năm ngoái tôi từ Huế vào Quảng Ngãi để về năm Thu Xà. Thu-Xà cách bến xe khoảng mười cây số. Với một con đường gồ ghề đá sỏi, hai bên là đồng lúa xanh mát rượi, thỉnh thoảng có những trạm canh của dân vệ. tôi đi ngang một ngã tư mà Tạ thu Thâu đã bị bắt tại đó - thời kỳ Việt-Minh - con đường còn ghi lại dấu vết chiến tranh đó đã " đưa tôi đến nhà Bích Khê, lúc trời đã chạng vạng. Tôi bước vào một sân trồng đầy hoa hồng, cảm giác thật êm dềm, tôi hỏi thăm bà Ngọc-Sương và người cháu của - Bích-Khê vừa ở Sài Gòn ra. Tôi được giới thiệu với một mẹ già tóc bạc trắng nhưng còn khá sức khoẻ. Tôi cúi đầu chào. Đó là thân mẫu của Bích Khê. Năm nay đã 82 tuổi. Sống

cùng với người anh trưởng và hai chị của Bích Khê.
Gia đình gồm 8 chị em. Bích Khê là con út. Anh chị em Bích Khê phần đông đều có tâm hồn văn nghệ. Gia đình thuộc trung lưu, nhưng vì là con út nên Bích Khê được hưởng đầy đủ sự nuông chiều. Buổi sáng tôi đi thăm mộ cùng với người cháu Bích Khê. Mộ Bích Khê nằm thật buồn cạnh hàng tre già cao vút, giữa một mảnh đất của hội quán. Trời nắng chói chang tôi đứng mãi bên mộ thi sĩ. Những con chim từ núi bay về đậu trên những nắm mộ và đàn bò dạo ăn cỏ thản nhiên, tôi chợt nhớ bài thơ Nắm Mộ của Bích Khê thật hoang vu như nghĩa trang nhưng trầm âm tha thiết :

*Mây tuyết, thời gian bay tự nhạc
Hồn tôi đã thoát đã tiêu dao
Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao*

*Rồi những mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới hiếc chập chờn hương
Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ
Muốn thời tiêu vàng giữa khói sương*

*Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh
Về chốn thôn già tiếng mà tôi
Bầy cò xanh xao, mây lớp phủ
Trên mồ con quạ đứng im hơi
(trong Tinh Hoa chưa xuất bản)*

Tôi nghĩ đến mộ Hàn Mặc Tử được xây trên Ghềnh Ráng có tượng Đức Mẹ trắng ngày đầu mộ, chiều mây trắng phủ đầu, nghĩ đến một vùng mộ trồng toàn hoa violettes của thi sĩ Anh John Keats, trên bia không đề tên mà chỉ đề:

“ Here lies one whose name was written in water”
(Nơi đây an nghỉ một người mà tên đã ghi trên mặt

nước), để rồi ước mong mộ Bích Khê sẽ được xây trên một ngọn núi của tỉnh Quảng Ngãi (chính gia đình Bích Khê cùng đã dự định từ lâu). Hình ảnh miền quê hương Bích Khê với xóm dừa Cồ Lũy, một bên sông qua Phú Thọ. Những mảnh đá to nhìn xuống biển xanh tuyệt diệu. Tôi đã đứng trên cao đó, sau nhà bác Khâm, nhìn về núi Thiên Ấn, núi Thiên Bút và dòng sông Trà Khúc với bãi cát trắng muốt.

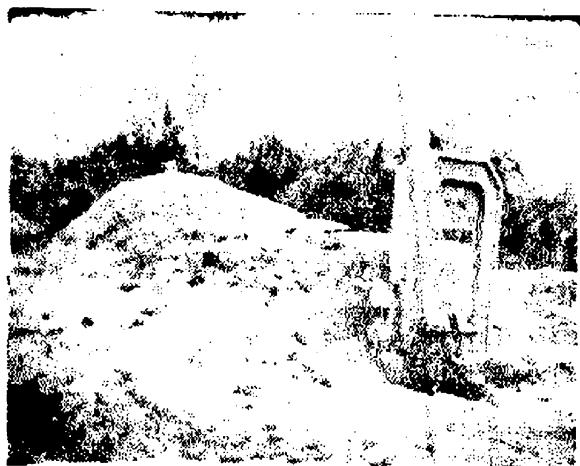
Saigon 29-1-1964

(nguồn: Phổ Thông số 121 năm 1964)

Tòa soạn ghi chú: Bài “Nhân một ngày giỗ Bích Khê” gồm có hai phần. Phần đầu viết về ngày giỗ. Phần hai viết về cuộc đời của Bích Khê hoàn toàn giống với bài viết trên Văn Hóa Á Châu năm 1960, được tác giả Đinh Cường chỉnh lại để phổ biến sau này dưới tựa mới là “Mùa thu nhớ Bích Khê”. Bài này chúng tôi đã đăng ở những trang trước. Vì vậy, chúng tôi không đăng lại phần hai để tránh sự trùng hợp. (TQBT)

Thu Xà và phần mộ Bích Khê

Người viết: Đinh Cường



Phần mộ Bích-Khê tại Thu-Xà

(nguồn: tạp chí Phổ Thông số 121 ngày 3-1-1964 – tư liệu TQBT)

Tôi đã đi thăm mộ Bích-Khê với Thu-An, cháu gọi Bích-Khê bằng cậu. Mùa hè năm 1963, tôi từ Huế vào Quảng-Ngãi rồi về Thu Xà, nơi Bích-Khê đã sinh ra, lớn lên và trở về nằm trong lòng đất vĩnh viễn ở đó. Thu-Xà cách bến xe Quảng-Ngãi 10 cây số. Với một con đường gồ ghề đá sỏi, hai bên là đồng lúa, rải rác có những trạm canh dân-vệ, con đường còn mang nhiều dấu vết chiến tranh, nơi một ngà tư mà Tạ-Thu-Thâu đã bị bắt, thời kỳ Việt-Minh. Thu-Xà là một quận lỵ gồm hai dãy phố cũ, phần đông là người Tàu đến ở buôn bán từ ngày trước, có những phố lầu hoang tàn bị

bom thời kỳ 1945. Nhà Bích-Khê ở ngay phố, có một cổng dài đi vào. Tôi đến đó lúc trời nhá nhem tối. Chân đặt lên một sân trồng đầy hoa hồng, lòng băng khuâng... tôi hỏi thăm bà Ngọc-Sương, chị kế của Bích-Khê, và Thu-An vừa ở Sài-Gòn ra. Lúc vào nhà tôi gặp ngay thân mẫu Bích-Khê với đầu tóc bạc mượt, gương mặt phúc hậu. Bà sống cùng người con trưởng và con dâu trong căn nhà lâu đời đó. Tôi được kể, căn nhà vẫn không có gì thay đổi. Nhà làm kiểu ba gian, một chái. Gian bên trái là phòng Bích-Khê, gian giữa đặt bàn thờ, có ảnh Bích-Khê, tôi đến thắp hương. Đêm đó tôi nằm trên chiếc sập cao nơi Bích-Khê đã nằm ngày trước, với ngọn đèn dầu hỏa tôi mơ màng bóng dáng phảng phất của một người tài hoa bạc mệnh: Bích-Khê.

Gian phòng âm lạnh, trên chiếc sập gỗ trơn đó Bích-Khê đã trở về nằm bệnh sau bao năm giang hồ. Sáng ở đầu sông nhớ núi. Đêm nằm trong núi nhớ sông. Sức khoẻ đã hao mòn dần. Suốt ngày thơ thần, ước ao gặp lại một người quen:

*“Gió về mang cả mùi lãng tã
Buồn cắt lên đến những miếng đen
Người viên khách, lòng sầu vạn cổ
Dặm mòn muốn gặp một người quen.”*

Thời gian này thỉnh thoảng có Quách-Tấn gửi thơ cho Bích-Khê đọc rồi họa lại, có lần Chế-Lan-Viên về thăm, Bích-Khê ứa nước mắt.

Đáng kể nhất là lần người yêu trở lại Thu-Xà, mặc dầu nàng đã có chồng hai con, đó là nguồn an ủi cuối cùng cho những ngày tuyệt vọng của Bích-Khê. Nh. (1) tên người yêu độc nhất của Bích-Khê. vì trắc trở gia đình không cưới nhau được, mặc dầu tình yêu vẫn nồng

cháy giữa hai người. Ở lại Thu-Xà chỉ vài hôm Nh. trở lại Sài Gòn, để lại cho Bích-Khê một hồn đau xác gãy. Bích-Khê tiễn nàng ra cổng với cảm giác vĩnh biệt.

Cách mười hôm Bích-Khê nhận được cam của Nh. từ Sài Gòn gửi về và cũng từ đó Bích-Khê không bao giờ trông thấy bóng dáng người tình nữa.

Cơn ho lại nặng thêm. Gia đình chạy thuốc thang đầy đủ cho đến phút cuối cùng. Nhưng bệnh tình đã đến chỗ tuyệt vọng. Bích-Khê biết trước cái chết của mình nên vẫn điềm nhiên nói chuyện và an ủi gia đình.

Trước hai tháng từ giã cõi đời, Bích-Khê cứ tụng niệm “Di-Lạc Tôn-Phật” và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước. Nhờ đức tin mãnh liệt ấy nên sự chết đối với Bích-Khê như Bích-Khê sớm trở về cái quê hương đầy hương hoa hạnh phúc.

Một tối sau khi ăn cháo xong Bích-Khê gọi mẹ lên ngồi một bên nói cho mẹ biết là còn ba ngày nữa, nhằm ngày rằm Bích-Khê sẽ chết – Và nói với người nhà xuống chùa Phú-Thọ xin phép mời một vị sư bạn cũ của Bích-Khê lên ở với Bích-Khê ba ngày đêm để tụng kinh cho chàng nghe. Đến đêm thứ ba thì Bích-Khê trút hơi thở cuối cùng. Đúng như lời Bích-Khê nói. Lúc ấy là 12 giờ khuya, ngày 15 tháng chạp năm Ất Dậu (tức là ngày 17-01-1946). Cái chết đến với Bích-Khê nhẹ nhàng quá, nhưng cũng chưa xót làm sao, khiến ta nghĩ đến bệnh lao, nghĩ đến tuổi ba-mươi phải lìa bỏ cõi đời. Nghĩ đến những văn thi sĩ chung số phận: Keats sau mấy năm khắc khoải với vi trùng lao đã từ trần tại La-Mã, Thạch-Lam, Vũ-Trọng-Phụng đã chết trong sự cơ hàn cay cực giữa Hà-Nội.

Khi mùa xuân tới, khi cảnh vật chung quanh hồi sinh lại, thì Bích-Khê qua đời. Bích-Khê qua đời giữa mùa xuân loạn ly, ngoài gia đình chẳng có một người bạn về đưa đám.

Rồi từ đó năm mộ vẫn bằng đất năm thật buồn qua những năm chiến tranh mà sau mười bảy năm, tôi được dịp về thăm được nằm lại trong căn phòng hoang vắng của Bích-Khê mà cửa sổ nhìn ra một sân hoa hồng, những cánh hồng mà tôi và Anne đã hái đến cắm trước mộ thi sĩ để rồi những que nhang chưa cháy hết, những tre chẵn bờ đã đến lấy mang đi...

oOo

Đã ba năm qua, từ ngày về Thu-Xà, thời kỳ xe dò còn lưu thông suốt trên quốc lộ số 1, cho đến bây giờ bao nhiêu biến chuyển của thời cuộc. Chiến tranh lại tàn khốc hơn. Quốc-lộ số 1 bị nghiền. Quảng-Ngãi là vùng có những trận đánh lớn và gay go nhất hiện nay. Gia đình Bích-Khê còn lại bà mẹ năm nay đã 85 tuổi cùng người anh trưởng đã dời khỏi căn nhà thân yêu ở Thu-Xà để tản cư lên tỉnh. Thu-Xà đã trở nên vùng đất bất an và bom đạn đã thả xuống quanh đó.

Làm sao có lại buổi chiều dưới xóm dừa Cỏ-lũy, một bên sông qua Phú-Thọ, những mảnh đá to nhìn xuống biển xanh. Tôi đã đứng trên cao đó nhìn về núi Thiên-Ấn, núi Thiên-Bút và dòng sông Trà-khúc uống mình ven bãi cát trắng chạy dài.

Và phần mộ Bích-Khê nằm lại thật đìu hiu khốc thảm cạnh hàng tre già cao vút, giữa một mảnh đất của hội quán mặc cho chiến tranh tràn về. Những con chim lạ có còn về đậu trên mồ Bích-Khê và đùa trẻ với đàn bò mà tôi đã gặp ngày thăm mộ có phải lừa bò về thành phố như nhạc Sơn: *Đàn bò vào thành phố, reo buồn tiếng hạt chuông...*

Tôi nghĩ đến mộ Hàn-Mặc-Từ được xây trên Ghềnh-Ráng cao nhờ sự giúp đỡ của gia đình và bạn bè. Chiều mây về phủ trắng trên tượng Đức Mẹ và nghĩ đến một

vùng mộ trồng toàn hoa violettes của thi sĩ Anh John Keats, trên bia không đề tên mà chỉ đề:

“Here lies one whose name was written in water” (Nơi đây an nghỉ một người mà tên đã ghi trên mặt nước) để rồi ước mong mộ Bích-Khê sớm được dời đi xây trên ngọn núi cao của tỉnh Quảng-Ngãi. Để tránh những giao thông hào, những làn mưa đạn ngày đêm tràn xuống phần đất khô cằn đó.

ĐINH CƯỜNG

(1) Hiện bà còn sống ở Sài Gòn với hai con lớn.

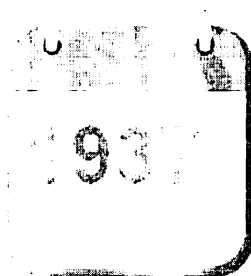
Nguồn: Đinh Cường. Thu-Xả và phần mộ Bích-Khê.

Văn số 64 năm 1966

Vài suy nghĩ về thơ Bích Khê

người viết: Trần Hoài Thu

Năm 1937



Bài viết này đề cập đến hai giai đoạn.

Bích Khê trước 1937

Thi tài Bích Khê phát tiết rất sớm. 12 tuổi đã biết làm thơ Đường luật. 16 tuổi đã có nhiều bài thơ đăng trên Phụ Nữ Tân Văn, Tràng An Báo, Sài Gòn. 17, 18 tuổi đã có bài văn tán mạn dạt dào tình thần yêu nước, sống đẹp, ca ngợi quê hương...

Thơ thuộc loại này rất nhiều. Có cả hàng trăm bài, tác giả dự trù sẽ xuất bản dưới tựa đề: "Dòng thơ cũ". Sau đây là một số bài điển hình do chúng tôi sưu tập, không thấy xuất hiện ở bất cứ đâu. Chúng tôi đăng lại, dù chiếm trang nhiều, với mong ước là đóng góp vào

gia sản thi ca của Bích Khê những bông hoa phát tiết bị thất lạc cũng như chứng minh khuynh hướng của Bích Khê trước năm 1937:

16 tuổi

BỂ SÁCH « VÔ GIA-ĐÌNH »

Nhơn đọc sách Võ Thu-dinh thuật chuyện một địa trử phiêu lưu gồm đủ đức tính, là một cuốn tiểu thuyết rất bổ ích về đường giáo dục nam nữ thanh niên, nên có mấy bài thơ tạm đề như sau đây :

1

Rầy dỏ mai đây lệ giạt-giào,
Buồn cho thân thể luống lao đao !
Mưa cuốn sấm dầy mây che phủ,
Bè khô thuyền trôi sóng lộn trào.
Đã tưởng tang-thương lia mầu tử,
Nào hay qui thể tạm bóng mao.
Đố ai thấu được lòng con tao,
Khéo trơ trêu người mai thế sao ?

11

Khéo trở trêu người! mãi thế sao ?
 Nắng mưa dầm dãi, tuyết sương
 bao !
 Ngọc lành gọt dũa tay thao-lược,
 Danh âm tung hoành chỉ tổ cao.
 Đường thế chông gai thân bầy thươc,
 Biển cồn sóng gió trận ba đào.
 Than ôi! tré đồ thấy dấu mất,
 Tan hợp tương-lai biết những nào ?

III

Tan hợp tương-lai biết những nào ?
Ba chìm bảy nổi, già thanh cao.
Trẻ thơ luyến bạn hôn nết mòng,
Mẹ góa thương con huyết trả đào.
Lòng quyết đèn ghi ơn báo đường,
Tình càng khăng khít giải tâm-giao.
Ruộng dâu biển đổi, người chia rẽ,
Góc biển chừn trời dễ nước ao...

IV

Trời biển thung dung một chữ nhân,
Vui cùng bạn ngọc thử giang-san.
Mỏ than phân đấu vòng nguy hiểm,
Thủ vật đến bởi dầu hi hoan.
Mừng tương gia-dinh lo lướt dăm,
Thoạt nghe cổ-quân với bằng ngàn.
Bảy thân trăm cách phương nào
tránh,
Hoạn nạn tương-dồng trải mặt gan.

V

Hoạn-nạn tương-dồng trải mặt gan,
Giải bảy nông nổi bước gian nan.
Góp tay nghĩa hiệp sinh thân mật,
Vớt kẻ tai ương cảnh lộ làng.

(Phụ nữ Tân văn số 178 ngày 24-11-1932)

Trần-quốc-Tuân đánh
giặc nguyên

(Lần đầu)

I

Năm ức hùng binh đánh rã tan
Biết bao tài trí với gian nan!

Cướp trăm giáo giặc Chương-
đương độ

Bắt vạn quân thù Hàm-lữ-
quan (1)

Một quyển binh-thư răn tướng sĩ
Mấy lời trung liệt giải tâm

caug (2)
Dụng binh, tấu tra thể, lên công

trận
Bia đề ngàn xưa tiếng Đạo-

Vương

Một lược sang. rồi một lược

Năm trăm sáu mươi chín năm

Quân

Cướp lương lương Hồ vương

Vua

Hải cổ thắng Ô trăn Bạch-đông

Hai thuở giang sơn bốn ngựa đá

Nặng năm xưa tác vũ trụ

vàng (3)

Bốn năm lòng đỏ như ruộng màu

Cao lộng dải mây một tấm gương

BÍCH-KHÊ

(1) Trần-quang-Bái thắng trận nước
liệt như quân có ngậm bài tử tuyệt
trong ấy có 2 câu:

Đoạt sào Chương-dương-đô

Cầm hổ Hàm-tử-quan.

(2) Kh. Hưng đạo Vương thua chạy
về Vạn Kiếp, vua Nhân-tôn không
đầu hàng, ông tâu "Khẩu bị hạ
muôn đầu hàng xin trước hãy chém
đầu tôi đã." lời nói trung liệt thay!

(3) Tây-giang sơn lại được như
cũ, Thành-Tôn thượng-hoàng có 2
câu thơ kỷ niệm:

Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơ-xả thiên cổ địa kim âu

(Sài Gòn báo số 182 ngày 10-12-1933)

Dưới đây là một bài tản mạn của Bích Khê lúc tác giả 18 tuổi:

Thế nào gọi là sống có tinh thần? (tản mạn của Bích Khê)

(Sài Gòn báo số 225 ngày 2-3-1934)

“Tinh thần lấy nghĩa hẹp là linh hồn, nói rộng thì chi tất cả những cái gì thuộc về vô hình, có thể bắt diệt bất vong như tư tưởng, quan niệm, cảm tình. Trái lại với tinh thần là vật chất, chỉ những cái gì trong đời mà mình cảm giác bằng hình thức được, như ăn uống mặc v.v... Tinh thần và vật chất tương phản với nhau, thì sự sống về tinh thần cũng trái với sự sống của vật chất.

Lên xe xuống ngựa, mê say theo lầu Tản quán Sờ, mài miệt nơi cửa tường nhà quan, những thú vui ấy theo con mắt thường tình là rất vinh dự thể mà lại có kẻ không mơ màng đến, chỉ ưa sống về tinh thần. Những người như thế phần nhiều là người có tư tưởng cao thượng, vì họ muốn du nhập một cái thuyết mà ít ai xu hướng tán thành. Thế mà gần đây vì ảnh hưởng của hiện trạng xã hội, vì ảnh hưởng của “chúng bính thế kỷ” (mal du siècle) một số thanh niên nước ta hiểu nghĩa bốn chữ “sống về tinh thần” một cách khác thường.

Họ biết rằng cái luật của tạo hóa làm tiêu diệt lần lần tất cả những cái gì mà tạo hóa gây dựng ra là một cái luật bất di bất dịch. Những vật vô tri vô giác như núi có ngày đổ, biển có ngày lấp, cây cỏ có ngày khô héo, không tránh khỏi cái luật ấy. Huống chi là động vật mà trong ấy người là giống thiêng liêng hơn hết. Từ ông vua cầm quyền một nước danh vọng tối cao, cho đến kẻ nghèo khổ ở lều tranh, vách đất ai ai không chóng thì chầy cũng phải bước qua cửa chết.

Cái chết không thể chạy chối đi đâu được. Lại đời người thấm thoát chẳng là bao, còn thêm cuộc thế đảo điên, nhơn tâm ấm lạnh, thôi thì công danh sự nghiệp mà chi, đẩy nắp hòm rồi chà xách nó theo được, chi bằng đi tới thanh vắng, mình tự biết mình, ngày tháng vui cùng gió mát trăng trong, non xanh nước biếc. Họ sẽ coi đời bằng cặp mắt hững hờ, chớ nào phải như ông Lão Tử hay ông Thích-Ca đem sức mạnh của tư tưởng, tìm hết chơn lý mà truyền bá cái thuyết hư vô, họ chỉ vì chán đời ghét đời mà sống như vậy. Họ cho là họ sống về tinh thần, chớ thực ra họ ích kỷ vì họ không biết rằng cái thân họ rất quan hệ đến gia đình xã hội, hoặc giả biết đi nữa họ lại không đủ nghị lực để cho sự chán nản chiếm hết cõi lòng."

Đọc những bài thơ và văn vừa trích dẫn, chúng ta nhận ra ý niệm về xã hội, tinh thần cách mạng đã nhen nhúm trong trái tim chàng thi sĩ khi còn trẻ.

Sau năm 1937

Năm 1937 là năm mà bệnh lao phổi bị phát hiện đầu tiên trong người Bích Khê. Tiểu sử cho biết năm 1937 Bích Khê nằm trị bệnh ở Huế cả một năm.

Câu hỏi là tại sao quan niệm về thi ca của Bích Khê lại thay đổi hẳn 180 độ sau năm 1937 ?

Thử tưởng tượng một năm nằm trong bệnh viện. Thử tưởng tượng đến những đêm dài mất ngủ hay những ngày thấy le lói ánh nắng lọt vào. Thử tưởng tượng những cơn ho đau xé, những bãi dờm có in cả máu đỏ. Đối với người bình thường đó là những hình phạt. Nhưng đối với người thơ, những hình phạt về bệnh hoạn ấy đã được người thơ nhìn bằng một cái nhìn

khác. Như “thú đau thương” đã tạo thành Hàn Mặc Tử. Và “tinh huyết” của chính xác thể cũng như tinh thần đã tạo ra Bích Khê.

Mới đây, tôi được đọc một bài thơ còn nóng hổi ghi lại cảm xúc của một người vừa trải qua một căn bệnh mệt mỏi. Bài thơ ấy có những đoạn như sau:

*Ôi trái tim bình thường mấy khi
Vút lên như nét nhạc lạ kỳ
Đắm đuối đau thương rồi tuyệt vọng
Suốt một đời không thể quên đi*
(CTT - Đau)

Qua đoạn thơ trên, chúng ta có thể nhận ra những cảm xúc do căn bệnh gây nên. Đó là “nét nhạc lạ kỳ đắm đuối đau thương rồi tuyệt vọng” mà bình thường trong đời chưa hề có.

Đó là lý do tại sao nhà thơ Hàn Mặc Tử lại gọi Bích Khê là nhà thơ “thần linh”, “thần dị” !

Rõ ràng năm 1937 là mốc bắt đầu cho một cuộc hành trình của một nhà thơ lớn. Nỗi ám ảnh về những cơn vi trùng lao. Nỗi cô đơn ngút ngàn suốt cả một năm nằm ở bệnh viện. Và thi tài. Và Beaudelaire. Và hình ảnh người nữ. Đó là những yếu tố như những viên gạch mà thời còn bé dại, Bích Khê đã lót để làm một lâu đài, giờ đã trở thành một lâu đài thật. Lâu đài thi ca.

oOo

CHỮ NGHĨA CỦA TINH HUYẾT

1. Đoạn tuyệt thể thơ cũ. Ít dùng điển tích. Đôi danh từ riêng thành danh từ chung.

Sau năm 1937, ta nhận ra là Bích Khê đã dứt bỏ thể thơ Đường Luật - dù ông rất có sở trường về thể thơ này. Tuy nhiên hình thức thì đoạn tuyệt nhưng hồn thì vẫn còn luyến lưu. Vẫn là chim uyên, chim quyên, phù dung nhưng quyên, phù dung, uyên không phải là danh từ riêng mà là chung. Ông vẫn thỉnh thoảng xử dụng một ít điển tích. Nhưng phần lớn thì loại bỏ.

Sự chuyển đổi này có thể thấy rõ ở bài Hoàng Hoa.

Oanh già theo **quyên** quên tin chàng!
Đào theo **phù dung**: thư không sang!
Ngàn khơi, ngàn khơi, ta, ngàn khơi:
Làn trắng theo chàng qua muôn nơi;
Theo chàng ta làm con chim **uyên**;
Làm mây theo chàng bên nhung yên.

Dĩ nhiên “chim uyên” khác với “chim Uyên”, “phù dung” khác với “Phù Dung”, “quyên” khác với “Quyên”. Nhà văn Trần Phong Giao đã một lần nói lên tầm quan trọng của chữ viết Hoa khi giải thích tại sao Văn chủ đề “phượng trong thành nội” chữ p trong “phượng” không viết Hoa!. (Xin đọc TQBT số 86 chủ đề Trần Phong Giao).

2. Xử dụng những chữ thật bình dị nhưng chứa đầy ẩn dụ hay nhân cách hóa..

Ví dụ chữ “gầy” trong “non gầy”, hay chữ “xương” trong “xương cây” như trong hai câu thơ của Hoàng Hoa:

Vàng phai nằm im ôm non gầy;

Chim yên neo mình ôm xương cây.

hay “vú nồn”. “đôi cong thon” trong bài “tranh lửa thể”:

Những vú nồn: đôi cong thon, nho nhỏ

Đây không phải thuộc về thần linh, thần dị hay thần ảo, thần loạn gì hết. Đây cũng không phải bị ảnh hưởng bởi Beaudelaire hay Verlaine. Đây là một năng khiếu về chữ nghĩa đã đạt đến mức thượng thừa.

3. xữ dụng nhiều chữ rất bình dị nhiều khi thô tục, nhưng không phải vì vậy mà bài thơ giảm đi giá trị. trái lại càng làm tăng thêm lực nam châm của câu thơ.

Ví dụ chữ “nút” trong đoạn thơ sau:

**Hai vú nàng! hai vú nàng! chao ôi!
Cho tôi nút một dòng sâm ngọt lộng.**

khiến ta liên tưởng đến một em bé khát sữa, ngấu nghiến, mê man, say sưa. Nó khác với chữ bú. Khác xa.

hay chữ “hốt”, “ấp” trong đoạn thơ sau:

**Ô lạ! Làm sao thương nhớ quá!
Đêm nay trăng ngủ ở bên đường
Hồn chiêm bao hốt mơ trắng lạnh
Để giả vờ như ấp bóng nường!
(Tân Hôn)**

Những “ngủ” “hốt”, “ấp” “nường” thật ra là những chữ bình dị, vậy mà khi đặt vào thơ, chúng đã làm tăng thêm trọng lượng câu thơ và ý thơ. Ví dụ 3 chữ “ấp bóng nường” chẳng hạn. Dù mang cảnh tượng của tình dục, nhưng chúng ta chẳng thấy gì về đồi trụy, dâm, mà chỉ thấy cái tài hoa miêu tả, siêu thực hóa một đêm trăng của một chàng thi sĩ xem trăng là tình nhân!

Còn rất nhiều nữa. Có những giòng thơ chẳng những đẹp mà còn thật, rất thật, giúp ta nương nhờ mỗi khi gặp một hoàn cảnh khiến ta phải yếu lòng.
Tôi nhớ hai câu thơ tôi không biết ai là tác giả, để tôi vịn vào:

Thà ăn mày, ăn mày, ăn mày
Ta thấy lòng đau ta ngửa tay...

mỗi khi gặp một hoàn cảnh khốn cùng ví dụ phải ăn những thức ăn ghê tởm như chuột cống ghê lở trong trại tù chẳng hạn để “mưu sinh thoát hiểm” cứu sống mình, thì không thể ngờ hai câu ấy đến từ ý của bài thơ “Ăn mày” trong Tinh Huyét:

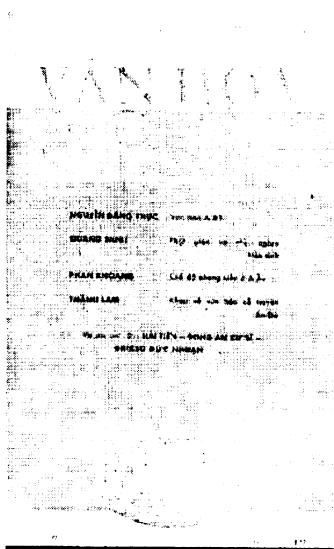
Thì ăn mày! Thì ăn mày! Ăn mày...
Hồn ta đau quá là ta ngửa tay

Quả Hoài Thanh, Hoài Chân nhận xét đúng. Đọc thơ Tinh Huyét, càng đọc càng nghiền ngẫm, càng “chịu hết nổi” vì càng tìm ra một cái đẹp mới.
Kể ra không hết !

Kết luận

Rõ ràng 1937 là một năm bắt đầu mở ra cánh cửa của một thi tài lớn trong văn chương tiền chiến nói riêng và văn học sử nói chung. Năm ấy Bích Khê được 21 tuổi. Một điều cũng rất lạ lùng về sự trùng hợp. Bài viết của Đinh Cường cũng được viết lúc ông 21 tuổi !

GIỚI THIỆU TẠP CHÍ VĂN HÓA Á CHÂU



Hành trình tạp chí Văn Hóa Á Châu

Người viết: THT

Nguyệt san Văn Hóa Á Châu - cơ quan phổ biến tinh thần của Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu. Số 1 phát hành tháng 4 năm 1958.. Chúng tôi không rõ báo bị đình bản năm nào. Số thứ tự của báo được xếp theo năm. Ví dụ năm 1958 là tập I số 1, tập I số 2... Năm 1960 là tập III số 1, tập III số 2...

Tạp chí có một chủ nhiệm duy nhất là Nguyễn Đăng Thục. Chỉ có thư ký Tòa soạn là thay đổi. Trước tiên là Lê Xuân Khoa (kể từ số 15). Kể từ năm thứ tư, Lê Thành Trị thay Lê Xuân Khoa giữ phần hành Thư Ký tòa soạn.

Sau đây là một phần trong bản tuyên ngôn, để giải thích tại sao VHAC lại có mặt:

“Dân tộc Việt Nam vốn thuộc về tinh thần văn hóa Hoa An, mới được tiếp xúc với Âu Mỹ trong khoảng vài ba thế kỷ gần đây và nhất là trong ngót một thế kỷ dưới sự bảo hộ của nước Pháp. Trong khoảng thời gian này chúng ta thực đã trực tiếp với Âu Tây nhưng chúng ta lại bị gián đoạn với tinh thần Á châu cổ hữu của chúng ta vì một dân tộc đã mất chủ quyền chính trị thì đồng thời cũng mất tự do phát triển quốc túy quốc hồn..”

(VHAC số 1, Tuyên ngôn của Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên lạc Văn hóa Á Châu)

Những điểm nổi bật của tạp chí, so với các tạp chí văn hóa khác:

- Là tờ báo biết lợi dụng sức mạnh của tập thể.
Tập thể đây là hội viên. Dù ít ỏi nhưng họ là một nguồn tài trợ chính trong việc duy trì tờ báo trở thành một tạp chí độc lập và trí thức. Họ cũng là chất xám để phổ biến những tài liệu văn hóa hiếm hoi, chưa hề được phổ biến. Thật hiếm hoi có những bản dịch như: *“Lịch sử những mối tương quan giữa Đông Dương và Java trong thời cô”*, *“Văn kiện ngoại giao giữa Nhật - Bản và V.N”*, *“Bài văn bia tại Lăng Cha Cả”*, *“Ngọc tinh liên Phú của Mạc Đĩnh Chi”*, *“Các Ngũ-tộc trong tỉnh Kontum của D. Thomas”* v.v...

Trong sinh hoạt văn hóa của miền Nam, có hai tờ báo được thực hiện do Hội. Đó là tờ Khởi Hành, cơ quan

của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội VNCH và tờ Văn Hóa Á Châu, cơ quan của Hội Nghiên Cứu Văn Hóa Á Châu. Cả hai tờ báo đều sống mạnh. Không phải sống bằng tài trợ, bảo trợ mà sống bằng nỗ lực của hội viên. Khởi Hành nhờ quân nhân. Văn Hóa Á Châu nhờ tập thể trí thức.

Thú thật, qua công việc sưu tập sách báo cũ miền Nam, tôi có dịp đọc nhiều, nhưng chưa có tạp chí nào lại là một kho lưu trữ những tài liệu về văn hóa Đông Tây rất quý giá như tạp chí VHAC.

- Là một tờ báo mà người viết thuộc thành phần trí thức, có kiến thức cao. Người đọc cũng vậy.
- Là tờ báo mà mục đọc sách chẳng những dành cho những tác phẩm Việt Nam mà còn ngoại quốc. Mục này chỉ mở ra vào năm thứ ba, những tác phẩm ngoại quốc là những tác phẩm rất thịnh hành như:

“Le manifeste démocratique” của Ferdinand Peroutka, “Le diner en ville” của Claude Mauriac, “Aux Indes avec Gandhi” của Edmond Privat, “Où va le Japon” của Henry van Strealen v.v... Các tác phẩm VN được điểm sách là những tác phẩm quen thuộc ví dụ **Đời Phi Công** của Toàn Phong hay **Xây Dựng nhân sinh quan** của Nghiêm Xuân Hồng. Khen cũng có và chê cũng thẳng thừng. Riêng cuốn **Xây Dựng nhân sinh quan** của Nghiêm Xuân Hồng được điểm đến hai lần và lần nào cũng khá kỹ có nghĩa là chiếm nhiều trang. Cả hai lần đều “chê” hơn là khen. Trần Lâm thì vượt sau khi “chê”:

Tác phẩm của ông Nghiêm Xuân Hồng mang lại cho người đọc sự thắc mắc và tiếc rẻ: Tôi có cảm tưởng ông chưa nói hết những đoạn đường ông tính đi trong cuộc hành trình tư tưởng của ông và của nhân loại. Những điều chưa nói hết đó, và những đoạn đường chưa đi hết đó, lại là

những thứ mà hiện nay chúng ta đang cần. Chúng ta mong chờ và trông cậy ở ông... (Trần Lâm, đọc Xây Dựng Nhân sinh quan của Nghiêm Xuân Hồng tập III số 3).

Còn bài đọc của Trần quý Thành thì nặng tay: Để tổng kết một bài vô tình đã thành ra quá dài này, tôi chỉ xin nhắc lại với Nghiêm tiên sinh rằng triết học, tuy không phải là khoa học theo kiểu thực nghiệm, nhưng là một khoa học thực thụ. Không phải đồ ai cũng tự học lấy được. Có lẽ cũng vì quá coi thường nó, nên tiên sinh đã vấp vào những lỗ bịch đáng phân nân như tôi lược lại trên kia. Vậy xin tiên sinh tha cho tôi cái tính thực thà, đã dám nêu những khuyết điểm kia ra. Tôi đã chỉ làm vì chân lý. Dầu sao tác phẩm của tiên sinh cũng không thể dở như vậy được. Nó vừa sai vừa có hại...

Kết luận

Với 38 số báo trong bốn năm phát hành đều đặn, VHAC đã đóng góp 18 bài viết về Triết Học, 22 bài về Tôn Giáo, 70 bài về Văn Hóa & Xã Hội, 6 bài về Nghệ Thuật, 32 bài về Văn Học, 62 bài về lịch sử địa lý, 26 bài về Điểm sách. (Hai số cuối cùng chưa kể trong bảng phân loại này) , rõ ràng nguyệt san Văn Hóa Việt Nam là một tạp chí có công rất lớn trong việc phát huy văn hóa dân tộc, nghiên cứu tinh thần Á Châu và dung hợp tư tưởng Đông Tây.

TRÍCH TỪ VĂN HÓA Á CHÂU VÀI BÀI TIÊU BIỂU....

CỔ -TÍCH CHÀM VÀ CỔ-TÍCH VIỆT-NAM

của Vũ-Lang

LỜI TÒA-SOẠN (VHAC) – Giữa cổ-tích Chăm và cổ tích Việt-Nam có nhiều điểm tương tự. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ta có thể kết luận rằng cổ tích Chăm chịu ảnh hưởng của cổ-tích Việt hay ngược lại, vì không có một bằng cứ nào để quyết đoán việc đó. Trong bài này, tác-giả chỉ làm công việc tìm kiếm những điểm dị đồng trong quan niệm xây dựng truyện cổ-tích của hai dân-tộc Chăm và Việt: giống nhau về cốt truyện nhưng khác nhau về nghệ thuật diễn tả. Triết lý câu chuyện nhiều khi lại trái ngược hẳn nhau. Dưới đây là mẫu chuyện cổ tích điển hình Chăm và Việt, trình bày dưới hình thức đối chiếu từng truyện một. Tác-giả cũng dành một phần kết luận để so sánh về toàn thể.

TRUYỆN THỨ NHẤT:

NAI KRAO-CHAO PHỒ hay **Truyện Hòn Vọng Phu**
Chàm

NGÀY xưa ở một làng kia có nhà phú-hộ sinh được hai người con.

Đứa lớn, con trai tính ngỗ-ngược hay chòng-gheo trêu-chọc trẻ con hàng xóm nên thường bị cha mẹ đánh mắng luôn. Trái lại em gái nó lại rất hiền lành ngoan

ngoan nên ai cũng mến yêu. Thấy em được mọi người quý chuộng mà mình lại bị quờ trách luôn người anh sinh lòng ghen ghét em lắm nhưng không làm sao được. Mãi đến một hôm bà mẹ đi chợ về, chia quà cho hai con. Không biết phần của em nhỏ được nhường nhiều có nhiều hơn hay không nhưng thằng anh vẫn kêu là nó được ít. Nó ăn ngấu ăn nghiêng một lúc hết ngay và lần la lại gần em ăn dở. Đứa em đã chia một phần quà của mình cho anh rồi mà nó vẫn chưa bằng lòng, còn đòi nhiều hơn nữa. Đứa em tức mình không cho thì bị thằng anh dọa đánh. Nó liền chạy vào mách mẹ và mẹ nó liền gọi thằng anh vào tát cho mấy cái. Thằng anh vừa khóc vừa mếu chạy ra... thừa lúc không ai để ý lấy một thanh củi đánh mạnh vào đầu em làm máu chảy ra lênh láng rồi chạy mất. Từ hôm ấy vì sợ cha mẹ trừng phạt nó bỏ đi biệt chẳng dám trở về. Sau đó nhân có một đoàn lái buôn cập bến nó xin lên làm trên thuyền và theo đám người ấy lang bạt khắp nơi.

Ở nhà, ông bà phú hộ thấy đứa con ngoan ngoãn bị đánh như thế tức giận lắm nên thấy thằng con mất dạy ấy bỏ đi cũng chẳng thêm tìm kiếm về nữa. Ông bà vội vàng lo thầy chạy thuốc chữa cho con gái. Cũng may trời còn độ nên ít lâu sau vết thương lành và chỉ bị một vết sẹo ở trên đầu mà thôi nhưng sẹo đó lại nằm gọn trong mớ tóc dài nên cũng chẳng ai trông thấy được.

Mấy năm sau trời làm loạn-lạc. Nơi quê mùa cực kịch kia đột nhiên rộn gót ngựa phi và chập-chùng khói lửa. Rồi cả cái cơ nghiệp đồ sộ của phú gia phút chốc thành tro. Phú ông tiếc của ra kêu van liền bị giặc giết. Phú bà trong lúc quan quân hỗn độn chẳng biết lạc lõng nơi đâu. Cô gái thơ-ngây bỗng mất nơi nương tựa, kêu khóc thảm thiết. Một nhà khá giả chạy loạn qua đó thương tình đón về nuôi coi như con đẻ vậy.

Người anh sau một thời gian khá lâu lưu lạc, một sớm trở về cố quốc, chạnh nhớ tới mẹ cha liền tìm về làng cũ nhưng về tới nơi thì nhà cửa chẳng còn... cha chết...

mẹ mất tích... em cũng chẳng thấy đâu, hỏi thăm ai cũng chẳng hay... người ta đồ chừng nàng đã chết trong lúc quân quan hỗn loạn rồi.

Buồn quá, chàng lại trở ra đô thị và nhờ có số vốn gom góp được trong những ngày bênh bồng trên biển cả bán buôn, chàng mở được một cửa hàng khá lớn.

Phần thì thương cha mẹ và em đã bị nạn trong cơn binh lửa, phần thì còn lo việc buôn bán nên chàng chưa chịu lập gia đình. Mọi người khuyên chàng sớm thành hôn để kiếm người thừa kế. Một thương gia giàu có ở vùng bên có cô con gái đã đến tuổi cập kê thấy vậy sang hỏi chàng làm chồng. Chàng đã nhiều năm thêm khát cảnh gia đình êm ấm liền thuận ngay và ít lâu sau chàng về nhà vợ ở. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất thuận hòa rồi mấy năm sau sinh được một cậu bé kháu khỉnh.

Cho đến một hôm, chàng đi cất hàng về thấy vợ đang gội đầu. Hai bàn tay ngọc đang rẽ mái tóc huyền óng ả, chàng chợt thấy có vết gì trắng trắng trên đầu, lại gần coi thì rõ là một vết sẹo dài nằm trong chân tóc. Chàng vui vẻ đùa:

– Ngày còn nhỏ chắc cô nghịch ngợm lắm nên mới vỡ đầu xe tai như thế chứ gì?

Nàng có vẻ không vui, vừa quăn tóc vừa kể rằng đó là vết sẹo do người anh dùng thanh củi đánh từ ngày còn nhỏ.

Chàng nhớ lại chuyện xưa chính chàng đã có lần cũng cầm thanh củi đánh em như vậy. Chợt nghĩ ra điều gì chàng hỏi:

– Thế anh nàng bây giờ ở đâu?

Nàng buồn rầu kể lại gia cảnh mình khi trước và chàng mới hay rằng thương gia mà chàng nhận làm ông bà nhạc bây giờ chỉ là bố mẹ nuôi nàng thôi, còn cha mẹ nàng đã chết từ ngày loạn lạc. Chàng lấy làm lạ liền hỏi quê quán cũ, cùng tên ông cụ bà cụ thân sinh ra nàng và mới ngã ngửa ra là nàng chính là em ruột của

chàng... người em mà ngày còn nhỏ chàng ghét cay ghét đắng đánh đập đến nỗi chàng phải bỏ nhà ra đi. Chàng không biết làm thế nào, đã trốn như thế rồi nói ra thì cả hai cùng đau khổ mà chẳng nói ra thì ra trông thấy nhau, vào trông thấy nhau cũng nhục nhã lắm thay.

Cực chẳng đã chàng phải nói dối là cùng anh em bạn đi buôn một chuyến xa và bỏ đi mất.

Người vợ ở nhà mong chồng hết ngày ấy sang ngày khác... đông qua lại thu qua... chẳng thấy chồng về.

Ngày nào cũng như ngày nào nàng làm bánh NOÔNG-GIA, bẻ con ra bờ biển đứng đợi chồng về mà chẳng thấy. Những mẹt bánh ngon lành để xuống biển để cầu Trời cho chồng về đã nhiều rồi mà vẫn biển biệt tăm hơi.

Thiếu phụ vẫn kiên nhẫn đợi...

Cho đến một ngày kia nàng không còn hơi sức nữa, cùng con gục xuống bên tảng đá mà chết. Thân nàng biến thành một pho tượng đá trắng tinh đứng trên ngọn đồi nơi bờ biển đợi mãi mãi đợi chồng.

Người Chăm ngày nay nhớ tới chuyện nàng thường gọi tên nàng là Nai Krao-chao-phò (Nai có nghĩa là cô) và đền thờ nàng bây giờ còn thấy ở trên ngọn núi ở bờ biển Cà ná (tỉnh Ninh-Thuận). Trên ngọn núi ấy còn thấy hai hòn đá một lớn, một nhỏ đứng bên nhau. Người ta bảo đó chính là tượng nàng Nai Krao-chao-phò mong chồng thờ trước.

Truyện cổ tích Chăm trên có phần giống hai truyện cổ Việt Nam: Định mệnh và Hòn Vọng Phu.

1.— Định-mệnh

Một nhà kia sinh được hai người con một trai một gái. Nhân có một thầy Tàu nổi tiếng về khoa tướng số đi qua, người cha liền mời vào xem cho hai con để biết

tương-lai sự nghiệp ra sao. Sau khi hỏi giờ sinh tháng đẻ, ông thầy bấm tay và quả quyết rằng sau này hai tuổi này sẽ lấy nhau. Mọi người không tin rằng lại có thể có chuyện loạn luân như thế được, cho là thầy tướng nói láo. Riêng người anh cứ bị lời thầy tướng ám ảnh, nhất là tiếng tăm thầy nói trăm câu đúng cả trăm lại làm chàng ta thắc mắc hơn, chàng tự hỏi mình mà lại có thể làm chuyện đồi bại thế được ư?

Thế rồi cuối cùng chàng sợ rằng chuyện ấy thành sự thực, một hôm chàng rủ em vào rừng chơi, lấy khúc cây đánh chết em và bỏ đi mất, bụng yên chí là chuyện loạn luân ắt không thể xảy ra.

Thời gian trôi qua, sau bao nhiêu năm bôn tẩu người anh trở nên giàu có và cưới con gái một nhà giàu ở kinh thành.

Hai vợ chồng sống với nhau rất vui vẻ. Một hôm người vợ ngồi chải đầu, chồng trông thấy đầu có sẹo mới hỏi thì vợ nói thật sự tình. Chàng ta nghe xong sợ quá vì đó chính là em chàng khi bị đánh chỉ bị ngất đi thôi và được người đi qua cứu được.

Chàng nghĩ tới lời thầy tướng mà toát mồ hôi nhưng không nói ra. Thế rồi lương-tâm cắn rứt một hôm chàng bỏ đi mất chẳng ai hay vì lý do gì nữa.

2.- Hòn Vọng Phu

Nàng Tô thị cùng chồng đang sống với nhau rất yên vui thì trời làm loạn lạc. Chồng nàng phải ra lính và đi trận ở biên khu. Trước còn tin đi tin lại sau chẳng thấy tin tức gửi về, Tô thị ở nhà nhớ chồng quá ngày ngày bông con lên ngọn đồi cao đứng ngóng chồng nhưng hết ngày này qua tháng khác người chinh phu vẫn chẳng thấy trở về, Nàng đợi mãi cho đến lúc thân nàng hóa đá.

Riêng truyện vọng phu này nhiều vùng có lắm, vùng nào cũng nhận là truyện ấy đã xảy ra ở vùng mình và cứ mỗi khi nơi có những tảng đá nhang nhác giống người thiếu phụ bông con là bảo ngay đây là Hòn Vọng Phu.

Thí dụ như ở Lạng Sơn (Bắc phần), Thanh-Hóa, Bình-Định, Phú Yên (Trung phần) đều có những Hòn Vọng Phu cả.

TRUYỆN THỨ NHÌ:

Truyện CHÀ-LÚC, CHÀ-LẮC

Ngày xưa trong một làng nhỏ nằm trơ trọi giữa một vùng đồi núi cằn khô, có một ông già chết đi để lại cho hai người con một gia tài nho nhỏ gồm một ngôi nhà, một khu vườn rộng có nhiều cây cối đã thu được hoa lợi và một mảnh ruộng mới vỡ ở mãi chân ngọn núi xa làng đến mấy thôi đường.

Người anh vốn gian tham xảo trá đã có vợ và 4, 5 con rồi. Trái lại người em còn son rỗi lại thật thà như đêm và hiền lành đến cái độ ngu dần, anh bảo sao cũng chịu không dám cãi lại bao giờ.

Sau khi hỏa thiêu xác cha xong người anh mới gọi em đến bảo rằng:

– Thầy mẹ chết đi để lại cho anh em ta cái nhà, khu vườn và mảnh ruộng đấy. Nhà thì tôi phải giữ để lấy chỗ thờ phụng ông bà, còn vườn và ruộng thì chú lấy một thứ, tôi lấy một thứ. Cánh tôi vợ đại, con đông đi làm xa không tiện và lại vườn ở gần nhà thì tôi lấy vườn để trông coi cho nó tiện. Chú còn mạnh khỏe, chú chịu khó lấy mảnh ruộng kia mà cấy cấy. Anh em trong nhà cả mà, lộn đi đâu mất mà lo... chú có thiệt

một chút mà các cháu chú có cái ăn cái mặc thì chú cũng mừng cho, chứ nếu chúng nó đói rét thì chắc chú cũng chẳng vui gì?

Chà-lắc, tên người em, nghe nói thuận tai liền bằng lòng ngay và một mình vác cuốc lên làm lều bên ruộng để lo việc cày cấy làm ăn. Lên đến nơi thì thấy ruộng chẳng ra ruộng đất chẳng ra đất, sỏi đá lổn nhổn, cỏ mọc lung tung. Chàng nghĩ rằng đất đai thế này thì cày xới đến bao giờ mới trông trọt được... nghĩ đến phần của anh nào nhà nào vườn nào trâu bò lợn gà... tự nhiên chàng ôm mặt ngồi khóc.

Vị thần núi ở cạnh đây thấy vậy liền hiện lên hỏi:

– Làm sao con khóc?

Chàng thành thực kể lễ sự tình thì vị thần kia thương hại bảo:

– Thôi đừng khóc nữa con ạ... mảnh đất này tuy thế không đến nỗi xấu lắm đâu... không những thế nó còn có thể giúp con thành triệu phú đấy.

Chà-lắc lấy làm lạ hỏi:

– Thừa ngài con chẳng mong gì giàu có nhưng chỉ lo không biết lấy gì mà ăn từ nay cho tới khi có hoa lợi thôi ạ?

Thần núi lại gần bảo:

– Ta khen con là một đứa em ngoan ngoãn, đã bị anh lừa dối như vậy mà vẫn không một tiếng oán than lại chẳng tham lam nên ta thương cho con cả một kho vàng trong hang núi kia kia. Con cứ theo đường mòn đi vào khi nào thấy một tảng đá lớn đang đứng trước mặt thì dừng lại, đọc câu thần chú ta cho tất sẽ thấy nhiều chuyện lạ.

Sau khi truyền cho Chà-lắc câu thần chú, sơn thần biến mất. Chà-lắc nửa tin nửa ngờ tưởng mình như trong giấc chiêm bao... nhưng thấy câu thần chú vị thần vừa cho còn nhớ như in trong óc chàng liền làm theo đúng như lời thần dặn.

Chàng vừa đọc xong câu thần chú thì tự nhiên khe đá

nứt ra để lộ những thoi vàng sáng bóng. Chàng liền lấy một ít mang về và khe đá lại từ từ đóng lại. Về làng, có tiền rồi Chà-lắc mang tậu cửa tậu nhà mua ruộng mua nương sống một đời sung sướng. Người anh thấy em tự nhiên trở nên giàu có lấy làm lạ lắm mới lân la đến hỏi. Em vốn tính thật thà nên chẳng giấu một câu. Nghe xong máu tham của anh ta nổi lên, anh ta bảo em đánh đổi mảnh ruộng ở chân núi cho mình lấy vườn và nhà cùng hỏi kỹ câu thần chú. Người em lúc ấy đã giàu quá mức ao ước của anh ta rồi nên chẳng tiếc chi nữa liền đổi cho anh ngay, và cũng chẳng giấu câu thần chú nữa.

Mấy hôm sau người anh cũng ra ruộng ngồi khóc nhưng chẳng thấy ai hiện lên cả. Nhân đã nhớ câu thần chú rồi chàng ta bò đến nơi hòn đá chắn ngang đường mòn và cũng hô đúng như lời em bảo.

Quả nhiên đá lại nứt ra và những thoi vàng làm Chà-lắc, người anh tham lam lóa mắt. Anh ta vội vàng móc lấy móc để nhưng đang móc thì đá từ từ khép lại chàng ta vội vàng rút tay ra nhưng đã muộn mất rồi hai cánh tay người anh đã bị đá kẹp không thể nào lôi ra được... Thế là từ đó suốt ngày đêm anh ta cứ phải đứng ở đó. Vợ con ở nhà đợi mãi không thấy chồng về tất tả ra tìm, thấy vậy phải về mang cơm nước cho ăn, lấy lá che mưa nắng giúp.

Cứ đứng thế liên mấy ngày đêm người anh ta gầy xẹp đi bụng nghĩ rằng chẳng mấy chốc dần mòn mà chết mất.

Một chiều khi vợ mang cơm ra... chàng ta không ăn lại khóc mà bảo:

- Ta sắp chết mất rồi... ta nghĩ mà hối quá... thằng em khôn nạn nó giết ta... ta càng nghĩ càng thương mẹ mày và lũ con thơ dại... Thế mẹ mày có thương ta không?

Người vợ cũng ôm chồng khóc:

- Không thương mình thì còn thương ai...

Mặt trời đã ngả về chiều, dưới chân núi vắng vẻ chỉ còn có hai bóng người thôi...

Yên lặng một lúc lâu chồng bảo vợ:

– Ta chết mất... ta chết rồi liệu mình có ở vậy nuôi con không?

Vợ lườm chồng:

– Mình đã chết đâu... chưa chi đã ghen rồi.

– Thế mình thấy anh thế này mình có còn yêu anh không?

– Em đã bảo em vẫn yêu mình lắm mà! Người chồng nháy mắt cho vợ sát vào gần hơn thì thầm:

– Mình có thương anh thì cho anh “yêu” một lần chót thì dù chết anh cũng vui lòng.

Thấy chung quanh vắng vẻ, lại thấy chồng khẩn khoản nài thương hại nghe lời...

Tưởng rằng vắng vẻ không ai hay biết... ai ngờ ông thần núi thấy rõ chuyện này bật cười lên... hé miệng ra... và Chà-lúc lúc thấy lòng tay vội rút ra.

Người anh thoát nạn về nhà tìm đến người em mắng mỏ hết lời. Em không cãi vào đâu được vì sự thực rành rành ra đấy. Người chung quanh cho người em bắt nghĩa nên chàng ta tủi nhục bỏ đi mất. Anh ở nhà tuy không lấy được vàng trong hốc đá nhưng gia tài của em để lại cũng đủ giàu có ra rồi.

oOo

Truyện “CHÀ-LÚC, CHÀ-LẮC” của Chăm làm ta nhớ tới truyện “Ăn một quả trà ngàn vàng” của Việt-Nam:

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, anh đã có vợ con rồi còn em thì hãy còn son rồi. Cha mẹ hai người mất đi để lại một gia tài gồm một căn nhà đồ sộ và một khu vườn nhỏ. Người anh có người vợ quá tham lam nên xui chồng cố giữ lấy căn nhà lớn và chỉ chia cho em miếng vườn nhỏ mà thôi. Người em thấy anh mình nặng gánh gia đình nên chẳng ta than gì. Anh ta làm

một căn nhà nhỏ ở cạnh vườn và ngày ngày đi làm vườn kiếm ăn. Trong vườn có một cây khế lớn, đến mùa quả chín trông tốt ngon lành. Anh ta còn để dành chưa hái đem đi chợ bán thì bỗng ngày nào cũng có một con chim lớn đến ăn khế. Anh ta ra đuổi thì thấy chim kêu thành tiếng:

- *Ăn một quả trả ngàn vàng,*

May túi ba gang mang đi mà đựng.

Người em lấy làm lạ tuy không tin rằng có sự trả ơn như thế nhưng cũng không đuổi nữa. Quả nhiên mấy hôm sau chim hạ cánh xuống trước nhà và mời chàng cười lên lưng. Chàng ngần ngại chưa dám trèo lên thì chim khấn khoản mời đôi ba lượt. Chàng làm theo và chim cất cánh bay đến một nơi cửa nhà toàn làm bằng vàng, ngoài đường ngọc rải rác khắp nơi. Chim ra hiệu cho chàng lấy bỏ túi và lại đưa chàng trở về nhà.

Từ đó người em không đi làm nữa, chàng lấy một ít ra để mua nhà tậu ruộng, bỗng chốc trở thành giàu có nhất trong vùng. Hai vợ chồng người anh lấy làm lạ cố tình xem em mình làm cách nào mà chóng giàu như thế. Một hôm người em sang mượn một chiếc dậu ở nhà anh về đóng chỗ vàng lấy được, lúc về chị vợ thấy còn dính ở khe dậu một mảnh vàng nhỏ, Chị ta liền báo nhỏ chồng và bắt chồng sang tra hỏi đầu đuôi. Người anh sang nhà gạn hỏi thì người em thành thực kể đầu đuôi. Máu tham nổi lên vợ anh ta liền bắt chồng đem nhà đổi lấy mảnh vườn có cây khế quý hy vọng một ngày kia chim lại đến ăn và lại đưa đi lấy vàng như em. Người em cũng chẳng tiếc gì, bằng lòng ngay.

Thế rồi một hôm chim lại đến ăn khế nữa thật. Anh ta cứ để cho chim ăn luôn mấy hôm rồi mới giả vờ ra đuổi thì chim cũng bao:

- *Ăn một quả, trả ngàn vàng,*

May túi ba gang mang đi mà đựng.

Nhưng anh ta tham lam quá, nên bảo vợ may ngay một cái túi thật lớn để chờ.

Hôm sau chim lại tới và đưa chàng đến chỗ nhiều vàng mà người em đã tới lấy hôm nọ. Tới nơi thấy vàng, hoa cả mắt, anh ta liền nhặt lấy nhặt để nhét đầy túi lớn may hôm nọ. Không những thế chàng ta còn bỏ vào túi áo, dắt vào lưng thêm rất nhiều vàng ngọc nữa.

Đến lúc trở về, bay đến nửa đường thì chim mệt quá vì số vàng quá nặng. Chim vỗ cánh mạnh hất anh ta xuống biển để bay về một mình. Thế là hết đời một kẻ gian tham.

Vợ anh ta ở nhà đợi mãi chẳng thấy chồng về nhớ thương quá mà chết.

TRUYỆN THỨ BA: TRUYỆN VUA BÉP

Ở một vùng kia có một người rất giỏi về nghề địa-lý. Lúc sắp lâm chung ông ta gọi ba con đến dặn rằng:

– Khi ta mất rồi các con đừng chôn ta ở nghĩa-địa nhà. Nếu các con quả là những đứa con có hiếu thì các con cứ khiêng xác ta đi về phương nam đến nơi nào ta tự ý hạ xuống thì chôn ta ở đó. Các con nhớ nghe ta thì tương lai nhà ta mới có ngày rạng rỡ.

Sau khi cha nhắm mắt các con vâng lời cha dặn thay nhau khiêng quan tài lặng lẽ đi về phương nam. Đã mấy ngày qua, ba con hết băng rừng lại vượt đồi, leo núi mà chưa thấy có điềm gì báo hiệu là cha định cho chôn ở chỗ nào. Tuy người nào người ấy chân đã mỏi nhừ mà không dám kêu ca cứ tiếp tục đi. Mãi đến hôm thứ năm ba người đang dỡ thây cha leo qua một tảng đá lớn thì tự nhiên dây đứt, xác hạ xuống ngay giữa tảng đá. Các con đoán rằng cha mình định cho chôn ở đây nên tìm cách đo lỗ để chôn nhưng khôn thay đá rắn quá không làm thế nào mà đào thành hố được. Ba con đành phải bảo nhau cứ để quan tài như

thế rồi lấy đất đắp lên. Tới đến ba người thay nhau ngủ ở ngoài tảng đá để ấp mộ.

Đêm hôm đầu người anh cả nằm ấp mộ thì bỗng nửa đêm có một con rồng hiện lên báo rằng:

- Các ông đã chôn cha ông vào đúng miệng tôi làm tôi đau quá. Các ông làm ơn dời mộ đi nơi khác thì tôi sẽ hậu tạ.

Người anh thấy lạ liền báo:

- Thế người định tạ ta cái gì?

Rồng trả lời:

- Nếu ông bằng lòng dời đi tôi sẽ biếu ông một lọ bạc.

Người anh liền hỏi:

- Lọ bạc người để ở đâu?... Nếu tôi dời đi mà ông bay đi mất không đưa lọ bạc thì sao?

Rồng phải chỉ chỗ cho anh ta lấy được lọ bạc nhưng khi lấy được bạc rồi thì anh ta bỏ về mất không chịu dời quan tài đi đâu cả.

Đêm sau người anh thứ hai đi ấp mộ cũng thấy con rồng hiện lên và cầu khẩn như hôm trước và hứa sẽ tạ ơn bằng một lọ vàng. Nhưng sau khi lấy vàng rồi anh ta cũng chuồn mất.

Đêm thứ ba người em út đi ấp mộ lại thấy rồng hiện lên xin dời mộ cha và hẹn sẽ đền ơn một lọ đầy ngọc quý. Anh chàng này không thích giàu sang nên không nhận.

Rồng năn nỉ mãi và xin dâng một lọ thuốc trường sinh, ai đã uống vào tất không bao giờ chết cả.

Người em út thích lắm nhận thuốc nhưng khi đem bàn với các anh thì hai người kia không chịu. Họ nói làm như thế là trái ý cha. Người em không làm sao được đành lổi ước và cùng hai anh trốn về quê mất. Mộ của cha họ vẫn để ngay giữa hẻm rồng, một địa thế rất đẹp đối với các nhà địa lý Chiêm Thành. Họ cho rằng ai để đúng đất ấy con cháu sẽ phát đế vương.

Về làng hai anh được vàng bạc liền làm nhà làm cửa, tậu ruộng mua vườn sống một đời giàu có. Người em

thì vẫn âm thầm cặm cụi làm ăn, lọ thuốc trường sinh chàng đem treo trên xà nhà chờ ngày đem dùng. Một hôm anh ta đi làm vắng, vợ anh ở nhà thấy có cái lọ gì đẹp treo ở trên và nhà mới lấy xuống, mở ra coi. Chị ta thấy trong có thứ nước gì bèn đổ ra tay, thì thấy tay trắng ra trông đẹp lắm. Chị ta nghĩ rằng nếu đem tắm bằng thứ nước này tất cả người sẽ đẹp lắm nên đem cả lọ ra vườn ở phía sau nhà mà dội cả vào người. Quả nhiên từ một thiếu phụ đen dùi xấu xí chị ta đã trở thành một người trắng trẻo đẹp đẽ vô cùng. Không những mình nàng trở thành đẹp đẽ mà cả mấy cây hành, ngò trồng ở miếng vườn được thuốc tiên tưới vào bỗng vùn vụt lớn lên. Hành cao tới năm thước hai và ngò cao ba thước sáu.

Anh chồng đi làm về thấy vậy lấy làm lạ liền hỏi đầu đuôi, chị ta liền kể lại. Anh ta giận lắm nhưng thấy vợ đột nhiên trở thành quốc sắc hương trời như tiên nga giáng thế nên cũng nguôi dần.

Tiếng đồn đến tai vua, vua liền cho đôi vợ chồng vào cung để vua xem mặt. Khi nàng vào tới nơi thì chính vua cũng mê mẩn tâm thần không muốn cho nàng về nữa. Thế là nàng bị giữ ở trong cung để chờ ngày lành tháng tốt, sẽ được tấn phong làm hoàng hậu.

Về phần anh chồng từ khi thấy vợ bị giữ lại trong cung thì tức bực lắm nhưng không làm thế nào được.

Mấy hôm sau anh ta nhớ vợ quá, tìm cách vào thăm nhưng không biết nàng ở đâu mà tới. Anh ta vô đầu nghĩ ngợi để tìm ra một kế khả dĩ có thể gặp mặt nàng. Chợt nhìn ra vườn, thấy ở chỗ vợ tắm ngày xưa thấy mấy cây hành và ngò to lớn chàng liền nhổ và gánh lên kinh độ vừa đi vừa rao lớn:

– Ai mua hành cao năm thước hai, ngò cao ba thước sáu ra mua!

Chị vợ ở trong hoàng thành nghe tiếng rao biết ngay là chồng mình vì còn nhà nào khác lại có thể có hành và ngò cao như thế được? Chị ta liền cho gọi vào cung.

Hai vợ chồng gặp mặt nhau vui mừng khôn xiết. Hẹn hò như thế được mấy lần thì bị nhà vua nghi ngờ. Ngài truyền cho quân lính hãy thấy người rao như thế thì bắt vào cho ngài tra hỏi. Mấy hôm sau khi chàng vừa đến kinh thành và cất tiếng rao như vậy thì bị quân lính bắt ngay, giải đến trước nhà vua.

Tối hôm ấy nhà vua phân thì muốn gần người đẹp mà không cần ép nàng phải sang hầu, phân thì muốn thử xem có đúng người đẹp thường gặp gỡ chồng cũ ở trong cung mình không ngài liền đổi quần áo cho người chồng xấu số và nhân lúc đèn mọi nhà đã tắt ngài lên ra ngoài thành vừa đi vừa bắt chước rao:

- Ai mua hành năm thước hai, ngò ba thước sáu ra mua?

Quân lính đã được lệnh truyền liền ra bắt giải vào cung để nhà vua xét xử, nhà vua thật nói thế nào cũng bị gạt đi và cho là kẻ điên rồ. Trong khi ấy anh bán hành đang mặc y phục nhà vua thấy binh lính không nhận ra vua họ liền quát lên rằng:

- Hành làm sao có thể cao năm thước hai, ngò làm sao có thể cao ba thước sáu được... nói láo... tội đáng chém đầu!!! Đã vậy còn dám tự nhận là vua... khi quân... tội đáng lên giàn hỏa.

Nói rồi anh ta liền truyền quân lính đem tên đó ra giàn hỏa đốt. Bọn cung nữ thấy nói có người bán hành bị đốt trên giàn hỏa về kể cho hoàng hậu nghe. Nàng tưởng rằng chính là chồng mình thật và cho rằng nhà vua vì ghen nên kết tội chàng. Nàng hối hận vì chính vì nàng mà chồng bị tội. Nàng chạy vội ra chỗ thiêu tội nhân và khi thấy bóng người thấp thoáng trong ngọn lửa nàng nhảy vào giàn hỏa để chết theo chồng.

Trong lúc ấy chồng nàng lại tưởng rằng vợ mình yêu thương nhà vua thấy vua chết liền tự tử theo, không đoái trông đến tình xưa nghĩa cũ còn sống sờ sờ ra đó. Chàng giận quá cũng nhảy vào đồng lửa mà chết.

- Thế là cả ba đều bị thiêu bởi mớ lửa oan gia. Lúc lửa

tất ba chiếc đầu lâu cùng chụm vào một chỗ như muốn giải thích cho nhau những sự hiểu lầm khiến họ vong thân.

Cũng bởi nỗi oan đó trời cho hiền linh và phong làm vua bếp để hàng năm theo rồi việc nhân gian, hàng năm tâu lên thượng giới.

Người đời sau ở trong bếp thường có ba miếng đất kê chụm vào nhau như ba đầu lâu của họ khi chết để đun nấu. Hai miếng kê đằng trước là đầu lâu người chồng và nhà vua. Miếng đằng sau có chọc một cái lỗ nhỏ tượng trưng cho người đàn bà.

oOo

Truyện *Vua bếp* của Chăm trên phần đầu giống như chuyện đề mã của Tà-Ao. Còn phần sau ta thấy phảng phất những nét chính của hai truyện cổ Việt-Nam: *Lọ thuốc trường sinh* và *Ông Táo*.

A- LỌ THUỐC TRƯỜNG SINH

Ở một làng kia có một nông phu nhà nghèo khổ vô cùng. Anh ta có một người cha già yếu đã lâu ngày vừa mất. Nhà đã nghèo lại mất giữa ngày trời mưa to gió lớn, nước lũ đổ về làm ngập cả cánh đồng, anh ta không thể mượn ai khiêng giùm đi chôn được nên anh ta phải lấy cái chiếu độc nhất cuộn thân cha lại và một mình vác ra nghĩa địa. Chẳng may đến một chỗ nước chảy mạnh, anh ta trượt chân ngã và xác người cha theo dòng nước trôi đi mất. Anh tìm kiếm mãi mà không thấy định phải bỏ về nhà trong dạ không yên.

Đến tối tự nhiên anh mơ thấy có con rồng hiện lên van xin chàng đưa thân cha đi chôn chỗ khác chứ để vào miệng rồng làm rồng đau quá tội nghiệp.

Anh ta hỏi xác ở đâu thì rồng bảo xác cha chàng hiện nay đang kẹt ở cửa sông trong một ngách đá. Hôm sau

chàng y lời dặn trong mơ ra tìm thầy cha thì thấy kẹt trong khe đá thật. Chàng liền đưa đi chỗ khác chôn cất cẩn thận.

Đến đêm rồng lại hiện lên cảm ơn và tặng một lọ thuốc trường sinh, Anh ta được thuốc này, coi là của quý đem cất ở trong buồng không cho ai hay biết cả. Ít lâu sau anh ta lấy vợ. Một hôm trong khi chồng đi làm vắng, vợ nhà lục trong buồng thấy lọ nước gì mờ ra coi chẳng may nước sóng ra tay nhưng hễ nước bắn vào chỗ nào thì chỗ ấy trắng đẹp hẳn ra. Chị ta liền lấy cả lọ đem ra sau nhà dội vào người thì thấy trở nên một người đẹp dễ vô cùng.

Ngày chồng về đến nhà lấy làm lạ hỏi tại sao thì vợ liền kể sự tình anh ta mới ngã ngựa ra, sờ đến lọ thuốc trường sinh quý giá thì thấy không còn một giọt. Song chuyện đã lỡ rồi chàng cũng chẳng nổi mắng vợ. Từ đây hai người yêu thương nhau hơn trước.

Nhưng hạnh phúc đâu có lâu dài... Một ngày kia vua ngự giá qua làng đó thấy người đẹp liền cho bắt về cung phong cho làm hoàng hậu. Thế là hai vợ chồng tình nghĩa đang nồng đậm bỗng nay người trong cung cấm, kẻ chốn lều tranh, vẫn thương vẫn nhớ nhau nhưng biết làm sao được?

Ít ngày qua anh ta nhớ vợ quá, ra chỗ vợ tắm ngày nào thì thấy mấy cây hành trồng nơi đó đã to lớn khác thường. Anh ta thấy lạ, liền nhổ đem vào kinh bán. Chàng ta vừa đi vừa rao:

Dọc bằng đòn gánh.

Cù bằng bình vôi,

Ai mua hành tôi,

Thì thương tôi với...

Người vợ ở trong cung nghe thấy tiếng chồng rao bắt cười lên. Nhà vua từ khi bắt được người đẹp về đã mất bao ngày dỗ dành, mở bao cuộc vui, hao tiền tốn bạc mà nàng vẫn buồn không lúc nào cười lên được một

tiếng. Nay nhà vua lại thấy chỉ nghe lời rao mà nàng bật cười lên. Ngài liền cho lính gọi người bán hành vào cung rồi bí mật trao đổi quần áo định chính mình làm người đẹp cười thêm chút nữa.

Nhưng khi nhà vua vừa gánh gánh hành ra ngoài thành cất tiếng rao thì chàng nông phu khi ấy đóng vai vua liền hạ lệnh cho bắt mang chính pháp.

Thế là chàng nông phu nghiễm nhiên được làm vua và đoàn tụ cùng người vợ đẹp rất mực yêu chàng.

oOo

B. – ÔNG TÁO

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia, lúc mới lấy nhau ăn ở rất là hòa thuận. Ít lâu sau người chồng đam mê cờ bạc rượu chè nên cần nhần với vợ suốt ngày. Lúc say rồi anh ta không còn biết suy nghĩ nữa, bạ cái gì cầm cái ấy mà đánh vợ. Cực chẳng đã chị vợ phải bỏ nhà ra đi. Đi lang thang mãi, nàng lạc vào rừng, tìm mãi không thấy lối ra, bụng đói dạ khát nên ngất đi lúc nào không biết. Có một người đi săn qua đó trông thấy, đưa về nhà cứu sống và hỏi làm vợ.

Nàng phân vì đã chịu ơn sâu phần vì nay không biết đi đâu nữa nên nhận lời. Đôi vợ chồng này ăn ở với nhau cũng đầm thắm lắm...

Người chồng cũ ở nhà sau khi vợ bỏ đi hối hận quá. Anh ta thề không uống rượu nữa và đi hết làng này sang làng khác tìm vợ nhưng không thấy. Mấy năm sau một hôm anh ta đi qua khu rừng kia thì trời đổ tối. Thấy ánh đèn ở xa xa anh ta tìm tới thì thấy đúng căn nhà người đi săn. Lúc bấy giờ người đi săn đi vắng nên gặp vợ cũ ở nhà. Chàng ta mừng lắm, xin lỗi vợ thì nàng khóc kể lẽ sự tình.

Câu chuyện chưa tàn thì có tiếng chân người đi săn về. Chị vợ sợ chồng cho là rước giai về nhà nên bảo chồng cũ ra đồng rom sau nhà mà ẩn. Người đi săn hôm ấy

được con mồi lớn lắm anh ta ra đồng lấy rơm thui ai ngờ lửa bắt vào đồng rơm nên cháy bùng lên, người chồng cũ sợ vợ bị mang tiếng nằm yên không dám chạy nên bị chết cháy. Người vợ thấy cháy đồng rơm nơi mình vừa báo chồng cũ ra ăn liền nhảy vào cứu cũng bị chết cháy theo. Người đi săn tưởng vợ ngã vào đồng lửa cũng nhảy vào và bị cháy nốt.

Đó là chuyện hai người đàn ông và một người đàn bà đều vì lòng tốt mà chết cháy nên người sau nhớ để thờ trong bếp và gọi là ông Táo.

oOo

Xem qua những cổ tích Chiêm Thành và Việt Nam trên ta thấy:

a) Về *hình thức* thì Truyện cổ Chiêm Thành thường là những truyện câu kỳ có những *giút thắt kếp* trong khi ấy các truyện cổ Việt Nam thường rất đơn giản chỉ xây dựng với những *giút đơn* mà thôi.

Thí dụ: Truyện NAI KRAO-CHAO-PHỒ của Chăm đã giống như hai truyện *Định-mệnh* và *Hòn Vọng Phu* của ta.

Truyện VUA BẾP của Chăm gồm hai chuyện *Lọ thuốc trường sinh* và *Ông Táo* của ta.

b)– Về *nội dung* ta thấy:

1)– *Cốt truyện* của Chăm rất giống cốt truyện của ta về đại thể tuy chi tiết có nhiều cái khác nhau.

a)– Mỗi truyện đều thể hiện những *tính chất đặc biệt của dân tộc* họ.

Thí-dụ: Trong truyện VUA BẾP và *Ông Táo* khi người chồng đi rao hành thì:

- Một đảng người Chăm tính vốn chắc chắn nên rao:
Hành năm thước hai, ngò ba thước sáu.

Thật rõ ràng từng thước từng tấc.

– Một đảng người Việt ta tính thích thơ văn nên đặt

ngay ra bốn câu thơ tứ tuyệt:

Đọc hằng đôn gánh,

Cù hằng hình vôi,

Ai mua hành tôi,

Thì thương tôi với.

c)- Về triết lý trong các truyện cổ Chiêm, Việt trên ta có thể thấy:

1.- Về Triết lý:

Truyện cổ Việt-Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều của triết lý Đông phương nhất là triết lý đạo Phật nên luật *nhân quả* trong các truyện thấy rất rõ ràng :

Thí dụ: Trong truyện *Ấn quả trả ngàn vàng* thì người em hiền lành thật thà thì sẽ được sung sướng; người anh tham lam gian xảo sẽ bị chết. Trong truyện *Lọ thuốc trường sinh* người con hiếu thảo, làm ơn cho rộng được tạ ơn, và làm vua. Nhà vua hiếu sắc cướp vợ người tốt bị người giết.

– Trong khi ấy trong các truyện cổ Chiêm Thành thì không thế. Người anh gian tham trong truyện “CHÀ-LÚC, CHÀ-LẮC” lại chẳng việc gì mà người em hiền lành thật thà lại bị anh đánh đuổi.

Những kẻ lừa đảo cả thần thánh mà vẫn không bị tội như hai người anh trong truyện Vua bép v.v...

Hai dân tộc Việt-Nam và Chiêm-Thành cùng chịu ảnh hưởng Ấn-độ. Dù rằng một đẳng ảnh hưởng Phật giáo một đẳng ảnh hưởng Hồi giáo và Bà-la-môn nhưng hai nền triết lý đều nhận thuyết nhân quả. Thế mà làm sao lại có sự khác nhau như thế?

Ấu đó cũng là ảnh hưởng của những bất công liên tiếp rơi vào đầu người dân Chiêm khổ sở: nghèo khổ, hạn hán, lụt lội, chiến tranh khủng khiếp đến với họ năm này sang năm khác làm cho họ không thể tin ở sự công bằng mà trời đã định. Mà họ tin làm sao được khi trước mắt họ kẻ xâm lăng vẫn thắng, vẫn giàu; kẻ ác, cướp

khuyết, chỉ giáo của các bậc thức giả cao minh.

Để mở đầu loạt bài này, chúng tôi xin trích dịch một số tác phẩm, có thể điển hình cho nền văn học Thái, với một vài nhận xét chú thích đơn giản.

« TÁN CHỤ XIẾT XƯƠNG » (2) (Tinh ca Thái)

1. Tiểu dẫn và nhận xét:

Tinh ca « Tán chụ xiết xương » là một tuyển tập về loại dân ca, thể hiện và gợi gẫm chuyện yêu đương, tình cảm của trai, gái Thái. Về phần tác giả, thời đại của tác phẩm và những ai sưu tầm, đến nay vẫn còn mờ mịt, một phần vì hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử đất nước. Chỉ biết sơ lược rằng, căn cứ theo những bản cáo được chép lại, thì vào khoảng từ 130 đến 140 bài, chứa đựng ngót ba ngàn 5 trăm câu.

Nội dung tinh ca “Tán chụ xiết xương” ghi lại một quá trình yêu - đương của trai gái thanh niên trong thời kỳ vừa chớm nở tình ái: Tâm tình mộc mạc, nhưng tế nhị; lời ca bay bướm mà vẫn hồn nhiên. Qua tác-phẩm đã

của giết người bằng cách này hay bằng cách khác vẫn sung sướng vẫn phú quý giàu sang... trái lại người dân Chiêm dù hiền lành thật thà đến đâu vẫn chẳng thoát được tai bay vạ gió thường xuyên đến.

2.- Về Đạo đức:

Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều của Khổng giáo nên truyện cổ tích nào cũng mang một bài học luân lý nói lên bốn phận của con người đối với thân thánh, với cha mẹ tổ tiên, với anh em họ hàng, với vợ chồng con cái... khuyên người ta không nên đam mê rượu chè làm tan nát gia đình... dạy người ta sống phải hiền lành thật thà v.v...

Trong khi ấy truyện cổ Chiêm Thành thì không thế: Thần thánh trong truyện *Chà-lúc Chà-lắc* cũng bị nhạo báng, con vật tối linh như rồng mà cũng bị đảo lừa, hiền lành vẫn chẳng được khen mà còn bị hại, tốt với anh em cũng chẳng được gì...

Có người bảo rằng những chuyện cổ Chiêm Thành không bị gò bó trong một lối lý luận nào, không bị đóng khung trong một khuôn đạo đức nào nên mang nhiều màu sắc văn nghệ hơn các truyện của ta vì văn nghệ cần có những tự do tuyệt đối, bất văn nghệ phải có một lễ lối, khuôn khổ nhất định là giết chết văn nghệ.

Xin dành do độc giả nhận định sự đúng hay sai của câu nói trên đây và lấy các cổ tích Chiêm Thành so sánh với các cổ tích Việt Nam tương tự mà cho nó một giá trị đúng mức.

VŨ-LANG

Dân tộc Thái được mệnh danh là văn minh hơn các dân tộc miền núi, lại có điều kiện gần gũi với người miền xuôi, nên đa phần tác phẩm họ không xa cách chúng ta mấy, cũng bay bướm ướt lẹ. Riêng về ý thức chân thành, mộc mạc có thể vượt hẳn chúng ta là khác. Ta hãy xem sự diễn biến về tình cảm giữa một đôi trai gái Thái, từ ngày biết nhau quen nhau, đi dần đến việc tìm hiểu gia thế, qua ít nhiều tâm tư thâm kín, đến lúc hiểu biết nhau, thỏ lộ cùng nhau, họ đã thể nguyện chung thủy bằng phong tục tập quán thiêng liêng – cắt máu ăn thề – Sự nhớ nhung xa vắng, niềm ước ao đứng đắn, lành mạnh, sự tha thiết lo ngại trong những ngày sống bên nhau sắp đến – Vâng ! họ đã rung động và đã sống một cách nhiệt thành. Khách quan, xã hội, không làm xao động tâm hồn họ, cho nên nội dung của tình ca “Tân chụ xiết xương” đã nói lên một thứ tình yêu đặc biệt, vô cùng sâu sắc và mộc mạc, chứa đựng đầy đủ hình ảnh quê hương dân tộc. Tuy vậy, trong tác phẩm, chúng ta cũng đạt được ít nhiều phần uất tiềm tàng hoặc bột phát một cách ngấp ngừng về nghịch cảnh, về phần trắc, về thành kiến cố hữu của xã hội thời xưa còn sót lại. Dù sao tình ca “Tân chụ xiết xương” cũng xứng đáng từ hình thức đến nội dung với vai trò hiện tại của nó. Với tính cách trữ tình điềm lẹ và phổ cập trong dân chúng từ trước đến nay, “Tân chụ xiết xương” có thể sắp ngang hàng với những tác phẩm hữu hạng, như « Sóng chụ xô xao » (3) của nền văn học Thái.

(nguồn: Văn Hóa Á Châu tập IV số 4 tháng 4-1961)

Theo sự khảo cứu, nước ta ngoài người Kinh, còn có rất nhiều dân-tộc thiểu số, sống rải rác khắp miền Núi Việt-Nam ; từ Bắc-Việt, Tây-bắc, Tây-nguyên và một số ở Nam-bộ (1). Các dân-tộc ấy có một nền văn hóa lâu đời phong phú. Có thể nói điều này đã vượt hẳn các dân tộc thiểu số trên thế-giới. Chỉ vì cách biệt, thiếu sự trao đổi, nên dần dần mai một. Trên quan điểm xây dựng nền văn học chung hiện tại, chúng tôi lần lượt tìm kiếm công hiến cho độc giả : đồng thời góp một phần rất nhỏ vào việc cổ võ cho phong trào phát triển nghệ thuật của những dân tộc anh em - Những người đã từng đóng góp và chứng kiến vào lịch sử thăng trầm của đất nước.

Di sản văn học của nó còn lại rất nhiều, mang đủ màu sắc văn học, nghệ thuật cá biệt rừng núi. Văn nghệ đã phát triển mạnh mẽ hơn, qua những bản trường ca, thơ, ca dao, truyện thần thoại cổ tích. Lần lượt có dịp chúng tôi sẽ đi vào chi tiết mỗi loại. Trước khi đã cập đến vấn đề, cũng xin lưu ý về quan niệm sai lầm của chúng ta từ trước đến nay, đã coi thường, nếu không khinh rẻ – hoặc thờ ơ với nền văn học của dân tộc thiểu số. Dưới

Nội dung phòng phú và phức tạp, nên sau đây xin trích dịch hai chương của toàn tập, vì theo ý chúng tôi nó có thể diễn hình cho tinh chất ướn lệ và tinh túy của bông hoa văn nghệ “Tàn chụ xiết xương”.

Về bản dịch và tài liệu căn cứ theo bản cáo, phần lớn do sự tìm kiếm của chúng tôi và sự đóng góp của một số anh em hồi còn di theo kháng chiến, khoảng 1945-1950 tại miền rừng núi Việt Bắc. Bây giờ là “khu Tự trị” Thái mèo của cộng sản. Chúng tôi cũng đã tin hỏi thêm qua những nhà tai mắt, trí thức ở các địa phương đã đi qua, như Mường lăm, chiêm chung, mai sơn, Mường La, côi...

II.- TRÍCH DỊCH

I.- ĐÔI XUÂN

*Đôi ta thăm hoa, hoa vừa nở.
Hoa nở rồi cánh ủa nhị tàn
Kết bạn tình khi buôi xuân sang
Em như hoa Ban (4)
Anh như hoa Khâm (5)
Hoa thành rêu khi nước đọng.
Yêu nhau giữa tuổi thanh xuân
Voi vào rừng không dẫm lại dấu chân,
Voi vào núi không quay về sào cũ.
Duyên nợ dở dang ai về kén chọn !
Chi buông lời xa mãi cuộn quay tròn.
Tơ dệt rồi không trở lại guồng
Đã thành vợ sao ai còn đùa dõn ?
Tám vài trắng (6) chuyện ái ân còn gợn .*

*Chiếc cơi trâu vừa nhắc lên tay (7)
Em ơi ! niềm thủy chung phải hòa lẫn gái, trai.*

■
*Ngày hết, ngày không trở lại
Tháng hết, tháng không dật lùi
Lúa lên đồng, lúa sẽ thành rơm.
Thương nhau khi chúng mình còn trẻ
Đời trai, gái như sợi tơ mảnh dè
Sợi xe thành từng cuộn chỉ to.
Tơ dệt thành tấm chăn tơ.
Nhìn nhau khi mắt sáng
Đưa tình ánh mắt long lanh
Em lấy chồng xa không còn gặp mặt anh...
Đời chúng mình đời hoa
Còn lại những câu tâm tình
Khi người mẹ thân yêu bắt buộc em về nhà chồng.*

■
*Tình yêu đôi ta đã thành dấu vết
Như bát nước đầy không một chút xô xao
Lời thương nhau chưa vội được tở nào
Ta chơi hoa chán (8) hoa sung khi bực khi rào
Dù cho mưa gió đừng cho hoa rụng
Cha mẹ mắng chửi do dự ngập ngừng
Lời bán tán hợp, tan đừng đem xia
Câu ái ân khăn đào bực lại
Lời tình chung ấp ủ trong khăn
Gói tất cả thành trâm cân vàng nặng
Em ơi, mang vàng đi đánh thành vòng đeo tay.*

■
Lòng em buộc chặt chỉ vàng

Lòng anh chỉ một tình thương
Quyết cùng nhau nên vợ chồng
Thùy chung với tấm khăn hồng
Đường kim chiếc áo mặc thường
Khăn đào phấp phới còn hương nhân tình
Vui đùa má thắm tròn xinh
Bàn tay thon múa hát, áo hai mình khoác chung.
Thân kề nhau cho tình ta quện
Lòng nhớ em không tưởng đến giàu sang
Lòng vẫn vương không mơ ước con quan.
Lời đôi ta không sợ thành trận gió
Trút nổi lòng không sợ nước tan.
Hãy khắc đá, tạc hình tạc tượng
Uống máu thể hòa với nước trong.
Rắn như đá đôi ta kết một lòng...
Hòa với đôi lời tình khiết
Lời vàng gói gắm vuông khăn
Lời song song đôi lưỡi có vầng trăng
Dù chín kiếp không phai thể nguyện ước
Lời chung thùy thấu đất trời sông nước
Tình đôi ta mình chứng có trời cao – Minh hời !



Khi lấy nhau đắp nước làm hai guồng cọn (9)
Dẫn nước vào cho trọn hai nương (10) .
Nước đầy nương, cu nương gieo mạ .
Em cầm mai, anh cầm rìu
Đắp xây cuộc đời chung sống.
Sức đôi ta vỡ đá làm đồng
Ngăn suối làm ao
Bốn mùa nước vẫn rạt rào
Cá sanh muôn vạn thay rau hời mình ! (11)

2.- DẶN DÒ

Em đừng ham đầy bồ, bông từng bó (12)
Em đừng ham vàng lụa chất đầy hòm
Em đừng sợ túp lều tranh hôm sớm
Đừng ước mơ làm dân mặc đẹp, ăn ngon
Mà nữ dút tình anh sắt son,
Đừng mê mãi lụa là vàng bạc đầy kho
Đừng nghĩ ngôi không trên đồng của to
Em ơi, chưa bằng sức ta,
Tự đào tạo ra
Vàng bạc như giòng nước trôi qua
Hoa quả trong nhà như gió mưa thoảng
Cách cư xir còn hơn dao sắc bén.
Giết chết người như nước lũ đi qua
Người xấu bụng như sắt ri, đồng pha
Sao bằng được sức ta mai hủ
Đời đang độ tuổi vừa đôi lứa
Ngày qua ngày, no đủ em ơi !

■
Ngày mai em sẽ ăn cà sông Mã.
Đừng quên măng trúc bãi bằng
Ăn thịt nai khi được mỗi săn
Đừng quên ngày nào bát canh rau cần (13)
Cổ cao, bắt đầy, mâm nặng
Đừng quên anh lột lá ngò ăn
Trên ngựa xe lụa phủ đầy thân
Đừng quên anh ghép bè, khoác lưới
Dù tiền bạc chất cao bằng núi
Đừng quên anh gánh cùi mòn vai
Hoa vàng hoa đỏ em cài
Phòng thơm hoa chúc, xó nhà cô đơn.
Em về nhà chồng gạo đầy tựa núi

*Chớ quên anh từng vốc một qua ngày.
Em ăn gà lòi
Anh ăn đùi chim chích
Đừng quên cày để bẻ đôi.
Em đứng trước ao sen tươi
Đừng quên hoa bầu thườ nọ (14)
Lời càn dặn ngàn năm còn đó
Chínt kiếp có trời minh chứng em ơi !*

CAO-CHU (Sưu Tâm và Trích dịch)

-
- (1) Sẽ có dịp trình bày về vị trí, dân số và hoàn cảnh sinh hoạt của từng dân tộc.
(2) Có nghĩa : những lời bông bảy, yêu đương trao đổi giữa Trai, gái.
(3) Có nghĩa : dặn dò và đưa tiễn người yêu.
(4) Một thứ hoa cánh trắng, nở vào mùa xuân, ở miền Tây bắc. Ý nói sắc đẹp con gái có thời có lút.
(5) Một thứ hoa thể hiện trong thi ca Thái, ngoài thực tế chưa ai thấy – có ngụ ý chỉ muôn màu muôn vẻ của đời người.
(6) Người Thái dùng tám khăn để chỉ sắc đẹp khi còn mới
(7) Cơi trầu : người ta chỉ quý khi nhắc cơi trầu, ý nói sự sung sướng đẹp để không bền lâu.
(8) Hoa chăn : nuốt thử hoa đẹp màu đỏ, thường được nhắc nhở trong văn chương.
(9) Cợn : Bánh xe quay chuyển nước suối dưới thấp lên miệng cao.
(10) Có câu : “Nước hai mương, mường hai chù”, theo tục lệ làm ăn phải kiêng không được dẫn nước vào hai mương.
(11) Ý nói cuộc đời nghèo khổ đã thay đổi.
(12) Người Thái tính bông thành từng bó, mỗi bó độ

40 Lượng ta – bông chất đầy

bồ, biểu hiệu sự giàu sang.

(13) Rau cần: 1 thứ rau dại - thức ăn của người nghèo khô.

(14) Hoa bầu: 1 thứ rau vị đắng chát - thức ăn khi cùng khốn.

(Văn Hóa Á Châu tập IV số 4)

Sự phồn thịnh của văn hóa miền Nam

người viết: Anh Đồng

(nguồn: Văn Hóa Á Châu tập III số 4 tháng 7-1960)

VĂN HÓA Sự phồn thịnh của Văn Hóa miền Nam

Phong phú là triệu chứng của phồn thịnh, lành mạnh, trẻ trung. Nhưng hiện tượng phong phú không phải là một điều ta thường gặp nhất là trong địa hạt văn hóa hoặc văn nghệ. Thường thì bên trong một hình thức phong phú nếu chúng ta, nhìn kỹ sẽ nhận thấy một sự cộp nhặt, sao chép, bắt chước theo một khuôn mẫu nghèo nàn và ít thay đổi. Phong phú như vậy chỉ có lượng mà không có phẩm. Đó là tạp nhạp thì đúng hơn là phong phú. Trong một chế độ xã hội và chính trị độc

tài như chế độ cộng sản — thì chỉ có thứ phong phú bề ngoài mà thôi : Trung-ương đăng bộ cho ra một kiểu mẫu văn nghệ hoặc văn hóa hình thức, rồi thì các văn công, các « cơ xưởng sản xuất văn nghệ » sẽ tung ra từng loạt văn phẩm hoặc tạp chí lại nhai mãi một luận điệu, dù cho bên ngoài có những áo khoác thật mẫu mè.

Hiện nay miền Nam tự do đang đứng trước một hiện tượng phong phú hoặc phồn thịnh trên địa hạt văn hóa. Sự phồn thịnh hoặc phong phú ấy thuộc về loại nào : chính đáng hay chỉ ở hình thức ? Tìm hiểu được sự trạng này, trả lời được câu hỏi nêu

ên đó, tức là đã làm được một việc
đầy lui cộng sản ra khỏi địa hạt văn
hóa đồng thời đặt một viên đá cho
cho cơ sở văn hóa của chúng ta.



Bằng chứng của sự phong phú —
húng ta hãy tạm đi vào với cặp mắt
tĩnh nhiên và dễ dãi — hiện lên
bật đầy đủ trong mấy tháng vừa
qua : các nhật báo tăng trang và cải
tiến kỹ thuật ấn loát, các tuần báo tìm
được một hình thức trang nhã, đẹp
và đúng đắn ; các tạp chí thi nhau ra
đời và đang làm một cuộc chạy đua
về phương diện phẩm lẫn lượng.
Những tạp chí trước đây có tính cách
tội san cũng đang thoát ra khỏi khuôn
hò nhỏ hẹp của nó và đi rộng vào
đại chúng.

Nhưng thực ra chỉ có một số báo
nguyệt san, và nhất là những tạp chí
nói có thể nói là có một giá trị thực
ự. Ở đây chúng ta thử lược xét
những thể hiện của hiện tượng
phong phú trên địa hạt tạp chí.

Tuy nhiên những tuần báo ngoài
những loại đã có sẵn, một "Văn đàn"
một "Mai", mới ra mắt cũng làm
phong phú phần nào đời sống văn hóa
nền tự do. Những tạp chí nguyệt san
toặc đến nguyệt san nếu trước đây
không có được bao nhiêu (Bách khoa,
Đình lực, Tân phong, Gió mới, Đại
vực, Quê Hương. . .) thì hiện nay
đang chứng kiến sự góp mặt hăng hái
và trẻ trung của những kẻ mới đến :
Hiện Đại, Thế kỷ hai mươi, Thề

hiện và Sáng tạo tục bản. Còn những
tạp chí khác cũng đang chịu một cái
tiểu quan trọng để nói rộng tầm hoạt
động và ảnh hưởng của chúng, (có
thể nhắc đến trường hợp của một
Sinh lực, Văn Hóa Á Châu).
Mở đầu cho phong trào thi đua
này chúng ta phải nhắc đến Hiện
Đại như một cố gắng và một khởi
xướng thúc đẩy phong trào thi đua
văn hóa tự do đẹp đẽ này.

Trước Hiện Đại thì Sáng tạo đang
ngủ một giấc rất dài và an phận, các
tạp chí khác có vẻ tự mãn trong
những thành công mà bấy giờ họ
nhận thấy cần đi xa hơn nữa nên
mới cải tổ lại đề dự vào cuộc thi
đua đang bắt đầu. Không khí
văn nghệ — hoặc văn hóa — của
miền Nam cách đây không lâu là một
không khí uể oải và ngái ngủ. Có thể
đó là một thời kỳ bồi dưỡng lực lượng
để sắp nhảy ra tung hoành chăng, và
đó là sự uể oải và ngái ngủ cần thiết
của con người dậy thì ? Chúng ta
tạm thời có thể vô đoán như vậy,
theo những hậu quả xảy đến sau đó.

Và Hiện Đại ra đời, Văn Hóa Á
Châu đổi mới, tháng tư của năm đang
bắt đầu. Bỗng nhiên tất cả đều chỗi
dậy. Đây chỉ là một sự bắt đầu, chỉ
là một sự khởi nguồn, chỉ là một đà
nhảy để tiến tới. Chiều đi lên mới
quan trọng và mới cho phép chúng ta
nuôi nhiều kỳ vọng. Mà chiều đi lên
của hiện tình văn hóa ở miền Tự Do.

lúc này thì quả thực cho phép chúng ta nuôi rất nhiều mong chờ. Một phong trào thì đưa văn hóa tự do bắt đầu. Sau Hiến Đại số 3 thì Sáng tạo tục bản với nhiều cố gắng mới và lạ trên căn bản cũ. Thế kỷ hai mươi bước vào vòng đua với một số ra mắt đầu tháng bảy gom góp những cây bút quen biết. Và Văn đàn, và Mai bùng nổ đem khuôn khổ lớn rộng đồ sộ của nó mà chiếm những mảnh không gian phẳng trên sập báo quấy sách.

Nhưng hiện tượng phong phú trên phương diện văn hóa không những ở đây — ở trên sập báo quấy sách — mà len ra cả đến những khía cạnh sinh hoạt ca vũ kịch khác nữa. Có một Anh-Vũ khai trương rầm rộ, và sống bằng những cố gắng bất thường như cái vẩy vùng của con thú mắc bẫy. Mới mẻ hơn thì có một Câu lạc bộ văn hóa với thiện chí gây nên một không khí mà chúng ta tạm gọi là không khí trí thức ; chúng ta nói : thiện chí, bởi thiện chí chưa chắc hẳn là thành công.

Nghĩa là sự phong phú, về hình thức đã có đủ mọi khía cạnh, mọi sắc thái, cho phép chúng ta chờ đón một bên trong đẹp đẽ. Chúng ta đi tìm sự phong phú nội dung bằng cửa mở của hình thức phong phú.

Có nhiều người dựa lên một quan niệm mà họ gọi là quan niệm trí thức, đề quyết đoán rằng tờ tuần báo nọ, tạp chí kia không có giá trị văn hóa mà chỉ có giá trị tiêu khiển, giải trí ; đó là một món hàng có khả

năng thay thế cho phim ảnh và những cuộc đi chơi phố. Nói như vậy nghiêm khắc quá, và thiếu căn cứ. Trên tầm độ của nó, một tầm độ bình dân đi nữa, những tuần báo và tạp chí đó cũng có một giá trị văn hóa của nó, công nhận giá trị văn hóa cho những sự đóng góp đó là xù dụng quyền tự do văn hóa của miền Nam tự do vậy. Tuy nhiên nếu đứng lại ở đây, thì sự thiếu sót không tha thứ được. Đi lên và đi sâu vào sinh hoạt văn hóa, cần phải có những cơ quan ngôn luận và xuất bản đứng dẫn, nhắm đến một lớp độc giả khó tính và chọn lọc hơn.

Một tờ báo độc lập do một nhóm người có ý thức và thiện chí đóng góp tất cả công lao xây dựng và cố gắng làm việc của mình để tác thành vào lúc này, trong hoàn cảnh thời đại này, quả thực là một điều vô cùng khó khăn. Chỉ nhắm vào một lớp độc giả chọn lọc ít ỏi để nuôi dưỡng nó, và nó đã thực sự được nuôi dưỡng nên đã sống, điều này chứng tỏ rằng những người trí thức Việt nam tự do đã hiểu tầm quan trọng và hữu ích của tờ báo. Thật là một triệu chứng đáng mừng. Nếu những người trí thức Việt nam tự do ý thức được những biến động thời đại, về những chuyển định sắp phải xảy ra, và những phần đóng góp vào những biến động những chuyển định đó của con người tức là sắp thành công trong việc xây dựng một căn bản tinh thần, văn hóa cho một xã hội tương lai.

Đứng trước hiện tượng phong phú phần thịnh của những sinh hoạt văn hóa miền Nam tự do chúng ta hân hoan và vui mừng vì tiềm lực xây dựng mãnh liệt tăng lên trong sự phong phú và phần thịnh đó. Xúc tiến cho sự phong phú và phần thịnh văn hóa đi đến trưởng thành để đặt một nền móng vững chắc cho một cơ sở tinh thần là phận sự của mọi người, những kẻ hữu trách và những con người có ý thức về tầm quan trọng của những nỗ lực tinh thần.

Chúng ta chắc chắn có thể tin tưởng ở sự phong phú phần thịnh nơi hình thức bên ngoài của sinh hoạt văn hóa miền Nam tự do này, nhưng chúng ta cũng có thể tìm thấy một sự phong phú và phần thịnh ở nội dung. Những tờ báo ra đời và không tờ nào giống nhau. Những người cầm bút đi vào văn nghệ với một niềm tin nhiệt thành ở lý tưởng Tự Do và tìm một chỗ đứng vững chắc trong địa hạt nghệ thuật. Những đề tài xa lạ được đem ra luận đàm và nhận mọi sự phê phán. Những cửa ngõ mới mở ra mọi phương hướng tư tưởng thời đại. Một thiện chí phổ biến và học hỏi những cái hay của mọi nơi và mọi thời. Miền Nam tự do quả thật đang đi những bước đầu vững vàng trên đoạn đường xây dựng một nền văn hóa nhân bản có chuẩn nhất cứu cánh, mà phần thịnh phong phú ở phương tiện và biến thái thể hiện.

Tuy nhiên chỉ là những bước bắt đầu. Muốn đi tới thành công, cần

phải có sự đóng góp của rất nhiều yếu tố, và nhất là của rất nhiều người có ý thức và thiện chí về tầm quan trọng của sinh hoạt tinh thần. Một duy vật sử quan xây dựng trên tư tưởng căn bản: cơ sở hạ tầng kinh tế chi phối toàn diện sinh hoạt con người. Chúng ta, những con người xây dựng dân chủ và tự do, tất nhiên phải lấy tinh thần và những khả năng tinh thần làm căn bản xây dựng lịch sử. Ở một sử quan duy vật, con người bị tác thành do những yếu tố máy móc vật chất (huyết thống, hoàn cảnh sinh hoạt kinh tế...). Trong một văn hóa tự do dân chủ, con người tự làm lấy mình, và đương nhiên làm lịch sử. Phương tiện thực hiện con người của mình và lịch sử nhân loại tất nhiên bắt đầu bằng những phương tiện tinh thần và từ tinh thần con người yêu hàn lâm bước sang mọi lãnh vực sinh hoạt vật chất. Sự khác biệt là ở đó: tinh thần con người thực hiện lấy con người và lịch sử của mình trong một chế độ dân chủ.

Thúc đẩy cho mọi hình thức sinh hoạt văn hóa trưởng thành trong sự phong phú phần thịnh của nó, phải là phận sự của những con người dân chủ hữu trách. Tuy nhiên trong sự phong phú phải có chọn lọc và hướng dẫn thường ngoạn cũng như hướng dẫn sáng tác. Hướng dẫn trên căn bản tự do không phải là nô dịch kiểu lãnh đạo văn hóa cộng sản. Và chọn lọc không phải là tìm lấy một hình tượng độc đoán rồi gán ép lên mọi

trạng thái sinh hoạt văn hóa và tinh thần. Khó khăn là ở đó: làm sao chọn lọc và hướng dẫn không thể biến thành những phương tiện chính trị độc đoán làm tê liệt và nghèo nàn sinh hoạt văn hóa. Một vườn hoa đẹp là vườn hoa có đủ mọi màu sắc, mọi hình thái được chăm bón và trồng tỉa theo những phương pháp thích ứng với hoa. Trong vườn hoa đó, mỗi luống hoa, mỗi cây hoa có một chỗ đứng riêng biệt của nó, không chen lấn sang chỗ đứng của hoa khác, và những thợ vườn cũng không dè cho nó bị chen lấn. Trong một nền văn hóa dân chủ tự do, chúng ta có thể lấy hình tượng biểu thị của vườn hoa làm tượng trưng phong phú mà có trật tự và hệ thống

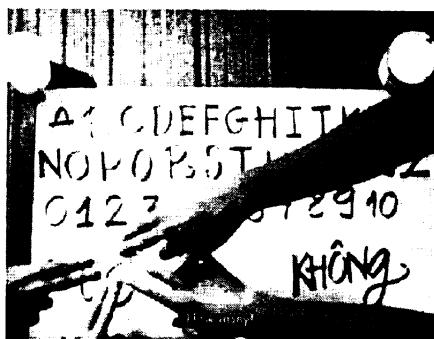
(hệ thống phải hiểu theo nghĩa rộng rãi của nó) để cho mọi sinh hoạt văn hóa không chen lấn và bị chen lấn, trái lại được thể hiện đầy đủ theo khả năng và nhu yếu của nó.

Đứng trước hiện tượng phong phú phần thịnh văn hóa, chúng ta, những con người hữu trách — tất cả mọi người đều hữu trách đối với tương lai của mình, con người, và nhân loại —, có hai bổn phận: thúc đẩy sự trưởng thành trong phong phú, hướng dẫn và chọn lọc để cho những thành phần ưu tú được chỗi lên. Liệu chừng chúng ta có thực hiện được hai phận sự thiết yếu đó không?

ANH ĐỒNG

Sáng tác thơ văn
của bằng hữu

Hà Thúc Sinh
Chuyện Xóm Chìm



Ông giáo Tịnh hay nhìn trời chiều than thầm: “Xóm này giờ như mây trời. Đây một cụm, kia một cụm. Rồi đây tắt lửa tối đèn xảy có chuyện gì ai sẽ cứu ai!” Nhưng nhà ông giáo là nơi thường xuyên họp tổ dân phố thành thử hơi nhiều người ra vào. Phải nói thời thế đã biến ông bà giáo thành người bạn bụi.

Vâng xóm Chìm bây giờ là thế. Sau những vụ nhiều hộ bị lừa đi kinh tế mới, nhiều nhà bỏ trống và người ra đi không còn ngoái lại. Có một cái gì gần với sự sợ hãi vẫn phực sâu trong tim gan phèo phổi con người và có thể cả thần linh nữa.

Gia đình ông giáo có lẽ thuộc diện gì đó nên vẫn còn đây. Bà Vân, vợ ông giáo, dù đã chớm năm mươi có

mái tóc vẫn đen bóng như gái son, nhìn vào sự loang lổ của khu xóm mà lòng ngôn ngang. Dân đây đi lần, kể cả bọn đầu trộm đuôi cướp, thì có sao cái tù sách của chồng bà cứ khuyết dần. Nay mất năm ba quyển, mai mất năm ba quyển. Bà nhìn kín lũ con năm đứa. Con An và hai thằng em trai đã lần lượt được vào đại học, lên Sài Gòn trọ nhà ông bác, còn hai đứa sau cùng một trai một gái chậm chạp, lè mề như thế chúng không phải đứa gian. Thằng Tứ mười tám thì học thợ máy bị tai nạn mất một bàn tay; con Cẩm mười sáu xinh nhất nhà nhưng lại lặc liếng từ ba tuổi vì mũi kim chích lăm của lão y tá già trong xóm.

Nhiều buổi trưa bà Vân ra sau hè ngồi hóng mấy ngọn gió mờ cô. Bà nhìn chòm xóm, rồi nhìn vào cảnh nhà, chẳng hiểu sao bà gục đầu vào đầu gối mà chiếc quần đen đã hóa màu chàm, khóc nức nở.

Không được như cụ Mừng nhà gần đó. Bà cụ lần chuỗi cả ngày. Và có chuyện gì không hay, cụ cứ ngược nhìn trời nói như ngâm: “Con xin phó dâng cho Chúa. Và cảm tạ Chúa đã cho con làm người!”

Một hai năm sau giải phóng xóm Chìm coi mỗi ngày càng tệ hơn. Chẳng hạn người ta than trời than đất vì mất điện. Chẳng phải nhà nước nào cúp điện nhưng không hiểu sao nhiều đoạn dây điện giăng trên trời cứ từ từ biến mất. Ai cắt đi được những đoạn dây ấy? Lũ thanh niên xung phong, hay đám công an khu vực, hay chính những tên anh chị liêu lĩnh còn sót lại có những móc ngoặc với đám Tàu Chợ Lớn? Trời biết được điều này và rút cuộc chỉ khổ cho đám thợ điện. Cứ thay dây rồi nối dây, rồi lại thay dây rồi lại nối dây.

Một đêm mưa gió dữ lắm. Sáng dân đi làm khám phá ra một người nằm phoir bụng trên vũng nước mưa với kèm kéo bên cạnh. Anh ấy là anh thợ điện.

Bà Vân bảo với cụ Mừng: “Nhà tôi chẳng còn gì mà mất nữa cụ ơi. Đây rồi xóm Chìm này cũng chẳng còn gì để mất, cụ ạ!”

*

Nhưng bà Vân đã nói sai. Chính sách đổi mới làm thay đổi tất cả. Thời gian đi tới không hề đi lui. Người dân cũng thể xem chừng đã khá giả hẳn lên.

Cụ Mừng nhớ lại hồi mới di cư, nơi đây đồng không mông quạnh. Xa trước mặt, về hướng tây có con đường trải đá chạy qua. Sau này nó biến thành con đường lớn trải nhựa và là lộ chính của cả vùng. Xóm Chìm nằm về hướng đông con đường, cách một con sông nhỏ, và xóm nằm trên vùng đất trũng nên người ta gọi nó là xóm Chìm.

Giờ xóm Chìm mất dần dấu tích của thời 75. Nó đã thay hình đổi dạng. Gần nó đã có trường học và cả một bệnh xá năm bảy chục giường. Nhiều bệnh thông thường người dân nhập viện ở đây thay vì phải chờ vòng Thủ Thiêm để về Sài Gòn. Cũng có một nhà lồng chợ mọc lên và sự buôn bán không thể nói là không tấp nập. Những hàng cột điện mới được trồng bên đường, nơi tụ tập của rừng chim đậu dài trên hàng dây khi chiều đến. Nhà cửa như chứng bệnh lây lan. Dân ngoài bắc ủa vào. Cứ thế nhà ngói cây mít lan ra kín một vùng.

Nhưng có một chữ trước 75 không ai nghe bao giờ: triều cường. Nói nôm na là lụt. Mưa vài ngày là trường học, chợ búa, bệnh xá, nhà cửa, những hàng cột điện... ở xóm Chìm như rù nhau ngụp lặn vào một cái ao. Và người ta bảo chữa được “bệnh” này chỉ có cách đào xới cả xóm Chìm lên để nó trở về nguyên trạng của thời 75.

Ông giáo Tịnh giờ đã hưu. Hơi lẫn thần. Mỗi khi nhìn xóm Chìm ngập nước, ông lầm bầm:

“Sao dân đây không sấm lu mà hứng nước nhĩ. Cứ để nước mưa lan tràn thế kia!”

*

Xóm Chìm âm lên về sự mất tích của cô Cẩm. Đầu đường xó chợ đầy những tin tức và bình luận. Người ta như quên mất đi gia đình đau đớn nhất là gia đình ông giáo Tịnh và người khóc nhiều nhất là bà Vân. Không ai biết được cô Cẩm biến đâu sau khi ra chợ chiều hôm ấy.

Có người bảo thấy một anh công an dẫn cô đi về phía đồn, lại có người bảo thấy cô đi theo một tên dân phòng, lại có người cả quyết muốn biết cô đi đâu cứ hỏi lão chủ tịch ấp. Nhưng công an dẫn cô về đồn làm gì, hay tên dân phòng dẫn một phụ nữ tàn tật đi đâu, và lão chủ tịch ấp nữa? Ông trưởng công an xã thì với phong thái béo tốt, nét mặt khá phúc hậu chẳng có gì đáng nghi ngờ cả. Ấy là ông hết sức tích cực truy tìm dấu tích Cẩm và điều động đám công an lặn vào cuộc điều tra, tìm kiếm; còn đám dân phòng cũng có tên thế này thế nọ, nhưng khá rõ ràng chúng cũng rất ngơ ngác về việc này; còn lão chủ tịch ấp vợ con đùm dề, lý tưởng cách mạng của lão giờ chỉ còn chai rượu, có hỏi lão về Cẩm thì lão tức khắc ngăn người hỏi lại: “Cẩm con nhà ai, nó ở đâu?”

Có một phóng viên ở Sài Gòn, quen biết thế nào đó với ông giáo Tịnh, mò về xóm Chìm làm một cuộc điều tra và có đem câu chuyện này lên mặt báo.

Nhưng đã nửa năm qua Cẩm vẫn bật vô âm tín. Vây quanh cô vẫn là một màn bí mật nặng và tối như bầu trời cuối tháng 12. Tất cả diễn biến về sự mất tích của cô vẫn y như ngày đầu. Gia đình ông giáo Tịnh giống hệt những người chung quanh: không biết, không thấy, và không nghe gì hết.

Cụ Mừng giờ đã già lắm, cứ nhìn sang nhà ông giáo, chắt lưỡi: “Thánh giá vác nặng quá!”

*

Đám ma cụ Mừng vậy mà đông. Hôm nay đã là ngày ma chay cuối, ngày mai con cháu sẽ đưa cụ về chôn ở

Lái Thiêu. Bà con nội ngoại còn sống ở đó khá nhiều. Nơi vườn nhà cụ Mừng căng một tấm bạt lớn dùng làm chỗ tiếp khách. Chiều rồi mà vài ông bạn của gia đình gốc miền Nam trong chòm xóm còn tụ tập nhậu nhẹt lai rai. Họ bàn đủ chuyện trên trời dưới đất. Sau cùng chẳng rõ ý kiến của ai, họ đi đến một quyết định chung: cầu cơ.

Không hiểu sao khi bộ ván cầu cơ được ông Tám Học đem qua bày ra nơi vườn nhà con trai lớn của cụ Mừng thì trời đổ mưa. Vũ vô kiểm tỏa nắng lưu khách. Cả chục người bu quanh chiếc bàn đặt bộ ván cầu cơ.

Ông Sáu Sen là một cư sĩ, khá rành chuyện này, nên ông trụ trì buổi cầu cơ. Hơn nửa tiếng đồng hồ loay hoay, han hoi, nhưng cơ không chạy. Rồi bất chợt cơ chuyển động. Nhưng nó chạy rất lộn xộn và không ai đọc ra điều gì. Cụ Mừng là người Công giáo cơ không ứng cũng phải, nhưng khi đề cập tới cô Cẩm thì cơ chạy, người ta thay nhau hỏi, và những cái tên quen thuộc của trường công an, của lão chủ tịch ấp, của đám dân phòng... lại xuất hiện trên bàn cơ. Nhưng cơ như hoảng hốt khi được hỏi Cẩm sống hay chết, nếu chết thì chết ở đâu, ai giết, giờ xác nằm chỗ nào. Cơ nào loạn và không ai đọc rõ được câu trả lời.

Mưa vẫn rần rần đổ. Sấm sét phủ mất những tiếng khóc nghẹn của bà Vân mà chỉ vài tháng qua đầu đã bạc trắng vẫn ngồi lẫn trong đám đông. Rồi thì nước ủa vào. Trong chốc lát mọi người rút hết như đã biến khỏi mặt đất. Con cháu hết sức chật vật mới đem được áo quan cụ Mừng kê lên chỗ cao.

Rồi thỉnh linh điện lại cúp. Và nửa đêm hôm đó cả xóm Chìm lẫn nữa lại chìm lìm vào một cái ao lạnh lùng./.

23-10-2019

BÀ BỒN QUẺO

Truyện Ngắn của TIỂU NGUYỆT

- Đứa nào lấp ló đấy, hờ?

Nghe tiếng nội, Hùng vội chạy núp sau lò gạch. Phần nói với bà:

- Ai đâu mà lấp ló? Nội hoa mắt đấy, con đâu thấy ai.

- Ủ hén! Già, nên mắt yếu rồi chẳng? Nhưng bà như thấy có đứa nào thập thò trước gian phòng của mấy con nhỏ ấy!

- Không có đâu bà, con không thấy gì thiệt mà.

- Ông Hai mà bắt được là chết với ông.

Phần trấn an bà nhưng đôi mắt cứ liếc sang gian phòng mấy cô gái, nó biết anh trai nó tò mò dòm thử mấy cô ấy làm gì. Phần an tâm khi thấy Hùng chạy trốn ra phía sau, nó an ủi bà:

- Mắt yếu, mua thuốc dầu cá uống nha nội!

- Kệ con ơi! Tiền bạc đâu mà thuốc với thang, tao lo cho hai anh em mày học tới nơi tới chốn, đứa nào cố gắng tao cho học miết, còn dờ quá thì nghỉ ráng chịu à nghen.

- Dạ! Con sẽ cố gắng, anh Hùng cũng vậy, không phụ lòng nội đâu.

- Ủ! Ráng mà học kiếm cái chữ, thời buổi nào có học vẫn hơn. Thời này người ta không dùng, thời khác sẽ dùng, cháu à. Người ta nói một, mình hiểu hai ba, chứ người ta nói mười mình hiểu một, thì uổng kiếp này lắm. Có được thân người không dễ đâu con!

- Dạ! Con biết rồi!

- Không biết bây giờ con Huyền lưu lạc chốn nào? Sống ra sao? Mà thôi kệ nó đi, cái số cả. Con chị mày số khổ, tội nghiệp!

Phấn nghe bà nhắc đến chị, lòng đau như cắt, không biết giờ lang thang nơi nào? Ba chị em mồ côi cả ba má, sống với bà, dù bà không ruột rà, máu mủ, nhưng thương chị em nó hết mực. Tấm lòng của bà thật bao la - nó hiểu, nhưng không biết bày tỏ thế nào, chỉ biết nhìn bà với đôi mắt thương yêu, không nói thành lời. Bỗng nhiên, Phấn cầm tay bà mân mê:

- Con thương bà! Thương quá đi!

- Cha mày! Thương thì ráng học nghen!

- Dạ!

Bà có biệt danh là bà “bồn Quẹo” từ hồi còn rất trẻ, bởi tay bà có tật từ khi mới sinh ra. Bà mở quán nước và tạp hóa ở lò gạch ông Hai Thanh bán cho dân xóm Tre và khách qua lại trên đường. Trong xóm chỉ có quán bà nên buôn bán cũng tạm đủ cho bà cháu qua ngày.

Ngày trước, bà lấy chồng ở trên đất đỏ, mỗi lần về thăm nhà đi bộ hơn nửa ngày mới tới nơi. Chồng bà là người đàn ông góa vợ, có ba người con trai còn nhỏ dại. Bà về làm vợ ông chưa được năm năm thì ông vội bỏ bà ra đi, khi chưa có với bà mụn con nào. Bà coi ba người con chồng như con mình rút ruột đẻ ra, thương yêu hết mực. Một tay bà nuôi nấng các con trưởng thành, lo xây dựng gia đình cho các con. Các người con của bà cũng rất mực yêu thương mẹ, coi bà như người mẹ ruột thịt đã sinh ra họ.

Cuộc sống của gia đình bà êm đềm giữa làng quê mộc mạc, yên vắng. Nhưng rồi, khói lửa bỗng tràn ngập xóm quê, tiếng súng, tiếng máy bay âm ỉ hằng ngày; khiến người dân quê bàng hoàng, lo sợ. Mùa hè năm 1965, vợ chồng anh con trai giữa của bà chết trong một trận càn, bỏ lại ba đứa cháu nội còn nhỏ. Thế là bà trở thành “người mẹ” lần nữa, nuôi các cháu nhỏ, như đã từng nuôi cha của chúng. Cả làng ai cũng kính phục người bà tật nguyên, có tấm lòng nhân hậu, bao la như bà.

Một ngày, bà rời làng dắt theo các con cháu của chồng về quê mình kiếm sống. Bà nhờ ông Hai Thanh (người em họ của bà) nhận các con bà vào làm ở lò gạch của ông. Hằng ngày các con bà xẻ đất, nắn gạch, người chụm lò, người phụ đưa gạch lên xe. Cuộc sống ổn định dần.

Ba người cháu nội mồ côi - Huyền là chị lớn, bà cho vào Nha Trang học may, Phấn và Hùng đi học, một buổi ở nhà phụ giúp bà trông coi quán.

Huyền học may lành nghề về cùng bà chăm sóc hai em. Nàng dịu dàng, nói năng nhỏ nhẹ, lại xinh đẹp, được nhiều người yêu mến. Trong làng, có nhiều chàng yêu thương muốn cưới nàng làm vợ, nhưng nàng không dám yêu thương ai, vì còn phải giúp bà nuôi hai em nhỏ.

Trong một kỳ nghỉ hè, Lân về thăm quê. Gặp Huyền, anh ngẩn ngơ bởi đôi mắt sâu thẳm của nàng cuốn hút. Ngày nào anh cũng tìm cơ qua tiệm may để được gặp và trò chuyện với nàng. Trong lòng nàng, một tình cảm mới lạ xôn xao làm nàng xao xuyến, rồi nàng lo sợ mình phận mồ côi không xứng với anh. Nàng cũng như anh, nỗi nhớ cứ lao xao, chờ đợi, mong được gặp mặt nhau để thỏa lòng mong nhớ.

Một hôm, anh mua xấp vải mang đến nhờ nàng may cho anh chiếc áo. Anh nghĩ, sẽ như có nàng bên cạnh khi mặc chiếc áo nàng may. Bước vào nhà, anh ngẩn ngại:

- Nhờ Huyền may giùm anh chiếc áo, được không em?

Nàng cười:

- Huyền may anh đừng chê xấu à ghen! Em quê mùa, gốc rơm, gốc rạ, sợ may không hợp với người thị thành thì sao?

Anh cười:

- Anh cũng dân quê chứ có hơn gì ai, em may chắc chắn anh rất thích.

- Huyền không dám đâu! Người quê như em sao sánh với dân thị thành?.

Anh cầm tay nàng, mạnh dạn:

- Ước gì Huyền vá giùm cuộc đời anh.

Huyền rút tay về, giọng khê khàng:

- Cuộc đời anh làm sao mà phải vá? Anh cứ đùa!

- Gặp em, tự nhiên trái tim anh đập mạnh, đau chứ sao!

Nàng e thẹn cúi đầu nói nhỏ, như thì thầm với chính mình:

- Biết anh có nhớ em mãi không hay ít bữa vào thành phố rồi quên mất cô gái quê này?

- Anh sẽ nhớ mãi cô thợ may xinh xắn này, mãi mãi...

Từ đó, anh siêng về thăm quê hơn. Nỗi nhớ nàng ngày càng thấm thiết, nàng như mùa xuân mang yêu thương đến cuộc đời anh. Anh mong đến ngày ra trường và xin phép mẹ để cưới nàng làm vợ. Những cánh thư yêu thương anh gởi về, nàng trân quý cất giữ như báu vật, lòng rộn ràng mơ ước một ngày được sánh duyên cùng anh.

Ra trường anh về làm việc bên thị xã, thuê một phòng trọ chuẩn bị tháng sau tổ chức cưới xong sẽ đưa nàng về cùng. Thuở ấy ở quê anh, trai gái trong làng tối tối kéo nhau lên xóm Mới ngủ nhờ nhà bà con, sáng trở về, không ai dám ngủ ở nhà.

Chiều thứ bảy nào anh cũng về thăm nhà. Buổi tối, anh lên nhà cô Ba ở xóm Mới ngủ như bao thanh niên nam nữ trong làng, sáng mới về nhà. Hôm ấy, trời chưa hừng sáng, bà Bốn đang nấu ấm nước bỗng nghe tiếng nổ lớn, liền nói:

- Chết cha! Đứa nào về sớm mang mìn nổ rồi không biết?

Một lát nghe tiếng xôn xao từ ngoài dốc Dòi, Hưng bạn của Hùng chạy vào sân la lớn:

- Anh Lân về sớm vương mìn chết rồi chị Huyền ơi!

Cả nhà bùng dậy. Huyền lao nhanh ra dốc Dòi, mọi người chạy theo. Lân nằm bất động trên vũng còn đỏ tươi, hai chân dập nát. Nàng bàng hoàng nhìn anh sừng sốt, bỗng hét lên một tiếng rồi ngã xuống đường bất tỉnh. Mọi người vội đưa nàng vào nhà, xoa bóp, cấp cứu. Một lát, nàng tỉnh dậy, ngơ ngác như người mất hồn. Cái chết của Lân đã làm nàng như bị tâm thần khi tỉnh khi say.

Càng ngày bệnh nàng càng nặng, thường đội nón đi trong vô thức, miệng lầm nhảm không ai nghe rõ nàng nói gì; đôi khi phá lên cười thật to như một con người khác, không phải là nàng. Đôi mắt ngây dại nhìn vào phía trước như nhìn vào khoảng không vô thần. Bà Bốn chạy đôn, chạy đáo, rước thầy về chữa cho cháu nhưng vô hiệu. Huyền đi lang thang dù xa hay gần chiều cũng biết đường về nhà, lâu rồi nặng hơn không về nữa, bà Bốn phải đi kiếm. Một sáng mùa đông, Huyền ra đi từ sớm và không bao giờ trở về nữa dù bà Bốn tìm kiếm khắp nơi cũng không thấy bóng nàng đâu cả. Mọi người trong làng chép miệng “tội nghiệp” khi nhìn thấy bà và hai đứa cháu còn lại.

Phấn học lớp ba, Hùng lớp nhất trường Cơ Bản. Hai anh em học rất chăm chỉ không bỏ buổi học nào dù trời mưa hay nắng, nó biết bà cực khổ lo cho hai anh em, nên cố gắng học. Sáng nào cũng được bà khai hộp cá cho hai đứa ăn với bánh trắng rồi đi học. Trưa được ly nước chanh hoặc nước đá hột é, coi quán cho bà đi ngủ, tha hồ tám chuyện, nói nhau nghe đủ thứ chuyện đã nhìn thấy.

Phấn khuấy ly nước đá hột é hóp một miếng, rồi nói nhỏ vào tai Hùng như sợ ai nghe thấy:

- Hồi sáng ông có thấy người chết nằm trước cửa chùa ở ngã tư không? Eo ơi! Thấy mà ghê!

- Nằm ngay chỗ đi qua, có dui cũng thấy, huống chi anh mày mắt sáng quắt.

- Ở đâu ra mà nằm vậy ông? Lạ thiệt!

Hùng ra về trầm tư suy nghĩ:

- Thì cũng ở đâu đó... - bỗng nó rùng mình, eo ơi!

Lạnh cả xương sống!

- Tui thắc mắc ghê! Người chết như ... (giọng ngập ngừng) con gà, con vịt, thấy bắt sợ!

- Mày đừng kể cho nội biết bà la đó, đi học thấy gì hay nấy đó nghe. Đừng có đứng nhìn, nhào vô xem về âm ảnh ngủ không được đó.

- Tui biết rồi. Thôi, không suy nghĩ chi, mệt!. Ông cho thêm muỗng hột é vào ly uống cho đã coi.

- Trời ạ! Để bà bán, mày uống cho cố vào hết cả vốn của bà đó con!

Phấn cười khi lấy lòng Hùng:

- Gì mà ông nói hết vốn! Cho thêm chút nữa đi, bà ngủ rồi không sao đâu. Hột é ngon quá, nhai cứ lạo xạo thấy vui.

- Đưa đây bà cô! Cho chút xíu nữa nè!

Cuộc sống êm đềm trôi theo ngày tháng, đôi lúc hai đứa chạnh lòng nhớ đến chị Huyền nhưng rồi chỉ nhớ thương không biết phải làm gì. Ba má mất sớm hai đứa không nhớ gì nhiều những kỷ niệm về ba má, nhưng nỗi buồn lớn dần khi nhìn thấy bạn bè có một gia đình đầy đủ cha mẹ, anh chị em; còn mình thì chỉ có nội, dù nội có lo cho nó thật đầy đủ, nó vẫn như thấy thiếu. Nhiều lúc nhìn chúng bạn nó thấy tủi thân, xót xa trong lòng.

Một buổi tối nọ, bà đưa hai anh em Hùng và Phấn lại nhà ông ba Chung, mọi người xóm trong đi ngủ tập trung ở đó khoảng gần hai mươi người, toàn trẻ em và người già, bao nhiêu trai thanh niên nam nữ đi lên xóm Mới ngủ hết; để xem tốp lính Đại Hàn ca hát. Một người lính Đại Hàn thấy Phấn dễ thương, liền ẩm đặt

ngồi trên đùi, miệng nói một tràng dài không ai hiểu gì. Bà Dư cười nói:

- Nó nhớ con nó đấy, cứ ngắm con nhỏ không chớp mắt.

Mọi người cười theo người lính. Ông Bảy Tạo cảm thấy không an tâm:

- Nó nói gì vậy trời? Hay nó muốn bắt con Phấn về nuôi.

Bà Bốn nghe ông Bảy nói thế hoảng hốt:

- Nó bắt làm gì ông? Ai nuôi cho nó? Nhưng mà sao nó cứ ôm con nhỏ không thả vậy bà con? Sao tự nhiên tui sợ dữ he.

- Thì nó nhớ con nó chứ sao, một lát nó thả chứ giữ làm gì. Dù sao nó cũng là người, có thương có nhớ, nên khi thấy trẻ nhỏ nhớ con mình vậy thôi.

Bà Bốn cười nhưng trong lòng bắt đầu lo:

- Lạy trời như lời bà nói, một lát nó thả con nhỏ, chứ lỡ nó bắt thì chết tui.

Người lính Đại Hàn thích thú nhìn Phấn cười tit mắt, nói một tràng như đang nói chuyện với con mình, làm mọi người càng lo lắng. Trời tối dần, người lính vẫn không chịu thả Phấn, khiến ai cũng cảm thấy bất an. Bà Dư nói:

- Bà Bốn này! Có cơ hội là dắt nó chạy trốn đi nhé! Tui thấy sợ rồi đấy!

- Ủ! Chắc vậy!

Bà Bốn chờ hoài mà chẳng có cơ hội nào để dắt cháu chạy. Trời càng về khuya, lòng bà rối bời, thấp thòm; bỗng bà mạnh dạn bước tới trước mặt người lính Đại Hàn vừa nói vừa khóc, vừa chỉ tay ra dấu, rằng: "*Bà còn phải đưa cháu về ngủ, để sớm mai còn đi học nữa*". Người lính Đại Hàn như hiểu ra, thấu được nỗi lo lắng của bà, liền nói một tràng dài, đưa tay vuốt mái tóc Phấn và thả ra. Bà Bốn mừng rỡ vội dắt cháu chạy đi, sợ người lính kia đổi ý. Ai cũng thở phào nhẹ nhõm.

Hùng vừa chạy bên bà, vừa nói:

- Sao mấy chị em con gặp toàn chuyện buồn không vậy nội?.

Bà Bốn an ủi:

- Còn bà đây chi, tụi con có phước lắm mới được làm cháu bà đây! Các con đừng lo, trời không nỡ phụ người có tâm đầu con.

-Thương bà quá đi!

Bà Bốn đưa cháu qua ngủ nhờ nhà ông Bảy Tạo, sợ lỡ người lính Đại Hàn đổi ý tìm kiếm thì khổ. Bà ôm cháu vỗ về:

- Thôi ráng mà ngủ một lát đi, mai bà cháu mình đi sớm lên xóm Mới ở tạm mấy ngày rồi mới về.

Hùng và Phấn nghe lời bà, cố chợp mắt. Bà Bốn nhìn các cháu co ro nằm ngủ, nghe tình thương chan chứa trong lòng, nguyện cầu cho các cháu được an bình, cháu bà đã khổ quá rồi.

Sáng sớm hôm sau, bà bốn Quẹo dắt hai cháu lên xóm Mới ở nhà người bà con chơi mấy ngày rồi mới về.

Quán nước bên đường của bà Bốn lại mở cửa. Ông hai Thanh dựng ba phòng vách ván trong khu lò gạch, cho ba cô gái phần son lòe loẹt, móng tay móng chân đỏ chót thuê, khiến anh em Hùng thất mắc:

- Mấy cô đó làm gì ở đây vậy nội? Trét thứ gì trên mặt thấy mà ghê! Móng tay móng chân dài thiệt dài nữa chứ.

Bà Bốn la:

- Làm gì hỏi chi, mầy nhỏ biết gì mà hỏi? Thấy sao hay vậy, nghe chưa? Kệ người ta!.

Hằng ngày xe Jeep, xe GMC thường dừng lại, lính vào lò gạch một lát rồi ra. Hai anh em Hùng càng thất mắc, theo hỏi bị bà la vắn câu cũ "*Nhỏ biết gì hỏi, kệ người ta*". Hai đứa sợ bà nên cũng không dám hỏi nữa. Các cô gái thấy anh em Hùng dễ thương thường mua cho bánh kẹo, có khi chai nước ngọt.

Bà bà cháu sống tạm bợ bên lò gạch ông hai Thanh, không biết sẽ ra sao với những ngày tháng sắp tới; nhưng rồi bà nghĩ, thôi cứ ra sao thì ra, người ta sao mình vậy, không lo nghĩ nhiều đau bệnh thì khỏ. Những đêm nghe tiếng chó sủa âm ỉ ở xóm Gò vọng lại, hai anh em sợ hãi nép bên bà run rẩy. Bà cười dỗ dành cháu: *"Sợ gì con, một lát mấy ông đi là hết thôi"*. Đêm nghe tiếng súng hoặc máy bay, bà ẵm hai đứa xuống hầm chờ máy bay đi khỏi, tiếng súng yên ắng lại ẵm cháu ra. Hai đứa cháu quen dần, ngủ say, không còn lo lắng nghĩ ngợi chi nữa.

Hùng và Phần đã lên Trung học, không ai biết tin gì của Huyền. Có người cho rằng Huyền đã chết, có người nói nàng đã lấy chồng. Dù vậy bà bốn Quẹo vẫn thân nhiên cùng hai đứa cháu còn lại, bà cho rằng *"Trời cho gì nhận nấy, có số cà, giấy dép cũng có số hưởng chi con người"*. Cho nên Huyền thế nào là số của nàng bà không làm sao phụ gánh được.

Sau mùa xuân năm 1975, một buổi sáng Huyền trở về với cái bụng bầu gần tám tháng. Nàng thất thểu vào nhà, quỳ bên bà rồi khóc:

- Bà ơi! Tha lỗi cho cháu!

Bà Bốn khóc theo nàng, một lát rồi đỡ nàng dậy. Bà hỏi giọng chậm rãi:

- Con kể cho bà nghe sự tình thế nào?

Huyền quệt nước mắt, thút thít:

- Con không biết gì hết, khi con hơi tỉnh ra thì cái thai trong con đã được ba tháng rồi. Con không dám về nhà, sợ bà xấu hổ vì có đứa cháu như con. Bà con thấy con tội nghiệp người cho gạo người cho thức ăn, có khi nấu sẵn rồi mang cho con. Con sống trong lò gạch bỏ hoang từ lúc nào con cũng chẳng rõ. Hôm nay, gần

ngày sinh, con liều trở về xin bà tha thứ. Con không muốn thế, nhưng số phận đã bắt con như vậy nên con phải chịu. Xin bà giúp con!

Bà Bốn ôm choàng lấy đứa cháu gái khóc tức tưởi, lưng bà lại càng còng xuống cưu mang cháu rồi chặt dù không ruột rá máu mù, nhưng bà thương yêu, che chở hết lòng. Bà Bốn lại là “người mẹ” lần nữa với “chất” sắp chào đời.

Sau khi Huyền sinh no ngày âm tháng, bà Bốn đưa các cháu trở về quê, dựng lại căn nhà trên nền nhà cũ đã bị bom làm sập. Căn nhà nhỏ mái tranh vách đất thôi, nhưng ấm cúng vui vẻ. Bà càng thương Huyền hơn, cay đắng không biết người đàn ông nào đã vô tâm làm cháu bà có thai khi bị bệnh không biết gì như thế? Bà thấy cuộc đời này sao có nhiều kẻ vô tình, không lương tâm như vậy, người tâm thần mà cũng hại? Bà nghĩ, có lẽ bản năng làm mẹ đã thôi thúc trong nàng, hay đó là sự linh thiêng nhiệm mầu đã làm nàng lành bệnh? Ôi, cũng là một sự sắp đặt của ông Trời, ai mà biết được sẽ ra sao trong cuộc đời này?

Nàng vốn ít nói lại càng ít nói hơn, chăm chút con mọn mặc ai nói gì. Cuộc sống khó khăn, vất vả lắm mới đủ trang trải. Ngoài may vá, nàng phải đan áo len cho những người trong xóm kiếm tiền và làm mấy sào ruộng nên cuộc sống mấy bà cháu có phần ổn định hơn những người trong xóm. Có mấy chàng trong làng thương nàng nhờ người mai mối, nhưng nàng từ chối, muốn ở vậy nuôi con. Tình yêu đối với nàng như đã bay mất rồi, có lẽ nàng đã dành cho Lâm một tình yêu quá lớn để ôm trong tim mỗi chân tình của người đã khuất khó mờ lòng ra với ai.

Đứa con trai của Huyền lớn lên, bi bô ngọng nghịu là niềm vui cho cả nhà. Bà bốn Queo mím cười, miệng nhai trầu - nhìn thẳng bé:

- Thằng nhỏ dễ thương quá! Mồ cha nó! Đứa nào vô tâm bỏ con vậy không biết, nhưng có nó vui cửa vui

nhà không sao, ai nói gì kệ!.

Những lúc như thế Huyền buồn bã lặng thinh, nhìn con trai với ánh mắt đầy yêu thương - nàng nghĩ, đây là đứa con mà ông Trời đã cho nàng, đã giúp nàng trở về với cuộc sống bình thường như trước. Nàng xem đứa con này là của Lân, là lẽ sống để nàng tiếp bước.

- Con anh Lân đó bà, thấy giống anh không, lúc nào con cũng thấy anh ấy qua thẳng bé.

- Trời ạ! Con còn quá trẻ, có người nào thương thì ung đừng sống buồn như thế.

- Thôi bà ơi! Có đứa con nuôi được rồi, con không muốn gì hơn.

Bà bốn chếp miệng "tội nghiệp" nhìn hai mẹ con Huyền. Cuộc đời luôn sóng gió nhưng rồi tất cả cũng qua đi, bà xem đó như là sự thử thách, khuyên cháu vượt qua để sống và nuôi con trưởng thành.

Huyền càng mặn mà, xinh đẹp hơn trước, gương mặt trông phúc hậu toát ra từ bên trong làm nhiều người yêu mến. Nàng giống bà, luôn giúp đỡ người neo đơn, khó khăn dù mình chẳng dư dả gì, sẵn sàng chia sẻ cùng mọi người dù đời nàng luôn gặp những trắc trở khổ đau.

Bà Bốn ngày càng già, bệnh đau liên miên, nàng chăm bà rất chu đáo, yêu kính hết mực. Hôm cháu bà dưới quê lên thăm, thấy bà bệnh liền thưa:

- Cô ơi! Cháu đưa cô về quê chăm sóc cho cô tuổi già, cô nhé!. Mai một cô có theo ông bà con lo cho cô yên mồ yên mả. Cô không có con thì có cháu, ruột rà vẫn hơn, sợ mai một thất lạc.

Bà cầm lấy tay người cháu trai con anh Hai của bà, nói rõ ràng:

- Đây là nhà của cô, mấy đứa này là cháu của cô. Tuy cô không có mụn con nào nhưng cô coi chúng là ruột thịt không nỡ rời xa. Con thông cảm cho cô, cô không thể!.

- Nhưng cô ơi! Tội nó lớn hết rồi, tự lo cho bản thân

được. Cô lo dưỡng tuổi già mai một có theo ông bà cũng ở nhà mình là tốt hơn.

Huyền quì xuống bên bà rồi khóc:

- Bà ơi! Lúc nào chúng con cũng xem bà là bà nội của chúng con. Bà ở với chúng con để chị em con có cơ hội trả hiếu cho bà - Quay sang người cháu của bà, chú ơi! Để bà ở đây tụi cháu sẽ lo cho bà đầy đủ. Chú đừng lo, cháu coi bà là bà nội ruột của mình; bao năm qua bà lo cho tụi con, giờ con không thể để bà ra đi như thế. Chú để bà sống cùng với chị em con, con rất biết ơn chú.

Người cháu bà cảm động trước tình cảm gắn bó của mấy bà cháu, đôi mắt đỏ hoe:

- Cháu nói vậy là chú yên tâm rồi, có khó khăn gì cứ nói chú. Bà có sao thì báo liền nghe chưa!.

- Dạ! Con cảm ơn chú!

Người cháu của bà ra về. Ngày bà càng già, nhưng rất minh mẫn, luôn nhắc nhở chị em nàng mọi việc.

Một sáng Rằm tháng bảy, bà ngủ một giấc không bao giờ trở dậy nữa. Bà đã theo ông bà đúng ngày lễ Vu Lan. Đức Phật từ bi đã đón bà về trong tình yêu thương của Ngài, bên sự tiếc thương của tất cả mọi người và những đứa cháu mồ côi.

TIÊU NGUYỆT

ĐI QUA MÙA GIÓ

*NGUYỄN AN BÌNH



Chờ mãi cũng không thấy nó quay về. Nhủ với lòng thôi không chờ nữa, thao thức làm chi với con người bội bạc đi không nhớ đường về, giống như kẻ qua sông không hẹn ngày trở lại và cái bến cũ chỉ còn biết mốc meo chùng chình trong mưa nắng, giống như một kẻ bạc tình bỏ lại sau lưng những lời hứa hẹn ngọt ngào với người tình mặc cho cho chẵn gối nhạt phai. Thì một ngày nắng mới, bỗngưng nghe tiếng lá se se ngoài bãi, cái nắng nhàn nhạt khác hơn mọi khi và mùi bùn non dậy lên từ cửa sông làm ngầy ngật cái khứu giác rất ưa là mẫn cảm với thời tiết của một cô gái lỡ thì, mặt sông không gợn một chút sóng, trời trong xanh ngần ngắt thì nó lại len lén dầm dúi quay về không một lời báo tin, hẹn hò với người chờ đợi nó đến mòn mỏi xao

xác. Nếu có hỏi thì chắc gì nó trả lời hay nhiều khi chỉ nghiêm sắc mặt, giọng nói hanh hao lạ lẫm: Chờ tôi chi vậy, tôi có hẹn thề gì với mấy người đâu không biết, đời phải biết thông dong tự tại chứ, nản nợ chi mấy lời hẹn hò nhỏ mọn ấy rồi bận lòng cả đời sao, tui đâu có ngu. Trời ạ nếu nó trả lời như thế thì biết tính làm sao thôi đành im lặng mà lòng buồn hiu hắt. Cũng lạ, chờ đợi chi bây giờ nó về lại buồn. Phải chăng cái buồn trở nên thâm căn cố đế khi lòng mình đã đánh mất niềm tin, mà niềm tin xuất phát từ đâu, chỉ là một lời nói thôi mà, tin chi mà tin dữ vậy không biết bây giờ lại buồn, lãng xẹt hôn. Nó xấp xỉ qua sông, lúc thì môn man thì thăm, thông thả trên mấy ngọn bần trái vừa căng tròn xanh miết, lúc thì ào ạt làm mấy bụi cỏ ven sông se sắt lại, cái xanh môn môn của đám rau muống trước nhà co cụm lại giống như chúng đang nghiêng đầu vào nhau tự hỏi: Cái gì làm cho mình cảm thấy lạnh lẽo trống trải cô đơn vậy cả. Đúng rồi, mùa gió, gió chướng đây mà. Cái mùi quen thuộc mà chỉ những ai mẫn cảm, khắc khoải chờ mong mới nhận ra thôi. Nhận ra rồi lại se lòng, khổ chi không biết.

Mùa gió làm cho vạt cải vàng bên sông hoa trở một màu vàng đẹp rực rỡ. Cả một cánh đồng hoa vàng típ tấp chạy dài trên những mảnh đất ven sông màu mỡ phù sa đẹp đến nao lòng, cái mùa ong bướm không biết từ đâu lũ là lũ lượt kéo nhau về hàng đàn hàng đống, môn man ve vuốt bôn cọt trên từng nụ hoa cải non vàng óng ả vừa mới trở đề hút lấy hút để cái mật ngọt say đắm cho thỏa lòng thỏa dạ, cái mùa mà mấy cái đám cưới chạy tết rước dâu qua sông không chờ đợi hoa cải trở ngồng, cũng có thể là cái mùa làm bao cô thiếu nữ háo hức nghĩ về một chàng trai sẽ đến với mình như một chàng bạch mã hoàng tử trong cổ tích, đánh thức nàng công chúa ngủ say trong rừng nhưng đời có mấy ai nắm bắt được ước mơ của mình một cách trọn vẹn kia chứ hay mãi hoài cũng chỉ là giấc mơ

thâm kín e ấp rồi cũng như đám hoa cải ven sông một ngày nào đó cũng tàn úa mà thôi.

Cái mùa có một người đi xa, chỉ để lại cái nhìn đắm đuối làm chết lòng người ở lại, cái mùa có một bàn tay vẫy vẫy của ai đó khi xuống thuyền dò chiều cuối ngày trôi lên thành phố rồi mãi mãi không còn thấy bóng thấy hình bất người khác phải tổn thương không biết lấy thuốc thang gì chữa cho khỏi. Mẹ bảo con gái có thì, mình biết vậy, nhưng đâu phải muốn là được đâu chứ. Người lớn thì mong mỏi, lo lắng cho cái hoa trong vườn nhà, cái trái trên cây, hay hủ mắm treo đầu giường gì đó không khéo chín nẫu chín rụng mà bàn thân đương sự lại cảm thấy dửng dưng vô cảm. Có kỳ lạ không kia chứ?

Hà lại nhớ mới hôm qua thôi nhỏ Linh viết thư về than thở: Tao nhớ lắm quá, nhớ cái gió lừng lững về quét qua sông, qua xóm lá nhà mình làm mùi bùn non ngốc lên dậy trời dậy đất. Nhớ mấy trái bần ổi chín rụng lộp bộp xuống sông trôi lấp la lấp lừng trên nhánh sông quê không biết tấp vào đâu để thành đám bần mới. Nhớ chao chát vị chua chua nồng nàn của nó chấm với muối ớt mà thêm chảy nước miếng quá lắm ời. Con nhỏ thiệt ngộ, thời đại nào rồi mà còn viết thư với từ, bây giờ với cái máy thông minh gì đó chỉ cần bấm bấm vài cái, lấy tay quẹt quẹt là tha hồ nói, tha hồ tâm sự từ chuyện trên trời vũ trụ bao la cái phi thuyền thám hiểm sao hỏa trên đường trở về trái đất nổ tung trong bầu khí quyển, rồi chuyện ông Trum ông Trúm nào đó bên Mỹ tuyên bố tấn công I-răng I-rắc, đến chiến tranh thương mại với ông Trung Quốc nhà sát bên cạnh mình đến nước biển dâng làm tràn ngập đồng bằng miền Tây dăm ba chục năm nữa hay hơn thế, rồi tới chuyện thăng chổng hủ hèm của nó, say xin chun vô mừng mùi men nồng nực, kèo cưa đòi làm chuyện này chuyện nọ. Làm nó bức mình thượng căng chân hạ căng tay đập cho thăng chả bay thẳng xuống sàn ngu

mà miệng còn lăm nhảm đòi yêu. Thêm lũ con lóc cóc đòi có áo mới cặp đẹp cho ngày tựu trường. Nói chung tất tần tật với cái cục sắt thông minh nó muốn nói gì thì nói, muốn kể gì thì kể tha hồ, nghiêm chỉnh cũng được, bông phèng cũng được lời nói đến tai mình nhanh như tia điện chớp, bày đặt viết thư viết từ làm chi thấy mắc mệt quá trời quá đất. Mà nói nào ngay đọc thư của nó coi vậy cũng làm mình rung rung chớ bộ, cũng làm mình khôn khổ thương cảm không ít. Ai biểu ham vui sớm ăn cơm trước kẻo làm chi không biết. Chưa học hết phổ thông đã dùng dùng đòi lấy chồng. Mà không lấy sớm nào có được đâu, cái bụng nó sắp bành trướng khỏi cái áo dài trắng tinh tươm thẳng thớm rồi còn gì. Lại dè sòn sòn năm một, một thằng cu và một cái him. Giờ mặc sức mà lo, than thở cái gì không biết.

Mùa gió còn làm Hà nhớ thằng Tùng con ông Năm Nghĩa bạn học thời cấp 3 cùng xóm, hôm đám giỗ ông nội nó gặp lại nhau ở bên đò qua sông, mừng quá rít lấy vai nó kêu lên: Ôi cha sao lúc này ông phát tướng quá vậy không biết. Tùng cười rồn rảng: Người ta nói: Sang nhờ bạn, mập nhờ vợ mà, không phát tướng mới là lạ. Hà đã chinh trang lại hấn: Ông sạo vừa thôi, người ta nói: Giàu đôi bạn sang đôi vợ, mà ông có dám đòi không? Nó cũng cắc cớ: Đòi ai? Hà ngang phè: đòi tui nè được hôn? Hấn phá lên cười: Phải hồi đó bà chịu tui rước bà về dinh rồi. Hà đâm bực bội: Sao ngày xưa ông không bỏ lá thư tình thương mến thương vào học bàn của tui cho tui nhờ. Tùng hít hà: Tui mà lọt vô cửa đó là bà rêu rao từ đầu ngõ tới cuối đường, từ đầu hành lang này đến đầu hành lang khác của trường, cái đầu của tui đội chuối khô bỏ xừ đi mất rồi còn đâu. Thì ông đừng để tên ai biết. Tùng cũng không vừa: Không để tên rùi bà thương thiệt thì biết đâu mà tìm. Ủ hén. Nghĩ Tùng nói thế cũng đúng. Cũng phải hồi đó Hà là chúa quý sứ, là ma nghịch ngợm. quấy phá trêu đùa chọc ghẹo trái tim đến độ rí máu của những thằng bạn đi

theo sau Hà để hít hà cái hương bồ kết từ mái tóc dài của Hà xuôi theo chiều gió biết đâu tự nhiên Hà thương bắt từ thì sao. Rồi nó bẻ ngang: Còn bà tới bây giờ sao không để ai rước đi cho rồi, mùa gió về buồn hiu buồn hắt làm sao chịu nổi.

Từng lại nhắc đến mùa gió, tiếng gió lại dội về như tiếng sóng vỗ vào lồng ngực tôi âm âm một cảm giác hờn dỗi, mơ hồ. Gió rạo rức một nỗi niềm không sao tả xiết. Đêm nằm trong nhà mà tưởng như đang nằm dưới bóng trăng giữa một đất trời cao rộng nghe tiếng gió rào rạt chạy dài theo từng vạt cỏ tranh, giồng cát lạnh lẽo, cố hít hà mùi hương của bụi cúc đại loáng thoáng đâu đó, tiếng con cúm nùm u hoài, dòng sông phía trước mơ hồ như tan chảy, cái ánh sáng nhạt nhòa của những vì sao trên trời kia tự nhiên chợt biến đâu mất. Trong mọi cái ngồn ngộn bề bộn đó tôi nghe hình như có tiếng chân ai rón rén đến gần và tôi bật khóc một cách hã hê như chưa từng được khóc bao giờ.

Rồi mùa gió cũng sẽ đi qua, để lại một người hắt hiu cô độc ngóng chờ và chờ biết đến bao giờ gió ơi.

NGUYỄN AN BÌNH

Ôi khi đột

truyện TRẦN THỊ TRÚC HẠ

Tôi ghét hẳn như nhà nông ghét cò.
Bởi vì lúc nào hẳn cũng cà khịa, sửa lưng tôi.
Tôi nói trái thì hẳn nói phải, tôi nói đông thì hẳn nói
Tây, tôi nói nam thì hẳn nói Bắc...
Hình như không cãi lại tôi thì hẳn ăn không ngon ngủ
không yên.
Chúa ơi!
Kiếp trước con có nợ nần gì hẳn không ?
Vậy mà có người nói với tôi rằng hẳn thương tôi mà
không dám nói nên nhờ nói lại dùm.
Haizaaaa... Tôi có cơ để trấn áp hẳn rồi.
Phen này thì chết nghe con.

Nè, ông kia !
Gì ?
Ông nói gì với người ta nhờ nhắn gởi lại cho tôi?
Nói gì là nói gì ? Mà ai nói ?
Thì bạn của ông nói là ông nhờ nhắn gởi. Ông có đủ
dũng cảm thì nói trực tiếp với tôi, không thì nín nha,
không có nhắn gởi lung tung .
Mà nói gì mới được chứ ?
Thì... Ông nói ông thương tôi.
Ha... Ha...ha...
Ông cười gì mà cười lăm thế, qua núi Sơn Trà mà cười
với mấy con khi đột.
Hắn vẫn gập người ôm bụng, đỏ mặt đỏ tai vì cười.
Quý nương ơi là quý nương! sao mà nàng dễ tin người
đến vậy ? Tôi hết người thương rồi hay sao mà lại đi

thương nàng.

Tức như bò đá !

Nhưng tôi cũng cố lờm hẩn một nhát.

Tôi cấm ông từ rày không được đem tôi ra để làm trò đùa. Một lần nữa ông biết tay tôi.

Đa tạ quý nương ! Tôi hứa từ rày về sau tôi sẽ né quý nương!

Mùa thu thời tiết thất thường, trời đang cao xanh vơi vơi bỗng dưng thấp lè tè một màu mây xám xịt.

Tôi đau!

Vừa sụt sịt cảm sốt do thời tiết, vừa uất ức vì thua hẩn một ván đậm.

Tường đầu nắm chắc phần thắng trong tay, hẩn sẽ cúi đầu nhận tội, ai dè ...

Tôi nằm ở nhà không đến lớp.

Hẩn là lớp trưởng và là một tên phát xít chính thống.

Kệ hẩn. cóc sợ!

Cô bạn thân ôm cặp bước vào:

Dau ốm gì không đi học nhỏ?

Cảm sốt .

Cảm gì, cảm mạo thương chàng hờ?

Thương con khi đột .

Hi... hi... Con khi đột hỏi thăm nhỏ đó?

Hỏi gì?

Hỏi đau ốm ra sao? Có cần hẩn tới chăm sóc hông?

A! Nghĩ ra rồi, phen này sẽ không thua nữa nghe con.

Xuống giọng ngọt ngào với nhỏ bạn:

Nhỏ nè, ta nhờ nhỏ một chút nha!

Nhờ gì?

Bạn bè ta nói thật, ta ốm tương tự con khi đột đó. Nhỏ giúp ta đưa cho con khi đột một bức tâm thư. Nhỏ thương ta, giúp ta thì mới hết bệnh mà đi học, nếu không ta buồn, héo hắt mà chết mất.. .

Thật không đó? Ta nghĩ lắm, nhỏ với hần như chó với mèo, làm sao mà nhỏ "si" hần đến vậy?

Không biết. Chắc kiếp trước ta mượn tiền hần rồi xù không trả nên kiếp này hần theo ám ta.

Thôi được, ta nhận lời, thư đâu đưa đây?

Chờ ta năm phút nha!

Thư tình gì mà mòng tang vậ trời?

Ý ít tình nhiều mà! Nhỏ phải nói với con khi đột thật lâm li bi đát nha, nói ta ốm nặng lắm, chắc không qua khỏi.

Vẫn còn choáng váng trong sốt nhưng cũng cố lết tới trường xem vở bi hài kịch hạ màn như thế nào. Giờ ra chơi, tôi núp ở góc nhà xe chờ hần đi ra. Hần thường trốn ra đây hút thuốc mà.

A!... Hần kia rồi.

Có vẻ vội vã và căng thẳng. Nhỏ bạn chắc chán hát bài ca con cá hay.

Đúng y chang như dự đoán của đạo diễn.

Hần cẩn thận xé phong bì thư.

Tờ giấy pơ luya xanh rơi ra mòng như chiếc lá.

Lật qua

Lật lại

Lật qua

Lật lại ...

Mặt hần đỏ như mặt trời

Ha... ha... ha...

Bức thư tình hay nhất thế giới phải không ông?

Hần giận tím mặt:

Rảnh dữ ha ? Quý nương bệnh mà chết thì chỉ có xuống địa ngục thôi, không lên thiên đường nổi đâu.

Ôi, thiên đường dành cho ông đó, tôi ở trên đó xuống đây, buồn hiu hà.

Mùa đông trở về thật u ám, hắt hiu như khuôn mặt của hần.

Hắn chẳng cười, chẳng trò chuyện cùng ai, chỉ nghe giọng hắn đồng dặc ra lệnh những thông tin thông báo của trường, của khoa.

Tôi vẫn ngồi bên cửa sổ của hội trường lơ đãng nghe lời giảng của thầy và thỉnh thoảng len lén nhìn hắn.

Hắn chăm chú ghi chép, sinh viên gương mẫu mà.

Thầy cô tin tưởng hắn, bạn bè quý mến hắn... Nghe loáng thoáng hình như hắn được giữ lại để làm giảng viên. Năm cuối rồi, ai cũng lo lắng cho con đường phía trước.

Các bạn nghe thông báo của khoa. Tuần sau lớp chúng ta sẽ thi phần văn học Nga, sau đó các bạn được nghỉ ba ngày để về nhà chuẩn bị cho đợt lao động một tháng ở nông trường dứa.

Ôi mẹ ơi, nông trường dứa trong mùa đông này! Chắc con chết mất!

Mưa gió, rét buốt của nông trường trên đỉnh núi heo hút đó và những vết cắt của gai dứa từ năm ngoái đến năm nay vẫn chưa lành sẹo.

Tôi ghét hắn, ghét những hung tin từ miệng hắn.

Nhưng biết làm gì ?!...

Hắn cuộc đất giỏi như nông dân, những luống đất hắn đánh vòng đẹp, thẳng tắp không méo mó xiên xẹo như những chàng công tử thành phố. Tôi theo sau hắn, áo mưa bê bết bùn nước, lấm lụi cúi mặt trồng những cây dứa cho đúng khoảng cách cự ly. Lạnh, đói, mệt... Phải chi người ta đừng ăn dứa ! Đã thế thỉnh thoảng hắn còn quay lại nạt nộ:

Nhanh lên, làm gì mà như rùa bò, chưa đúng cự ly kia, nhổ lên trồng lại đi.

Mệt lắm, ông giỏi thì trồng đi!

Nước mắt hoà trong nước mưa thật thâm hại. Hắn dụ giọng:

Thôi nghỉ đi, để đó trồng cho.

Vậy thì nghỉ, hắn vừa cuộc đất vừa trồng, sao hắn làm

gì cũng giỏi hơn người khác vậy hờ trời? Thấy hấn tội tội làm sao!

Mùa xuân sương trắng mênh mang giăng mắc trong khu vườn trường, những cơn gió heo may se sắt đi qua mơn man những mầm non nhú lên từ cành bàng trơ trụi. Khu nội trú xôn xao, náo nức lạ thường.

Tiếng đàn tiếng trống vang vang một góc hội trường, ban văn nghệ đang tập tành múa hát chuẩn hội diễn mùa xuân.

Hấn cùng tôi và hai tướng viết chữ đẹp phụ trách một báo tập. Hấn chịu trách nhiệm vẽ trang trí bìa, ghi nhan đề, hai ông tướng kia viết bài, còn tôi chịu trách nhiệm đọc, chọn, chỉnh sửa và viết lời ngỏ...

Những bài viết của sinh viên khoa văn thì ôi thôi quá đa dạng, thật sự tôi không dám thò tay vào sửa bài của các "tướng", đụng vào ồ kiến lửa sợ lắm. Tôi đọc bài của hấn... Hấn viết về ngôi nhà nhỏ dựa lưng vào vách núi, ở đó có một người mẹ ốm nặng không đi lại được, một người bố nhọc nhằn cày bừa trên mảnh đất đầy đá sỏi, đưa em trai vừa học vừa thay anh chăm sóc mẹ...

Hấn đã ra đi từ đó, từ những chiều tắt nắng đứng sau nương rẫy chống cuộc chờ đoàn tàu đi qua, mơ ước một lần trèo lên con tàu để đi về thành phố, được ngồi vào giảng đường đại học... Rồi khi đạt được điều mơ ước hấn lại trần trở thương ba vất vả gánh gồng, thương mẹ bệnh tật đau ốm, thương em thiệt thòi ở quê nhà...

Tôi lặng lẽ bước ra ghé đá ngồi bó gối, nước mắt ứa ra. Tự nhiên ra đây ngồi khóc, ai đánh mà khóc?

Không ai đánh hết

Vậy sao khóc?

Không biết. Tại đọc bài ông viết.

Hấn im lặng nhìn về những dãy núi mờ xa...

Ông nhớ nhà lắm hờ?

Hắn chớp mắt nói nhỏ:

Nhớ!

Lâu nay tôi trêu đùa chọc ghẹo ông có ghét tôi hông?

Hỏi lằng xet. Thôi vào làm cho xong tập báo. Đứng là ngớ ngẩn!

Mùa hè nóng rất với màu đỏ chói chang đến nhức mắt của phượng vĩ và tiếng râm ran muôn diếc tai diếc óc của lũ ve sầu.

Tôi ở ngoại trú phải chạy đi chạy về đoạn đường từ nhà đến trường nên da nâu đen như thời kẹo chocola, vào thư viện tìm tư liệu, tìm thầy hướng dẫn, tất bật với luận văn tốt nghiệp. Hắn bảo:

Quý nương chịu khó vào ở nội trú đi, các bạn ở được thì mình ở được, có gì tôi còn hỗ trợ.

Lần đầu tiên tôi ngoan ngoãn nghe theo lời hắn.

Chúi đầu vào luận văn tôi chẳng để ý đến lời xâm xì của bọn con gái.

Anh như con chó, em như con mèo hai con cắn nhau Xi... Cắn đâu mà cắn... đang hít nhau như nam châm kìa.

Hắn phớt ăng lê. Tôi cũng vậy.

Ngày bảo vệ tốt nghiệp kết quả đẹp như mơ. Thầy chủ nhiệm khoa nhìn tôi và hắn cười:

Cô cậu giỏi lắm!

Văn phòng khoa những ngày này sinh viên ra vào tấp nập. Khuôn mặt ai cũng căng thẳng đầy lo âu, không biết rồi số phận mỗi người sẽ đi đâu về đâu?!

Tôi thản nhiên. Về đâu cũng được! Miễn ra trường đi dạy là vui rồi. Hắn nhìn tôi tùm tùm cười khó hiểu.

Ngày công bố quyết định bổ nhiệm đùa cười, đùa khóc.

Mỗi người mỗi ngã.

Kẻ lên núi, người về quê, đứa may mắn về những thị trấn ven ngoại ô thành phố... Hắn về lại quê nhà của hắn. Chỉ có tôi... về trường chuyên thành phố. Tôi ngớ

ngàng không tin vào mắt mình, chạy đi tìm hấn hỏi có phải người ta đưa nhầm quyết định bổ nhiệm. Hấn cốc đầu tôi mắng:

Ngớ ả! Quý nương về trường chuyên là đúng rồi, nhầm cái gì.

Chẳng có liên hoan, chẳng có tiễn đưa, chẳng còn ai có tâm trạng mà vui đùa, cuộc chia tay diễn ra trong lặng lẽ, không có tiếng cười, chỉ có những giọt nước mắt. Tôi đưa hấn ra sân ga, tiếng còi tàu nào ruột. Hấn leo lên con tàu và đuổi tôi như đuổi tà.

Về đi, đứng đây làm gì cho nắng nóng.

Tôi lững thững đi về trong cái nắng chênh chao tháng bảy.

Thời gian như một con người vô cảm thờ ơ đi qua. Tôi trở về trong ngày hội Thành lập trường với nỗi ao ước mong manh được gặp lại hấn.

Bạn bè lớp tôi mỗi đứa mỗi nơi trở về lác đác.

Thầy chủ nhiệm khoa hỏi :

Em có liên lạc với lớp trưởng không?

Dạ, Thưa thầy không !... Ra trường rồi như lạc mất nhau luôn. Công việc, gia đình ... Cứ như cuốn mình đi.

Thầy chép miệng lắc đầu:

Có một điều thầy đã hứa với hấn là sẽ không bao giờ kể lại cho em nghe. Nhưng bây giờ thì tất cả đã được sắp xếp đầu vào đây rồi, thầy không muốn giấu em làm gì.

Chuyện gì nghiêm trọng lắm hờ thầy?

Ngày đó, chỉ có một chi tiêu duy nhất sẽ được về trường chuyên thành phố dành cho thủ khoa. Đó là hấn chứ không phải em. Luận văn tốt nghiệp của em đứng sau hấn, hơn nữa hấn là lớp trưởng năng nổ nhiệt tình, có nhiều đóng góp cho lớp cho khoa. Hội đồng sư phạm khoa đã quyết định chọn hấn. Vậy mà hấn đã gặp riêng thầy để trình bày nguyện vọng muốn về quê

vì lí do gia đình neo đơn, ba mẹ già yếu, em trai chuẩn bị vào đại học nhà không có ai bên cạnh cha mẹ... Và hần đã năn nỉ thầy hãy dành tiêu chuẩn đó cho em. Hần đã thuyết phục thầy bằng cách đưa ra nhiều ưu điểm của em , hần nói một cô giáo như em sẽ đào tạo được nhiều học sinh giỏi ở trường chuyên...

Tôi nghe mắt mình cay xè.

Thầy ơi, từ ngày đó đến bây giờ lớp trưởng có về lại trường không?

Hè năm nào hần cũng về thăm thầy, lần cuối cùng hần buồn lắm khi biết em sắp lập gia đình. Rồi không thấy về nữa.

Trời ơi!

Sao hần cứ nói dùm cho người khác mà chẳng bao giờ đủ can đảm để nói cho chính hần?

Hần muốn biến tôi thành kẻ vô tâm vô tình.

Hần muốn tôi phải nợ hần đời đời kiếp kiếp?!

TRẦN THỊ TRÚC HẠ

Thơ TRẦN DẠ LỮ

CẦM TAY MỘT CHÚT...MÙA XUÂN

Cầm tay một chút rồi thôi
Mà sao bồi rồi một trời vầy em?
Phải vì con mắt em đen
Nhốt anh dưới đáy tình riêng, ngọt ngào?

Cầm tay, một thoáng chiêm bao
Ngỡ anh chóng mặt địa cầu tương tư...
Lúm đồng tiền nhỏ đã như
duyên tiền kiếp ấy, thả bùa mê chẳng?

Trăng thua em bởi chưa rằm
Mà em đã nguyệt vạn lần trong anh
Đêm nằm nỗi nhớ trần trần
Bắt anh nghiêng ngả , khuya bản thân khuya...

Chôn chân “một cỗi đi về”
Cầm tay Bậu để Qua se sẽ buồn?
Dòng đời gió cuốn, mây tuôn
Biết mai còn có ai nung nấu tình?

Trần Dạ Lữ

Đặng Toàn

Giấc mơ cổ tích

Em từ quả thị bước ra
Thuyền ta neo bến bờ xa , trông tránh
Vỏ thị vàng , tóc em xanh
Ta gần tàn úa trên cành trăm năm
Hoài xuân một mảnh trăng rằm
Hoài thu một dáng ai nằm nghiêng vai
Hoài đông màu cánh hoa phai
Hoài trang cổ tích , lên ngai đêm trường
Hoài âm , vọng tiếng vô thường
Hoài ngây ngô , lạc thiên đường ngẩn ngơ
Hoài vô biên một câu thơ
Hoài chiêm bao , giấc bơ vơ đắm tình
Hoài sa , hoài ngọc , hoài trinh
Hoài ... cây đa trước sân đình rêu phong...
...Thị cùng em khép vào trong
Vịn câu kinh đứng ...mà hong nỗi buồn

Richmond 7/4/2018

Nguyễn Lê Uyên

NGUYỆT TẬN

Truyện

1. Người ta nói tôi chết từ lâu lắm rồi, đâu mới khoảng 2, 3 tháng tuổi. Xác tôi đặt trên mo chuối dưới gốc mận. Mười, hai mươi ngày sau tôi vẫn nằm chỗ đó. Mắt vẫn mở nhưng thỉnh thoảng bị cái gì đó che lại, không thấy gì cả, chỉ nghe những tiếng lào xào chung quanh như cánh đập của đàn ruồi khổng lồ. Mười, hai mươi năm sau tôi vẫn cố định ở vị trí ban đầu. Chỉ có sự thay đổi chút ít, đó là cộng rêu và những cây dương xỉ mỏng manh ôm ấp tôi như người mẹ âu yếm con.

Tôi sống và lớn lên bằng tình thương vơi vơi không gì thay thế cùng những cơn mê và những giấc mơ. Chỗ gốc mận già là căn phòng khoảng ba chục mét vuông. Ba bên là những giá sách cao hai tầm với, chất đầy, lèn khít to nhỏ dày mỏng. Những quyển sách đó là những hình nhân sống động vào mỗi buổi tối. Những đêm trắng sáng, tôi thấy nàng Kiều tha thướt bước ra từ bụi dẻ dè ngào ngạt hương thơm, nhưng về mặt thì dờ dẩn buồn đến hiu hắt. Có đêm tôi lại thấy nàng Emily Brontë thơ thẩn trên đồi Wuthering Heights. Thân thể nàng được bao quanh bằng màu vàng của trăng và trắng phai của sương và tuyết mỏng. Nhiều khi nàng khựng lại, người co rúm vì Chí Phèo với chai rượu vơi kếp rách bước loạng choạng bên kia đường, một tay cầm cây mã tấu, tay kia cây búa tạ. Thỉnh thoảng tôi nhìn thấy hai nàng mở nụ cười với gã Zorba, nhưng cả hai không giống nhau, mỗi nụ cười là những bí mật

riêng của hai nàng mà chính người bị nhìn cũng không tài nào hiểu thấu. Và lại hai chàng đâu có nhiều thời gian để nhìn bất cứ ai, biểu cảm bất cứ điều gì ngoài những giọt rượu cay trong cổ họng Zorba và vũ khí ở hai tay Chí Phèo? Nhiều đêm tôi nghe tiếng gươm dao loảng xoảng, những tiếng la hét, những tiếng gào rú kinh hoàng. Những hình nhân bằng rơm vác những tảng đá khổng lồ lao đảo bên thành Vạn lý; xa xa là máu các chiến binh dưới lưỡi gươm oan khốc của Chu Nguyên Chương và cuộc tắm máu của triều đại Chinazi. Chúng diễu qua như hình nhân trong chiếc đèn kéo quân.

Đêm nay tôi không còn thấy hai người phụ nữ điệu dàng ấy mà là một quãng trắng đồng tâm với những vòng đỏ máu và đen. Nó trôi bập bênh như chiếc đĩa bay. Trên đó có người đàn ông không định dạng được là già hay trẻ, bởi ông ta cụt đầu và một cánh tay trái đứt lìa. Duy nhất còn lại trên người là chiếc áo the, quần lụa trắng và đôi giày Nam Định. Mỗi khi gió thổi ở hướng nào thì cánh tay phải ông giơ lên theo hướng đó, thều thào “tao là cha mày mà... tao đẻ ra mày...”. Mỗi lần ông nói câu đó, tôi nhìn thấy máu từ chỗ chỉ còn lại chiếc cổ bầy nhầy phun trào những vòi máu, trộn vào ánh trăng thành một dải xanh lè kéo dài đến tận phía bờ tường đá ong. Nhìn dải xanh mỏng tang và sền sệt kia, thỉnh thoảng tôi nôi da gà và tất cả những cây dương xỉ, rêu đều nhảy dựng chồm chồm.

Những tiếng lão khào run rẩy ấy nhỏ dần cho đến khi, có lẽ là kiệt sức, ông cụt đầu nằm vật ra bất động, chỉ còn một đồng nhão nhoét, tanh tanh. Tôi phân vân tự hỏi có phải nó đang ngập ngừng bên bờ phân hủy, mà dấu hiệu là màu trắng chiếc quần và màu đen áo the liên tục phồng lên, xẹp xuống? Tôi cố ngóc đầu xem cái gì động dậy đến lạ. Những con dòi chằng?

Có ai đó cúi đầu tôi xuống rồi vừa che mắt vừa lật mặt tôi qua hướng khác. Tiếng rì rào khe khẽ tựa như tiếng

gió đập cành tre.

Ông con đó. Ông nội con đó.

Tôi có ông nội sao? Mà người là ai?

Là một trong những bà nội của con.

Tôi cố nhồm lên, nhưng bàn tay nhẹ nhàng giữ vai tôi lại. Bàn tay rất ấm và thơm mùi chanh sả trộn với mùi ngải cứu và húng quế.

Nhưng tại sao ông lại nằm đó, thưa bà?

Ông bị giết, con ơi! Chính xác là ông con bị chặt đầu bằng chiếc rựa cùn.

Chiếc rựa cùn? Con không hiểu. Tại sao chiếc rựa cùn có thể làm được việc ấy?

Ừ, chiếc rựa không chặt mà một lực khủng khiếp tác động lên nó con ạ. Nó là, chiếc rựa ấy bị sai phách điều khiển bởi những ký tự ngoằn ngoèo nằm vắt ngang trên những tờ giấy hoen ố tựa như bầy rắn. Chúng ăn vào tim vào óc tay chân thân thể con người như loại vi khuẩn độc và gây ảo giác nặng cho những con người đó. Chúng nói chúng không chặt, không giết mà chính là những ký tự kia, ăn mạnh lên rựa, câu liêm, dao cùn và súng đạn đâm ngã nạn nhân.

Con không hiểu những điều bà vừa nói. Điều con muốn biết là tại sao ông con phải ra nông nỗi thảm thương đến vậy?

Đơn giản là ông đã khạt nhỏ vào mớ ký tự hồ lớn đó.

Đâu có gì là ghê gớm, hà bà. Con vẫn khạt nhỏ đờm dãi mỗi khi thời tiết thay đổi kia mà?

Chúng ta khạt nhỏ mỗi khi thay đổi tiết trời là quy luật tự nhiên do tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên. Nhưng khạt nhỏ vào ký tự là điều phạm húy. Những ký tự đó đối với họ nằm trong quy phạm không thay đổi, hoán cải. Nó là một khoảng không gian rộng mà vô cùng thiêng liêng không một ai được phép báng bổ, xúc phạm. Và để bảo vệ cho cái thiêng liêng ấy, những con vật đi bằng hai chân và có bộ óc của loài bốn chân xây dựng thêm học thuyết *chinazisme* bằng

trăm triệu sinh mạng ở những nơi nào mà các tờ giấy có các ký tự ngoằn ngoề ấy tấp vào. Ông con là một trong hàng trăm triệu nạn nhân đó.

Tự dưng ông dính vào chuyện không hay ho chút nào. Con quá nhỏ để có thể hiểu nguyên tắc bất di bất dịch của ông là thuận theo đạo đức làm người và quyền tự do của mỗi cá nhân cho nên ông bị liệt vào những kẻ *réactionnaires* và phải bị tiêu diệt.

Con không hiểu tại sao lại tiêu diệt những *réactionnaires* của ông? Bà có thể nói rõ hơn kẻ gây sự?

Kẻ gây sự. Ồ, con đúng là thiên thần bốn thiện diện mục. Phải nói kẻ giết người mới đúng. Kẻ ấy chính là một bộ phận trong cơ thể ông. Chính xác là một giọt máu của ông. Giọt máu kia ngày mỗi lớn có khuôn mặt người và bộ óc của loài bốn chân. Bà không chứng kiến thảm cảnh nhưng kẻ sống sót kể lại, rằng một đêm mưa gió bão bùng, bọn có óc bốn chân chia nhau đi lùng sục khắp các làng nằm dọc hai bờ sông Cái, bắt kỳ hết những người kích bác, bè biau hay chống đối ra mặt những ký tự thiêu thúi bất kể già trẻ gái trai. Gần hai trăm người bị trói thúc kè dẫn lên bìa rừng Ba Lù. Chúng bắt quỳ hàng ngang dài dậm dặc và ra tay bằng rựa, dao. Chúng vung lên. Roạt roạt. Máu phụt cao thành vòi chạm vào tầng mây. Máu ngập tới mắt cá chân...

Kẻ đến đây, bà ôm tôi nức nở. Tôi nghe má mình ướt, môi mằm mẩn như những hôm nằm ngửa hứng sương muối. Một cảm giác ấm áp mà vô cùng lạnh lẽo thấm tận tim gan. Bà hôn hên kẻ tiếp:

Người chỉ huy và ra lệnh giết tất cả là giọt máu của ông, đây nhờ với con cũng bằng giọt máu oan gia.

Cuối cùng thì ông con chết.

Không, bị giết chết.

Thưa bà, còn ba, mẹ con?

Đừng nhắc tới người gọi là ba. Đó không phải là con

người. Bà không muốn nghe bất cứ điều gì về con người đó. Còn mẹ con ư? Mẹ con bay lên trời rồi và để con ở lại với bà.

Ước chi con cùng bay với mẹ lên trời cao thênh thang, bà nhi?

2. Tôi ngủ li bì suốt nhiều ngày không ăn cả không khí và dướm dậy uống sương cho tới lúc tôi nghe có vật gì đó nổ banh ra rất gần đầu đó. Rồi có một bóng đen đè phủ lên người tôi trong tư thế che chở. Những tiếng nổ liên tục dội tới lúc mỗi gần rồi đột ngột dừng hẳn. Tôi mở mắt ra, bóng đen kia nhô lên, ve vuốt từ đầu tới chân tôi, nắn nắn phần ống chân khiến tôi cảm thấy nhột nhạt. Tôi chưa kịp lên tiếng thì có tiếng nói phát ra, rất quen:

Bà đây, nội con đây.

Những tiếng nổ chát chúa. Con nghe tiếng nổ.

Bàn tay lạnh ngắt, run run bụm miệng tôi lại.

Nằm yên. Đánh nhau. Đánh nhau lớn lắm.

Sao lại đánh nhau mà ai đánh với ai?

Bà không trả lời, vụt đầu đó rồi quay lại, bế xốc tôi lên đặt nhẹ trong chiếc thúng. Tôi mở mắt, nhìn thấy bà cầm cổ chạy, có lúc chiếc thúng muốn rơi, đòn gánh cong xuống. Bà chạy qua các truông tre, qua các kiệt hẻm... Cả đoàn người gồng gánh nhập vào nhau chạy dọc theo mé sông. Tôi nghe tiếng nôi đồng khua loảng xoảng, tiếng chó tru thê thảm và tiếng trẻ con khóc ngằn ngặt. Gió thổi tạt ngược khiến lớp rong rêu và những cây dương xỉ mong manh như muốn khô tóp lại. Tôi ngộ ngoay trong chiếc thúng còn dính nhiều hạt lúa lép, chích qua lớp rêu khiến tôi xót ngứa. Tôi muốn chúi xuống nhảy tót ra ngoài, nhưng bà chạy nhanh quá, chiếc thúng lắc lư đung đưa khiến tôi không thể tìm cách giữ thăng bằng để đứng lên.

Thôi, mặc bà. Tôi ngủ thiếp trong chiếc thúng.

Trong giấc mơ tôi thấy bà dẫn tôi lội ruộng. Hai bà

cháu bì bõm cắm mặt móc từng con cua ẩn mình trong hang sâu dọc theo những bờ ruộng trong cơn mưa bắc dầm dề lạnh căm. Bà hái những cọng rau má xanh muốt ven bờ. Tôi mang chiếc rô tre le te chạy theo bà. Sau đó, be bờ tát những vũng đọng mót từng con cá nhỏ trong mương nông giang đang mùa đóng nước... Những mảng bùn lem luốc và những ngọn gió đồng hiu hiu khiến tôi thích thú. Tôm tép rất nhiều, bắt chưa xong bà lại hồi hà đặt tôi vào đầu thúng, đầu kia là những cua cá tôm tép rau má cái trời nháy nhót nhịp theo bước chân tát tả của bà, theo đoàn người ngược về phía núi, bỏ lại ngôi làng cháy ngùn ngụt trong biển lửa bom xăng. Chạy băng qua những cánh đồng trơ trọc nám úa. Những con trâu sông chuồng rổng lên, những con chó ốm trơ xương ngựa mặt tru từng hơi dài rồi găm đầu xuống khe nứt... Tất cả những hình ảnh kia dồn dập đập vào mắt tôi và lưu giữ lại như một ký ức vàng âm đạm. Tôi bấu tay vào hai tai giống, lắc lư theo nhịp quảy của bà dong đưa qua lại. Tôi lại ngủ thiếp trong những động tác lắc lư trên đôi chân già nua. Cả đoàn người chạy tới được chân núi, rồi quay ngược về đồng, nằm chúi vào lòng mương hẹp, tránh những quả đạn nổ đùng đùng trên đầu. Đoàn người dài ngoằng tức khắc biến mất trên những mảnh ruộng nứt nẻ, những khúc tay chân lia ra bay là tả trên không, nhưng không giống với cánh bay của những con diều giấy mà lũ trẻ thả bay lên rồi xanh những buổi chiều ngoài đồng còn trơ cuộn rạ tôi từng nhìn thấy khi ngọn gió bê nguyên cả mo chuối đặt ngoài bờ mương khô nước.

Cảnh chạy tới chạy lui khủng khiếp đó trườn tới trườn lui hoài hoài như trong phim.

Tôi lịm đi cùng lúc những tiếng nổ tan dần theo gió đưa.

Những bóng người mất hút. Chỉ còn lại vòng trắng bay là là hư thực.

3. Tại sao mẹ lại để nó đi?

Mày nói đi. Mày muốn nó thành người tử tế hay thành kẻ giết người?

Mẹ không hiểu gì cả. Mẹ bị kẻ phản bội ru ngủ bằng những thứ cặn bã bẩn thiu đó rồi. Mẹ hành xử cách này, mọi người đều như mẹ thì đất nước này sẽ mất, sẽ thành nô lệ cả thôi.

Đó là chuyện thiên hạ, tao không biết. Nhưng mày phải hiểu rằng nó là đứa duy nhất còn sót, mang dòng máu họ Trần. Mày mờ mắt nhìn cho rõ bức hoành phi kia, những tấm liễn bằng kia cùng chục cột gỗ lim chống đỡ căn nhà của ông bà mày gây dựng. Mày đọc đi và nói cho tao hay mày thấy những gì trong đó, mày có hiểu những chữ tổ tiên khắc căn lên đó không?

Tôi không cần biết những thứ bẩn thiu lạc hậu rơm rác đó. Điều tôi cần là mẹ đưa nó về. Tôi không muốn nó đi làm tay sai cho lũ ăn cướp dơ bẩn.

Mày nói nó là con mày mà mày có biết mặt mũi ăm bông nó chưa hay chỉ mới thấy cái bụng lum lúp của vợ mày trước khi mày biến mất khỏi cái làng sanh ra mày? Bao nhiêu mẫu ruộng cầm cổ cho mày học Collège AS để cuối cùng ôm mớ chữ nghĩa nhiệm độc ghê tởm dẫn đám người đầu trộm đuôi cướp về phá nát làng này, tổng này... Thử chữ nghĩa dao búa đó đã giết chết ông chánh tổng là ông nội mày, giết cả ông trợ giáo là chồng tao... mày có biết không? Còn con vợ mày đó cùng với bao nhiêu người khác bị chết banh thây trên mô đất ngoài đường cái quan kia. Ai đặt những trái mìn trái đạn dưới mô đất đó? Những người đàn bà buôn thúng bán bưng kia có tội tình chi hà mày?

Suốt ngày quanh quẩn bên ông tào mẹ dẫu hiểu. Lịch sử đã giao cho họ, những người mẹ lên án đó, sứ mệnh thiêng liêng nhất mà những kẻ hèn kém, ngu muội không bao giờ hiểu ra!

Ừ, thì tao ngu tao hèn... nhưng tao không phải là kẻ khát máu như lũ mọi rợ chúng mày! Sứ mệnh thiêng liêng của chúng mày là đi giết người vô tội? Lũ khát máu quỷ dữ hiện hình chúng mày!

Mẹ lại hiểu sai.

Sai hay đúng thì rồi cái mày kêu lịch sự lịch sử gì đó sẽ chỉ rõ ai đúng ai sai!

Nói mãi, mẹ chẳng hiểu gì cả?

Đó là phần lý của tao của những người ruột thịt máu mủ đồng bào xóm giềng của tao, giờ mày hãy đi khuất mắt tao, đừng bao giờ vác mặt về nữa, nghe chưa?

Tôi sẽ đi nếu bà đưa thằng Kiệt về.

Mày còn biết tên nó là Kiệt nữa đấy? Mà đưa về để làm gì, còn như tao nhất định không cho về thì sao?

Mẹ nghe cho rõ đây: Tôi sẽ đưa nó lên xứ sở Đại Đồng. Nó sẽ được học những tư tưởng tiến bộ nhất của nhân loại để giải phóng những áp bức bất công, giải thoát cho ông bà cô bác, đồng bào nó không bị dày dọ, sống trong cảnh tù ngục nữa. Rồi đây tất cả sẽ thấy ánh sáng của tự do, sẽ sống ấm no hạnh phúc, mọi bất công trên đời này, trên mảnh đất nghèo nàn cơ cực này sẽ bị xóa bỏ vĩnh viễn.

Hay đấy. Vậy ai cửa cổ bà Neng, kẻ nào bắn hàng trăm người trên núi Ba Lù?

Bọn chúng là những tên tay sai của địch.

Hay đấy. Bọn đó là bác, là chú, là anh em cùng cha khác mẹ với mày đấy thằng trời đánh ạ.

Công lý luôn công bằng với mọi người mẹ à?

Công lý là máu là chết chóc hả con?

Phải biết hy sinh cái riêng bé nhỏ cho sự nghiệp lớn.

Ờ, tao hiểu ra rồi, cái lớn của mày là những chuyến xe lam của bà con về làng cắt lúa bị mìn dấp mìn nổ tung. Con vợ mày cũng trong phần số hẩm hiu đó. Cả chục người là đàn bà con nít trở thành đồng bầy nhầy, không nhận ra ai là ai. Hàng chục hàng trăm hàng triệu người chết tức tữ không biết vì sao chết đều là kẻ địch

của chúng mày đó...

Có tiếng súng lẻ loi ở bìa làng. Người đàn ông đứng bật dậy vụt ra sân.

Người đàn bà vịn thấp ngọn đèn, co gối ngồi xuống bộ phàng gỗ ngó ra khe hở tấm phen. Trời tối đen như mực. Chỉ có tiếng côn trùng ri rích ni non.

3. Tháng Tư, hoa mận nở trắng cành. Ngó xiên lên, những cánh hoa mỏng như sợi chỉ nhuộm sắc lá bên dưới von lại màu mạ lợt. Đàn ong mật và ong bầu kéo tới chao lượn trên cánh nhụy trắng muốt. Những đôi cánh đập liên hồi phát ra âm thanh cao thấp dày mỏng như các nghệ sĩ áo dài khăn đóng trong dàn nhạc hát bộ, cúng đình. Chúng hoan ca vừa nhắm mắt tận hưởng những tinh thể sền sệt ngọt ngào qua ngõ ống vôi cong cong.

Tôi không bay được như đàn ong kia, nhưng bù lại, những cánh hoa rơi xuống phủ lên khắp thân thể tôi màu trắng như tuyết, thơm ngọt ngào. Tôi cũng không hát được, may nhờ những cây dương xỉ thay lớp áo cọ vào nhau, xô đẩy như sợi lạt cửa lên ống tre già, vui tai.

Tôi miên man với bầy ong với hoa với lá và chút nắng trở mùa ngai ngái mùi rơm khô, mùi khói đồng bay tạt theo gió nồm từ biển thổi vào.

Tôi chìm theo ánh trăng non chốc lát rồi tan vào đêm tối cùng với tiếng côn trùng ni non như lời kinh cầu.

Những chấm nhỏ li ti xuất hiện trên bầu trời cao nhưng không đủ sáng để có thể nhìn thấy mọi vật chung quanh.

Và rồi, từ phía cổng chỗ giáp với bờ tường đá ong, một bóng người mò mẫm về phía ngôi nhà. Hai chân chỉ còn từ đầu gối, chấp chới giữ thăng bằng, giang rộng đôi cánh tay như bay. Cái bóng đó lượn trên khu nhà chỉ còn trơ lại nền vôi loang lổ và lớp tro dày. Bóng người chao tới chao lui nhiều bận rồi quay ngược ra

công, là là dọc theo hàng rào, cuối cùng tới gần chỗ giếng nước sát gốc mận.

Tới lúc này tôi mới nhìn thấy rõ ràng hơn, về cái bóng người ấy. Hình như đó là một hình nhân ghép lại từ những cọng rơm thì phải, giống như những con bù nhìn cắm ngoài ruộng đuổi chim? Ông chân không dính liền với gối. Hai cánh tay thẳng đuột. Khuôn mặt choắt ra, phẳng phiu giống cái bàn chà đất. Thân người đậu lên thành giếng, một tay bầu vào cần vọt bị sụp thông xuống giếng; tay kia choài ngang.

Lúc cất giọng, tôi mới hay đó là một người đàn ông. Ông hỏi:

Nhà đâu cả, sao sập cháy hết vậy?

Tôi không biết - Tôi trả lời.

Mày là ai?

Là tôi.

Cha mẹ mày đâu?

Tôi không có cha mẹ.

Trời đất sinh ra mày chắc?

Không biết ai sinh ra.

Tại sao mày ở đây, trong vườn nhà tao?

Tôi không biết ông là ai. Nhưng tôi ở đây vì tôi sống với bà tôi. Bà tôi nuôi tôi.

Bà mày đâu?

Bà tôi bị bắn ba tháng trước, trên ngực có găm bản cáo trạng đại ý bà có tội với nhân dân, là người làng nói vậy.

Đó là công lý và chân lý.

Tôi không biết.

Mày kêu sống với bà già ấy, sao hỏi cái gì mày cũng không biết - Bóng người thờ dài.

Vì lúc đó tôi bận đánh nhau với quân địch.

Ở đâu? Chỗ mày đánh nhau đấy?

Mặt trận Liên Sơn. Địch quân đông như kiến, toàn lũ con nít cả. Chúng cứ xông thẳng lên đồi cao, chỗ đại đội tôi đóng quân. Lốp này chết lốp khác bò lên điền

cuồng như lũ thiêu thân.

Rồi sao nữa?

Chúng dùng bộc phá, súng phóng lựu, B40... san phẳng căn cứ. Những người lính cuối cùng của tôi bắn những viên đạn cuối cùng và tất cả đều tan xác trước khi có tiếp viện.

Mày là chi huy?

Ừ, Đại đội trưởng.

Tao chi huy trận tấn công đó. Tao là Trung đoàn trưởng.

Nghe ông xưng cấp bậc khiến tôi không nhịn được cười, đến nỗi rêu và dương xỉ trên người tôi như muốn nổ tung ra.

Mày cười gì thế?

Tôi không biết ông học trường quân sự nào và chiến thuật kiểu gì mà ném quân như vãi trấu!

Mục đích cuối cùng giải thích rõ ràng cho phương tiện. Bởi thế chúng tao mới chiến thắng chúng mày.

Tới đây thì tôi bật khóc nức nở, khóc vì nỗi hận, vì nỗi nhục nhã của những ý thức, đạo đức làm người, của sự lương thiện... Nước mắt đầm đề thành cái ao sâu hoắm.

4. Cây mận, nơi tôi che mưa chờ nắng như mái nhà tự dựng khô héo dần. Lá rụng là tả. Cành nhánh co rúm, rữa mục.

Lớp rêu dày xanh mượt chuyển màu, khô giòn.

Những cây dương xỉ chịu đựng lâu hơn, nhưng cuối cùng chỉ còn lại những sợi gân trắng li ti, tan bay đâu đó mỗi khi gió thổi ngang.

Thân thể tôi teo tóp rồi bị hất tung vơ vát ngoài lề đường bụi bặm.

Chỗ đó không phải chỉ một mình tôi mà có hàng trăm, hàng ngàn người như vậy. Tất cả đều không lành lặn: cụt đầu, mất tay chân, lồng ngực phanh nát, hốc mắt như hồ bom... Tôi là một trong số ít lành lặn. Chúng tôi

nhập vào nhau, lang thang hết đầu đường đến cuối bãi, hứng những cơn mưa dầm dề, gió lạnh cắt da chỉ những ngày nắng cháy.

Lúc thất thểu, lúc rầm rập theo nhịp quân hành.

Lần cuối cùng, dưới ánh trăng hiu hắt, tất cả đứng trước nghĩa trang cũ của mình, gập chào nơi ở bị đào xới hất tung, bùm chặt tiếng nắc. Và rồi cùng vịn nhau cùng bước lang thang trên đám mây trắng dập dềnh tan tác, vô định.

(tháng 9/2019)

SÔNG MUỜNG TỊCH LẶNG VỖ VÀNG CÂU **THƠ**

thơ **Nguyễn Thị Liên Tâm**

Sông Muờng đợi một vàng trắng
Đợi người xuôi bến, áo khăn nguyệt nằm
Du dương một khúc hồ cầm
Tang bồng đây đó, trăm năm dãi dề!

Thôi thì, đã tình cơn mê!
Ta đi sương giá, em về chiêm bao
Sông Muờng gợn sóng lao xao
Thuyền nan rộng chỗ, ta chào bóng ta!

Cõi vui. Rồi cũng phôi pha
Cõi buồn. Rồi cũng la đà lá bay
Mùa Thu tặng bông hoa này
Cài lên tóc liễu. Ô hay! tang bồng

Có người rủ tóc bên sông
Gội chiều giấc muộn, gội dòng mệnh mang
Ủ hương. Đêm trắng ngõ ngang
Sông Muờng tịch lặng, vỗ vàng câu thơ.

Viết ngắn

Mặt Trời Chưa Lặn

Phạm Văn Nhân

(viết về hai người bạn của tôi: Quỳnh và Ngọc. Như một kỷ niệm khó quên)

Ngôi nhà của Quỳnh có mái hiên rộng hơn hai mét, dài 10 mét. Tôi hỏi sao mái hiên nhà rộng như vậy? Nó nói, ông nội tao muốn như thế, để cho bà con trên quê xuống ngủ vào đêm. Trong nhà nóng nực, cứ trái chiều nằm ngoài mái hiên ngủ cho mát. Sáng về lại quê sớm. Nó nói với tôi cũng vì chiến tranh, dân quê làng của nó phải bỏ nhà, bỏ cửa mà đi ngủ nhờ, qua đêm.

Bây giờ, ngôi nhà của ông bà nó lại là ngôi nhà của nó. Sau khi cha mẹ nó qua đời các chị em của nó cũng đi lấy chồng. Tôi ngồi với nó trước hiên nhà. Nhâm nhi tách cà phê sáng. Khoảng sân trước nhà, thoáng mát. Những chiếc bàn bằng nhựa, vuông vức. Những chiếc ghế cũng bằng nhựa nhỏ, thấp, đủ màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng dùng làm những bàn ghế cho con gái nó bán mì quảng buổi sáng cho công nhân đi làm. Một tô mì quảng khoảng 10 ngàn đồng. Giá bình dân mà lại ngon.

Nó bảo tôi chiều nay làm lai rai. Tao gọi thằng Ngọc ở Sài Gòn mới về làm giỗ ông già nó tuần trước. Ba thằng gặp nhau nhâm nhi cho vui. Ít khi nào gặp. Nó

uống bia như uống nước lã, dù chỉ còn một chân. Đi phải chống nạng. Cái nạng gỗ như cái chân thứ ba của nó. Đi lại quen thuộc gần 50 năm. Và, cũng quen với công việc làm hằng ngày. Như vậy là ba thằng một thời, một tuổi gặp nhau. Dù ở ba phương trời khác nhau. Nhưng cuối cùng rồi cũng gặp nhau.

Ngày xưa, ba thằng phá như quỷ. Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò. Thằng Quỳnh, nó sướng hơn hai đứa tôi, con một, khỏi phải động viên vào lính, với nó như cá treo đầu gà. Hai thằng tôi gọi nó là đẽ bọc điều. Tôi vào lính, học ngu, nên ra Bộ Binh. Thằng Ngọc khá hơn chọn binh chủng pháo. Thời gian, tôi nghe nói nó vào lính. Tôi với thằng Ngọc chửi thề: Đ.M Đồ ngu.

Nhưng cũng vì hoàn cảnh. Nhà nghèo. Cha đập xích lô. Mẹ tảo tần buôn đầu chợ bán cuối chợ. Việc làm thì kiếm không ra. Nó tình nguyện vào lính để có tiền giúp đỡ cho gia đình. Có lẽ nó cũng học ngu như tôi ở quân trường nên chọn hai chữ Bộ Binh. Thời gian sau tôi nghe nó bị thương, ở mặt trận ngoài Quảng Trị, phải cưa mất một cái chân, và giải ngũ. Nó thuộc thành phần thương phế binh.

Nó gọi cho Ngọc, có tôi về. Thằng Ngọc đi xe máy lên. Đầu bạc phơ. Móm xòm. Thấy tôi, nó chửi thề. Đ.M tao tưởng mày mê bơ sữa ở bên đó, không về. Tôi cười, nói:

- Trông mày còn phong độ dữ?

Thằng Quỳnh nói:

- Có bà thứ ba rồi đấy.

Tôi trở mặt. Ngọc cười:

- Pháo mà mậy. Không biết sao.

Tôi gật đầu. Cười cười. Ừ. Pháo.

Đứa con gái của Quỳnh dọn dẹp bàn ghế vào một góc

sân, trước mái hiên. Nó nói: “hai bác ngồi chơi, con làm đồ nhắm”. Một chập, cháu nó mang thức ăn ra. Thằng Ngọc khui bia rót ra ly. Chúc mừng. Tôi cũng thế. Đưa con gái của Quỳnh đứng bên cạnh, nói:

- Ba với mấy bác lớn tuổi mà sao cứ gọi mấy tao, nghe vui quá.

- Gọi như vậy mới có cái tình. Chứ anh anh, tôi tôi nhạt như nước ốc. Quỳnh nói.

Tôi nói với Ngọc: “Năm 73 tao có việc về Sài Gòn, ghé Long Khánh thăm vợ và con của mày. Vợ mày chỉ cho tao bàn thờ của mày, tao ngạc nhiên. Vợ mày nói mày chết trận bên Cam Bốt. Còn thằng Quỳnh thì giải ngũ, lang thang ở Sài Gòn với bạn bè cùng chung số phận. Tao nghĩ mày chết rồi chứ? Ai ngờ mày còn sống”. Thằng Quỳnh nói: “nó đi du lịch miền Bắc, chứ chết cái nỗi gì với nó”.

Ngọc cười, cũng vì mấy chai bia này. Nó kể cho tôi nghe. Lái xe đi nhậu bị phục kích và bắt làm tù binh đưa ra miền Bắc trên 10 năm. Khi tao về lại LK, tìm vợ con tao, thì vợ tao tưởng tao chết vì bà có lãnh tiền tử tuất. Sau đó bà đi bước nữa. Tao lang thang về PT gặp mày với thằng Quỳnh. Khi đó tao về Bà Rịa làm xây dựng lấy vợ khác, có con. Bà cũng chia tay với tao. Tao lại lang thang về Sài Gòn kiếm sống, và gặp một bà Việt kiều ở Mỹ về. Hai tâm hồn cô đơn gặp nhau. Đến với nhau. Vui trong tuổi già. Thằng Quỳnh uống cạn ly bia. Rót thêm bia vào ly, chửi thề: “làm chó gì được. Ngó nhau mà sống ư?” Ngọc cười, cái miệng móm trông thật dễ tức cười. Tôi hỏi:

- Bà không bao lãnh mày qua Mỹ.

- Có hôn thú đâu mà bao lãnh? Đến với nhau cho vui. Thế thôi. Mà vui thật. Có bà. Tao thấy tao còn trẻ. Tao không nghĩ là tui mình ở cái tuổi U tám mươi.

- Mày ở tù miền Bắc trên 10 năm. Sao không làm hồ

sơ đi như tao.

Thằng Ngọc tức. Nốc hết ly bia, chửi: Nó nói tao là quân xâm lược, không cho đi.

Thằng Quỳnh rít mạnh hơi thuốc lá. Búng tàn thuốc ra sân. Nói:

- Tụi mày cứ uống . Hết bia tao nói con gái tao mua thêm. Nhắc tới chuyện cũ tao muốn chửi thề. Tụi mày còn nhớ báo chí một thời nói đến đám thương phế binh tụi tao. Thằng cụt chân. Thằng cụt tay. thương tích đầy người. Kiếm miếng đất cất nhà thì đám dân đạo ra phá. Chánh quyền không can thiệp. Báo chí lên tiếng chúng cũng phát lời. Chết mặc bay. Hy sinh nơi chiến trường một cái chân. Tao nghĩ mà buồn.

- Mày cũng ở trong nhóm thương phế binh đó. Tôi hỏi?

Thằng Quỳnh nhìn ra khoảng sân trước nhà. Rít mạnh hơi thuốc lá. Đ.M đừng nhắc tới nữa. Tao phát điên.

Thằng Ngọc hỏi:

- Còn mày. Qua đó làm nghề gì?

- Bồi phòng cho một chủ người Việt. Hần là trung tá. Lương 4 đồng 25 xu một giờ thời điểm đó. Gần 30 năm rồi.

- Có nhẹ không?

- Trải drap giường. Lượm nhiều bao cao su.

Thằng Ngọc nó phá lên cười khoái trí. Vui. Mày làm cho đến hôm nay.

- Tao làm 5 tháng. Đi thành phố khác làm culi cho Mỹ. Sướng hơn.

Thằng Ngọc xúi quẩy:

- Bỏ mẹ bên đó về đây ở với tao. Cái chung cư ở quận 6 của tao chỉ có tao ở. Có mày vui hơn.

- Còn con bồ già của mày?

- Một năm nó về một hai tháng. Rồi đi.

Thằng Quỳnh nói:

- Như vậy thằng Ngọc vẫn còn "gin".?

Cả ngày nó tù tù với mấy chai bia. Thằng Quỳnh nó uống như nước lã. Đứa con gái mang mồi ra thêm. Ba thằng bạn gặp lại, chửi thề ôm tòi, vui như ngày nào phá xóm phá làng khi còn trẻ. Ở cái tuổi gần 80. Vẫn mày tao. Nghe thân thương chi lạ. Mặc trời chưa chịu lặn phải không tụi bây.

Houston, ngày 11/11/2019

khaly chàm

.Truyện ngắn

Làng quê miền biển

Không biết những người dân ngồi chờ đã bao lâu. 7 giờ 58 phút trường Công an xã mới lù mặt tới. Hấn bước vào bàn và kéo chiếc ghế nhích ra ngoài, hấn lấy tờ “nhật trình” để trên bàn phất vài cái vào mặt ghế, hấn ngồi xuống. Tay trưởng CA xã liếc qua mấy tờ đơn xếp trên bàn, hấn không cần phải ngẩng mặt lên nhìn ai (có thể là một thói quen?), sau khi nghiền ngẫm xong từng tờ đơn xin hay khiếu kiện gì đó. Hấn lấy cây viết cài trên túi áo rồi hấn ký chậm rãi dưới những tờ đơn. Còn lại hai giấy cuối cùng.

- Ai là Nguyễn Thị Kim L xin tạm vắng 6 tháng lên thành phố HCM làm gì? Tay trưởng CA hỏi các cơ như vậy nhưng hấn đã đọc qua lý do xin tạm vắng.

- Dạ, anh Tền có ghi trong đó rồi chú Ba!

Thằng Tền thư ký ban CA xã, cúi đầu xuống nói nhỏ vào lỗ tai trưởng CA, hấn gật đầu và ký một cái ẹt.

- Lên đó nhớ làm ăn cho đàng hoàng, chứ đừng mang thân tàn ma dại về đây nghe chưa?!

- Còn Thạch Lai E là ai, bị lập biên bản ở quán con Ph xù?

- Dạ, xin anh Ba thông cảm, nó mới xuống dưới này mới có mấy ngày. Thằng Tền nói thay cho Lai E

- Con nhỏ này quê ở đâu?

- Nó ở Thanh Điền, Giá Rai... Dạ, nó cũng biết điều rồi anh Ba. Ngày mai nó về quê nhà xin giấy tạm vắng!

Trưởng CA xã (Ba T) đứng dậy cũng không cần phải nhìn ai, hấn bước ra cửa văn phòng ban, hấn đưa tay ngoắc thẳng Tền chạy ra, hấn nói với nó: “ Tao lại nhà anh Út B chủ tịch nhậu, nếu có gì không giải quyết được, mày điện cho tao liền!”. Thằng Tền dạ lia lịa. Lúc này gần 10 phút nữa mới đứng mười giờ.

Tính đến ngày hôm nay, người dân xã miền biển ở đây sống với cái nghề nuôi tôm sú cũng đã sáu bảy năm rồi. Có nhà đang khấm khá và có nhà thì vỡ nợ trắng tay. Sao lại có chuyện kỳ cục vậy? Chuyện gì trên đời này nếu xảy ra đều phải có nguyên nhân của nó. Kể từ khi xuất hiện những quán nhậu bình dân như: Biển Nhớ, Sóng Tình, Hương Biển... nó đã làm thay đổi được bộ mặt và phong cách cánh đàn ông từ thanh niên cho tới những cha, chú tuổi gần 70 nay yêu đời hơn, không còn tụ năm tụ bảy ở nhà uống rượu rồi cao giọng xuống câu hò với cây đàn phím lôm. Chỉ cần đến quán với cái túi không cũng được, rượu có người rót, mỗi nhấm có người gắp đưa tới miệng, vừa ăn nhậu có người hát rất ngọt mũi mẫn lỗ tai, thỉnh thoảng hứng tình quá ôm ghì với nhau hôn hít thỏa thích, nếu muốn giải quyết “vụ kia” sau tiệc nhậu chạy ra ngoài thì trần không quá năm cây số, nhà trọ nhan nhản trước mặt. Nhậu cho “tới bến” đến lúc tính tiền chủ quán ghi vào sổ, nếu chơi cho “đã ngứa” ít lắm cũng gần một chai (triệu) trong đó có tính tiền bo cho em rồi; số tiền nợ được chia đều cho từng “huynh-đệ”. Ký lãnh phần trách nhiệm thiếu nợ này người nào cũng được, chủ quán không sợ bị giựt. Vì sao lại có chuyện quá hào phóng này? Đã có mấy “ông trời” bảo kê, nếu thử không trả rồi sẽ biết. CA mời tất cả “con ngọc hoàng” lên xã đồng thời mời luôn mấy bà vợ tới để biết căn cơ.

Những vuông tôm cách nhà độ chừng hơn 100m. Sáng sớm chỉ mặc độc nhất cái quần đùi, Tám K tay cặp cái

thau nhôm bên hông, tay cầm tay lưới được cuộn tròn, hai chân Tám K bước đi lạng quạng trên bờ rạch để ra ngoài vuông tôm.

- Anh Tám, hồi hôm anh có nhậu ngoài chòi anh Năm Th hôn? Thăng Tèn hỏi

- Có, gần sáng tao mới về. Mà mày hỏi có chuyện gì hôn mậy?!

- Tui biết hồi hôm mấy anh nhậu chung với mấy con “gà” móng đỏ, lính ở quán con Ph xù. Nhớ là phải kỹ, chứ mấy bà mà biết được phục kích thì các cha chết tươi liền!

Nói vừa dứt lời, thăng Tèn rồ ga chiếc xe phóng đi trên con đường bờ rạch được lót những tấm bê tông xi măng 1 x 2 m

Để cái thau và tay lưới trên bờ, Tám K bước xuống vuông ngay lỗ trống, hai tay đè mạnh tấm ván xuống bít lại miệng cống, con nước đang rút xuống rạch đổ dồn ra biển. Tám K bung tay lưới ra cầm một đầu xuống gần bờ, hai tay cầm hai đầu cây tầm vòng luồn trong đầu lưới, Tám K cúi người xuống kéo rề lưới qua một bận, hấn gờ từng con tôm bò vô thau.

Tiếng máy nổ lạch-tạch rồi tắt hẳn, chiếc xuống cặp sát vào bờ rạch, tay cầm sợi dây hấn nhảy lên bờ rồi cột dây vào gốc dừa.

- Hồi này anh Tám điện cho em có gì hôn? Tay đi mua tôm lè về bán lại cho cho mấy xí nghiệp chế biến hải sản ngoài tỉnh hời.

- Mày cân dùm tao mớ tôm này nghen? Tám K đưa cái thau cho hấn.

- Tôm chưa đúng lứa mà anh bán chi vậy?

- Mày thông cảm cho tao, tao đang kẹt dữ lắm!

- Tình nghĩa có trước, có sau tôi chỉ mua dùm cho anh với giá hữu nghị thôi.

Hấn thừa biết là mấy cha nông dân này tập tành ăn, nhậu, gái “gú” nay đã ghiền nặng, nợ nần chồng chất ngập đầu đành phải bán tôm non. Thời đại thông tin

bùng nổ, chỉ cần a-lô muốn gì mà không có, cha nào cũng tìm cách ra ngoài chòi ngủ để giữ vuông tôm, chứ ngủ ở nhà với con vợ ngán tới cổ họng, nó hơi bùn đất và đã cho ra đời bảy tám miệng ăn.

- Ba ơi! Bữa nay ba có đi miệt trong lấy củi hôn ba?
Lai E hỏi ông Sáu bán củi

- Có, cơm ba nấu rồi đó, ba mới ăn lát nữa ba đi.

Người dân ở xã này đều biết mặt lão, vì lão đến đây những ngày đất nước đã yên bình, lão kiếm được miếng đất gần bờ rạch, cất một căn nhà lợp xúp mái lá dừa, vách cũng lá dừa chừng 20m vuông. Nếu hỏi tên lão người dân chỉ lắc đầu, mà biết để làm gì! Hàng ngày lão chèo xuồng vô sâu trong rừng tràm nguyên sinh để kiếm những nhánh tràm khô, lão chặt từng khúc đều đặn sắp ngay ngắn vào lòng xuồng, gần đó đèn lão mới về tới nhà. Khi trên đường về nếu nhà nào có nhu cầu nguyên liệu chất đốt lão bán với giá rẻ, lão mong sao có tiền mua gạo và vài thứ linh tinh... đời sống lão chỉ nghĩ tới một chữ nhàn, không tranh đua danh lợi. Người dân gọi lão là ông Sáu bán củi.

- Nay con có ra ngoài quán hôn?

- Bữa nay mệt quá con nghỉ. Hôm qua con nhậu với mấy cha chính quyền xin quá, con ới tới mặt xanh.

- Con ăn cơm không được, ba đi nấu cho con miếng cháo ghen? Lão hỏi Lai E

- Chút nữa con ra ngoài quán mua chai xá xị uống vô sẽ khỏe liền. Con còn tiền ba cứ lấy mà mua gạo với đồ ăn. Tháng này mưa dầm ba nghỉ vài bữa nghe ba?!

- Đừng lo chuyện đó, con dành dụm tiền kha khá gửi về trên cho má con lo cho mấy đứa nhỏ.

Lai E xuống đây gần một năm rồi, lúc đầu cũng ở chung với mấy con nhỏ dân tứ xứ như nó. Phái nữ sống chung đụng nên phức tạp vô cùng, những lúc vắng khách tụ lại đánh bài cắc tề, có những chuyện không ra gì cũng sinh ra gây gổ chửi nhau như chó. Ở

đời thì phải sòng phẳng, Ph Xù chủ quán Sóng Tĩnh tính toán rằng rắc không lỗi một đồng; các em phải trả tiền nhà, tiền điện, nước... chỉ có tiền cơm như lời dân gian nói (ăn mắt-hút giò) là không phải trả. Lai E nhớ cái ngày ông Sáu đẩy xe đạp chở hai bó củi tới quán. Lai E hỏi thăm ông Sáu, biết là nhà không có ai, ông sống chỉ một mình nó liền xin lão đến đó ở, mỗi tháng nó nói là phụ cho lão chút ít tiền thuê. Từ nhà đi bộ tới quán chừng 15 phút. Tháng này qua tháng khác lão không lấy tiền của Lai E, lão còn nhận nó làm con nuôi. Nó hỏi vì sao mà lão chỉ sống có một mình? Lão tâm sự với nó: Thời gian trước 75 lão là sĩ quan chế độ cũ, sau ngày giải phóng lão vào trại tập trung cải tạo hơn một năm. Ngày trở về thì mới vỡ lẽ ra, vợ của lão đem thằng con trai cho người khác và vợ lão lấy chồng cũng là một sĩ quan chế độ mới. Nếu tính tuổi đời lão hiện tại chưa tới “cổ lai hy”. Lão thương đám con nít ở xứ sở bùn đen biển mặn này, vào mùa mưa phải sắn ống quần lên tới đầu gối, tay xách dép, tay ôm cặp đi học ngang qua nhà lão, thường thì lão hay kêu vô nhà rồi lấy vài ba ngàn cho mấy đứa nhỏ. Lai E còn biết quê hương của lão ở xa lắm. nếu có muốn về thăm, từ mờ sáng bữa nay, chiều tối ngày hôm sau mới tới.

- Nè Tèn, con Lai E cũng khá gái phải không mậy? Ba T trưởng CA hỏi.

- Dạ, nó lai Miên nên cặp mắt nó quyến rũ. Nó nhiều mối lắm nghe anh Ba.

- Nó tới nhà thằng cha Sáu bán củi ở, vậy thì, thằng cha Sáu có đồ chơi rồi. Ba T nói xong rồi cười kha kha.

- Em nói chuyện này chỉ có hai anh em mình biết thôi nghen. Ai nói xì ra chết ráng chịu, hôm tối thứ bảy em ra ngoài thị xã uống cà phê với mấy thằng bạn. Em thấy anh Út B chở con Lai E chạy trên đường 30 tháng 4. Em không dám kêu!

- Thằng cha này chơi phồng tay trên tao rồi! Ba T nhìn thằng Tền chờ nghe nó có nói gì hay không.
- Gái đẹp thiếu gì, nếu có con nào mới xuống xin tạm trú, em sẽ “nạp thịt” cho anh Ba liền.
Hai thầy trò cùng phá lên những tiếng cười rất ư lớ bịch.

Hết những ngày mưa cuối mùa, trời bắt đầu hanh khô, nhiều đám mây trắng trên bầu trời đang trôi đi, gió từ phương Bắc mang hơi lạnh về để báo hiệu là sắp hết năm. Lai E nằm vật vạ ở nhà, không thiết ăn uống gì hết, mặt tái xanh. Ông Sáu nhìn nó rồi thở dài:

- Con ráng ăn chút gì, hoặc uống sữa cho có sức ?!
- Con cũng muốn ăn, nhưng khi đưa tới miệng là con muốn ói. Lai E trả lời ông Sáu.
- Sáng mai ba chờ con ra ngoài chợ thì trấn đến bác sĩ tư khám coi con bệnh gì!

Lai E im lặng một hồi lâu: “Đề ngày mai con đi xe ô-m, ba già rồi chờ con đi mệt lắm!”. Gần 11 trưa. Lai E... với những bước đi mỏi mệt vô nhà, ngồi phịch xuống giường tre với tay lấy cái gối, nó nằm xuống hai mắt nhìn lên mái nhà không nói một lời gì với ông Sáu. Lão biết nó đang mệt nên không hỏi, thì từ từ chứ có muộn gì. Lão nhủ thầm như vậy.

- Bác sĩ nói là con đã có chửa, uống thuốc vài bữa sẽ hết ói. Lai E nói với ông Sáu.

- Có con thì tốt, nhưng phải biết ai là cha của nó để sau này khi lớn lên, nó biết có một người cha để hãnh diện với đời?! Lão an ủi Lai E

- Mấy tháng nay con không có “đi” khách nào hết! Chỉ có một người thôi, ba ơi, con không thể nói cho ba biết là ai! Con hứa là phải giữ uy tín và danh dự cho y, nếu có con y sẽ cho con tiền để nuôi con nhưng với một điều kiện; con phải về quê đẻ đứa nhỏ.

- Như vậy cũng tạm ổn, còn làm được ở quán ngày nào thì con ráng đi làm, nhớ là đừng uống rượu nữa, phải

giữ gìn sức khỏe nghe con!

Thời gian vô tình đi qua. Những hình thái trên bề mặt trái đất này từng ngày biến đổi, người dân ở xứ biển cứ nghĩ rằng: đứa con trong bụng của Lai E tác giả chính là lão Sáu bán củi, có người nói thẳng vào mặt lão: “Ông già còn gân lắm, ông mà đạo đức cái con C” Lão không trả lời hay trả vốn gì hết, lão chỉ mỉm cười. Cái bụng càng ngày càng lớn, Lai E ở nhà lão Sáu với một số tiền hơn chục triệu đã tích lũy được. Mùa khô, ngày nào lão Sáu cũng thức dậy thật sớm pha một bình trà, rồi lão vo gạo nấu nồi cơm, kho lại mè cá... Uống vài ly trà, lão sang một phần cơm qua cái nồi nhỏ, đồ ăn lão cho vô cái hộp nhựa có nắp, lão mang ra đặt xuống xuống, lão quay lên lấy chai nhựa 2 lít rồi thụt vào cái lu mái vú chứa nước mưa để quanh nhà. Lão chèo xuống lướt nhẹ trên mặt nước, tai lão còn nghe tiếng con gà trống gáy rất đúng giờ một khi xuống của lão rời khỏi bờ rạch độ chừng 50 mét.

Có phải là nghiệp chướng? Thăng nhỏ từ lúc sinh ra cho đến bây giờ có hơn ba tháng, nó hết khò khè lại chuyển qua tiêu chảy. Vì muốn tiết kiệm đồng tiền cho hai mẹ con Lai E nên lão Sáu phải nghỉ ở nhà chờ hai mẹ con nó đi bệnh viện thị trấn. Ngày nào lão biết thăng nhỏ bớt bệnh, sáng hôm sau lão mới lên đường dong ruổi vào khu rừng tràm nguyên sinh.

- Sống hay chết, con nhất định là không về quê, vì ba con khó lắm. Không biết dạo này trên đó cả nhà sống sao!

- Con ra điện thoại công cộng điện về nhà hỏi thăm!

- Ở quê con chưa có điện thoại, nhà này cách nhà kia xa lắm!

Lão Sáu gật đầu không nói thêm nữa. Thăng nhỏ nằm trên võng cựa mình khóc không ra tiếng.

- Ba thấy thằng cháu ngoại nó càng ngày càng yếu?!
- Con cũng không biết tính sao bây giờ. Y không cho tiền vì con không về quê!
- Phải chi nó mạnh giỏi ba ở nhà giữ nó, con đi ra quán làm kiếm tiền.

Mặt trời xuống thấp gần chạm mặt biển. Tay trái ông Sáu bần củi cầm chắc ghi đông xe đạp, tay phải vịn cái quách được ràng sau бага, lão đẩy xe lên bờ rạch. Lai E theo sau khóc thút thích: “Thôi, con đừng khóc nữa, người sống trên cõi đời này ai cũng số mạng con ời!!!” Lời khuyên chia sẻ của lão Sáu có pha chút ngậm ngùi.

Mấy ngày nay Lai E không đi ra quán, cứ xế chiều con sốt không được mời, nhưng nó cứ tới nhà để nhập vào thân xác Lai E. Nó run lập cập dù lão Sáu đã trù cho nó hai cái mền.

- Cái cử này như vậy hoài chắc con chết quá ba ời!
Sáng sớm lão Sáu chờ Lai E tới BV thị trấn. Sau khi đóng tiền để xét nghiệm máu và chụp X quang... Bác sĩ cầm tấm phim và cho lão biết: “Con gái bác bị nám phổi rất nặng. Bác cầm giấy này xuống phòng chống lao lãnh thuốc đem về trạm xá địa phương điều trị!” Lão hỏi bác sĩ: “Nguyên nhân nào đã gây ra bệnh này, thưa bác sĩ?” Bác sĩ liền trả lời: “ Có rất nhiều nguyên nhân, cháu kê ra cả ngày cũng chưa hết. Mong bác thông cảm, nếu muốn biết chính xác, bác qua phòng tài vụ đóng 300 ngàn, bệnh viện sẽ gửi mẫu máu lên viện Pasteur Tp HCM để xét nghiệm”. Lão nói lời cảm ơn bác sĩ, rồi lão bước sang phòng tài vụ đóng tiền, lão không quên hỏi chừng nào có kết quả. Cô nhân viên phòng tài vụ trả lời: thứ hai tuần sau.

Cầm tờ giấy xét nghiệm lão Sáu đọc kỹ từng chữ “Kết quả xét nghiệm: Bệnh nhân đã chuyển từ HIV qua S”. Ông Sáu đạp xe một mạch về tới nhà, lão rót trà vào ly

rồi hóp một hóp cho tinh táo. Lấy tờ giấy từ trong túi ra, lão bật quẹt ga đốt tờ giấy xét nghiệm, ngọn lửa lan ra và cháy bùng, lão đưa tờ giấy lên để mỗi điều thuốc Đà Lạt đang ngậm trên môi. Lai E nằm mê man không biết là lão đã về. Thời gian vô tình đi qua.

Ông Sáu bán củi biết trước phải có một ngày này.

- Ba ơi, ơn của ba kiếp này con không trả được. Nếu con có chết rồi, con nguyện kiếp sau đầu thai lên làm người con sẽ trả cho ba! Ánh sáng của ngọn đèn dầu vàng vọt, nhưng vẫn thấy rõ hai dòng nước mắt chảy xuống thấm ướt cái gối. Ông Sáu nói với Lai E : “Còn nước còn tát, con đừng có nghĩ bậy bạ, con còn trẻ mà, phải sống đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, ba má và các em lúc nào cũng chờ con về!”

- Con biết trong mình con... lúc chưa bệnh ra quán làm đề dành được hơn một triệu đồng con nhét trong áo gối. Ba mua cho con cái hòm cây tạp rồi đem con vô rừng trà mận con ở trong đó nghe ba!

Con gà trống vỗ cánh phành phạch cất giọng gáy đầu canh. Không có ánh trăng xuyên qua vách lá. Từ xa vắng vắng tiếng chim cú từng hồi đúng theo thời khắc. Hương biển nồng nàn hòa vào ngọn gió mùa thu đang hát ru làng biển. Không biết rồi sẽ tới người nào tiếp tục ra đi chôn bỏ kiếp làm người [?]

Cà Mau 2005.

TRẦN ĐÌNH SƠN CUỐC

MỪNG GẶP LẠI

Bao năm xa lạc gặp nhau
Thời gian phủ trắng mái đầu tuổi xanh
Nhắc xưa: chuyện nhớ chuyện quên
Bão giông đổ xuống khúc quanh cuộc đời
Mừng bạn còn nguyên nụ cười
Vững đi bên cạnh một người bạn thương...

TÌNH XƯA

Phút giây đã quý lắm rồi
Huống hồ đã có một thời bên nhau
Thân tâm nay đã nhạt màu
Cái tình xưa ấy vẫn đầy thâm giao

BÊN NHAU

Bốn mươi năm vẫn tường ban đầu
Ngập ngừng như thuở mới quen nhau
Ngày mưa tháng nắng chung vai gánh
Ngoảnh lại ô hay ! tóc bạc màu...

Trần Đình Sơn Cuốc
(Chicago 2019)

Trần Quang Miễn

ngày về

Ta bay trên đôi chân
Dép đứt quai mòn vệt
Mười ba năm nhớ thương da diết
Mẹ già. Vợ đại. Con thơ
Bạn bè vào quán tìm ăn
Ta chi đôi tình thương và sự thật
Bao lâu rồi đôi gian lừa lọc
Ta thêm về nhìn mặt người thương
Vội vã về. Vội vã về
Đâu kịp nhìn sông nhìn nước
Đâu kịp thấy nước đổi màu sông nhờn nhợt
Chạy giữa đôi bờ lạnh lẽo tái tê
Ta chỉ thấy mẹ già
Cười rưng ngấn lệ
Ôm con mừng như thuở còn thơ
Mẹ sờ tóc sờ tai, véo da véo thịt
Mẹ tưởng nằm mơ
Mười ba năm thất ruột trông chờ
Con mẹ mỗi người đi mỗi ngã
Xóm làng cũng trở thành xa lạ
Mẹ đau từng cọng tóc chân tơ
Ngày lại ngày qua
Ngọn sầu đông trước ngõ
Đã mấy mùa oằn thân trút lá
Rét lạnh bơ vơ
Ôi mái nhà xưa
Em vẫn cháo rau qua ngày chờ đợi

Sừng sốt nhìn ta ghen ngào câu nói
“Anh!!!” tha thiết bao tình
Như chút nắng chiều chột ửng
giữa tầng không
Ta thấp sáng trong nhau nguồn hy vọng
Đang đông mà ướm sẵn mầm xuân
Mười ba năm. Tóc đã điểm sương
Áo vá vai
Tay chai sạn nghiệt ngã
Vẫn thấy đau. Đâu thể thành sỏi đá?
Mười ba năm ngược xuôi tất tả
Tóc rối bù, môi nhạt màu son
Chỉ có trái tim. Còn
Nên ta sẽ còn tất cả
Ôi mười ba năm bỗng như người xa lạ
Đàn con đã lớn khôn
Tìm ăn cuối đường góc chợ
Đau xót vô ngần
Nhớ buổi đầu xuân
Chia tay tiễn biệt
Gái lớn lên mười. Thằng cu em lên một
Nếp vào nhau ngơ ngác từ ly
Phố dầm mưa cúi mặt ngậm ngùi
Phượng run rẩy hai hàng ù rù
Ôi những bông hoa không bao giờ nở nữa
Giữa đêm dài man rợ quê hương
Ta đi chỉ một dặm đường
Nỗi riêng chẳng khác đoạn trường tình chung.

Trần Quang Miễn
(Dallas)

NGỌC BÚT

GIỌT LONG LẠNH

1.

thơ buồn như những giọt long lanh.
rơi từ trăng xuống và đậu trong đáy mắt
xin đừng nghĩ là tôi khóc
chỉ là tôi bất chợt làm quen với nỗi buồn.

2.

có thể vào đêm mưa bất chợt
ướt vai ai đứng đợi hiên ngoài
xin ủ ấm hai bàn tay lạnh
sưởi lòng tôi qua hết đông dài.

SANG SÔNG

ngủ một giấc dài vọng tiếng mưa
sang sông. mênh mông. không thấy bờ
bến cũ. mây. lục bình mùa hạ
minh tôi. đáo bị ngạn, bao giờ?

SƯƠNG KHÓI

người xưa đi không hẹn về
người nay mịt mùng lối cũ
ru tôi hình sương bóng khói
chập chờn ảm lạnh giấc mê.

CHẠP VÀ GIỀNG

tháng chạp ngồi đếm bước thời gian
tháng giêng chưa tới đã nghe buồn
nhìn cây nhìn lá hoa chưa nở
nhìn xuống đời ta trắng tuyết sương.

Trần Hoài Thu

Vài ý nghĩ sau khi đọc bản thảo “Vũ Hội của Trời” của Ngọc Nhãn Dương Trần

Thú thật tôi rất bối rối khi muốn tìm một danh từ dành cho thể loại của cuốn sách này. Hồi ký? Tiểu thuyết? Ký sự? Tâm bút? Tự thuật?

Lý do, nó vừa có tánh cách hồi ký, nhưng vừa có tánh cách truyện văn, vừa có tánh cách riêng tư nhưng cũng vừa tánh cách chung, hay vừa có tánh cách gia đình, nhưng cũng là một mẫu số chung cho cả một miền Nam cũng như hải ngoại.

Phải. Hồi ký vì nó được kể bằng sự thật, tên thật, người thật, địa danh thật. Tất cả tình tiết đều là sự thật. Từ những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ ở một làng quê miền đồng bằng Cửu Long bên dòng kinh Phụng Hiệp vào thời kháng chiến chống Pháp (Tết năm nào, Ngôi trường đầu tiên, Nội, chuyến tàu trên kinh Phụng Hiệp, v.v..), đến những ngày tháng sôi sục hận thù, thanh toán, bị bắt bịt mắt dẫn đi giữa đêm khuya trong thời Việt Minh, rồi đến thời kỳ hỗn loạn về chính trị của miền Nam Đệ nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Và cuối cùng là thảm cảnh vượt biển, đến những tháng năm ở xứ người...

Lướt qua những chương, và những tiêu đề, từ thời thơ ấu đến thời gian ở Mỹ, con cái thành tài, ta thấy là một cuộc hành trình rất dài, và rất nhiều khê. Tác giả đã vịn vào mốc điểm của lịch sử với những biến cố lớn của đất nước để mà viết từng chương. Viết thì dựa vào hồi ức, nhưng khi đọc chúng chúng ta thấy từng chương là một truyện ngắn, rất độc lập không dính kết nhau.

Tôi nói là truyện, vì văn phong chữ nghĩa, qua một lối viết thông minh, cái nhìn đầy sắc sảo, có khi bốn cột hài hước. Chúng làm người đọc dễ bị cuốn hút vào trong câu truyện..

Ví dụ khi tả lại một cảnh một chiếc ghe bị bão biển, tác giả đã dùng những từ ngữ có vẽ khôi hài đùa bỡn kiểu tuồng hát trong một vũ hội của Trời. Thật khó có tác giả nào lại nghĩ ra những ví von này:

“Thế giới thần bí một lần nữa nuốt chửng vạn vật. Chiếc ghe cà dom bây giờ nhỏ như thuyền lá trên mặt biển đêm, lạc loài, vô tri không biết nguy hiểm chết chóc là gì cứ lè è, lạch ạch lăn dần vào cơn lốc của đại dương đen ngòm, cuốn hút vô vòng xoáy cuồng loạn, cái vũ hội Thượng Đế bày sẵn. Thuyền trúng rổng thò kệt, ngù ngờ, giờ đây biến thành trái banh trên mặt sân bao la mặc cho cầu thủ chuyển nhau.

Lốc lắt lư xuềnh xoàng như những tên không lồ thích bày trò, khoe thể lực. Nhắc món đồ chơi mới lên, rồi chìm xuống thật sâu, sàng, sảy, nhồi, kéo, trì, dập, theo tiếng nhạc của biển sóng, đệm tiếng trống của trời gầm. Thần Gió đang khiêu vũ với Thần Mưa, Thiên Lôi nhày theo tiếng Sấm, và thỉnh thoảng hậm hực nhe nanh vuốt như những Hung Thần đồ án hiện đe dọa bọn trẻ ngây thơ, lũ đàn bà ốm đói. Tội cho đám sinh linh trên ghe như những hạt xí ngầu trong tay người thua bạc đang tức giận, lắc diên cuồng, mặc sức mà va bên này, chạm bên nọ dòn dập lên nhau trong lòng ghe định mệnh”

Còn nhiều, rất nhiều những đoạn văn đẹp như vậy suốt cả cuốn sách.

Chung và riêng

Với tác giả, *Vũ Hội của Trời* là riêng. Nó được xem

như một cuốn “gia phả hồi ký” không hơn không kém. Nhưng đối với người đọc như tôi, nó không còn có tánh cách riêng tư nữa. Dàn trải gần 550 trang, nó hầu như là một cuốn văn sử bao gồm những biến cố lịch sử lớn của đất nước. Những mất mát hay thảm kịch mà gia đình tác giả, thân nhân tác giả đã gánh, cũng là nỗi mất mát, thảm kịch của mỗi gia đình miền Nam. Không những sau 1975, mà ngay cả thời kháng chiến chống Pháp, đến thời đệ nhất và đệ nhị cộng hòa. Rồi vượt biển, rồi lưu vong....

Vâng. Nó là cuốn sử văn. Đọc mỗi chương, là đọc một giai đoạn của lịch sử. Càng đọc chúng ta càng thấy hiện ra một cái hóa lò vĩ đại mà thân phận con người như sẵn sàng bị đưa vào cuộc thiêu nung. Ở đây, con người không có quyền chọn lịch sử, nhưng có kẻ khác thay họ chọn dùm.

Lịch sử này là lịch sử Việt Nam. Và họ đã vùng vẫy mà thoát thân. Họ ra biển để tìm đường sống. Có người không may. Có người may mắn. Hồi ức, thì là hồi ức. Tôi cũng từng vượt biển. Những gì tác giả đã trải qua tôi cũng đã trải qua. Vậy mà tôi muôn rung rung khi tác giả xem câu chuyện tra khảo này là một vũ hội của TRời. Hê hả. Đắc thắng. Tội các người dám qua mặt ta. Biển là một vùng lãnh hải bất khả xâm phạm, các người biết không ?

Ngòi bút của tác giả đã làm trái tim tôi thật sự đau thốn:

Tội cho đám sinh linh trên ghe như những hột xi ngầu trong tay người thua bạc đang tức giận, lắc diên cuồng, mặc sức mà va bên này, chạm bên nọ dồn dập lên nhau trong lòng ghe định mệnh”

Trong Vũ Hội của Trời, rất nhiều, rất nhiều những cái riêng tư cũng là mẫu số chung của người Việt, đặc biệt là người Việt tị nạn. Từ chuyện đi làm, con vào đại

học, chuyện mua nhà, chuyện lái xe gặp đàn nai, đến chuyện nhớ nhà thê thiết, hay đi cruise hoặc gọi 911 hoặc cái vắn nạn về hôn nhân dị chủng ...

Ngoài cái chung ấy , tác phẩm vẫn còn có những cái riêng tư. Nhưng không phải là cái riêng “copyright” mà là cái riêng mà chắc chắn không ai có thể nghĩ đến. Ví dụ câu chuyện vượt biển lần thứ hai, từ Mã Lai về lại quê nhà để cứu những thân nhân còn kẹt mà chúng tôi đã đăng trong phần Sống và Viết dưới tựa đề “Đúng hay Sai”.

Cái đẹp của một pho tượng người

Thế giới văn chương luôn luôn nhắc đến Saint Exupery như một đại văn hào chủ trương triết lý hành động, đưa niềm kiêu hãnh của cá nhân lên cao, và nghị lực cùng cuộc sống. Ông đã chứng tỏ quan niệm này qua những tác phẩm như Chuyến bay phương Nam (Courrier Sud 1927)

Trong *Vũ Hội của Trời*, cái quan niệm này được thể hiện một cách rõ rệt. Tuy nhiên nó không mang tính cách anh hùng cá nhân, nhưng mà ra tay để cứu người trong lúc nguy khốn. Ví dụ trong chuyến vượt biển, khi con thuyền mới ra khỏi cửa biển, thì bánh lái bị quẩn lưới từ hàng đáy ở cửa. Không ai dám lặn để tháo dây nợ.. Thì một người, nguyên gốc lính miền Nam, đã tình nguyện làm việc này. Người đó là phu quân của tác giả:

...Nói dút, Ngươn gài dao bên sọt nịt cạnh sườn bước ra đằng lái rồi mất hút. Bất giác tôi chấp tay ra trước ngực nhắm mắt cúi đầu cầu nguyện. Tiếng nước đập vào mạn tàu phả phập, con tàu lắc lư chòng chành. Tiếng gió cao giọng đồng tình với sóng cạnh cào

những người không biết trời cao đất rộng ôm mộng vượt trùng. Thượng Đế có ở về phía chúng tôi không? Số phận mẹ con tôi, số phận tất cả những người đang hiện diện ở đây đang tùy thuộc vào sự đánh vật của Ngươn dưới đáy sông. Tôi đang lặn cùng anh đây. Nước đen vì đêm đen. Rong và cỏ như Bạch Tuột bám không rời, quấn chằng tha những ai dám khuấy động đến chúng. Ngày xưa bà kể chuyện Thạch Sanh với cây búa, can trường, dững cảm xông vào rừng, chặt hết gai nhọn và dây leo chằng chịt đang bao phủ hang sâu nơi mà Chấn Tinh nhốt nàng công nương xinh đẹp. Không biết hang có sâu như đáy sông Rồng Chấn Cừa này không? Và Chấn Tinh nanh vuốt ra sao? Chứ ở đây giao lưu giữa biển và người, có bao nhiêu cá mập đang dạo chơi, bao nhiêu Thuồng Luồng Bạch Tuột, rắn, và huyền thoại Ma Da. Anh đang chiến đấu cho sáu mươi tám sinh mệnh trên ghe. Sao không ai thấp nhang nguyện cầu. Thì ra họ sợ Cộng Sản hơn cả loài thủy quái. Tôi nhìn chăm chú cái đầu máy đen xì Ngươn đang ở dưới đó. Tôi sẽ trông chừng không cho ai đề máy. Khoảng nửa giờ đồng hồ, ngột ngạt và uyen náo khi mọi người chỉ biết cãi nhau, đổ thừa lẫn nhau, và có thể đi đến đánh và giết nhau. Con người phải là như thế hay sao?! Tôi chợt nghĩ đến con thuyền của Noah trong trận Đại Hồng Thủy, làm sao họ hoà đồng được suốt bốn mươi ngày lênh dên, chắc nhờ mấy ông Hổ gầm gừ, và mấy tảng voi dậm chân bình bịch.

Ngươn trèo lên tàu. Mọi người im lặng chờ đợi. Tóc anh dãn từng vệt trên mặt như những người hát chèo tô than đen vụng về nguếch ngoác khi diễn tuồng, họ quên dậm phần hồng nên gương mặt tái xanh.

– Xong rồi... Cho máy chạy đi - anh nói hụt hơi vì

cố bắt kịp hơi thở

Kết luận:

Tác phẩm “Vũ Hội của Trời” xuất bản chỉ dành cho gia đình và bạn bè thân thiết của tác giả, không mục đích thương mại, và bài viết này do từ một sự thôi thúc tự nguyện. Đề gởi đến tác giả những ý nghĩ và lời cảm ơn khi tác giả đặc biệt dành cho Thư Quán Bản Thảo được phép đăng một số chương trong tác phẩm và các bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về tác phẩm đầu tay nhưng giá trị trong giòng văn chương hải ngoại hiện nay



tranh của Valora Trần Wong, cháu ngoại của tác giả, 15 tuổi.

QUÀ TẾT ĐẶC BIỆT CỦA THƯ QUÁN BẢN THẢO

Nhận thấy nguyệt san *Văn Hóa Á Châu* là một tạp chí giá trị, với nhiều bài vở rất cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu về văn hóa Việt Nam cũng như Á Châu nên Kim Mao tôi đã cố gắng sưu tập tất cả toàn bộ 40 số và đã đổi thành dạng flipbook để đưa lên Mạng.

Mặt khác, để giúp quý bạn đọc *Thư Quán Bản Thảo* được dễ dàng trong việc tìm bài, hoặc tra cứu, chúng tôi cũng đã đánh máy lại bảng Mục Lục chung do tòa soạn VHAC thực hiện, được đăng trên tạp chí VHAC số 4 tập IV năm 1961. Quý bạn chỉ cần nhìn vào phần phân loại như Triết Học, Ngôn Ngữ, Văn Hóa Xã Hội, Sử ký Địa lý, Diểm sách, Văn học v.v...

Đây là một món quà Tết thiết thực nhất của chúng tôi thay vì những lời chúc tụng đôi khi phù phiếm.

Muốn đọc online các số báo này, xin vào Blog Trần Hoài Thư/Thư Quán Bản Thảo, địa chỉ:

<http://tranhoaithu42.com>

- click “Các tạp chí văn học nghệ thuật miền Nam” và

- chọn Văn Hóa Á Châu.

*Những trang giấy vàng khô, chùng như sắp vỡ
Tôi đang bơm vào bình dưỡng khí hồi sinh
Ngón tay tôi, sẽ chỉnh lại ảnh hình
Sẽ xóa, sẽ copy, sẽ giảm dpi, sẽ tăng cường độ sáng
Sẽ dàn trang lại để hạn nhìn đẹp mắt
Và vườn tôi được đẹp nhất trần gian*

*Mùa thu ngoài kia, sân đã ngập lá vàng
Nhưng trong vườn tôi giờ lá xanh đã mọc.*

TRIẾT HỌC

Tên bài / Tác giả / Tập / Số

- 1 Nghiên cứu tư tưởng Đông Phương (B.S Tỉnh Thường) I-4
- 2 Nhân Bản (Nguyễn-đăng-Thục) I-5
- 3 Triết học Á Đông (Phạm-Quỳnh) I-6
- 4 Triết lý nhân bản V.N. (Ng. đăng-Thục dịch) II-17
- 5 Triết lý nhân bản sinh Khóa thư (Ng. đăng-Thục) III-18
- 6 Cảm tưởng về hội nghị triết gia Đông Tây tại Honolulu (Nguyễn Đăng Thục) II-19
- 7 Triết học là gì? Triết học với công việc thực tế (Nguyễn Đăng Thục) II-20
- 8 Khoa học và nhận bản (Nguyễn Đăng Thục) II-22
- 9 Những đặc chất về tư tưởng Nhật Bản (Thanh – Kiêm) III-3
- 10 Sự biến chuyển trong tư tưởng Trung Quốc hiện đại (Nguyễn Đăng Thục) III-3
- 11 Học thuyết Trang Tử (Thi-đạt-Chi) III-3
- 12 Tinh thần nhân bản Đông Tây (Hùng-Đức) III-4
- 13 Triết lý Ấn Độ dưới mắt các triết gia hiện sinh (Dung Đạo) III-7
- 14 Lý tính đại đồng ở Không Tử và Descartes (N. Đ. T) III-9

TÔN GIÁO

- 1 Ông Huyền Trang Di Ấn Độ Lấy Kinh Phật (Nông

- Sơn) I-1
- 2 Phật giáo với văn hóa Á Châu (Pháp-sư Diễn Bồi) I-5
- 3 Không giáo ở Trung Quốc và VN. (Ng. đăng Thục) I-7
- 4 Địa vị nhân sinh trong Phật giáo (Bhiksu Đức Nhuận) I-9
- 5 Phật giáo và chủ nghĩa hiện sinh (Quang Ninh) I-9
- 6 Phật giáo V. N. (Bhiksu Đức Nhuận) I-12
- 7 Nho giáo và Phật giáo (Hoàng chinh Vân) II-16
- 8 Tín ngưỡng Tây Tạng (Ng. đăng Thục) II-21
- 9 Đặt lại vấn đề chân hưng Không học (Nguyễn Đ. Thục) III-2
- 10 Chữ “Nhân” trong Nho giáo với đạo đức cách mạng (Đồng Tùng) III-
- 11 Lịch sử truyền bá Phật giáo (Bhiksu Đ. N.) III-2
- 12 Tâm đạo Lý nhân Sinh III-3
- 13 Kinh Vệ Đà, quyền năng sáng tạo của con người Đông Phương (Ng. hữu Đông) III-3
- 14 Tề vật luận (Trang Tử) III-4
- 15 Ý niệm thần linh trong tư tưởng thượng cổ (Ng hữu Đông) III-5
- 16 Upanishades (Lê Xuân Khoa) III-6
- 17 Đạo đường sinh (Trang Tử) III-6
- 18 Nhân gian thể (Trang Tử) III-7
- 19 Đức sùng phù (Trang Tử) III-9
- 20 Địa vị con người trong Phật giáo (Thg. tọa Quảng Liên) III-6
- 21 Đạo nhân của Khổng Tử (Ng. đăng Thục) III-8
- 22 Vấn đề Sáu vị trong lịch sử Phật giáo (LM Trần thái Đình) III-8

VĂN HÓA – XÃ HỘI

- 1 Vấn đề nghiên cứu L.L.V.H.A.C (Ng. đăng Thục) I-1
- 2 Vấn đề trao đổi văn hóa (Ng. đăng Thục) I-1
- 3 Hội nghị liên lạc văn hóa A-châu năm 1947 (Lê Xuân Khoa) I-1
- 4 For a greater cultural exchange between Asian... (Marsi Paribatra) I-1
- 5 Quan hệ giữa mô thức văn hóa với xã hội sinh hoạt (Nam Minh) I-1
- 6 Truyền thống Á châu với chủ nghĩa Mác xít (Ng. đăng Thục) I-2
- 7 Vài nhận xét về văn hóa Thái-Lan (Trần văn Đình) I-2
- 8 Quan niệm “phúc đức” trong ý thức hệ Việt-Nam (Việt Từ) I-3
- 9 Thẩm định hồ tương những giá trị văn hóa Đông phương và Tây Phương (Ng. đăng Thục) I-4
- 10 Lược khảo về ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc đối với các nước phía Nam Châu Á (Nguyễn đình Diệm) I-4
- 11 Địa vị văn nghệ trong văn hóa và văn minh (Ng. nam Châu) I-5
- 12 Khảo cứu lịch Chăm (Ng. khắc Ngữ) I-5
- 13 Học giả Tây Phương phê bình giá trị văn hóa Trung Quốc (Thị đạt Chi) I-5
- 14 Thái độ trí thức với vụ án Nhân văn (Ng. đăng Thục) I-5
- 15 Vấn đề nghiên cứu liên lạc văn hóa Á châu với ý thức hệ dân tộc (Phạm việt Tuyền) I-6
- 16 Đề tiến tới chỗ hiểu biết giữa Hoa-Kỳ với Á-Châu - Robert Blum (Lê xuân Khoa dịch) I-6
- 17 Vấn đề văn hóa Á Mỹ (Nguyễn đăng Thục) I-7
- 18 Vấn đề hiện đại hóa Á châu - B. Prasad Sinh (Ng. đăng Thục dịch) I-8
- 19 Văn hóa Á Mỹ – Vấn đề giá trị (Nguyễn Đăng Thục) I-8
- 20 Vấn đề chung sống trong hòa bình của Giáo Hoàng

- Pie XII (Ph. việt Tuyên) I-8
- 21 Nạn thất nghiệp ở Á châu (Trần việt Sơn) I-8
- 22 Tự do với con người Mác Xít (Quang Minh) I-8
- 23 Văn hóa Á Mỹ – vấn đề kỹ nghệ hóa (Ng. đăng Thục) I-9
- 24 Những nét đại cương trong văn hóa Nhật Bản (Song An Cư sĩ) I-9
- 25 Câu chuyện văn hóa (Đăng văn Kỳ) I-9
- 26 Chế độ phong kiến ở Á Âu (Phan Khoang) I-9
- 27 Lược khảo nền văn hóa cổ truyền Ấn Độ (Thanh Lam) I-9
- 28 Thanh niên thời hậu chiến (Trần việt Sơn) I-10
- 29 Một khuynh hướng mới trong tổ chức hành chính các nước Đông Nam Á (Đoàn Thêm) I-10
- 30 Bình luận quan điểm Nehru về đường lối văn hóa nhân bản Á Châu (Ng. đăng Thục) I-10
- 31 Nhận định về vụ Boris Pastanek và tác phẩm Bác sĩ Zhivago (Hoàng Văn Chí) I-10
- 32 Tìm hiểu dựa hấu Cầu Đúc (Lê Văn) I-11
- 33 Vài nhận xét về nguyên tắc xã hội trong triết lý truyền thống Á Châu (Ngô Đình Nhu) I-12
- 34 Nguyên lý căn bản - Nehru (Ng. đăng Thục dịch) III-12
- 35 Thực phẩm tinh thần cho thanh niên (Ng. qui Vân) III-12
- 36 Sơ khảo văn hóa Chiêm Thành (Ng. khắc Ngữ) III-12
- 37 Nhân bản Á Đông với văn hóa dân tộc và nhân loại (Ng. đăng Thục) II-13
- 38 Những yếu tố căn bản của vấn đề liên lạc văn hóa Đông Tây - R. A. Gard (Lê Khoa dịch) II-13
- 39 Chế độ kinh tế ở Trung-Hoa (Trần Việt Sơn) II-13
- 40 Khu vực văn hóa Đông Nam Á – Miến Điện (Hoàng Quang) II-13
- 41 Hôn nhân qua các nền văn hóa (Hoài kim Yển) II-13

- 42 Khu vực văn hóa Đ. N. Á– Nam Dương quần đảo (Hoàng Quang) II-14
- 43 Hôn nhân qua các nền văn hóa - Hình thức hôn nhân thời khởi thủy (Hoài kim Yến) II-14
- 44 Đông Nam Á với thế giới (Ng. đăng Thục) II-14
- 45 Vấn đề viện trợ cho những miền hậu tiến (Tư Chung) II-14
- 46 Niềm hi vọng của con người theo Thierry Maulnier (Ng. nam Châu) II-14
- 47 Địa vị văn hóa Ấn Độ trong tư tưởng Tây Phương (Lý cự Trung) II-15
- 48 Khu vực văn hóa Đ.N. Á.– khu duyên hải miền Nam (Hoàng Quang) II-15
- 49 Tinh thần đoàn kết qua hội nghị thanh niên Á Phi tại Le Caire (Ng. văn Huấn) II-15
- 50 Hôn nhân qua các nền văn hóa –các chế độ và tục lệ hôn nhân (Hoài kim Yến) II-15
- 51 Văn Hóa Trung Hoa dưới mắt các học giả cận đại Trần Khánh Dư – (Thi đạt Chi dịch) II-16
- 52 Hôn nhân qua các nền văn hóa – Hôn nhân cổ La Mã (Hoài kim Yến) II-16
- 53 Một khối liên kết Á châu có được chăng? (Trần việt Sơn) II-17
- 54 Hôn nhân qua các nền văn hóa - Hôn nhân Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam thời cổ (Hoài kim Yến) II-17
- 55 Hôn nhân qua các nền văn hóa – Hôn nhân không tôn giáo (Hoài kim Yến) II-18
- 56 Chế độ kinh tế ở Bắc Việt (Trần việt Sơn) II-19
- 57 Văn hóa V.N tại hội nghị Rengoon (Ng. đăng Thục) II-19
- 58 Tinh thần truyền thống (Lý Nhân Sinh) III-1
- 59 E. Mounier và chủ nghĩa nhân vị (Lý chánh Trung) III-1
- 60 Thời Đại Trục với truyền thống Á Châu (Dung Đạo) III-2
- 61 Tinh thần VN: tinh thần dân chủ trong sử Việt

- (Trần Việt Sơn) III-2
 62 Nhận xét về xã hội V.N (Trần Quang Thuận) III-8
 63 Xã hội nguyên thủy và quốc gia Nhật Bản cổ Đại
 (Đoàn Văn An) III-4
 64 Tư trào Trung Hoa (1898 – 1950) (Ng. Đăng Thục)
 III-4
 65 Thanh niên và vấn đề du học (Lê thành Trị) III-5
 68 Ảnh hưởng của kỹ thuật tại những nước hậu tiến
 (Tùng Chung) I-12
 67 Những khuynh hướng kinh tế mới trong khối Cộng
 (Trần Việt Sơn) I-12
 68 Quan niệm nhân sinh và chế độ điền thổ (Lịch trình
 phát triển tư tưởng Nhật Bản) (Đoàn Văn An) III-6
 69 Lịch trình phát triển tư tưởng NB: chính trị đa
 nguyên và quyền tư hữu phục hoạt (Đoàn Văn An) III-
 8
 70 Lược khảo về thư viện trên thế – giới (Ng. Hùng
 Cường) III-6

NGHỆ THUẬT

- 1 Nghệ thuật viết chữ Hán (Huyền Quang) I-11
 2 Claude Monet với họa phái ấn tượng 1834 – 1926
 (Phạm Kim Khải) II-18
 3 Nghệ thuật hội họa Tây Phương (Phạm Kim Khải) I-
 19
 4 Âm nhạc xứ Lào Lê Thương (Trần Trọng Thiện) II-20
 5 Lược khảo về hội họa Nhật Bản (Đào Sĩ Chu) II-22
 6 Đôi dòng sai lầm về Hàn Mặc Tử (Quách Tấn) II-23

NGÔN-NGỮ

- 1 Vài nhận xét về văn phạm V.N (P.J Honey) I-10
- 2 Công cuộc cải cách văn tự và ngôn ngữ của người Trung Hoa (Ng. đình Hòa) I-11
- 3 Vài ý kiến về vài nhận xét về văn phạm VN của ông P.J Honey (Phạm Xuân Thái) II-13
- 4 Giáo sĩ Đắc-Lộ sáng-lập chữ quốc- ngữ (Ng. khắc Xuyên) II-22
- 5 Các Ngữ-tộc trong tỉnh Kontum - D. Thomas. (Ng. Đình Hòa dịch) III-1
- 6 Vấn-đề ngôn-ngữ tại Phi-Luật-Tân (Trần Trọng San) III-4
- 7 Ngôn-ngữ thiểu-số ở Việt-Nam (Ng. đình Hòa) III-8

VĂN-HỌC

- 1 Nền văn chương tôn giáo 3 thế kỷ đầu (Thanh Lăng) I-1
- 2 Mấy lời bình giải thiên anh hùng ca giai nhân kỳ ngộ của Cự Phan Tây Hồ (Lê Văn Siêu) I-1
- 3 Truyện Kiều với người ngoại quốc (Vũ đức Trinh) I-2
- 4 Lược khảo kinh thi (Trần trọng San) I-3
- 5 Bài phú chữ Nhất của cụ Nguyễn Tiên Cao (Ng. hy Thích) I-3
- 6 Hồng lâu mộng lược khảo (Vương Hồng Sên) I-4
- 7 Sự tích hoàng tử Râma (Bửu Cầm) I-4
- 8 Một truyện liên lạc văn hóa Hoa – Việt dưới thời tiền Lê (Trần gia Thoại) I-4
- 9 Ngọc tỉnh liên Phú Mạc Đình Chi (Nhược Ngu dịch) I-6
- 10 Nữ thi sĩ Mai Bình với Hàn Mặc Tử (Đường bá Bồn) I-8
- 11 Lý tưởng kẻ sĩ trong thi văn và ngoài cuộc đời Nguyễn Công Trứ (Ng. khắc Hoạch) I-10

- 12 Mùa Xuân Đông Phương qua Đường thi (Trà Giang Mặc Từ) I-11
- 13 Tìm chân tướng Ôn như Hầu qua Cung Oán Ngâm khúc (Thạch trung Già) I-11
- 14 Bài học cách mạng qua 1 bài thơ xướng họa của Phan Văn Hùm và Nguyễn trung Nguyệt (Thế Phong) II-14
- 15 Cổ Tích Chàm và cổ tích V.N (Vũ Long) II-15
- 16 Lịch sử và ý nghĩa thơ tự do (Ng. nam Châu) II-15
- 17 Văn hóa miền Nam 1945 – 1950 nhóm Thấm Thệ Hà và Dương Tử Giang (Thế Phong) II-16
- 18 Văn học miền Nam 1945 – 1950 – Lý-văn-Sâm (Thế Phong) II-17
- 19 Ảnh hưởng kinh thi (Trần trọng San) II-18
- 20 Văn học miền Nam 1945 – 1950- Vũ Anh Khanh (Thế Phong) II-18
- 21 Cuộc đời và thi nghiệp Hàn mặc Từ (Dương bá Bôn) II-20
- 22 Văn học miền Nam 1945 – 1950 – Nhóm chân trời mới (Thế Phong) II-20
- 23 Óc châm biếm trào phúng và hài hước trong văn chương bình dân VN (Hiếu Chân) II-21
- 24 Chung quanh bộ sách V.N. văn học toàn thư (Hoàng trọng Miên) II-21
- 25 Bích Khê cuộc đời và thi nghiệp (Dinh Cường) II-22
- 26 Mùa xuân qua thị ca của 1 vài thi nhân tiền chiến (Thế Phong) II-22
- 27 Bích Khê cuộc đời và thi nghiệp (tiếp) (Dinh Cường) II-23
- 28 Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ ái quốc (Ng. Khoa) II-23
- 29 Nghiên cứu chữ Hán. (Thi đạt Chi) II-23
- 30 Thi ca VN trong giai đoạn nền móng (1930 – 1945) (Lý danh Chương) II-23
- 31 Bài văn bia ở Quan trọng Phân - Ng. Bình Khiêm

(Nhược Ngu dịch) III-1

32 Camus giữa lòng thế kỷ XX (Ng khắc Hoạch) III-1

LỊCH-SỬ – ĐỊA LÝ

1 Ảnh hưởng Chiêm Thành trong nền văn hóa Việt-Nam (Thái Văn Kiêm) I-1

2 Vấn đề thư tịch (Nam Minh) I-1

3 Bang giao lịch sử giữa Miến Điện và Việt-Nam (Thái văn Kiêm) I-2

4 Địa lý văn hóa Á Châu (Ng. đăng Thục) I-3

5 Lịch sử bang giao giữa VN và Thái Lan (Thái văn Kiêm) I-3

6 Văn kiện ngoại giao giữa Nhật – Bản và V.N. (Sở Cuồng Nông Sơn dịch) I-3

7 Nước VN trên con đường suy vong (1858-1884) (Bùi Quang Tung) I-3

8 Bài văn bia tại Lăng Cha Cả (Nhược Ngu dịch) I-3

9 Người Mỹ đầu tiên đến VN (Song An Cư sĩ) I-4

10 Minh Hương lược khảo (Tô Nam Ng. Đình Diệm) I-5

11 Sử và người (Trương sừ Lâm) I-5

12 Ảnh hưởng truyền thống trong lịch sử (Thành Lam) I-6

13 Tìm hiểu đất Hậu Giang (Son Nam) I-6

14 Ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa tại Chiêm Thành (Trần gia Thoại) I-6

15 Vấn đề ruộng đất ở Á Châu (Trần việt Sơn) I-7

16 Họ Mạc với chúa Nguyễn tại Hà tiên (Trần Kinh Hòa) I-7

17 Khúc phụ cổ xưa (Trần thanh Dạm) I-7

18 Nhìn lại những dự đồ xưa của VN (Thái văn Kiêm) I-8

19 Hai tiểu sử của ông Lãnh Binh Trương Định (Bùi

- Quang Tung) I-8
- 20 Khảo luận về làng VN (Doãn quốc Sỹ) I-8
- 21 Kiều văn Lục – Xiêm La lữ thứ (Sở Cuồng Lê Dư) I-9
- 22 Ý nghĩa ngày kỷ niệm nhà hiền triết Nguyễn Công Trứ (Ng. đăng Thục) I-10
- 23 Người Việt đầu tiên tới nước Mỹ (Thái văn Kiềm) I-10
- 24 Lịch sử những mối tương quan giữa Đông Dương và Java trong thời cổ (W. F. Stutterheim) I-10
- 25 Bàn về một vài trận thế trong binh pháp Á Đông (Phan lạc Tuyên) II-14
- 26 Chính sách khai phóng môn hộ đối với các nước Tây Phương của VN xưa (Phan Khoang) II-15
- 27 Nước VN trong khoảng Ngũ Đại và đầu thời Tống... (Trần Kinh Hòa) II-16
- 28 Hồ Quý Ly với nhà Hồ (Ng. đình Diệm) II-17
- 29 Vài lời thương xót về 1 giai đoạn lịch sử VN. Dương đình Nghệ. Kiều công Tiễn và Ngô Triều (Nguyễn Đình Diệm) II-17
- 30 Lịch sử Hán học truyền vào V.N. (Huyền Quang) II-18
- 31 Khổng Tử và Xuân Thu thời đại (Hoàng chính Vân) II-19
- 32 Những cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa VN và Đ.N.Á (Phan Khoang) II-20
- 33 Tìm hiểu 2 làng Tiên Điền và Uy Viễn (Nguyễn thiệu Lâu) II-21
- 34 Lược khảo về 2 cuốn binh thư VN: Annam hành quân pháp (triều Lý) và Binh Thư yếu lược (Triều Trần) (Phan lạc Tuyên) II-21
- 35 Ôn lại cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn-công-Trứ (Ng. công Xuân) II-21
- 36 Quan hệ lịch sử giữa Diến Điện và Việt Nam (Tô Nam – Ng.-d – Diệm) II-22
- 37 Vết chân ngựa Đức Thánh Gióng (Ng. thiệu Lâu)

II-22

38 Khảo về nguồn gốc Tiết Trùng Dương (Trần thanh Dạm) II-22

39 Cổ Ân Độ với Đ. N. Á. (Phan Khoang) II-23&24

40 Non nước Việt-Nam (Ng. thiệu Lâu) II-23&24

41 Nhận xét về sự khản hoang đồng bằng Nam Việt năm 1789 (Ng. thiệu Lâu) III-1

42 Nhân vật chí (Phan huy Chú) III-1

43 Những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ (Nông Sơn dịch) III-1

44 Những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ – Bài khai trần tình (Nông Sơn dịch) III-2

45 Nhân vật chí – Thống hệ đế vương (Phan huy Chú) III-2

46 Non nước Thái và dân tộc Thái (Ng. thiệu Lâu) III-3

47 Phù Nam 1 vương quốc đã tàn trên đất Việt (Ng. khắc Ngừ) III-3

48 Nhân vật chí – Thế hệ chúa Trịnh – Các bậc hiền thần giúp nước (Phan huy Chú) III-3

49 Bàn về vấn đề tín ngưỡng – Di thảo của Nguyễn Trường Tộ (Nông Sơn dịch) III-3

50 Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam (Hoàng văn Nội) III-4

51 Điều trần kinh tế quốc gia. Di thảo của NTT (Nông Sơn dịch)

52 Các bậc hiền thân giúp nước Triều Lê Sơ (Phan huy Chú) III-4

53 Các bậc tiền thân giúp nước (Nhà Mạc) - Lịch triều hiến chương loại chí quyền VIII (Phan huy Chú) III-5

54 Lịch sử biên thành và thiên hoàng cổ đại (Đoàn văn An) III-5

55 Tiểu sử cụ Đồng Phần Vũ Nhự (Vũ phạm Hàm) III-5

56 Tiểu sử Ôn như Hầu (Nông Sơn dịch) III-6

57 Kinh Xuân Thu (Ngô mạnh Nghinh) III-7

58 Chủ trương quốc hữu hóa điều thổ nhân dân (Đoàn

văn An) III-7

59 Bài chế của vua Đồng Khánh trả lại tước cho cụ Phan thanh Giản (Nhược Ngu dịch) III-7

60 Vụ Án Tiến quân Thành (Ng. đình Diệm) III-8

61 Lược khảo về khoa cử ở VN (Huyền Quang) III-8

62 Tiểu sử Lã quế Đường tiên sinh (Nông Sơn dịch) III-9

ĐIỂM SÁCH

1 Đọc « Bốn Mươi » và « Siu cô Nương » của Mặc Đỗ (Ng. nam Châu) II-13

2 Đọc « Đồi Phi Công » của Toàn Phong (Lan Việt) II-14

3 Đọc “Khát Vọng” của Chế Vũ (Dương Bá Bôn) II-15

4 Đọc “Quốc học khái luận” của Phó Lệ Phác (Ng. Đình Hòa) II-17

5 Đọc “Người yêu tôi khóc” của Thế Viên (Đường Bá Bôn) II-17

6 Đọc “Việt-Nam Văn-Học Toàn Thư” của Hoàng Trọng Miên (Đường Bá Bôn) II-18

7 Đọc “Gandhi và Marx” (Dung Hòa) III-1

8 Đọc “Những vì sao lạc” của Nhật Tiến (Trần Anh) III-2

9 Đọc “Mây” và “Say” của Vũ hoàng Chương (Ng. thanh Hoàng) III-2

10 Đọc “Entre la peur et l'espoir” của Tison Mende (Ng. thế Giang) III-3

11 Đọc “Xây dựng nhân sinh quan” của Nghiêm Xuân Hồng (Trần Lâm) III-3

12 Đọc “Lang thang” thơ của Minh Đức (Trương Minh) III-3

13 Đọc “Les Dernières chances de l'homme” của Bertrand Russell (Ng. thế Giang) III-4

- 14 Đọc “Hai cánh hoa tim” của Song Hồ (Ng. thanh Hoàng) III-4
- 15 Đọc “Tân Xuân Tùy Bút” của Lê Văn Siêu (Trần Lâm) III-4
- 16 “L’homme et l’état” của Jacques Maritain (Ng. thế Giang) III-5
- 17 “Xây dựng nhân sinh quan” của Nghiêm Xuân Hồng (Trần qui Thành) III-5
- 18 “Le manifeste démocratique” của Ferdinand Peroutka (Anh Đồng) III-6
- 19 Đọc “Nhận định tập II” của Nguyễn văn Trung (Ng. thanh Hoàng) III-6
- 20 “Le diner en ville” của Claude Mauriac (Anh Đồng) III-7
- 21 “Hồ Thủy Dương” và “Ba người lính nhảy dù lâm nạn” (Ng. Thanh Hoàng) III-7
- 22 “Nhật Bản sử lược” của Châm Vũ Nguyễn văn Tân (Trần Anh) III-7
- 23 “Aux Indes avec Gandhi” của Edmond Privat (Ng. thế Giang) III-8
- 24 “Où va le Japon” của Henry van Strealen (Anh Đồng) II-9
- 25 “Hoa Hường gặp gió” Thuần Phong (Trương Minh) II-9
- 26 “Vân Muội” kịch thơ của Vũ Hoàng Chương (Trần Anh) II-9